ERIC FONER

LƯỢC SỬ NƯỚC MỸ

THỜI KỲ TÁI THIẾT 1863 - 1877



NHÀ XUẤT BẢN KHOA HỌC XÃ HỘI

Dành tặng Daria

GIỚI THIỆU

Xem lại cách diễn tả quá khứ là việc làm cơ bản và cần thiết để nghiên cứu lịch sử. Nhưng không có lúc nào trong lịch sử Hoa Kỳ như trong vòng 25 năm qua đã có một quan điểm rộng rãi bị đảo ngược như công cuộc Tái Thiết, một thời kỳ lịch sử đầy kịch tính và gây tranh cãi sau Nội Chiến. Từ những năm 1960, sự thay đổi sâu sắc vị trí người da đen (NDĐ) trong xã hội Hoa Kỳ, bằng chứng mới phát hiện, và những định nghĩa thay đổi về lịch sử cùng kết hợp làm thay đổi sự hiểu biết của chúng ta về công cuộc Tái Thiết.

Từ đầu thế kỷ 20 các nhà sử học bắt đầu tìm hiểu về cuộc Tái Thiết với những công trình nghiên cứu đầu tiên là của William A. Dunning, John W. Burgess và các học trò. Cách diễn giải của trường phái Dunning có thể tóm tắt như sau: Khi cuộc Nội Chiến chấm dứt, dân da trắng miền Nam chấp nhận thực tế thất bại về quân sự, sẵn sàng thực thi công lý đối với những người nô lệ được giải phóng, và bày tỏ ý muốn được tái hội nhập vào đời sống của cả nước. Trước ngày ông mất, Tổng thống Abraham Lincoln đã theo đuổi tiến trình hòa giải theo từng khu vực, và trong thời kỳ Tái thiết của Tổng thống (1865-1867) người kế vị ông là Andrew Johnson tìm cách thực thi những chính sách khoan dung của Lincoln.

Nhưng, những nỗ lực của Johnson bị nhóm cấp tiến theo đảng Cộng Hòa tại Quốc Hội cản trở và làm thui chột. Với lòng căm thù phi lý những người mà họ gọi là "phản loạn" ở miền Nam và sự ham muốn

củng cố sự lớn mạnh của Đảng trên bình diện quốc gia, năm 1867 những người CH Cấp tiến triệt tiêu các chính quyền miền Nam do Johnson tạo lập và thúc đẩy việc trao quyền bầu cử cho NDĐ ở Miền Nam bại trận. Tiếp đến là thời kỳ nhớp nhúa bẩn thỉu của cuộc Tái thiết do Quốc hội hay Tái thiết Cấp tiến (1867-1877), một thời kỳ đầy rẫy tham nhũng gây ra bởi bọn "carpetbagger" từ miền Bắc và bọn "scalawags" da trắng vô nguyên tắc của miền Nam, cùng những NDĐ dốt nát, chưa sẵn sàng để được tự do và thực thi các quyền lợi chính trị mà người phương Bắc áp đặt cho họ. Sau những chuỗi đau khổ không cần thiết, cộng đồng da trắng miền Nam liên kết lại để lật đổ các chính quyền địa phương và tái lập quyền "tự quản" (home rule), trại ra là "uy thế của NDT". Nói chung, cuộc Tái thiết đánh dấu thời kỳ đen tối nhất trong suốt lịch sử Hoa Kỳ.

Trong những thập niên 1920 và 1930, những nghiên cứu mới về sự nghiệp của (Tổng thống) Andrew Johnson và những điều tra mới về các chính sách kinh tế của đảng Cộng Hòa tăng thêm sự khinh chê công cuộc Tái thiết. Những người nghiên cứu viết tiểu sử Johnson đề cao ông là người dũng cảm bảo vệ quyền tự do theo Hiến pháp, có những hành động đáng khen hơn đáng trách. Đồng thời, các sử gia thuộc trường phái tiến bộ (progressive school) xem các ý thức hệ chính trị của những người Cấp tiến cực đoan chỉ phục vụ cho những mục tiêu kinh tế bẩn thỉu và mô tả họ như là đại diện cho chủ nghĩa tư bản phương Bắc lợi dụng vấn đề quyền lợi NDĐ để nuôi dưỡng sự thống trị kinh tế miền Nam của chúng.

Lần đầu tiên Trường phái Dunning xuất hiện, với những tiếng nói bất mãn nổi lên, từ một nhóm những kẻ sống sót từ thời đại Tái thiết và một hội nam sinh sử học NDĐ. Năm 1935, nhà hoạt động kiêm học giả

da đen W.E.B. Dubois xuất bản quyển *Tái Thiết của Người Da Đen ở Mỹ*, một công trình nghiên cứu khổng lồ coi cuộc Tái thiết như một nỗ lực lý tưởng nhằm xây dựng một trật tự chính trị đa sắc dân và dân chủ từ đống tro tàn của chế độ nô lệ, cũng như sự tranh đấu kéo dài giữa tư bản và lao động nhằm khống chế các nguồn tài nguyên kinh tế của miền Nam. Cuốn sách của ông kết thúc với sự kết tội một nghề nghiệp quên không nhắc tới nhân vật trong bi kịch Tái thiết - người nô lệ được giải phóng. Du Bois viết, "Có một sự kiện và chỉ sự kiện đó giải thích thái độ của các nhà văn hiện giờ về công cuộc Tái thiết: họ không chấp nhận NDĐ cũng là con người". Bằng nhiều cách, cuốn *Tái Thiết của Người Da Đen ở Mỹ* dự đoán nhiều khám phá về học vấn mới nhưng cho đến nay điều này vẫn chưa được biết đến.

Bất kể sự tồn tại lâu đời và vị thế mạnh mẽ trong trí tưởng tượng của người dân, sự truyền bá cung cách diễn tả cổ truyền là điều bắt buộc, nhận thức trên vẫn là nền tảng như lời một môn sinh Trường phái Dunning về "sự bất lực của NDĐ".

Một khi nền học vấn mới và kinh nghiệm hiện đại cho thấy những định kiến kỳ thị chủng tộc không thể tồn tại, những vết tích quen thuộc đổi khác, thì những câu hỏi mới sẽ được đặt ra đột ngột, và tất cả sẽ qua đi.

Tuy nhiên, học vấn chẳng những phải tiến hóa mà còn cần có sự thay đổi sâu sắc về nền tảng chính trị của quốc gia và thái độ đối với chủng tộc để giáng đòn chí tử cho Trường phái Dunning. Nếu những lối diễn giải cổ truyền phản ánh, và giúp hợp pháp hóa, trật tự chủng tộc của một xã hội trong đó NDĐ bị tước quyền công dân và bị đối xử phân biệt trên mọi mặt của cuộc sống, thì chủ nghĩa xét lại công cuộc Tái thiết mang

dấu ấn của phong trào đấu tranh cho dân quyền. Vào những năm 1960, trào lưu xét lại dâng cao, lần lượt phá tan mọi giả thuyết dựa trên quan điểm truyền thống. Trước hết, các học giả đưa ra một bản tường trình có xem xét lại chặt chẽ về chính trị quốc gia. Những công trình mới miêu tả Andrew Johnson như là một chính trị gia cố chấp, kỳ thị chủng tộc, không có khả năng đối phó tình huống chưa từng xảy ra với ông trên cương vị tổng thống, và bênh vực những người Cấp tiến - được xem như những nhà cải cách lý tưởng tận tụy với việc tranh đấu chân chính cho quyền lợi của NDĐ - là không có mục đích trả thù và không làm bình phong cho giới tư bản phương Bắc. Hơn nữa, pháp chế công cuộc Tái Thiết không là tác phẩm của phe đảng cực đoan nhưng được Quốc hội và toàn miền Bắc ủng hộ rộng khắp.

Đáng ngạc nhiên hơn nữa là hình ảnh chỉnh sửa về luật lệ Cộng hòa ở miền Nam. Bộ mặt kỳ thị chủng tộc cũ được tô vẽ lại cho chương trình Tái thiết đến nỗi phải mất cả chục năm để chứng minh các tiêu cực của cái gọi là "luật lệ NDĐ" chỉ là ảo tưởng, và Tái thiết thể hiện sự "tối mắt của một chính quyền ngay thẳng". Việc xây dựng hệ thống trường học công lập, việc thực thi các quyền công dân bình đẳng cho NDĐ, và nỗ lực khôi phục kinh tế miền Nam sau chiến tranh đã xóa bỏ quan niệm đây là "thời kỳ bi thảm" do chính phủ cai trị tồi rộng khắp. Những kẻ xét lại chỉ ra tệ nạn tham nhũng trong việc tái thiết miền Nam còn lu mờ trước băng đảng Tweed, scandal Credit Mobilier, và các Đường Dây buôn lậu rượu whiskey ở miền Bắc thời kỳ sau Nội chiến. Đến cuối thập kỷ 1960, cuộc Tái thiết được xem là thời kỳ của những tiến bộ chính trị và xã hội cho NDĐ. Nếu nó là "thời đại bi thảm" thì cũng vì

việc cải tổ không được đẩy mạnh, đặc biệt trong lãnh vực cải cách ruộng đất phía Nam.

Ngay cả về các mặt chủ nghĩa xét lại đạt đỉnh cao nhất thì vẫn có người chê bai. Các sử gia uy tín nhất cũng gọi những thành quả của sự cải tổ sau Nội chiến là "hời hợt" vì chủ nghĩa kỳ thị chủng tộc vẫn tồn tại và vô hiệu hóa các nỗ lực đem công lý cho NDĐ; thất bại trong phân chia ruộng đất đã không cho phép họ được quyền tự trị và vô hiệu hóa các quyền chính trị và dân sự của họ. Trong những thập niên 1970 và 1980, một thế hệ mới học giả hình thành, gồm những NDT và NDĐ, tỏ vẻ nghi ngờ mọi vấn đề của thời kỳ. Những nghiên cứu gần đây về chính trị và ý thức hệ thời Tái thiết đã nhấn mạnh "chủ nghĩa bảo thủ" nơi các nhà hoạch định chính sách thuộc đảng Cộng Hòa ngay cả khi ảnh hưởng của phe Cấp tiến mạnh nhất, và sự tồn tại của chủ nghĩa phân biệt chủng tộc cùng chế độ liên bang bất kể quyền công dân ngày càng nới rộng cho NDĐ và quyền lực quốc gia. Các nghiên cứu cho thấy quân đội và Cục những người được giải nô còn giúp những chủ nô cũ ép buộc họ trở về lao động trên các nông trường. Đồng thời, các nghiên cứu lịch sử xã hội miền Nam còn cho thấy sự tồn tại của giai cấp chủ điền cũ và sự tiếp nối giữa Miền Nam Cũ và Miền Nam Mới. Sự diễn giải hậu xét lại cho thấy có hiện tượng xa rời những gì được báo cáo trong thời kỳ Tái thiết. Vì bất kể những khác biệt, các nhà sử học truyền thống và xét lại cùng đồng ý ở điểm cuộc Tái thiết đã đem lại ít nhiều đổi thay cơ bản. Năm 1979, tóm lược các bài đã viết trong suốt một thập kỷ, C. Vann Woodward nhận xét các sử gia giờ đây hiểu cuộc Tái thiết miền Nam buộc phải mang tính chất "phản cách mạng và bảo thủ" như thế nào.

Khi nhấn mạnh quan điểm cuộc Tái thiết là một phần quá trình tiến hóa của xã hội miền Nam hơn là một hiện tượng nhất thời, các nhà hậu xét lại có được sự đóng góp bổ ích cho việc nghiên cứu thời kỳ này. Tuy nhiên, nói cuộc Tái thiết là "bảo thủ" chưa thuyết phục được mọi người vì người này thì bảo phải mất cả một thế kỷ để thực thi những yêu cầu cơ bản, người khác nói "chưa làm được gì". Chủ đề tiếp nối cho phép hình dung một thời đại đầy xáo trộn và nhiều sai lệch trong đổi thay xã hội và chính trị. Cách nay hơn nửa thế kỷ, Charles và Mary Beard gọi sự chuyển giao quyền lực từ giới "quý tộc nông thôn miền Nam" sang các "nhà tư bản và nông dân tự do miền Bắc" do cuộc Nội chiến mang lại là cuộc "Cách Mạng Hoa Kỳ lần 2". Và trong sự chuyển đổi mới nhất các tiền đề trình diễn, những thay đổi về quyền lực tương đối các giai cấp xã hội lại trở thành chủ đề trọng tâm của các bài viết lịch sử. Tuy nhiên, khác với vợ chồng Beard đã bỏ qua vai trò NDĐ, các học giả hiện đại có khuynh hướng nhìn việc giải nô là một đặc trưng cách mạng của thời kỳ.

Quyển sách này rút gọn quyển *Tái Thiết: Cuộc cách mạng dở dang ở Hoa Kỳ, 1863-1867* do tôi biên soạn, nói về thời kỳ Tái thiết một cách toàn diện. Vì sách dày hơn nên có vô số vấn đề được đề cập nhưng cuốn sách mỏng hơn này vẫn có những chủ đề chính yếu được diễn tả cùng cách thức thống nhất với quyển kia. Đầu tiên, trọng tâm là NDĐ. Họ không là nạn nhân thụ động của NDT nhưng là những tác nhân tích cực trong chương trình Tái thiết. Tuy có hạn chế về việc sở hữu đất đai, họ được hưởng sự độc lập tối đa để củng cố gia đình và cộng đồng ngay sau khi chế độ nô lệ chấm dứt và họ tiến tới đòi quyền bình đẳng. Sự kiện có nhiều NDĐ tham gia các việc công ở miền Nam từ sau năm 1867 là một tiến bộ cơ bản trong những năm Tái thiết.

Sự biến đổi các nông nô thành những lao động tự do là một ví dụ bi thảm nhất về những đổi thay chính trị và xã hội mà cuộc Nội chiến và các chính sách bãi nô đem lại. Chủ đề thứ hai là dò tìm cách thức xã hội miền Nam được tái định hình có tính đến những điểm khác biệt giữa các địa phương. Đến cuối thời kỳ Tái thiết, một cấu trúc xã hội mới được hình thành và có nhiều hệ thống tổ chức lao động được củng cố. Hơn nữa, tiến trình đổi thay chính trị và xã hội gắn bó chặt chẽ với các chính sách Tái thiết, vì các nhóm NDT và NDĐ đều dựa vào chính quyền tiểu bang và địa phương để củng cố vị thế mình trong trật tự xã hội mới.

Chủ đề thứ ba của cuốn sách này là sự tiến hóa các quan hệ thuộc về chủng tộc, tương quan giữa giai cấp và màu da ở miền Nam sau chiến tranh. Chủ nghĩa phân biệt chủng tộc lan tỏa khắp nước Mỹ giữa thế kỷ 19. Ở cấp trung ương và địa phương, nó tạo rào cản cho mọi cải cách. Tuy thế, vẫn có một số NDT ở miền Nam sẵn sàng kết hợp với NDĐ vì mục tiêu chính trị. Những người Cộng Hòa phương Bắc đến, có lúc họ liên kết số phận những người nô lệ cũ với lý do tồn tại của Đảng và ý nghĩa thắng lợi của Liên bang trong cuộc Nội chiến. Thêm nữa, đối với những vấn đề mấu chốt liên quan đến đất đai và lao động cùng sự đối nghịch dai dẳng giữa các chủ điền muốn tái kiểm soát lực lượng lao động và NDĐ đòi hỏi sự độc lập về kinh tế, vấn đề chủng tộc không thể tách rời khỏi giai cấp. Như một tờ báo ở Washington năm 1868 đã viết, “Không thể tách rời vấn đề màu da khỏi vấn đề lao động; lý do là vì đại đa số người lao động… khắp các tiểu bang miền Nam là người da màu, và hiện nay hầu như tất cả người da màu là dân lao động”.

Những chương sau nhắm tới sắp xếp câu chuyện phương Nam vào một bối cảnh quốc gia. Chủ đề thứ tư của cuốn sách là sự nổi lên một

quốc gia có nhiều quyền hành rộng lớn hơn, và một loạt mục tiêu mới, gồm cả quyết tâm lập nên quyền công dân chung cho cả nước, bảo đảm quyền bình đẳng cho tất cả công dân Mỹ bất kể màu da.

Từ những yêu sách thời kỳ chiến tranh, tình trạng hoạt động xã hội thôi thúc cải cách có gốc rễ ăn sâu vào các chính sách thời hậu chiến. Và cuộc Tái thiết dẫn tới nhiều thay đổi về luật pháp và trong Hiến Pháp, thay đổi các quan hệ giữa Liên bang và các tiểu bang và xác định lại ý nghĩa quyền công dân Hoa Kỳ. Nhưng vì những điều này đe dọa tính tự chủ truyền thông của các tiểu bang, sản sinh ra tệ nạn tham những chính trị có liên quan đến những quyền mới của NDĐ, nên gặp phải sự chống đối và như vậy làm suy giảm hậu thuẫn cho công cuộc Tái thiết.

Cuối cùng, nghiên cứu này có xem xét ảnh hưởng của nền kinh tế và cấu trúc giai cấp ở miền Bắc đến Tái thiết. Cuộc Tái thiết miền Bắc ít được chú ý đến so với cuộc Tái thiết ở miền Nam. Điều này cho thấy ít có tư liệu lịch sử về cơ cấu chính trị xã hội của toàn miền trong những năm này. Dù sao, chúng ta không thể hiểu rõ cuộc Tái thiết nếu không tìm hiểu trong phạm vi miền Bắc và cả nước.

Báo cáo về công cuộc Tái thiết được bắt đầu từ năm 1863 lúc bản Tuyên Bố về Giải Nô được ban hành, không phải là từ năm 1865. Tôi muốn nhấn mạnh tầm quan trọng của việc kết hợp hai chủ đề chính của công trình nghiên cứu này - hoạt động của thường dân da đen và tình trạng quốc gia mới được trao quyền - để cho thấy Tái thiết không ở một thời gian nhất định, mà là sự khởi đầu của một tiến trình lịch sử lâu dài: sự thích nghi xã hội Mỹ với việc chấm dứt chế độ nô lệ. Sự phá bỏ định chế trọng tâm về đời sống ở miền Nam trước chiến tranh đã vĩnh viễn biến đổi tính chất của cuộc chiến và đưa đến những xung đột và tranh

luận có ảnh hưởng sâu rộng về vai trò những người nô lệ cũ và con cháu họ trong đời sống người dân Mỹ, và ý nghĩa của sự tự do họ đã giành được. Đây là những vấn đề cuộc Tái thiết phải thường xuyên giải quyết.



THẾ GIỚI DO CHIẾN TRANH TẠO DỰNG

❖ SỰ RA ĐỜI CHÍNH SÁCH GIẢI PHÓNG NÔ LỆ

Ngày 1 tháng 1 năm 1863, mặt trời rực rỡ chiếu trên bầu trời không một bóng mây của thủ đô Washington, D. C. Sau nhiều ngày bão tuyết thổi qua toàn vùng duyên hải phía dông của Hiệp chủng quốc Hoa Kỳ. Tại Tòa Bạch Ốc, hầu như suốt ngày Tổng thống Abraham Lincoln chỉ bận tiếp khách đến chúc mừng năm mới. Cuối cùng vào lúc chiều tối, Tổng thống lui về văn phòng để ký một văn kiện rất quan trọng, Bản Tuyên bố trả tự do cho người nô lệ, gọi tắt là Tuyên bố giải phóng nô lệ. Đối tượng của bản tuyên bố này gồm trên ba triệu người nô lệ. Đàn ông, đàn bà và trẻ em được tuyên bố "kể từ nay được tự do", không kể khoảng 450.000 nô lệ ở các tiểu bang trung thành với Chính phủ Liên bang là các bang Delaware, Kentucky, Maryland và Missouri cùng 275.000 nô lệ tại tiểu bang Tennessee do quân đội Liên bang chiếm đóng và hàng chục nghìn nô lệ khác ở rải rác trên các vùng quân đội Liên bang kiểm soát tại hai tiểu bang Louisiana và Virginia.

Gần hai thế kỷ rưỡi qua đi kể từ ngày 20 người nam và nữ da đen đầu tiên được tàu Hà Lan đưa đến bang Virginia. Từ những hạt giống bé

xíu này đã nảy sinh những chùm quả độc của hiện tượng nô lệ trên các đồn điền. Ngay cả khi hiện tượng nô lệ như là sự phỉ báng cho một quốc gia chủ trương tự do và bình đẳng, lao động của nô lệ đã góp phần đáng kể cho sự phát triển nhanh chóng của nền cộng hòa non trẻ, mở mang về phía Tây, sản xuất bông vải là tiền đề của cuộc cách mạng công nghiệp ở thời kỳ đầu. Vấn đề nô lệ đã gây chia rẽ giữa các tôn giáo, cắt đứt các mối ràng buộc về chính trị giữa các khu vực và cuối cùng làm tan rã những mối quan hệ trong Liên bang. Trên nguyên tắc chống lại sự bành trướng của chủ nghĩa nô lệ, một đảng chính trị mới đã lên nắm quyền hành vào những năm 1850, đưa vào Nhà Trắng một người con của một bang chủ trương giải phóng nô lệ là bang Kentucky, nhưng người này đã lớn lên trên các cánh đồng của bang Illinois tự do (không có nô lệ); ông cho rằng Hoa Kỳ không thể tồn tại mãi với phân nửa đất nước có nô lệ và phân nửa kia là người tự do. Trong cuộc khủng hoảng sau khi Lincoln thắng cử, 11 tiểu bang theo chủ trương nô lệ ly khai, rút khỏi Liên bang, dẫn đến cuộc chiến tranh đẫm máu nhất từ trước đến giờ tại Tây bán cầu vào năm 1861.

Bản Tuyên bố giải phóng nô lệ không những là đỉnh cao của nhiều thập kỷ đấu tranh mà còn gợi lên những quan điểm của đạo Thiên Chúa về một thời đại tiến bộ không giới hạn cho một quốc gia cuối cùng vừa gột sạch tội lỗi của chế độ nô lệ. Ngay cả những nhà biên tập của tờ *The New York Times* cũng phải viết đây là bước ngoặt trong đời sống người Mỹ, “một thời đại trong lịch sử… của đất nước này và cả thế giới”. Vì, “trả tự do cho người nô lệ” có ý nghĩa nhiều hơn việc chấm dứt một chế độ lao động, nhiều hơn cả việc xóa bỏ không bồi thường hệ thống tập trung tài sản tư hữu lớn nhất của quốc gia. Nổ ra với mục

đích bảo toàn Liên bang, cuộc nội chiến giờ đây đem lại những đổi thay sâu rộng trong cuộc sống ở miền Nam và xác định lại vị thế người da đen trong xã hội Mỹ cùng ý nghĩa xác thực nhất của tự do trong nền cộng hòa Hoa Kỳ.

Tuy nhiên, hiểu theo một nghĩa khác thì bản Tuyên bố chỉ công nhận cái đã xảy ra trong các nông trại và đồn điền ở miền Nam. Như có người nói, chiến tranh là bà đỡ cho cuộc cách mạng, chế độ nô lệ đã bắt đầu phân hủy từ trước năm 1863. Khi quân đội Liên bang chiếm đóng các phần đất ngoại vi phe (nổi dậy) Liên minh miền Nam, hàng ngàn người nô lệ da đen đầu tiên là từ bang Virginia sau đến bang Tennessee, Louisiana và nhiều nơi khác, đã lũ lượt kéo nhau qua phía chiến tuyến của quân đội Liên bang. Ngay ở trung tâm của Liên minh miền Nam, cuộc xung đột làm suy yếu "thể chế lạ kỳ" của miền Nam. "Sự bắt ép thanh niên da trắng gia nhập quân đội đã buộc vợ con họ cùng những người già cả ốm yếu tật nguyền phải trông nom việc đồng áng, quyền uy của họ bị chính những người nô lệ coi thường. Ngày càng có nhiều báo cáo về tình trạng mất tinh thần và hành vi bất phục tùng (của người nô lệ) khắp nơi toàn miền Nam.

Nhưng nhìn chung, chính việc quân đội Liên bang đến chiếm đóng làm tan rã chế độ nô lệ vì người da đen nhanh chóng hiểu ra rằng sự hiện diện của lính chiếm đóng làm mất đi quyền lực áp bức của cá nhân người chủ và cộng đồng chủ nhân các nô lệ. Tại đồn điền Magnolia ở bang Lousiana, quân đội Liên bang đến chiếm đóng năm 1862 đã gây ra vụ đình công, và tệ hại hơn: "… chẳng những đám nô lệ da đen từ chối làm việc mà chúng còn dựng những giá treo cổ ở các khu, nói rằng được lệnh đuổi cổ chủ nhân khỏi đồn điền, treo cổ họ thì sẽ được tự do". Một

nhà báo phương Bắc đã viết như sau vào năm 1862: “Chế độ nô lệ ở bang Louisiana đã biến mất vĩnh viễn và sẽ chẳng còn ý nghĩa gì, bất kể ngài Lincoln hay một người nào khác có nói gì chăng nữa về đề tài này”.

Theo lời kể của W.E.B. Du Bois: “Trong khi chính phủ Hoa Kỳ chỉ chậm chạp lúng túng làm theo yêu cầu của người nô lệ da đen”. Chính quyết tâm của người nô lệ nắm lấy thời cơ do chiến tranh tạo ra đã gây bối rối cho chính quyền Lincoln và là gánh nặng cho quân đội Liên bang. Trong bài phát biểu tại buổi lễ đăng quang nhiệm kỳ (Tổng thống) lần thứ nhì Lincoln thừa nhận chế độ nô lệ “dù sao” cũng là nguyên nhân gây ra chiến tranh. Nhưng ông cũng hiểu tầm quan trọng sống còn của việc giữ lại trong Liên bang các bang vùng ven có chế độ nô lệ, giành được sự ủng hộ của đa số cử tri ở phương Bắc, và việc làm suy yếu Liên minh miền Nam bằng cách hứa hẹn với những người miền Nam còn do dự khả năng tái hội nhập Liên bang cùng với tài sản nguyên vẹn kể cả nô lệ. Năm 1861, chính sự phục hưng Liên bang chứ không phải bản Tuyên bố đã đem lại sự cổ vũ rộng khắp cho các nỗ lực chiến tranh.

Tuy vậy, khi Liên minh miền Nam bắt nô lệ làm lao công chiến trường và sự hiện diện của quân đội Liên bang khiến người nô lệ ồ ạt rời bỏ các đồn điền thì chính sách đầu đã tỏ ra thất bại. Ngày càng có nhiều vị chỉ huy quân đội chấp nhận kế hoạch do Tướng Benjamin F. Butler khởi xướng tại bang Virginia, sử dụng những nô lệ chạy trốn làm lao công trong các đạo binh của Liên bang, gọi họ là “đào tẩu chiến tranh”. Đồng thời những người theo chủ nghĩa bãi nô và các đảng viên Cộng hòa cấp tiến thừa nhận sự ly khai (của các bang miền Nam) là cơ hội ngàn vàng để tiêu diệt chế độ nô lệ. Sự công khai ủng hộ của những

nhóm này đặt ra câu hỏi về mục đích tối thượng của sự tranh chấp trước đường lối chính trị của miền Bắc.

Mục tin thời sự thường nêu ra những bước thủ tiêu chế độ nô lệ của Quốc hội và Tổng thống. Tháng 3 năm 1862, Quốc hội thông qua điều luật cấm quân đội không được trao trả những kẻ chạy trốn về cho chủ cũ. Quận Columbia và các vùng lãnh thổ tiến tới bãi bỏ chế độ nô lệ (có bồi thường cho những chủ nhân trung thành với Liên bang), sau đó là Luật tịch thu thứ hai, giải phóng những người nô lệ sống trên vùng đất quân đội Liên bang chiếm đóng hoặc đã chạy đến vùng đất của Liên bang nếu người chủ cũ bất trung thành (với Liên bang). Cuối cùng vào tháng 9 (1862) Bản Tuyên bố tạm thời bãi bỏ nô lệ ra đời, và ngày 1 tháng 1 năm 1863, nghị định cuối cùng được ban hành, thể hiện một bước ngoặt trong đường lối chính sách quốc gia đồng thời về tính chất của cuộc chiến. Thật ra, nó đã biến cuộc chiến giữa các đạo binh thành cuộc tranh chấp giữa các thành phần xã hội. Tháng 12 năm 1861, Lincoln đã nhắc nhở Quốc hội đừng để cuộc nội chiến trở thành "cuộc đấu tranh cách mạng bạo tàn không chút hối hận". Bản Tuyên bố giải phóng nô lệ đã nói rõ đúng ý nghĩa của nó.

Trong bản Tuyên bố có ít điều khoản cần thiết nói về việc thực thi thủ tiêu chế độ nô lệ mà chỉ đề cập nhiều đến sự thu nhận ồ ạt dân da đen vào quân đội. Đến ngày cuộc nội chiến chấm dứt đã có khoảng 180.000 người da đen phục vụ trong quân đội Liên bang. Đông nhất là từ những tiểu bang vùng ven vì đối với những nô lệ ở vùng này con đường duy nhất dẫn đến tự do là gia nhập quân đội Liên bang.

Mặc dù bị buộc trong biên chế những đơn vị riêng toàn người da đen dưới sự chỉ huy của sĩ quan da trắng và lĩnh lương ít hơn lính da trắng,

các binh sĩ da đen giữ vai trò cốt yếu để chiến thắng cuộc nội chiến đồng thời xác định những hậu quả của cuộc chiến. Năm 1864 một vị nghị sĩ quốc hội nhận xét "kết quả hợp lý" từ việc tham gia quân đội của người da đen là "từ nay về sau người da đen đảm nhiệm một quy chế mới trong chúng ta". Lần đầu tiên trong lịch sử Hoa Kỳ, nhiều nhóm người da đen được đối xử bình đẳng trước luật pháp, ít nhất là luật pháp quân sự. Cũng trong quân đội mà rất nhiều người nô lệ trước đây được học đọc, học viết, dưới sự dạy dỗ bởi các giáo viên các tổ chức cứu trợ xã hội của miền Bắc thuê mướn hoặc trong các lớp học và hội đoàn giáo dục do chính các binh sĩ tổ chức và tài trợ. Đối với những ai có tài năng và tham vọng, quân đội đã thật sự mở rộng cửa để họ thăng tiến và được kính trọng. Từ trong quân đội đã xuất hiện nhiều chính trị gia da đen trong thời kỳ tái thiết, bao gồm ít nhất 41 đại biểu trong các kỳ đại hội hiến pháp của tiểu bang, 60 nhà lập pháp, ba phó thống đốc tiểu bang, và bốn vị dân biểu Quốc hội. Theo thời gian, những đóng góp to lớn của người da đen cho Liên bang trong cuộc nội chiến cũng dần phai mờ trong tâm trí mọi người nhưng nó vẫn tồn tại trong nhận thức của cộng đồng về lịch sử của đất nước. Một chủ nông trại ở bang Alabama nhận xét vào năm 1867: "Thiên hạ nói bọn Yankee không thể thắng được miền Nam nếu không được bọn da đen trợ giúp". Đây là điểm mấu chốt chứng tỏ người da đen có quyền đòi sự bình đẳng về quyền công dân trong thời kỳ tái thiết.

Đối với những người ủng hộ "thể chế kỳ lạ" của miền Nam thì cuộc nội chiến là một thời kỳ khủng khiếp có thật. Những người nhạy cảm nhất trong số họ nhận thức rằng chưa bao giờ họ biết rõ những kẻ nô lệ

của mình. "Tôi đã tưởng là chúng sống hạnh phúc, thỏa mãn và gắn kết với chủ", một chủ nông trại trồng lúa ở bang Nam Carolina, A.L.

Taveau phân bua chỉ hai tháng sau ngày chiến tranh kết thúc. Nếu đúng là vậy thì tại sao những người nô lệ đã bỏ chủ "đúng lúc (người chủ) cần tới họ để chạy sang chiến tuyến của kẻ địch mà họ chẳng hề quen biết?" Giờ thì Taveau đã hiểu ra: dân da đen đã từ bao thế hệ đã qua trông đợi "Con người đem lại tự do cho mọi người".

❖ MẶT TRONG CỦA CUỘC NỘI CHIẾN

Giống như một trận động đất dữ dội, cuộc nội chiến và sự tiêu hủy chế độ nô lệ đã vĩnh viễn thay đổi bộ mặt đời sống ở miền Nam, để lộ những vết rạn nứt sâu rộng ngay dưới bề mặt. Xã hội da trắng cũng đổi thay không kém gì xã hội của người da đen, và những hận thù truyền thống trở nên kịch liệt hơn, những tranh chấp lâu đời đều thay đổi ý nghĩa, và nhiều nhóm có ý thức chính trị ra đời.

Từ những ngày đầu định cư chưa bao giờ thấy miền Nam hoàn toàn là dân da trắng, và đến thế kỷ 19, toàn vùng được chia ra thành những khu vực kinh tế chính trị rất khác biệt. Vành đai trồng trọt bao gồm những phần đất màu mỡ phương Nam đã giúp phát triển nông nghiệp hội nhập với thị trường thế giới bằng những nông sản như bông vải, lúa gạo, đường và thuốc lá. Vùng này chứa số đông những dân nô lệ cùng với các nhà trồng trọt là những người thống trị xã hội và chính trị miền Nam, nắm trong tay phần lớn của cải và tài nguyên kinh tế trong vùng. Một số dân da trắng miền Nam sinh sống trong các vùng sâu, vùng xa hoặc vùng cao, là nơi những chủ nông trại nhỏ và người chăn nuôi gia súc không có hoặc có rất ít nô lệ; họ làm nông nghiệp, chủ yếu là đa canh để tự cung tự cấp về mặt lương thực thực phẩm. Vùng cao nội địa bao

gồm xứ Piedmont, nơi có nhiều người nô lệ, và các vùng đồi núi có những cộng đồng nhỏ người da trắng sống cách biệt khỏi các phần đất phía Nam. Đa số những gia đình người dân ở đây chỉ biết canh tác để tự cung tự cấp; họ tự lao động, không thuê mướn hay sử dụng nô lệ.

Tại miền Nam, các bang ở vùng ven không theo những phương thức canh tác chuyên biệt. Vùng núi Appalachian phía Nam bao la với vẻ đẹp cực kỳ trải dài từ phía tây bang Virginia qua một phần của các bang Kentucky, Tennessee, Bắc Carolina, Georgia, và Alabama. Vùng trồng bông vải với nhiều đồn điền sử dụng nô lệ trải từ phía tây các bang Carolina qua bang Louisiana và Đông Texas. Toàn vùng phía tây bang Tennessee có nhiều đồn điền bông vải; vùng ở giữa có những nông trại trung bình trồng bắp và nuôi thú để bán cho các chợ. Về phía đông là đồi núi với các hộ gia đình canh tác để tự nuôi thân, không có hoặc có rất ít nô lệ.

Ở cả hai bang Mississippi và Nam Carolina nhiều chủ nông trại nhỏ có nuôi một hay hai nô lệ, và ngay cả vùng núi cao cũng có nô lệ làm việc trong các gia đình quyền quý; họ là những điền chủ, những nhà chuyên môn, nhà buôn và nhà kinh doanh tỉnh lẻ. Bên ngoài vành đai canh tác nông nghiệp đa số các điền chủ có rất ít tài sản kinh tế. Vậy mà chế độ nô lệ đã ảnh hưởng đến xã hội toàn miền Nam, và cả cư dân miền núi cũng đồng tình với các điền chủ về vấn đề này, trước hết là uy thế của người da trắng. Chừng nào vấn đề nô lệ và thông lệ của các chủ đồn điền không đụng chạm đến quyền lợi các nhà nông và tính độc lập của địa phương thì mọi mâu thuẫn giữa người da trắng với nhau cũng chỉ ở dạng tiềm ẩn.

Chính vì khủng hoảng do sự ly khai và cuộc nội chiến đã làm cho đại đa số những nông dân hay tiểu điền chủ ý thức rằng họ cũng là một giai cấp chính trị. Cuộc bầu cử đại biểu ở các hội nghị về ly khai mùa đông 1860-1861 có nhiều người thuộc thành phần này chống lại việc ly khai. Khi chiến tranh bùng nổ, đa số dân cư vùng cao, nội địa theo phe Liên minh miền Nam. Nhưng ngay từ lúc đầu, tại vùng núi phía Nam sự không trung thành đã chín muồi. Các quận, hạt phía tây bang Virginia tự động tách khỏi tiểu bang năm 1861 và chỉ hai năm sau gia nhập Liên bang như là một bang mới. Ở phía đông bang Tennessee, do từ lâu sống xa cách, hàng ngàn người đã băng qua các dãy núi để đến với quân đội Liên bang. Nhiều hội đoàn kín từ miền Bắc nở rộ trong vùng núi Ozark ở phía bắc bang Arkansas. Trên 8.000 người dân nơi đây đã gia nhập quân đội Liên bang.

Sự bất mãn lớn dần trong dân chúng sống ngoài vùng núi. Không phải chỉ vì lòng trung thành với Liên bang mà còn vì tác động của chiến tranh và các đường lối chính sách của Liên minh miền Nam mà tình cảm hòa bình và tranh chấp xã hội ngày một gia tăng. Trong mọi xã hội chiến tranh đòi hỏi hy sinh nhưng ai cũng muốn sự hy sinh này phải đồng đều. Nhưng chính quyền Liên minh miền Nam thì lại thiên vị đối với giai cấp điền chủ. Chế độ nô lệ tan rã buộc chính quyền Liên minh miền Nam đưa ra những chính sách duy trì thể chế và những chính sách này làm chia rẽ xã hội người da trắng.

Tiểu điền chủ và người làm công tại các bang phía Nam cảm nghĩ rằng các chủ đồn điền ít đóng góp cho cuộc chiến. Người ở vùng cao, nội địa, cho rằng mình bị buộc đóng quá nhiều thuế; đặc biệt họ than phiền về thuế trên hiện vật và đặc quyền dành cho sĩ quan quân đội tịch

thu lương thực thực phẩm để nuôi quân. Suốt thời kỳ chiến tranh, hàng ngàn gia đình sống trong vùng cao, nội địa, nhất là những gia đình có người phục vụ trong quân đội lâm cảnh nghèo đói. Dân chúng ở các bang Virginia và Nam Carolina nổi loạn để cướp lương thực. Tại hạt Randolph, bang Alabama, nhiều đám đông phụ nữ xông vào cướp các kho chứa bắp của chính phủ "để gia đình khỏi chết đói". Nhưng trên hết chính sách cưỡng bức tòng quân đã gây bất mãn lớn trong giới làm công và tiểu điền chủ: họ cho rằng cuộc chiến giành độc lập cho miền Nam là cuộc "chiến tranh của nhà giàu nhưng người nghèo phải đánh nhau". Đầu năm 1862, Liên minh miền Nam đưa ra luật cưỡng bức tòng quân đầu tiên trong lịch sử Hoa Kỳ, gồm những quy định cho phép người bị gọi nhập ngũ được dùng người thay thế, và một người da trắng mạnh khỏe có thể được thay thế bởi 20 nô lệ da đen. Chính cái kiểu "luật lệ theo giai cấp" này đã làm cho dân chúng vùng cao, nội địa tức giận, vì giá cả thuê người thay thế cứ leo thang vùn vụt, vượt khả năng của nhiều gia đình da trắng. Trong khi đó các đồn điền giàu có thì luôn có sẵn các nô lệ để thay thế cho con em họ khỏi phải làm nghĩa vụ quân sự.

Tại nhiều vùng nội địa rộng lớn phía Nam, sự thất vọng, trốn tránh nghĩa vụ đã dần thay thế cho nhiệt tình ban đầu đối với cuộc chiến và cuối cùng dân chúng đã tỏ sự chống đối chính quyền Liên minh miền Nam; đây là một cuộc nội chiến trong lòng cuộc nội chiến. Đến khi chiến tranh kết thúc, đã có khoảng 100 ngàn người đào ngũ; như một sĩ quan nhận xét, "họ toàn là những người thuộc tầng lớp nghèo, không nuôi nô lệ, dùng chính sức lao động của mình để sinh sống và nuôi gia đình". Tại miền trung và miền tây bang Bắc Carolina, nơi mà dân da trắng lúc mới xảy ra các tranh chấp đã từng ủng hộ hết mình Liên minh miền Nam

- khoảng 10.000 người đã được phong danh hiệu “Anh hùng nước Mỹ” - có một đường “xe lửa ngầm” dùng để giúp binh lính Liên bang đi lạc thoát về với đơn vị của mình.

Hơn bao giờ hết, phần đất cao, nội địa phương Nam tự chia rẽ từ 1861 đến 1865. Những người dân thường, làm công, tiểu điền chủ giúp đỡ cả những binh sĩ của Liên minh miền Nam lẫn những lính đào ngũ, trốn quân dịch. Những vùng nội địa các bang Tennessee, Alabama và Mississippi vì nằm trên các giao lộ chiến lược quân sự hai bên qua lại thường xuyên nên đã trở nên hoang tàn. Ở những nơi khác, các toán lính đào ngũ xâm nhập đồn điền, nông trại, xưởng của những người có cảm tình với chế độ miền Nam để cướp bóc gia súc, phá hại mùa màng trong khi binh lính quân đội và dân quân Liên minh miền Nam chuyên đi phá phách và săn đuổi những gia đình ủng hộ Liên bang. Trong cuộc “nội chiến trong lòng nội chiến” cả hai phía đều phạm các tội ác tàn bạo nhưng vì vùng nội địa thuộc quyền kiểm soát của Liên minh miền Nam nên những người theo Liên bang bị tổn thương nhiều nhất, ở vùng phía đông bang Tennessee, hàng trăm người bị tòa án quân sự bắt giam, của cải của họ bị tịch thu “để bần cùng hóa những kẻ nghèo đói”.

Như thế, chiến tranh đã vẽ lại bản đồ kinh tế chính trị của miền Nam thuộc dân da trắng. Sự tàn phá bởi chiến tranh và các đường lối chính sách của Liên minh miền Nam đã đẩy vùng nội địa miền Nam vào cảnh nghèo đói tồi tệ, từ đây đe dọa sự độc lập về kinh tế của người làm công, tiểu chủ và mở đường cho sự bành trướng của ngành trồng bông vải và thuê mướn lao công. Chiến tranh đã chấm dứt tình trạng cô lập của các vùng đất nội địa, làm suy yếu tính địa phương nhưng khơi dậy tính tự giác về chính trị. Từ sự chống đối của những người ủng hộ Liên

bang xuất hiện những chính trị gia da trắng lỗi lạc nhất thuộc đảng Cộng hòa, những nhà lãnh đạo thời kỳ tái thiết. Phải kể đến những vị thống đốc của miền Nam thuộc đảng Cộng hòa như Edmund J. Davis, trong chiến tranh đã gây dựng đội Kỵ binh Texas số 1 cho quân đội Liên bang; William W. Holden, người tuy thất bại trong cuộc bầu cử thống đốc bang Bắc Carolina năm 1864 nhưng là rường cột của chủ nghĩa cộng hòa trong tiểu bang; và William G. Brownlow, một mục sư Tin Lành và chủ báo ở Knoxville đã có những bài phát biểu nảy lửa ở miền Bắc chống lại Liên minh miền Nam. Những vùng khác như Đông Tennessee và miền Tây bang Bắc Carolina cùng những hạt riêng lẻ vùng đồi núi nhiều bang khác cũng đều theo đảng Cộng hòa từ sau chiến tranh và trở thành những thành trì của đảng này đến tận thế kỷ 20. Tuy nhiên, lòng trung thành của họ lúc đầu với Liên bang sau là đảng Cộng hòa không có nghĩa là họ chủ trương xóa bỏ chế độ nô lệ (mặc dù trong chiến tranh họ sẵn sàng "hy sinh" từ bỏ nô lệ để bảo vệ Liên bang) và thăng tiến quyền lợi của người da đen. Nhà báo phương Bắc Sidney Andrews mùa thu năm 1865 viết: "Chủ nghĩa liên bang ở vùng nội địa trước hết dựa trên sự căm ghét những kẻ phản loạn cùng một số người thuộc giai cấp thống trị đã đem lại tàn phá do chiến tranh cho toàn vùng".

❖ SỰ ĐỔI THAY Ở MIỀN BẮC

Đối với Liên bang, cuộc nội chiến cũng là thời điểm để thay đổi. Các tiểu bang phương Bắc tuy không phải trải qua cuộc cách mạng nào nhưng cũng đã bị ảnh hưởng nhiều của cuộc chiến. Các chính sách của chính phủ Liên bang với quyền lực ngày càng to lớn trong suốt cuộc chiến đã tạo ra những vận hội kinh tế chưa từng có cho một số người nhưng lại khiến những người khác chống đối. Giống như ở miền Nam,

người miền Bắc cũng có những phản ứng khác nhau đối với cuộc nội chiến và hậu quả dẫn đến sự phân chia về giai cấp, chủng tộc và xu hướng chính trị; họ cũng ít nhiều bị cuộc chiến thay đổi.

Nếu cuộc nội chiến đã tàn phá kinh tế miền Nam thì ngược lại nó đã đem lại sự phồn thịnh chưa từng có cho miền Bắc. Hỏa xa phát triển nhanh chóng nhờ nhu cầu vận chuyển quân và các khí tài và nhất là khi giao thông trên sông Mississippi bị gián đoạn. Do nhu cầu của quân đội, kỹ nghệ chế biến đóng gói thịt phát triển. Thành phố Chicago trở thành trung tâm của ngành đường sắt và lò mổ thịt, phát triển nhanh về dân số, xây dựng, ngân hàng và sản xuất công nghiệp. Đến năm 1865 Chicago đã là trung tâm thương mại hàng đầu của miền Trung Tây (Midwest). Các nhà máy dệt may ở các tiểu bang vùng New England (Đông Bắc Hoa Kỳ) và vùng Mid-Atlantic làm việc ngày đêm để cung cấp chăn mền và quần áo cho quân đội, thu về những khoản lợi nhuận kếch xù. Nông nghiệp cũng phát triển, cho dù nhiều thanh niên ở các nông trại bị gọi nhập ngũ nhưng nhờ có máy móc và dân nhập cư thay thế nên các vùng trồng trọt được mở rộng về phía Tây.

Nhiều sự đổi thay sâu sắc về cấu trúc diễn ra cùng lúc kinh tế miền Bắc phát triển trong thời chiến. Chiến tranh đã thúc đẩy sự hình thành giai cấp tư sản công nghiệp Mỹ, gắn kết tài sản của giai cấp này với đảng Cộng hòa và Nhà nước Liên bang. Ngoài những khoản lợi nhuận từ các hợp đồng kinh tế của chính phủ, Quốc hội còn đưa ra những chính sách xúc tiến phát triển công nghiệp xa hơn nữa và đã vĩnh viễn thay đổi điều kiện tích lũy vốn. Để huy động các nguồn tài chính của Liên bang, chính phủ phát hành tiền giấy, một món nợ quốc gia khổng lồ cùng cho ra đời một hệ thống Ngân hàng quốc gia. Để huy động vốn ngân sách, chính

phủ tăng thuế suất và đặt thêm thuế khóa mới trên hầu hết các ngành sản xuất và tiêu thụ. Để bù đắp số lao động phải nhập ngũ, một cơ quan trung ương được đặt ra khuyến khích di dân nhập cư bằng những hợp đồng lao động. Nhằm khuyến khích phát triển nông nghiệp, đạo luật cấp đất để định canh định cư (Homestead Act) được ban hành theo đó dân di cư được cấp đất công, và đạo luật cấp đất mở trường (Land Grant College Act) khuyến khích các bang mở trường đại học nông nghiệp và cơ khí. Và để củng cố thêm cho Liên bang, Quốc hội mạnh tay, cấp đất và cấp công khố phiếu cho việc mở mang trong nước, đặc biệt cho ngành hỏa xa xuyên lục địa. Năm 1869, đường sắt được mở sang phía Tây, mở rộng thị trường cả nước và đưa vốn đầu tư sang miền Tây, báo trước sự diệt vong của thổ dân Da Đỏ đang sống trên vùng đồng bằng rộng lớn miền Trung Tây Hoa Kỳ. Các chính sách của Liên bang thể hiện tinh thần tích cực phát triển kinh tế không hề thấy trong những năm trước nội chiến.

Chính phủ Liên bang mở rộng quyền hành đồng thời phân cấp nền kinh tế và chế độ quản lý từng mảnh; những biện pháp này dẫn đến việc hình thành quốc gia Hoa Kỳ hiện đại. Trước ngày xảy ra nội chiến chính quyền Liên bang hầu như hoàn toàn không có quyền lực. Tất cả công việc của chính phủ đều được giải quyết tại tiểu bang và ở cấp địa phương; có thể suốt cả đời người dân không gặp một ai là viên chức chính phủ trung ương. Nhưng rồi những yêu cầu của chiến tranh đòi hỏi phải có một chính phủ mới, như lời Thượng nghị sĩ George S. Boutwell nói sau này. Chính phủ mới có nhiều trách nhiệm, ngân sách và bộ máy hành chính to lớn hơn. Năm 1860, quân đội Liên bang có khoảng 16.000 quân nhân các cấp nhưng sau khi cuộc chiến nổ ra, chính phủ đã gọi

nhập ngũ, huấn luyện, trang bị và phối hợp công tác của hằng triệu người. Ngân sách Liên bang tăng vọt từ 63 triệu đô la năm 1860 lên trên một tỷ đô la năm 1865. Khi chiến tranh chấm dứt đã có 53.000 người làm việc cho chính phủ trung ương kể cả những nhân viên hải quan, thuế vụ. Chính phủ Liên bang mặc nhiên trở thành người tuyển dụng lớn nhất nước.

Đặc biệt sau ngày công bố Bản Tuyên bố giải phóng, quyền lực chính phủ trung ương được củng cố thêm ý nghĩa đạo đức. Những người Cộng hòa tán dương sự trưởng thành nhanh chóng của chính quyền trung ương, xem đây là kết quả bổ ích nhất của chiến tranh. Thượng nghị sĩ John Sherman tuyên bố: "Chính sách của đất nước này cần phải biến mọi thứ thành của quốc gia, quốc hữu hóa đất nước để chúng ta yêu đất nước của chúng ta". Tại Quốc hội, các đảng viên Cộng hòa cấp tiến đều chấp nhận theo chủ nghĩa yêu nước tự do của Sherman. Theo họ, đất nước là nhà bảo trợ cho sự tự do; có người đã đặt ra câu hỏi có nên duy trì "chế độ tiểu bang" hay không. Cuộc chiến chứng minh rằng tự do dễ bị hạn chế bởi các nhà cầm quyền ở tiểu bang hơn là ở cấp quốc gia. Tờ *The Nation* (Dân tộc), tạp chí thành lập năm 1865 bởi những người chủ trương bãi bỏ nô lệ, đã viết trong số 2:

> "Chiến tranh xảy ra đánh dấu thời kỳ củng cố đất nước dưới hình thức dân chủ… Tính chất duy nhất về mặt lịch sử, chính trị và lãnh thổ của tổ quốc đã được phê chuẩn bằng chính máu của các công dân… Vấn đề hàng đầu của chiến tranh là sự chọn lựa giữa một đất nước duy nhất, không chia cắt với một liên minh lỏng lẻo, dễ thay đổi của những tiểu bang độc lập."

Điều chưa từng xảy ra là chiến tranh đã huy động mọi nguồn lực của các nhà cải cách phương Bắc. Đặc biệt là phụ nữ, họ như là có động cơ

thúc đẩy tự nguyện làm nhiều việc, chủ yếu là làm việc cho ủy ban Y tế Hoa Kỳ là cơ quan chuyên lo về cứu thương cho binh sĩ, và phong trào cứu trợ người được giải phóng. Mặc dù phái nam nắm giữ quyền chỉ huy cao nhất của những tổ chức này, phái nữ qua các năm chiến tranh cũng dần dà quan tâm nhiều hơn đến những biến cố trong xã hội và có ý thức về độc lập và thành quả trong khi họ sẵn sàng lao vào công việc huấn luyện ngay trong tổ chức của mình. Tuy những bực tức lo âu về thuế khóa trước ngày chiến tranh nổ ra có phần lắng dịu, phụ nữ giờ đây tin rằng mình có quyền bầu cử, xem như một sự thừa nhận những đóng góp của họ cho chiến thắng của Liên bang và bãi bỏ chế độ nô lệ.

Chiến tranh cũng đem lại chút hy vọng về một sự đổi thay cho thiểu số người da đen tại các bang tự do. Năm 1860, dân số dân da đen ở miền Bắc không tới 250.000 người, dưới hai phần trăm dân số toàn miền; vậy mà họ cũng bị kỳ thị hầu như ở tất cả các bang: không có quyền bầu cử, không được tới trường và ở những nơi công cộng, và chỉ được lao động chân tay; họ sống chui rúc tại các khu ổ chuột, kém vệ sinh tại các thành phố lớn như New York, Philadelphia và Cincinnati. Cho tới năm 1850, dân da đen ở phương Bắc không dám nghĩ sẽ có cuộc sống bảo đảm và bình đẳng.

Cuộc nội chiến đã làm thay đổi đột ngột cách suy nghĩ của họ, từ sự bi quan của những năm 1850 sang một tinh thần yêu nước mới và niềm tin nơi một xã hội rộng mở. Ngay trước ngày có bản Tuyên bố giải phóng, một người da đen ở bang California đã tiên đoán cái ngày mới ấy cho dân da đen:

> "Mọi sự cho thấy điều kiện sống của chúng ta rồi đây sẽ thay đổi; chúng ta phải chuẩn bị đón ngày ấy và có thái độ khác với cái chúng ta đã làm cho đến nay… Mối quan hệ của

> chúng ta với chính quyền này đang biến đổi từng ngày… Những sự việc cũng như thành kiến cũ cũng đã qua. Cuộc cách mạng đã bắt đầu, và thời gian sẽ chứng minh nó sẽ đi đến đâu”.

Sự giải phóng càng làm người da đen gắn bó hơn với đất nước Hoa Kỳ. Frederick Douglas trong suốt cuộc đời chỉ cổ vũ cho cái mà một sử gia gọi là “Sự chống đối của người da den là một truyền thông vĩ đại” - ý tưởng cho rằng dân da đen là một bộ phận gắn kết của Hoa Kỳ, do vậy họ phải được hưởng các quyền và vận hội như những công dân da trắng. Giờ đây Douglas nổi lên như một người phát ngôn hàng đầu cho người da đen; ông được đón tiếp tại Tòa Bạch Ốc; các bài diễn văn của ông được báo chí phương Bắc đăng tải. Trong suốt cuộc chiến, Douglas luôn kêu gọi sự giải phóng nô lệ phải dẫn đến việc chấm dứt kỳ thị các dân da màu, xây dựng bình đẳng trước pháp luật, và quyền bầu cử cho dân da đen - sự chấp nhận toàn diện và đầy đủ người da đen “vào cộng đồng vĩ đại của đất nước Hoa Kỳ”.

Cuộc chiến khích động người da đen tiến tới những lĩnh vực trước đó chỉ có người da trắng. Tháng 2 năm 1865, John S. Rock ở Boston trở thành luật sư da đen đầu tiên làm việc tại Tòa án Tối cao. Dần dà, rào cản về màu da bị tháo gỡ. Năm 1863, California là tiểu bang đầu tiên cho phép dùng nhân chứng người da đen trong các vụ xử án hình sự; đầu năm 1865, bang Illinois cho phép người da den được đến cư ngụ tại tiểu bang, làm nhân chứng trong các phiên tòa; bang Ohio bãi bỏ luật kỳ thị người da đen; bang Massachusetts sửa lại luật cho thoáng hơn đối với người da đen. Và tại những thành phố lớn như New York City, San Francisco, Cincinnati và Cleveland ngay từ thời kỳ chiến tranh người da đen đã được quyền đi tàu điện. Những người chủ trương cải cách cho rằng đây là

những bước tiến căn bản của một nền cộng hòa tái sinh từ trong chiến tranh. Tuy nhiên vẫn chưa có biện pháp rõ ràng bảo đảm sự bình đẳng của người da đen trước pháp luật.

Đảng viên Cộng hòa đã đem vào cuộc chiến ý thức hệ dựa trên tính ưu việt của lao động tự do đối với lao động nô lệ, cho thấy ở miền Bắc lao động hưởng lương có cơ hội hưởng quy chế ngang với các tiểu điền chủ và thợ thủ công. Năm 1861, Lincoln đẩy cuộc đấu tranh cho ý thức hệ lao động tự do. Ông nhấn mạnh chế độ nô lệ chỉ kìm giữ người lao động luôn ở một trình độ không thay đổi. Ngược lại, ở miền Bắc “không có người lao động tự do nào bị gắn chặt với điều kiện làm công cố định… Họ cùng với gia đình làm việc cho bản thân mình tại các nông trại, trong xưởng, cửa hàng, hay gia đình; họ hưởng mọi thành quả lao động; họ không cần xin vốn hay thuê lao động hoặc nuôi nô lệ”. Đây là một tầm nhìn về xã hội đã trở nên lạc hậu do cuộc cách mạng công nghiệp và sự xuất hiện của giai cấp lao động hưởng lương thường xuyên. Thật vậy, ngay cả khi chiến tranh biện minh cho hệ tư tưởng lao động tự do, nó tăng cường những xu hướng làm thay đổi xã hội của những nhà sản xuất nhỏ. Wendell Philips, một người theo chủ trương bãi bỏ nô lệ, viết năm 1864: “Người nhỏ tuổi nhất trong chúng ta sẽ chẳng bao giờ thấy được cái nền cộng hòa đã có khi chúng ta sinh ra”.

Với Lincoln và hàng triệu người dân các thị trấn nhỏ và nông thôn (chiếm đa số tại các bang phía Bắc), ý thức hệ về lao động tự do có vẻ rất hợp lý. Với chiến thắng của miền Bắc trong cuộc nội chiến, ý thức hệ này lan rộng và trở thành chính sách của đảng Cộng hòa và là đề tài bàn cãi của miền Nam thời hậu chiến. Triển vọng sắp tới là miền Nam sẽ có một lực lượng lao động tự do, dân chủ và giàu có, mô hình các nông

trại nhỏ thay thế cho các đồn điền, vốn và di dân từ phương Bắc đổ về miền Nam. Và điều khiển sự biến đổi to tát này là một thể chế quốc gia nhân từ và mạnh mẽ. Chỉ hai ngày sau khi công bố Tuyên bố giải phóng nô lệ, một tờ báo chủ trương bãi bỏ nô lệ đã viết: “Thật khó có thể hình dung nổi sự quang vinh và sức mạnh của nền cộng hòa Mỹ. Tính vĩ đại của nó làm lu mờ cả thế giới”.

Như thế cuộc nội chiến đã củng cố chính quyền quốc gia qua việc giải phóng nô lệ và vì lợi ích của nhân loại đã xác định quốc gia là sự liên kết các nhóm và giai cấp trong xã hội. Sự hình thành của giai cấp tư sản công nghiệp, những người ủng hộ đảng Cộng hòa gồm cả nam lẫn nữ, và cộng đồng da đen ở phương Bắc đòi hỏi một tình hình mới trong đời sống người Mỹ với những đổi thay do chiến tranh đem lại. Nhưng những điều này lại khích động sự chống đối từ thời chiến. Sự giàu có của các kỹ nghệ gia và người nắm cổ phiếu trở nên nỗi bất công đối với các công nhân bị ảnh hưởng của hệ thống thuế má hà khắc và lạm phát. Tiến trình hình thành quốc gia gặp phải sự chống đối từ truyền thông về quyền tự trị của địa phương và văn hóa đa dạng. Ngay cả những biến đổi nhỏ cho người da đen phương Bắc - chưa nói tới những đổi thay do Tuyên bố giải phóng đem lại cũng gặp phải sự chống đối từ những người cổ vũ cho tính ưu việt của người da trắng.

Đảng Dân chủ, tổ chức bảo thủ nhất của thời đại, liên kết những tư tưởng chống lại các đổi thay từ cuộc nội chiến. Bị những người Cộng hòa gán cho tội bất trung và không thể đưa ra chính sách khả dĩ thay thế cho đường lối của chính phủ Lincoln, đảng Dân chủ tồn tại nhờ những phong tục tập quán mà chiến tranh đe dọa phá bỏ. Sức mạnh lớn nhất của đảng Dân chủ tập trung ở thung lũng Ohio nơi có nhiều nông trại

trồng hạt dẻ và rất gắn bó với miền Nam, các cộng đồng dân nhập cư theo Công giáo tại các đô thị, và những cử tri không ưa thích lối cải cách toàn diện có khuynh hướng đồng nhất văn hóa.

Để tập hợp những nhóm này, đảng Dân chủ từ những năm 1850 đưa ra lời kêu gọi chống lại đảng Cộng hòa vì đảng này cổ vũ cho những đặc quyền về kinh tế và nền chính trị tập trung, đe dọa quyền tự do cá nhân và truyền thông chính quyền có quyền lực giới hạn. Trong chiến tranh, đảng Dân chủ đưa ra chiêu bài kinh tế dựa trên sự bất bình đẳng về thuế khóa, giá biểu vận tải đường sắt cao, và sự trợ giúp của chính phủ Liên bang và tiểu bang cho các công ty tư nhân. Tính ưu việt của người da trắng là chiêu bài ý thức hệ cuối cùng của liên minh Dân chủ. Khi chiến tranh sắp chấm dứt, tờ *Enquirer* (Người tìm hiểu) ở Cincinnatti đưa tin: “Chế độ nô lệ đã chết; người da đen thì không. Đây chính là điều bất hạnh”.

Những yếu tố tạo nên sự chống đối chiến tranh và hậu quả của nó cùng xảy ra trong vài ngày khủng khiếp của tháng 7 năm 1863. Tại Thành phố New York nổ ra cuộc biểu tình chống lại lệnh gọi nhập ngũ, một cuộc xuống đường lớn nhất trong lịch sử Hoa Kỳ ngoại trừ cuộc nổi dậy ở miền Nam. Tuy nhiên cuộc biểu tình này cũng nói lên sự lớn mạnh của giai cấp tư sản công nghiệp và đảng Cộng hòa bị xem như là người đã gây ra chiến tranh; có nhiều vụ bạo loạn ác liệt xảy ra để phản đối Tuyên bố giải phóng nô lệ cùng những người chủ trương và người da đen.

Đoàn biểu tình lúc đầu tấn công phòng trình diện nhập ngũ, sau họ đập phá tất cả biểu tượng về trật tự mới do đảng Cộng hòa và cuộc nội chiến đề ra. Mục tiêu tấn công của các đám biểu tình gồm các viên chức

chính phủ, các nhà máy và kho bãi, bến cảng, dinh thự các yếu nhân Cộng hòa giàu có, kể cả những biểu tượng tinh thần cải cách như Nhà giữ trẻ mồ côi da màu bị thiêu rụi. Cuộc bạo loạn nhanh chóng chuyển thành tàn sát chủng tộc; rất nhiều người da đen bị giết ngay trên đường phố hoặc phải chạy trốn vào khu Công viên Trung Tâm (Central Park) hay bơi qua sông ẩn náu tại bang New Jersey. Chỉ khi quân đội Liên bang chiến thắng trận Gettysburg trở về dẹp loạn thì trật tự mới được tái lập.

Tương tự như cuộc nội chiến tại miền Nam, sự nổi loạn chống lệnh cưỡng bức nhập ngũ cho thấy ở cả hai miền di sản của chiến tranh Nam Bắc đầy sự nhập nhằng. Liệu một xã hội đầy sự thù ghét chủng tộc có thể bảo đảm công lý cho người nô lệ được giải phóng? Liệu có thể biến đổi miền Nam theo khuôn mẫu miền Bắc trong khi miền Bắc lại đang chia rẽ vì những đổi thay do cuộc nội chiến gây ra không? Di sản đáng chú ý nhất của cuộc nội chiến chỉ là Liên bang được bảo tồn và nô lệ được giải phóng nhưng chúng đã đặt ra nhiều câu hỏi không trả lời được. Kết quả của chiến tranh là một thể chế quốc gia hùng mạnh hơn và ý tưởng lớn mạnh giữa những người Cộng hòa về quyền bình đẳng của người da đen. Bù lại một số hệ quả nảy sinh như chủ nghĩa địa phương, “mackeno” (mặc kệ nó, không phải chuyện của mình), kỳ thị chủng tộc, những lực cản tồn tại trong đời sống người Mỹ ở thế kỷ 19.

Do vậy, có hai hệ thống xã hội, mỗi cái đều có chia rẽ nội bộ, cùng tồn tại và bước vào thời kỳ tái kiến thiết, cùng gặp vô số khó khăn do cuộc nội chiến để lại. Sidney Breese, một luật sư và chính trị gia ở bang Illinois nhận xét: Tất cả mọi người Mỹ “phải sống trong một thế giới mà cuộc nội chiến đã tạo thành”.



2

DIỄN TẬP CHO CUỘC TÁI THIẾT

❖ TÌNH TRẠNG KHÓ XỬ ĐỐI VỚI TÁI THIẾT TRONG THỜI CHIẾN

Trong những di sản cuộc nội chiến để lại không có cái nào lại gây chia rẽ lớn như một loạt câu hỏi về thực chất công cuộc tái kiến thiết đất nước. Với điều kiện nào để tái hội nhập Liên minh miền Nam với Liên bang? Ai là người sẽ đưa ra những điều kiện này, Quốc hội hay Tổng thống? Hệ thống lao động nào sẽ dùng để thay thế những người nô lệ trong các đồn điền? Dân da đen sẽ giữ vị thế nào trong đời sống chính trị xã hội của miền Nam và của cả nước? Nhưng có một kết luận chắc chắn nhất: một miền Nam được tái thiết sẽ không còn chế độ nô lệ. Kết luận này cũng đặt ra nhiều câu hỏi.

Bản Tuyên bố giải phóng nô lệ đã hoàn toàn biến đổi chẳng những tính chất cuộc nội chiến mà còn vấn đề tái thiết. Bởi vì các bang ly khai ở miền Nam không thể có lại vị trí xưa kia mà không có những thay đổi sâu rộng về xã hội và chính trị. Nhưng phải mất gần một năm kể từ khi tuyên bố giải phóng nô lệ ra đời đến ngày Tổng thống Lincoln công bố chương trình toàn diện về tái thiết. Ngày 8 tháng 12 năm 1863 Lincoln ký Bản Tuyên bố ân xá và tái thiết theo đó Nhà nước xóa bỏ toàn diện và

phục hồi các quyền ngoại trừ quyền giữ nô lệ cho những ai tuyên thệ trung thành và cam kết chấp nhận sự bãi bỏ chế độ nô lệ. Một vài nhóm người gồm những viên chức dân sự và sĩ quan cao cấp của Liên minh miền Nam không được kể trong diện này. Thế nhưng liệu trong một bang chỉ có khoảng 10% cử tri bỏ phiếu năm 1860 được xem là trung thành thì có thể lập ra một chính quyền tiểu bang mới không? Và hiến pháp mới của những bang này sẽ phải ghi từ bỏ chế độ nô lệ nhưng có thể có những biện pháp tạm thời đối với người da đen: "nhất quán… với điều kiện hiện thời như lao động, không có đất đai, thuộc thành phần vô gia cư".

Một số người chủ trương bãi nô chỉ trích Kế hoạch mười phần trăm vì không đề cập đến quyền bầu cử và bình đẳng của người da đen trước luật pháp. Dường như Lincoln muốn nói đến những cựu đảng viên Đảng Whig ở miền Nam đa số là những chủ nô lớn nhưng không chịu ly khai; họ có thể sẽ chấp nhận biện pháp khoan dung của chính phủ Liên bang. Tuy họ sẽ không đồng ý để người da đen có quyền bầu cử nhưng sẽ bằng lòng trở lại với Liên bang để giám sát và điều hòa việc chuyển tiếp từ chế độ nô lệ qua lao động tự do. Kế hoạch này đã gặp phải sự chống đối của những người Cộng hòa cực đoan khi thực sự đi vào hoạt động tuy rằng chỉ một số ít có ý kiến khi ban hành, về vấn đề then chốt của năm 1863 - sự giải phóng nô lệ - Lincoln và những người cực đoan của đảng Cộng hòa đã có sự thống nhất.

Sẽ là điều sai lầm nếu cho rằng Kế hoạch mười phần trăm là một chính sách nóng vội và khó thực hiện mà Lincoln không chịu từ bỏ. Thay vì chỉ là phác họa cho một miền Nam tái thiết, nó là công cụ để rút ngắn thời gian chiến tranh và củng cố sự ủng hộ cho việc bãi nô. Điều vô lý là

những chính phủ tiểu bang thành lập theo các điều kiện Lincoln đưa ra làm sao có thể hoạt động. Báo *Thế Giới ở* New York gọi đây là "những kim tự tháp lộn ngược" vì làm sao mà số phận của một tiểu bang lại do một vài ngàn cử tri quyết định? Nhưng về mặt thuần túy quân sự, nếu có 10% cử tri vào năm 1860 không ngả theo Liên minh miền Nam thì cũng đã tăng cường cho nỗ lực chiến tranh của Liên bang và làm nhụt ý chí chiến đấu của Liên minh miền Nam. Không một ai, cuối cùng là Lincoln, tin tưởng bản Tuyên bố giải phóng năm 1863 đưa ra kế hoạch hậu chiến toàn diện cho miền Nam. Nhưng việc thành lập các chính quyền trung thành đã dẫn đến hậu quả không lường trước, gây chia rẽ trầm trọng giữa những người ủng hộ Liên bang tại miền Nam, với những diễn đàn chính trị có sự tham gia của nhiều nhóm trước giờ bị gạt ra ngoài, giờ đây đòi chia sẻ quyền lực chính trị, khiến cho người da đen và những đồng minh cấp tiến lên tiếng đòi thay đổi nhanh chóng xã hội miền Nam.

Bốn tiểu bang theo chế độ nô lệ và một phần bang Virginia (bang Tây Virginia) từng ở lại trong Liên bang và không bị chi phối bởi bản Tuyên bố giải phóng nô lệ và kế hoạch mười phần trăm là những bang đầu tiên nêu ra những rắc rối do kết hợp tái thiết với việc bãi nô. Dân số da đen ở các bang vùng ven ít hơn so với các bang ở miền Nam, và vấn đề nô lệ ít quan trọng đối với kinh tế. Tất cả các bang vùng ven gồm những vùng kinh tế phát triển nhanh dựa trên cơ sở lao động tự do và nhạy cảm với những chính sách chống nô lệ. Tuy nhiên, ở tất cả các bang có nô lệ, chủ nô chi phối chính trị trước chiến tranh. Suốt cuộc chiến tranh, các bang Delaware và Kentucky chỉ còn chút ít nô lệ. Ngược lại, các bang Tây Virginia, Maryland và Missouri trải qua cuộc tái thiết với sự xuất hiện của nhiều giai cấp có quyền lực luôn nôn nóng loại bỏ chế độ nô lệ và

cách mạng hóa chính trị tiểu bang. Kinh nghiệm của các bang vùng ven đem lại sự hiểu biết chi tiết những khả năng và hạn chế của công cuộc tái thiết không có sự tham gia của những người theo Liên minh miền Nam và dân da đen.

Có nhiều yếu tố tiêu biểu cho chủ nghĩa hợp nhất tại vùng ven: hỗn hợp nhiều thái độ thù địch đối với chế độ cầm quyền thời kỳ trước chiến tranh, cam kết những thay đổi dân chủ cho những người da trắng theo chủ nghĩa hợp nhất (Liên bang), sự miễn cưỡng đẩy mạnh việc bãi nô cho những người da đen, việc đặt ra ngoài vòng pháp luật hàng loạt cựu viên chức sĩ quan Liên minh miền Nam. Rõ nét nhất là tại bang Maryland vốn đã bị chia rẽ nặng nề như ở miền Nam. Tiểu bang này có 87.000 nô lệ tập trung ở các quận hạt phía Nam, nơi có nhiều đồn điền trồng thuốc lá. Vùng này kinh tế trì trệ nhưng các nhà lãnh đạo chính trị thì thống trị cả tiểu bang nhờ có sự phân chia quyền lập pháp cổ hủ đã làm giảm ảnh hưởng của thành phố Baltimore và những hạt có nhiều chủ điền da trắng.

Vì bị quân đội Liên bang chiếm đóng ngay từ khi cuộc nội chiến mới nổ ra, Maryland đã phải kinh qua sự phân hóa của chế độ nô lệ trong nội bộ và sự vận động những người da đen tự do chống lại chế độ. Tại đây ý tưởng bãi nô phát triển nhanh trong cộng đồng da trắng. Hugh Lennox Bond, một lãnh tụ phe bãi nô nhận xét, “Đại quân áo xanh đã đem lại vô số ý tưởng lớn”. Những ý tưởng này được những tiểu điền chủ, những kỹ nghệ gia và người lao động da trắng ở Baltimore tiếp thu. Một chủ nô cay đắng nói, “Có vẻ như những người lao động da trắng rất hài lòng vì những chủ nô da trắng không lao động đang mất dần nô lệ và buộc phải ra đồng làm việc”.

Phấn khởi nhờ những lời cam kết trung thành của cử tri với các hiến binh quân đội, những người ủng hộ Liên bang chủ trương bãi nô không bồi thường thắng cuộc bầu cử tại bang Maryland năm 1863 và đòi một hội nghị lập hiến để xây dựng lại bang mình. Đại hội cho thiết lập hệ thống giáo dục công lập và miễn phí, miễn 500 đô la trị giá tài sản bị tịch thu để trả nợ, và quy định thành phần đại diện lập pháp là người da trắng, điều này làm giảm quyền lực của các hạt có nhiều đồn điền. Chỉ những ai đã thề trung thành với Liên bang gồm cả lời thề chưa bao giờ mong muốn phe Liên minh miền Nam thắng trận.

Ngoại trừ một số ít người ủng hộ bãi nô, ít ai quan tâm đến số phận những người nô lệ nay được tự do. Nhiều đại biểu nói rằng ủng hộ bãi nô không có nghĩa là đồng tình với việc người da đen được bình đẳng. Các trường học vẫn chưa nhận học sinh da đen, và luật pháp chưa sửa đổi quy chế có trước chiến tranh cho phép buộc các trẻ da đen tập việc. Chỉ một tháng sau ngày 1 tháng 11 năm 1864, ngày luật bãi nô được thi hành, hàng ngàn người nô lệ cũ bị gắn kết với các ông chủ da trắng; một sự bất công khích động người da đen phản đối, phá hại mối quan hệ giữa bang Maryland và chính quyền Liên bang.

Đầu năm 1865, phe chống nô lệ củng cố vị thế mình bằng cách tước bỏ quyền bỏ phiếu của những người đã từng phục vụ trong quân đội miền Nam hoặc chỉ cần nói lời ủng hộ Liên minh miền Nam. Không ai còn nghĩ tới việc bành trướng cơ sở của Liên bang bằng cách cho phép dân da đen khi đó chiếm 1/5 dân số Maryland được bỏ phiếu.

Khác với những bang vùng ven, nhóm các bang Liên minh miền Nam vùng phía Bắc đặc biệt là Tennessee trải qua thời kỳ tái thiết dưới sự kiểm soát của quân đội. Nhưng đây cũng không phải là ngoại lệ. Công

cuộc tái thiết bang Tennessee không khởi sự tại vùng đồi núi phía đông có xu hướng thiên về Liên bang mà tại vùng trung tâm và phía tây, nơi người dân vẫn còn cảm tình với Liên minh miền Nam. Sau khi quân đội Liên bang chiếm giữ thành phố Nashville vào tháng 2 năm 1862, Lincoln bổ nhiệm Andrew Johnson, một chính trị gia miền Nam ủng hộ Liên bang làm tổng đốc quân sự. Johnson trở thành người hùng quốc gia vì ông đã quyết định ở lại Thượng nghị viện khi bang Tennessee ly khai. Johnson nổi tiếng là người cực đoan nhờ câu nói: "Phản bội là điều ghê tởm và những kẻ phản bội phải bị trừng trị".

Mặc dù Tennessee không bị chi phối bởi Tuyên bố giải phóng nô lệ, cuối năm 1863 Johnson tuyên bố bãi bỏ chế độ nô lệ trong tiểu bang. Sự thay đổi quan điểm của Johnson không xuất phát từ cảm tình với người da đen mà là do ông căm ghét Liên minh miền Nam và những chủ nô; ông cho rằng giới chủ nô đã xô đẩy người da trắng nghèo khổ phải nổi loạn. Ông nói với tướng John M. Palmer: "Thây kệ bọn người da đen; tôi chỉ đánh bọn quý tộc phản trắc, chủ nhân của chúng". Nhưng những người da trắng trung lưu ở bang Tennessee hầu như tuyệt đối theo phe Liên minh miền Nam, trong khi cộng đồng da đen tự do ở Nashville thì vận động ủng hộ cho chính phủ (tiểu bang) của Johnson và chấm dứt nô lệ; ông cũng đã giảm bớt các thành kiến. Đến năm 1864, Johnson đề cập tới vấn đề thăng tiến cho cả dân da trắng lẫn da đen tại bang Tennessee. Phát biểu trong một cuộc gặp mặt người da đen vào tháng 10, Johnson đơn phương quyết định chấm dứt chế độ nô lệ ở bang Tennessee, ông nói: "Tôi sẽ là một Moses của các bạn; tôi sẽ dẫn dắt các bạn vượt qua Biển Đỏ của chiến tranh thoát cảnh nô lệ để tiến tới một tương lai sáng sủa hơn trong hòa bình và tự do".

Tháng 11 năm 1864, Andrew Johnson trúng cử Phó Tổng thống nhờ các lá phiếu của đảng Cộng hòa. Sự kiện ông được đứng trong danh sách ứng cử viên của đảng Cộng hòa chứng tỏ đảng này muốn "ban thưởng" cho những người miền Nam đứng về phía Liên bang, đồng thời phát triển tổ chức về phương Nam. Tháng 3 năm 1865, Johnson nhận nhiệm vụ Phó Tổng thống; William Brownlow thì được bầu làm thống đốc đầu tiên của bang Tennessee tự do. Vì chính quyền của Brownlow chỉ được sự ủng hộ từ phần đất phía đông tiểu bang nên ông phải tìm cách củng cố quyền lực bằng một cuộc thăm dò ý dân với mục đích, như lời ông nói, "ngăn ngừa mọi hành động phản loạn". Luật bầu cử ra đời, chỉ cho phép những người nam da trắng được "công khai biết đến là có cảm tình với Liên bang" được quyền bầu cử. Đối với người da đen, Brownlow thúc Nghị viện tiểu bang dành một vùng lãnh thổ để họ cư trú; vùng đất này có tên gọi là "lãnh thổ của những người được giải phóng".

Trong số các tiểu bang tiến hành tái thiết từ trong thời chiến chỉ có bang Louisiana là nằm ở sâu trong miền Nam (phần đất phía đông nam Hoa Kỳ). Lincoln đặt hy vọng nhiều nhất ở bang này nhưng cũng chính nó đã đem lại những thất vọng to lớn nhất cho ông. Số phận nghiệt ngã đã khiến ông và chính phủ Liên bang quyết định tái thiết một bang nằm giữa vùng trung tâm của phe ly khai vốn từng được biết là "bang bị chia rẽ trầm trọng về các mặt kinh tế, văn hóa và chủng tộc… nhiều phe phái chính trị, thối nát, và thỉnh thoảng xảy ra bạo lực".

Khác với bang Tennessee, quân đội Liên bang lúc đầu chiếm đóng một cứ điểm của những người ủng hộ sự kết hợp. Khi đạo quân của tướng Benjamin F. Butler chiếm đóng thành phố New Orleans tháng 4 năm 1862, khối Liên bang trở thành người chủ của thành phố lớn nhất miền Nam.

Thành phố này có dân số trên 144.000 người đại đa số là dân da trắng bao gồm nhiều người sinh trưởng ở nước ngoài và người từ phương Bắc giỏi nghiệp vụ ngân hàng, buôn bán và các ngành nghề chuyên môn. Quân đội Liên bang cũng chiếm đóng các "xứ đạo" trồng mía đường (đơn vị hành chính của bang Louisiana được đặt tên theo họ đạo Thiên Chúa Giáo) ở phía Đông Nam tiểu bang. Nhưng những chủ điền ở đây khác với giới quý tộc chủ đồn điền bông vải: họ được chính phủ trung ương ưu đãi về thuế nên tình cảm của họ thiên về những người Whig thân Liên bang.

Nhưng cũng giống như nhiều tiểu bang khác, những người ủng hộ Liên bang ở Louisiana cũng chia ra nhiều phe nhóm. Nhóm Bảo thủ gồm chủ yếu các chủ điền mía đường và các nhà buôn giàu có; lúc đầu họ muốn giữ lại chế độ nô lệ nhưng sau họ đòi hỏi bồi thường cho những nô lệ được trả tự do và được giữ quyền lực chính trị truyền thống. Hiệp hội tiểu bang tự do lại có cái nhìn cấp tiến hơn: Bang Louisiana tự do phải hơn một tiểu bang chỉ có bãi bỏ nô lệ mà thôi. Hội viên bao gồm những người nhập cư, thợ thủ công, nhà buôn nhỏ, các nhà chuyên môn có xu hướng cải cách, và giới trí thức, những người từ phương Bắc hoặc lấy vợ là người miền Bắc, và các viên chức chính quyền Liên bang. Những người này chấp nhận lý tưởng lao động tự do và cho rằng việc bãi bỏ nô lệ cần thiết để biến đổi miền Nam lạc hậu theo khuôn mẫu cấp tiến của miền Bắc. Đối với họ, cuộc nội chiến là cơ hội tốt để lật đổ giai cấp cầm quyền gồm bọn phản động và những nhà quý tộc.

Tháng 8 năm 1863, Tổng thống Lincoln phê duyệt chương trình của Hiệp hội tiểu bang tự do; ra lệnh cho Tướng Nathaniel P. Banks tổ chức hội nghị lập hiến để bãi bỏ chế độ nô lệ tại bang Louisiana. Tháng 12,

Lincoln cho áp dụng một phần Kế hoạch mười phần trăm khoan dung ở bang Louisiana để đẩy mạnh công cuộc tái thiết nhưng ngược lại nó đã làm nảy sinh mâu thuẫn giữa những người cấp tiến và người ôn hòa trong Hiệp hội về vấn đề quyền của người da đen trong bang Louisiana tự do.

Thành phố New Orleans có cộng đồng người da đen tự do sinh sống lớn nhất toàn vùng trung tâm miền Nam. Họ có tài sản, địa vị xã hội, giáo dục và lịch sử độc đáo khác xa chẳng những người nô lệ mà còn những người da màu tự do ở những nơi khác. Phần đông những người dân này là hậu duệ của những người Pháp định cư với phụ nữ da đen, hoặc của những di dân da trắng lai đen giàu có từ Haiti đến. Mặc dù không có quyền bầu cử, họ được hưởng nhiều quyền hơn những người da đen tự do ở các bang khác, trong đó có quyền tự do đi lại và làm chứng trong các vụ kiện người da trắng. Trước ngày nổ ra nội chiến, họ có tài sản gộp chung ước tính trị giá hai triệu đô la và những nghề chuyên môn như xây lát gạch (thợ nề, thợ hồ), thợ mộc, đóng giày dép, và cuốn thuốc lá, xì gà.

Cộng đồng này, với ý thức truyền thống về tính tập thể và mạng lưới những cá nhân ủng hộ trường học, viện mồ côi cùng những tổ chức xã hội hoàn toàn do tư nhân tài trợ, đã sẵn sàng tiến tới dưới sự chỉ huy của chính quyền Liên bang. Cuối năm 1863, một đại hội các dân da đen được tổ chức để nghe các diễn giả nói chuyện. Trong số này có P.B.S. Pinchback, phó thống đốc tương lai của tiểu bang, kêu gọi trao cho người da đen tự do các quyền lợi chính trị. Ở điểm này người da đen tự do chỉ mới đòi quyền lợi cho họ mà thôi. Một nhà bình luận biết rõ những người da đen tự do đã viết về họ như sau:

Họ lái cuộc đấu tranh của họ khỏi cuộc tranh đấu của người da đen nói chung vì họ tin sẽ dễ đạt thành công hơn nếu không gộp chung số phận của tất cả người da đen. Họ tự cho rằng mình gần giống người da trắng hơn, tiến hộ hơn những người da đen nô lệ về mọi mặt. Đây là một sai lầm lạ kỳ vì trong một xã hội luôn có sự kỳ thị những ai mang trong mình dòng máu dân châu Phi, cho dù chỉ là một thiểu số.

Đến tháng 1 năm 1864 Tổng thống Lincoln có vẻ như ủng hộ người da đen tự do được quyền ghi danh cử tri ở bang Louisiana. Nhưng đối với tướng Banks, ngay cả một thiểu số người da đen được đi bầu thì cũng không thể chấp nhận vì việc này sẽ làm ông mất hậu thuẫn của những người da trắng cho công việc tái thiết bang Louisiana theo Kế hoạch 10%. Trong lúc này, hai đại diện cộng đồng người da đen tự do là Arnold Bertonneau, đại lý rượu vang giàu có, và Jean-Baptiste Roudanez, kỹ sư làm việc ở một đồn điền, đến thủ đô Washington để xin cho người da đen tự do được quyền bầu cử. Ngày 12 tháng 3 năm 1864, Lincoln tiếp hai người đại diện này và ngay hôm sau ông viết thư riêng gửi cho thống đốc bang Louisiana là Michael Hahn đề cập tới đại hội lập hiến sắp được tổ chức ở bang này. Trong thư ông viết: “Tôi chỉ muốn đề nghị riêng với ông, có nên cho phép một vài người da đen thật thông minh, nhất là những người đã chiến đấu anh dũng trong hàng ngũ chúng ta, được phép đi bầu… Nhưng đây chỉ là gợi ý cho ông, không công khai”. Rõ ràng không phải là một sự hậu thuẫn mạnh cho người da đen tự do được quyền bầu cử.

Hội đồng lập hiến thông qua dự luật xóa bỏ trật tự xã hội cũ. Các đại biểu gồm những người làm nghề chuyên môn, nhà kinh doanh nhỏ, thợ thủ công, công chức, và một nhóm nông dân cùng công nhân nhưng không một chủ điền. Hiến pháp chấp thuận lấy thành phố New Orleans làm thủ

đô tiểu bang theo kiểu mẫu một đô thị trong khối Liên bang, tăng quyền lập hiến của thành phố hơn hẳn những quận hạt bằng cách dựa trên số cử tri thay vì dân số. Ngoài ra, hiến pháp mới cũng quy định số giờ làm việc tối thiểu là chín giờ mỗi ngày, hệ thống thuế khóa cấp tiến và hệ thống giáo dục miễn phí. Tất nhiên hiến pháp cũng quy định bãi bỏ chế độ nô lệ. Trong bài diễn văn vị chủ tịch hội đồng nói về sự bãi bỏ này: "đây là sự khởi đầu một kỷ nguyên mới của nền văn minh… phân chia rạch ròi giữa quá khứ cũ kỹ và mệt mỏi với một tương lai mới và vinh quang".

Tuy nhiên, "Thành kiến đối với người da đen vẫn duy trì liên tục, một sự kỳ thị ghê tởm và bẩn thỉu", là nhận xét của một người viết thư cho Bộ trưởng Ngân khố (Liên bang) Salmon P. Chase. Ngay cả những người từng cổ vũ cho sự bãi nô cũng đòi trục xuất tất cả dân da đen khỏi tiểu bang mặc dù lúc đó có nhiều binh lính da đen đang canh gác bên ngoài hội trường. Các đại biểu hầu như phớt lờ đề nghị của Lincoln. Kết quả là chia rẽ ngày càng trầm trọng giữa những người theo chế độ Liên bang: phe cấp tiến ra mặt chống đối chính quyền của Banks.

❖ VẤN ĐỀ ĐẤT ĐAI VÀ LAO ĐỘNG TRONG THỜI NỘI CHIẾN

Trong số những hậu quả của việc giải phóng nô lệ, điều quan trọng nhất là tổ chức lại nền kinh tế xã hội ở miền Nam cho cả người da trắng lẫn người da đen. Chế độ nô lệ trước tiên là một chế độ lao động. Đảng Cộng hòa hô hào lao động tự do thay thế lao động nô lệ nhưng ít ai biết phải chuyển tiếp như thế nào. Tờ *Thời Báo New York* trong một số tháng 3, 1863 viết: "Nếu Bản Tuyên bố giải phóng nô lệ trả tự do cho người da đen thì cũng phải có nhiệm vụ cho họ công ăn việc làm… Đây là việc rất khó khăn và rộng lớn".

Cuộc nội chiến đang diễn ra, quân đội Liên bang lần lượt kiểm soát từ bang Virginia và bang Nam Carolina tiến về vành đai các đồn điền nằm dọc theo sông Mississippi, về lý thuyết, Đạo luật tịch thu thứ nhì đe dọa tước bỏ hết quyền sở hữu tài sản của phe Liên minh miền Nam, nhưng vì ngại một cuộc tịch thu rộng lớn có thể khiến các điền chủ và người da trắng phương Nam trung thành với Liên bang nổi giận nên Lincoln không cho thi hành triệt để. Chính phủ Liên bang cũng không tịch biên đất đai của chủ đất trốn thuế hoặc thu hồi đất hoang. Vì vậy vấn đề đất đai và lao động da đen trước đây là nô lệ nay được giải phóng đã gây nhiều tranh cãi giữa những chủ nô cũ, tư lệnh quân đội, các nhà kinh doanh phương Bắc cùng những người chủ trương cải cách.

Tính đến năm 1865, hằng trăm ngàn nô lệ trải khắp miền Nam đã được giải phóng và trở thành những lao động tự do dưới sự bảo trợ của chính phủ liên bang. Cuộc "tập dượt tái thiết" nổi tiếng nhất diễn ra ở vùng quần đảo Sea Islands bang Nam Carolina. Khi hải quân Liên bang đến chiếm đóng cảng Port Royal tháng 11 năm 1861, hầu như tất cả cư dân da trắng đều bỏ chạy vào đất liền, để lại khoảng 10 ngàn nô lệ da đen vốn đã quen tự tổ chức làm việc với nhau; họ trồng lúa và bông vải theo khoán công việc mỗi ngày, không có sự giám sát của chủ điền.

Những người da đen ở đây rõ ràng đã ý thức được sự tự do. Lúc các chủ điền da trắng bỏ chạy, những nô lệ này đã xông vào các tòa nhà lớn và phá hỏng các máy chế biến bông vải; họ không chịu tiếp tục trồng loại "hoa màu nô lệ" tức cây bông vải nữa mà chỉ trồng ngô (bắp) và khoai tây làm lương thực để ăn. Nhưng họ không thể tự vạch cho mình con đường đi tới lao động tự do vì theo chân hải quân là các sĩ quan quân đội phương Bắc, nhân viên Kho bạc, các nhà đầu tư, và đội quân giáo

viên trẻ cùng các mục sư gọi chung là nhóm Gideon, toàn là những người trẻ mới tốt nghiệp từ các trường Harvard, Yale, trường dòng, đến tham gia phong trào bãi bỏ chế độ nô lệ. Mỗi nhóm đều đưa ra ý kiến riêng về việc chuyển đổi nô lệ thành lao động tự do.

Nhóm Gideon tuy được biết đến nhiều nhất nhưng chẳng có quyền hành gì. Trong khi đó những người có ảnh hưởng mạnh nhất vẫn là các nhân viên kho bạc, các sĩ quan quân đội, và những nhà buôn bị lôi kéo bởi giá cao của bông vải đã đề nghị thuê nhân công từ những người nô lệ cũ. Trong hai năm 1863 và 1864, nhân viên kho bạc bán đấu giá những lô đất tại Sea Islands còn nợ thuế. Mặc dù nhóm Gideon cố gắng đòi sự ưu đãi cho người da đen tự do, họ chỉ được mua lại rất ít đất. Cuối cùng thì những đồn điền rộng lớn đã lọt vào tay các sĩ quan quân đội, viên chức chính phủ, những tay "cò đất" phương Bắc và các công ty bông vải. Một tổ hợp các nhà đầu tư kinh doanh ở Boston (bang Massachusetts) đã mua 11 đồn điền. Nổi bật nhất trong số các nhà đầu tư này là Edward Atkinson, đại lý cho sáu nhà máy dệt tại bang Massachusetts, và Edward s. Philbrick, phó tổng giám đốc Công ty Hỏa xa Boston & Worcester.

Chính tinh thần cải cách cộng với lòng ham muốn lợi nhuận, một nét đặc trưng của người Mỹ, đã thúc đẩy Atkinson và Philbrick rời bỏ miền Bắc xuống phương Nam để kinh doanh. Trong con mắt những nhà kinh doanh "chống nô lệ" này, Port Royal là nơi thích hợp nhất dể chứng minh rằng "bãi bỏ nô lệ không có nghĩa là bãi bỏ bông vải" và người da đen tự do sẽ lao động hiệu quả hơn và sinh lợi nhiều hơn lúc còn là nô lệ. Philbrick đến Sea Islands để giám sát thử nghiệm tạo một mô hình môi trường lao động tự do trong đó người lao động da đen không còn bị khai thác mà cũng không phụ thuộc chính phủ. Ông chống mọi nỗ lực đòi cho

người da đen được mua đất dưới giá thị trường; ông từng nói: "không ai… biết quý tài sản nếu chưa từng phải làm việc để có nó". Nhưng Philbrick đã quên một điều: suốt 250 năm qua người nô lệ cũ đã làm việc cật lực trên mảnh đất đó!

Thí nghiệm về lao động tự do có thành công không? Một người trong nhóm Gideon, William C. Gannett tin là có; ông nói người da đen có cuộc sống tốt hơn xưa rất nhiều - lò sưởi bằng gạch xây thay thế cho lò sưởi bằng gỗ; quần áo tươm tất; bữa ăn phong phú dồi dào hơn trước. Philback thì không chắc chắn lắm tuy ông đã thu về 20.000 đô la cho riêng mình năm 1863. Nhưng những lao động tự do này vẫn tỏ ra thích trồng cây lương thực thay vì cây bông vải. Năm 1865, Philbrick nhận xét năng suất cây bông vải lúc này kém xa năm năm trước. Ông quyết định chia nhỏ các đồn điền trồng bông vải để bán lại cho tá điền và bỏ về Massachusetts. Cuối cùng, thí nghiệm cho thấy có sự nhập nhằng trong quan niệm về lao động tự do và các lợi ích đối nghịch nhau được che dấu dưới nỗ lực xây dựng lại xã hội miền Nam. Các nhà đầu tư phương Bắc thì hiểu lao dộng tự do có nghĩa là làm công có lương trên các đồn điền; những người da đen thì lại nghĩ họ canh tác trên đất của mình và cuộc sống của họ không phụ thuộc thị trường.

Mặc dù có sự quan tâm quá mức của những người đương thời và sử gia, cuộc tái thiết ở Sea Islands không đem lại kết quả như mong muốn. Nó chỉ bao hàm một nhóm nhỏ nô lệ được tự do và không chịu ảnh hưởng của các chủ nô cũ và sự ra đi ồ ạt của người nô lệ sang phía Liên bang. Quan hệ lao động ở miền Nam cũng không rõ ràng, đặc biệt là ở phía Nam bang Louisiana. Tại đây, người da đen cũng chỉ muốn có đất để tự nuôi thân. Thế nhưng vẫn còn nhiều chủ điền có thiện cảm với Liên

bang; họ muốn quân đội Liên bang sớm tái lập trật tự tại các đồn điền. Tướng Banks, tư lệnh quân đội Liên bang tại Louisiana, nghĩ rằng duy trì các đồn điền sẽ giúp quân đội giải quyết vấn đề những người da đen tị nạn, phục hồi nền kinh tế của tiểu bang, và tạo ra phong trào Tiểu bang tự do với sự trợ giúp rộng rãi của những người da trắng. Khi Banks ban hành những quy định về lao động vào năm 1863, nhiều chỉ trích cho rằng quy chế lao động này chẳng khác gì thời nô lệ. Banks tuyên bố những nô lệ cũ phải từ bỏ nếp sống lang thang và lười biếng, và ký hợp đồng lao động với những chủ đồn điền trung thành với Liên bang; họ sẽ được trả công bằng giá trị 5% hoa màu thu hoạch hằng năm hoặc ba đô la mỗi tháng, cộng lương thực và chỗ ở cùng chăm sóc y tế. Một khi đã ký hợp đồng lao động, họ không được phép rời đồn điền mà không có sự đồng ý của chủ.

Tùy theo cách nhìn của mỗi người, hệ thống do Banks đề ra là “bước đầu tiên trong quá trình chuyển đổi từ lao động nô lệ qua lao động tự do” và cũng có thể là công cụ để Banks lôi kéo các chủ đồn điền da trắng tham gia tái thiết qua việc sử dụng quân đội Liên bang tái lập trật tự tại các đồn điền. Có nhiều người than phiền các sĩ quan hiến binh quá nhiệt tình trong việc bắt giữ những người lang thang da đen như thể nhiệm vụ của họ chỉ để tuần tra nô lệ hơn là giám sát thực thi việc bãi nô. Sau đó, Banks tuyên bố đã gửi nhiều nhóm da đen tự do đến làm việc tại các đồn điền trong vùng để “xác định xem người da đen muốn gì”. Các sứ giả Banks gửi đi điều tra về báo cáo rằng “những người nô lệ cũ chỉ muốn gia đình họ được tôn trọng, con cái được đi học, chấm dứt mọi hình phạt thể xác, và được trả tiền công thỏa đáng”. Viên tướng quân đội khoe tất

cả những gì người da đen muốn đều được thỏa mãn nhờ chính sách ông đưa ra.

Việc cưỡng bách lao động tự do là một hiện tượng không bình thường từ những đòi hỏi của chiến tranh, ý thức hệ và chính trị. Người da đen bực bội vì phải ký hợp đồng hằng năm, tiền công thấp, nên làm việc thất thường, dành nhiều thì giờ chăm lo cho mảnh vườn của riêng họ, và thường xuyên không vâng lời người chủ. Các chủ điền thì nghĩ rằng lệnh cấm hình phạt thể xác đã vô hiệu hóa toàn bộ hệ thống vì người da đen sẽ không chịu lao động nếu không có kiểu hình phạt này. Hơn nữa hệ thống do Banks đặt ra chỉ để đáp ứng yêu cầu của quân đội vì khi cần thì quân đội sẽ trưng binh những lao động da đen làm việc trên các đồn điền. Vì những lý do này, quân đội đã không thể phục hồi nông nghiệp của tiểu bang. Một chủ điền đã viết: "Các xứ đạo trồng mía một thời thịnh vượng nay chìm trong đen tối, u ám… các đồn điền bỏ hoang; hàng rào và các tòa nhà bị phá dỡ… người da đen bị sung vào quân đội hoặc lang thang khắp nơi… Đó là do chiến tranh, là nội chiến". Nhưng chính sách về lao động da đen do Banks đề xướng cũng được áp dụng trên toàn thung lũng sông Mississippi sau khi thành phố Vicksburg rơi vào tay quân đội Liên bang tháng 7 năm 1863.

Tuy các địa phương có cách áp dụng chính sách khác nhau, đa số các sĩ quan quân đội vẫn hành xử như thể những nô lệ được giải phóng vẫn lao động tại các đồn điền. Thảng hoặc có nơi le lói một chút hy vọng cho họ. Nơi thử nghiệm lớn nhất về tính độc lập kinh tế của người da đen là Dải Davis (Davis Bend), nơi tập trung những đồn điền bạt ngàn của Tổng thống Liên minh miền Nam Jefferson Davis và em trai Joseph (Joe). Trước cuộc nội chiến, anh em nhà Davis đã thử lập một cộng đồng kiểu

mẫu gồm những gia đình người da đen ăn uống đầy đủ và ở nhà khang trang hơn những người da đen khác trong tiểu bang; họ còn được trao quyền tự quản khá rộng rãi. Những chủ đồn điền khác tỏ vẻ chế nhạo và gọi họ là “dân da đen tự do của Joe Davis”. Nhưng mô hình này có hiệu quả và làm tăng uy tín gia đình Davis. Sau chiến tranh, một nhóm da đen được giải nô đã làm đơn xin trả tự do cho Jefferson Davis bị cầm tù. Trong đơn họ viết “mặc dù ông ấy (Jefferson Davis) cố tìm cách giữ chúng tôi làm nô lệ… nhưng chúng tôi biết rõ ông rất tử tế đối với các nô lệ ở đồn điền của ông”.

Chiến tranh đã phá hủy hệ thống “kiểu mẫu” về nô lệ tại Dải Davis. Khi quân đội Liên bang đến, Joe Davis bỏ trốn; những người nô lệ đứng lên làm chủ. Năm 1863, Tướng Grant quyết định biến Davis Bend thành “thiên đường” của người da đen. Năm sau, toàn vùng biến thành khu định cư của những nô lệ được giải phóng và đến năm 1865 thì dải Davis Bend trở thành khu kiểu mẫu nổi tiếng về tính tự lực khi những người lao động da đen đã sản xuất được bình quân 2.000 kiện bông và thu về 160 ngàn đô la lợi nhuận. Cộng đồng có bộ máy tự quản riêng, thẩm phán và cảnh sát đầy đủ.

Dải Davis Bend chứng minh không phải mọi người da đen, nếu được quyền lựa chọn, sẽ né tránh thương trường và bông vải. Không riêng gì Davis Bend mà cả quần đảo Sea Islands của Nam Carolina là nơi diễn tập cuộc tái thiết về mặt quan hệ lao động. Tuy có vẻ thất bại nhưng thí nghiệm về mô hình lao động tự do ở bang Louisiana và thung lũng Mississippi chẳng những đã thu hút rất đông người da đen mà còn xác lập một hệ thống canh tác nông nghiệp dựa trên các hợp đồng lao động ký mỗi năm - mô hình này còn tiếp tục nhiều năm sau chiến tranh, với quân

đội và Cục về những người được tự do. Hầu như được ngầm định, quân đội đã có những quyết định quan trọng giải quyết những vấn đề phức tạp nhất từ cuộc nội chiến. Họ áp dụng những chính sách về lao động gây chia rẽ trong nội bộ đảng Cộng hòa do quá trình tái thiết ngay trong thời chiến và những rắc rối liên quan đến sự giải phóng nô lệ.

❖ CHÍNH SÁCH GIẢI PHÓNG NÔ LỆ VÀ CUỘC CHIẾN KẾT THÚC

Khoảng giữa năm 1864, một cư dân da trắng ở Chattanooga nhận định đời sống trong phần đất phía Nam quân đội Liên bang chiếm đóng có phần khác với khi xưa. Có giáo viên miền Bắc dạy học cho người da đen; hàng trăm ngàn nô lệ cũ giờ đây làm việc được trả công. Tuy vậy, diễn tiến các sự kiện ở miền Nam như muốn chia rẽ những người Cộng hòa ở phương Bắc. Với chủ đề giải phóng nô lệ là một yếu tố cấu tạo sự trung thành với Đảng, các cuộc tranh luận chính trị tập trung vào số phận những người được tự do trong thời hậu chiến. Những diễn biến ở bang Louisiana khiến nhiều đảng viên Cộng hòa lo ngại.

Năm 1864, những đảng viên Cộng hòa cấp tiến quan tâm nhiều đến quyền bình đẳng trước pháp luật của người da đen được giải phóng hơn là quyền đi bầu và việc kiểm soát các chính phủ tiểu bang ở phương Nam bởi những người chân chính theo chủ nghĩa kết hợp. Bang Louisiana thiếu cả hai yếu tố này. Hệ thống lao động do Banks đề ra và quan điểm bài da đen rõ rệt của những người ủng hộ Banks khiến cho nhiều người Cộng hòa tin chắc rằng các chính quyền thành lập do Kế Hoạch 10% của Lincoln không hề có sự đối xử công bằng với những nô lệ được giải phóng.

Từ sự bất mãn về những diễn biến ở bang Louisiana và mối lo âu về số phận những nô lệ được tự do, dự luật Wade-Davis ra đời vào tháng 7

năm 1865, dự kiến đưa ra trước Quốc hội để biểu quyết. Dự luật đề nghị tạm hoãn công cuộc tái thiết ở mỗi tiểu bang đến khi nào đa số những người nam da trắng cam kết ủng hộ Hiến pháp của Liên bang. Sau đó, một đại hội lập hiến sẽ được tổ chức nhưng quyền đi bầu sẽ giới hạn cho những người đã tuyên thệ chưa bao giờ giúp đỡ phe Liên minh miền Nam. Dự luật cũng chỉ bảo đảm bình đẳng trước pháp luật nhưng không đảm bảo quyền bầu cử cho người da đen. Ngại rằng dự luật này sẽ buộc phải gạt bỏ chính quyền hiện hữu ở bang Louisiana, Lincoln phủ quyết ngầm dự luật và bị các tác giả của nó là những người cấp tiến như Benjamin F. Wade, thượng nghị sĩ bang Ohio và Henry Winter Davis, dân biểu (đại biểu ở Hạ nghị viện) bang Maryland phản đối; trong một bản tuyên bố họ lên án Tổng thống tiếm quyền một cách “độc tài”.

Bất chấp những lời lẽ gay gắt của Wade và Davis, Lincoln vẫn duy trì mối giao hảo với những đảng viên Cộng hòa cấp tiến. Giữa họ, các điểm đồng thuận - quyết tâm thắng cuộc chiến và bảo đảm bãi bỏ chế độ nô lệ - đã thắng những bất đồng. Tuy nhiên những tranh luận về công cuộc tái thiết lại chia rẽ họ. Lincoln xem cuộc tái thiết là một chiêu bài để thắng cuộc chiến và bảo đảm việc giải phóng nô lệ; ông nhắm thiết lập những chính quyền tiểu bang được hậu thuẫn rộng rãi ở miền Nam hòng làm suy yếu Liên minh miền Nam. Những người cấp tiến trong đảng Cộng hòa thì muốn cuộc tái thiết phải thay đổi toàn diện cơ cấu xã hội ở miền Nam. Vì thế họ muốn trì hoãn tiến trình tái thiết cho đến khi chiến tranh chấm dứt và chỉ cho những người đã cam kết trung thành được quyền bầu cử. Dự luật Wade-Davis chỉ cho những người da trắng có quyền bầu cử, nhưng nhiều đảng viên cấp tiến tin rằng người da đen sẽ có được quyền này. George S. Boutwell cho rằng những người nô lệ

được giải phóng là những người ủng hộ đáng tin tưởng nhất cho Liên bang. Không phải những đảng viên Cộng hòa cấp tiến đã biến vấn đề quyền bầu cử của người da đen thành trung tâm điểm của các hoạt động chính trị mà là người da đen tự do ở thành phố New Orleans đã vận động để dành được quyền này.

Ngay sau đại hội lập hiến năm 1864 ở bang Louisiana, tờ *Tribune* (Diễn đàn) ra đời ở New Orleans để các đảng viên cấp tiến bày tỏ quan điểm. Người sáng lập tờ báo là Louis C. Roudanez, con trai một nhà buôn giàu có người Pháp với một phụ nữ da đen mới được tự do. Louis tốt nghiệp y khoa tại Viện Đại học Paris (Pháp) và trường Đại học Darmouth. Tháng 11 năm 1864, một chính khách nổi tiếng trong cuộc tái thiết, Jean-Charles Houzeau, được mời làm chủ bút cho tờ báo. Sinh ra trong một gia đình quý tộc tại Bỉ, Jean-Charles vốn là một nhà thiên văn kiêm nhà báo di cư sang Hoa Kỳ và sinh sống tại bang Texas từ năm 1858. ông chống lại việc bang này ly khai với Liên bang và dọn sang bang Louisiana năm 1864.

Nhận xét về bác sĩ Roudanez và những người cộng tác với tờ *Tribune*, ông viết "đây là những người tiên phong của dân gốc châu Phi tại Hoa Kỳ".

Ngay cả trước khi Houzeau tham gia vào tờ báo, tờ Tribune đã bày tỏ quyết tâm tranh đấu cho quyền bầu cử của những người da đen, những "cộng sự viên kín". Nhưng chính Houzeau là người đã biến *Tribune* thành tờ báo có uy tín lớn trong phe Cộng hòa ở miền Bắc và qua tờ báo ông đã chuyển những thông điệp bao gồm một chương trình mạch lạc đòi hỏi quyền bầu cử, sự bình đẳng trước pháp luật, xóa bỏ nạn phân biệt chủng tộc trong nhà trường và trên xe điện ở New Orleans, và phân chia các đồn

điền cho người nô lệ được giải phóng. Ông đã biến sự liên minh giữa người da đen tự do và nô lệ được giải phóng thành nền tảng chính trị của tờ báo, xem đây là biện pháp ngăn ngừa không để cuộc cách mạng do nội chiến tạo ra trở thành một cuộc phản loạn. Tờ báo tự nhận xét không thể quay ngược một khi đã cam kết đòi quyền bầu cử cho người được tự do và cũng đã lôi kéo luôn đảng cấp tiến ở bang Louisiana. Tháng 12 năm 1864, nhiều cuộc xuống đường rầm rộ diễn ra ở New Orleans và nghe các diễn giả phát biểu, trong đó có nhà cấp tiến da trắng là Thomas J. Durant và hai người da đen tự do, Oscar J. Dunn và James H. Ingraham. Dunn tuyên bố: “Chúng tôi xem mọi người da đen và da màu đều là nạn nhân”.

Vì thế, trong khi cuộc nội chiến sắp chấm dứt, cộng đồng da đen thông hiểu chính trị và nhanh nhạy nhất nước đã thoát ly toàn diện khỏi các giới chức quân đội và dân sự của bang Louisiana tự do. Tại Washington, mọi người đều tỏ cảm tình với những nguyện vọng của họ. Sự tiếp xúc với nhóm người có văn hóa và thành đạt về kinh tế đã làm phai mờ những giả định chủng tộc phổ biến ngay trong nội bộ đảng Cộng hòa và đã khiến Lincoln nghĩ tới chủ nghĩa bình đẳng cho công cuộc tái thiết. Do bang Louisiana mà vấn đề tái thiết vẫn chưa được giải quyết. Tháng 3 năm 1865 trong lúc Quốc hội ngưng họp thì nhóm cấp tiến nỗ lực thuyết phục nhân dân miền Bắc ủng hộ quyền bầu cử của người da đen.

Bất chấp vấn đề bang Louisiana đang bế tắc, kỳ họp thứ hai của Quốc hội khóa 38 là một sự kiện lịch sử. Năm 1864, Thượng viện đã thông qua Tu chính án 13, bãi bỏ chế độ nô lệ trên toàn quốc. Ngày 31 tháng 1 năm 1865, Hạ nghị viện bằng số phiếu thuận/nghịch chênh lệch

lớn, 119/56, cũng đã thông qua bản Tu chính án này, và gửi đến các tiểu bang để phê chuẩn. “Vấn đề của thời đại đã được giải quyết”, Dân biểu Cornelius, một chiến sĩ chống chế độ nô lệ, tuyên bố. Nhưng cũng giống như bao thành quả khác của cuộc nội chiến, Tu chính án giải quyết được một vấn đề nhưng lại dẫn đến một loạt vấn đề khác. “Tự do là gì?” James A. Garfield sau này đặt câu hỏi. “Phải chăng nó chỉ là ân huệ không bị xiềng xích?… Nếu chỉ có thế thì tự do chỉ là một trò hề cay đắng, một ảo tưởng tàn nhẫn”. Nhiều đảng viên Cộng hòa khi ấy tin tưởng Tu chính án 13 sẽ đem lại cho người da đen quyền công dân với mọi quyền lợi căn bản được chính quyền Liên bang bảo vệ.

Ngay cả phong trào bãi nô cũng không quyết định được Tu chính án là đoạn kết hay sự khởi đầu. William Lloyd Garrison khi đề nghị giải tán trong vinh quang Hội Chống nô lệ Hoa Kỳ tại buổi họp thường niên vào tháng 5, 1865 tuyên bố: “Cảm ơn Chúa, tâm nguyện của tôi về sự thủ tiêu chế độ nô lệ đã hết”. Nhưng Frederick Douglas đáp lại: “Chế độ nô lệ chưa bị thủ tiêu chừng nào người da đen chưa được cầm lá phiếu”. Kết cuộc, Hội Chống nô lệ Hoa Kỳ chưa thể giải tán, và Wendell Phililips được bầu làm chủ tịch Hội. Một khẩu hiệu mới được trưng ra: “Không có tái thiết nếu người da đen chưa dược bỏ phiếu”.

Đằng sau các cuộc tranh luận này là câu hỏi lớn hơn khi chế độ nô lệ đã bị thủ tiêu: Liệu người nô lệ được tự do có sẵn sàng hành xử như những công dân và tham gia vào thị trường cạnh tranh không, hay là khi đó chính phủ Liên bang vẫn còn phải giúp đỡ họ một cách đặc biệt? Mặc dù các nhà cải cách đều chấp nhận mở rộng quyền lực quốc gia trong cuộc chiến nhưng đa số lại có ý tưởng để nó phát triển tự nhiên. Trợ giúp sẽ sinh ra lệ thuộc, William C. Gannett, một giáo viên ở khu Sea

Island cảnh báo: “Người da đen sẽ mau chóng tự cứu rỗi chừng nào họ buộc phải tự lo”.

Mặt khác, một nhóm người cấp tiến chủ trương chính phủ Liên bang phải can thiệp: phân chia đất đai cho người nô lệ cũ. Vị dân biểu ủng hộ ý kiến này nhiều nhất là George W. Julian, chủ tịch ủy ban Công thổ Hạ nghị viện. Ông nói, nếu không cải cách ruộng đất thì người nô lệ được giải phóng sẽ lại bị “ràng buộc bởi chế độ tiền công cũng tàn nhẫn chẳng khác gì chế độ nô lệ. Sự thành lập Cục vấn đề người được tự do vào tháng 3 năm 1865 tượng trưng niềm tin của những người Cộng hòa ở chính quyền Liên bang sẽ gánh vác nhiều trách nhiệm hơn đối với những nô lệ được giải phóng, kể cả việc giao đất cho họ.

Cục Vấn đề người được tự do có nhiệm vụ phân phát lương thực, quần áo, chất đốt cho những người nô lệ cũ nghèo khổ và giám sát những vấn đề liên quan đến đời sống của họ ở miền Nam. Thời gian hoạt động của Cục Vấn đề người được tự do được ấn định một năm. Thượng nghị sĩ Charles Summer ở bang Massachusetts đã đề nghị cho Cục được hoạt động thường xuyên và ngang cấp Bộ nhưng gặp nhiều ý kiến chống đối. Xét về một góc độ thì Cục vấn đề người được tự do hứa hẹn đổi đời cho người nô lệ cũ. Quốc hội cũng đã cho phép phân chia các đồn điền bị tịch thu và những khu đất bỏ hoang thành những thửa đất rộng 40 mẫu Anh (acre = 4.047 mét vuông) để cho người nô lệ được tự do và dân tị nạn thuê và sau cùng là mua. Luật thành lập Cục vấn đề người được tự do dự kiến chính phủ cũng sẽ trợ giúp một số người da đen trở thành điền chủ độc lập trên vùng đất phương Nam “lao động tự do”.

Trong lúc Quốc hội đang thảo luận thì vị tướng chiến thắng William T. Sherman lại làm vấn đề đất đai thêm phức tạp. Ngày 12 tháng 1 năm

1865, với sự cổ vũ của Bộ trưởng Chiến tranh Edwin M. Stanton khi đó đang đi thị sát thành phố Savannah (bang Georgia) - nơi quân Liên bang dưới sự chỉ huy của Sherman đã chiếm đóng từ tháng 12 năm 1864 - Sherman triệu tập 20 lãnh đạo cộng đồng da đen của thành phố, đa số là mục sư đạo Tin Lành. Buổi nói chuyện cho thấy những lãnh đạo da đen này hiểu rất rõ ý nghĩa của tự do. Garrison Frazier, một mục sư Tin Lành đã chịu cảnh nô lệ hơn 60 năm trước khi mua được sự tự do vào năm 1857, định nghĩa tự do là "đặt chúng tôi ở vị trí được hưởng những thành quả lao động của chúng tôi", ông nói: "Cách tốt nhất là chúng tôi có đất, để chúng tôi cày bừa bằng chính sức lao động của chúng tôi". Bốn ngày sau, Sherman ký ban hành Lệnh chiến trường đặc biệt số 15, đặt vùng Sea Islands và một phần đất thấp ven biển trồng lúa ở phía Nam thành phố Charleston vào sâu nội địa khoảng 30 dặm (48 km), thành vùng định cư tuyệt đối của người da đen. Mỗi gia đình được nhận 40 mẫu Anh; sau đó Sherman lại cho phép họ được thuê mướn những con la của quân đội. Đến tháng 6, khoảng 40.000 người nô lệ được tự do đã định cư trên 400.000 mẫu Anh "đất của Sherman". Ngay lúc này trên vùng duyên hải các bang Nam Carolina và Georgia đã có sự hình thành một xã hội phương Nam cấp tiến hơn cả khi chế độ nô lệ chấm dứt.

Lúc này cuộc chiến bước sang giai đoạn cuối. Quân lính của Sherman tiến vào bang Nam Carolina, đem lại "luồng gió mới của cuộc giải phóng nô lệ". Nhà cửa, kho xưởng của các chủ điền bị cướp bóc; một giám thị bị giết, và tại một đồn điền các phu da đen chẳng những từ chối nghe theo lệnh của chủ da trắng mà còn la hét và "ca hát theo kiểu cách của họ", như một chủ điền kể lại.

Ngày 18 tháng 2 năm 1865, thành phố Charleston bang Nam Carolina thất thủ. Trong số các binh đoàn quân Liên bang tiến vào chiếm đóng có Trung đoàn 54 bộ binh Massachusetts gồm toàn binh sĩ da đen; họ vừa đi vừa hát bài “Thân xác John Brown”. Năm tuần sau thành phố này được chứng kiến lễ hội tự do; tất cả mọi cộng đồng da đen túa ra đường nhảy múa, ca hát. Trên bốn ngàn người da đen - gồm binh sĩ, lính cứu hỏa, những người buôn bán lẻ, trẻ em, học sinh cầm các biểu ngữ ghi “Chúng tôi không có ai là chủ; chỉ biết có chúng tôi”. Ngược về phía Bắc, cảnh lễ hội tương tự cũng diễn ra khi các binh đoàn của tướng Grant tiến vào thành phố Richmond, bang Virginia ngày 3 tháng 4. Hàng ngàn người da đen xuống đường, nhảy múa, cầu nguyện, ca hát “Xiềng xích nô lệ cuối cùng cũng bị chặt đứt”. Tổng thống Lincoln, không để ý tới vấn dề an ninh, đi bộ trên các đường phố ở Richmond, có chừng một chục thủy thủ đi kèm. Mỗi bước ông đi ông đều bị những người nô lệ cũ vây quanh; họ tung hô ông như đấng “Cứu Thế”, quỳ gối trước mặt ông làm ông lúng túng cố đỡ họ đứng lên. Một người da đen ở Richmond đã nói thẳng thừng với người chủ nô cũ, “mọi cái đều bình đẳng… Đất đai nay thuộc sở hữu của người Yankee, và họ chia đều cho người da màu chúng tôi”. Ngày 9 tháng 4, 1865, tướng Grant chấp nhận sự đầu hàng của tướng Lee (quân đội Liên minh miền Nam) tại Appomattox.

Cuộc tái thiết nổi cộm giữa hàng loạt các biến cố lịch sử liên tiếp xảy ra như là vấn đề trung tâm cần giải quyết. Nhưng, như James G. Blaine nhận định sau này, Lincoln không có kế hoạch “cố định” cho cuộc tái thiết. Tổng thống đã chấp thuận những chính sách khoan dung của Tướng Banks ở bang Louisiana và các đạo luật loại trừ của Andrew Johnson ở bang Tennessee, cũng chỉ vì ông muốn sớm chấm dứt chiến

tranh và bảo đảm việc hủy bỏ chế độ nô lệ hơn là có kế hoạch tái thiết miền Nam thời hậu chiến. Cuộc tái thiết đang lúc có chiến tranh cũng không đem lại kết quả. Các chính quyền thân Liên bang được tạo ra trong lòng phe Liên minh miền Nam tại bang Virginia, Tennessee, Arkansas, và Louisiana, nhưng chẳng được sự hậu thuẫn rộng rãi của công chúng mà cũng không có sự chuẩn thuận của Quốc hội.

Ngày 11 tháng 4, tại Nhà Trắng, Tổng thống Lincoln đọc bài diễn văn mà sau này người ta gọi đó là bài diễn văn cuối cùng của ông. Đây là lần đầu tiên ông lên tiếng công khai ủng hộ quyền bầu cử của người da đen. Bằng lời nói thận trọng và ngắn gọn, ông nói: “Tôi rất mong muốn những người thật thông minh và những người đã chiến đấu trong hàng ngũ chúng ta được quyền đi bầu”. Bài diễn văn điển hình phong cách của Lincoln - ông bảo tồn hậu thuẫn của quần chúng và sự đoàn kết trong đảng bằng cách quay về phía những người cấp tiến mà không nói gì về một miền Nam bại trận. Tờ *Thời Báo New York* nhận định Lincoln thấy chưa phải lúc để phát biểu các chính sách về cuộc tái thiết. Bốn ngày sau, Tổng thống Lincoln bị John Wilkes Booth, một diễn viên kịch, ám sát chết trong khi đang xem một vở bi hài kịch tại rạp hát Ford ở thủ đô Washington.

Nhiều năm trước ngày tuyên bố bãi bỏ chế độ nô lệ, Charles I. Reason, một người chủ trương bãi nô đã tiên đoán việc bãi bỏ chế độ nô lệ sẽ tạo nhiều “thử thách” cho người nô lệ được tự do. “Rồi đây họ sẽ phải chịu đựng thành kiến là nô lệ, và thành kiến này sẽ không dễ tan biến đi”. Trong một xã hội dựa vào lý tưởng chủ quyền cá nhân và sự bình đẳng trong cạnh tranh, liệu có thể cùng tồn tại chế độ nô lệ và quyền công dân không?” Khái niệm mơ hồ về “tự do” biến đổi theo mỗi

vùng nhưng ở đây sự giải phóng nô lệ có nghĩa là đòi hỏi quyền bình đẳng và bầu cử của người da đen. Nếu người da đen không có được những quyền này thì có thể giai cấp chủ nô trước đây sẽ tái lập sự bá chủ về chính trị. Những câu hỏi này được nhắc tới nhiều lần khi cuộc nội chiến sắp sửa chấm dứt nhưng chẳng có câu trả lời.

Hơn nữa, rõ ràng không chỉ người da trắng bàn cãi những vấn đề này mà cả người da đen nữa. Isaac Brinckerhoff, một mục sư Tin Lành ở phương Bắc thuộc bang Florida do quân đội Liên bang kiểm soát tổ chức một loạt buổi nói chuyện về Hiến pháp Hoa Kỳ và những nguyên tắc của chính quyền Cộng hòa. ông nhận xét, "người da đen rất quan tâm đến những vấn đề này. Khi tôi hỏi người hầu già da đen của tôi là lão Meredith có thích các bài giảng của tôi không, ông ấy xòe hai bàn tay nói 'tôi đều lớn khôn hơn mỗi lần được nghe.' Vậy là có thêm một quần chúng mới trên diễn đàn chính trị và họ cũng sẽ phải định nghĩa 'tự do' là gì".

Khi cuộc tái kiến thiết sau chiến tranh bắt đầu, Sidney George Fisher, một luật gia bảo thủ ở Philadelphia, nhận xét chiến tranh đã để lại nhiều vấn đề chưa được giải quyết:

> "Có vẻ như số phận chúng ta sẽ không thoát nổi vấn đề người da đen. Chúng ta vừa mới bãi bỏ chế độ nô lệ thì một đảng chính trị đang lớn mạnh lại đưa ra vấn đề bầu cử của dân da đen. Như vậy thì câu hỏi 'chúng ta phải làm gì với người da đen' còn lâu mới có câu trả lời. Thật vậy, không thể có giải pháp nào thỏa mãn cả miền Bắc lẫn miền Nam".

Fisher hiểu sẽ có cuộc tranh chấp tiếp nối theo sau việc bãi nô. Frederick Douglas nhận định: "Thật vậy, công việc chưa thể xong với sự ra đi của chế độ nô lệ; ngược lại, tất cả mới chỉ bắt đầu".



Ý NGHĨA CỦA TỰ DO

Tự do đến với người da đen ở các vùng lãnh thổ miền Nam theo nhiều cách khác nhau, ở nhiều vùng rộng lớn thì chế độ nô lệ đã tan rã trước khi tướng Lee đầu hàng còn ở những nơi khác thì mãi đến mùa xuân năm 1865 người nô lệ mới được nghe nói đến giải phóng. Lúc đầu họ rất vui mừng khi được tự do. Houston H. Holloway, một nam nô lệ đã bị mua đi bán lại ba lần trước ngày anh vừa tròn 20 tuổi vào năm 1865, nhắc lại cái ngày khó quên ấy tại nơi anh sinh sống trong bang Georgia: "Tôi cảm thấy mình như chim sổ lồng. Amen. Amen. Amen! Chưa bao giờ tôi được vui sướng như ngày hôm ấy!".

Một mục sư da đen nhận định, "Con tim người da đen vốn đã khát khao tự do từ lâu rồi". Nhưng, tự do là gì? Chúng ta cần phải định nghĩa câu này", O. Howard, Cục trưởng Cục vấn đề người tự do nói trước một đám đông người da đen năm 1865. "Đây là một vấn đề rất dễ hiểu sai".

Người da đen vừa thoát khỏi cảnh nô lệ thì hiểu cuộc sống mới từ kinh nghiệm làm nô lệ và nhìn vào xã hội tự do quanh mình. Như mục sư da đen Henry M. Turner phát biểu "Tự do có nghĩa là ta được hưởng

quyền lợi chung với những người khác". Henry Adams thì nói với người chủ cũ: "Nếu tôi không được hoạt động giống như người da trắng thì tôi không có tự do. Tôi cần phải hoạt động như người da trắng nghèo khổ, nếu không tôi vẫn chỉ là nô lệ".

Nhưng cuộc giải phóng nô lệ đã đem lại cho người da đen những ý tưởng mới: không chịu sự kiểm soát của người da trắng; có quyền tự chủ với danh nghĩa cá nhân và là thành viên của cộng đồng. Trước chiến tranh, những người da đen tự do đã có nhà thờ, trường học và tạo lập những hội đoàn công ích của riêng họ, trong khi người da đen nô lệ thì chỉ nghĩ về gia đình và tôn giáo họ theo. Khi được tự do, người nô lệ cũ cùng người da đen tự do củng cố, mở rộng những thể chế này và tiến tới sự độc lập về kinh tế. Suốt thời kỳ tái thiết, người da đen đặt nền móng cho một kiểu xã hội riêng có gốc rễ từ thời nô lệ nhưng cơ cấu và giá trị thì từ hệ quả của giải phóng.

❖ TỪ NÔ LỆ ĐẾN TỰ DO

Suốt một thời gian dài sau cuộc nội chiến người da đen được giải phóng vẫn còn bị ám ảnh về cảnh nô lệ đã trải qua. Họ vẫn còn căm hận những sự bạc đãi và nhất là cảnh sống nô lệ. Một mục sư người Scotland đến Richmond, ông David Macrae, kể lại ông rất ngạc nhiên khi nghe một nô lệ cũ than phiền vì bị đối xử tồi tệ "mặc dù chưa hề bị đánh đập". "Vậy tại sao anh lại nói anh bị đối xử tàn tệ?" Macrae hỏi. Anh nô lệ được tự do trả lời: "Vì tôi bị giữ làm nô lệ".

Bằng rất nhiều kiểu, những người nô lệ vừa được tự do luôn tìm cách thoát khỏi quyền lực của người da trắng. Họ tìm mọi dịp để không làm theo những quy định đã từng áp đặt cho họ. Tự do họp mặt; làm những nghi thức tôn giáo cho riêng họ mà không có sự giám sát của người

da trắng; nuôi chó; mua súng đạn, rượu; và không nhường đường cho người da trắng. Họ ăn mặc theo ý thích riêng; phụ nữ da đen mặc quần áo lòe lẹt, mang ô (dù), đầu đội mũ và choàng khăn sặc sỡ. Nhiều người da trắng than phiền tính "xấc láo" và "bất trị" của đám người được tự do không còn ngoan ngoãn như khi còn là nô lệ. Tại đồn điền Bradford ở bang Florida liên tiếp xảy ra những vụ đụng độ. Đầu tiên là người đầu bếp da đen nói thẳng với bà chủ "nếu bà muốn ăn cơm thì hãy tự nấu lấy". Còn những người nô lệ cũ khác đang làm việc trên đồng ruộng cũng bỏ đi, đến gặp các binh lính phương Bắc để nghe nói chuyện về "tự do". Chị hầu gái trong gia đình cũng dắt con đi nghe. Khi bà chủ nói ở nhà làm việc thì chị nói lại, "chúng tôi được tự do rồi; chúng tôi muốn làm gì thì đó là quyền của chúng tôi".

Người nô lệ căm ghét nhất là luật lệ không cho phép họ tự do đi lại. Muốn đi đâu thì phải có giấy phép để trình cho các toán tuần tra. Khi được giải phóng, họ tự do đi lại. Khoảng nửa dân số nô lệ cũ ở miền Nam sau ngày có Tuyên ngôn giải phóng nô lệ đã ùa ra đường, đổ xô về các thành phố và thị trấn phương Nam trong và sau chiến tranh. Khoảng giữa các năm 1865 và 1870, dân số da đen tại 10 thành phố lớn nhất miền Nam lúc bấy giờ đã tăng gấp đôi, trong khi dân số da trắng chỉ tăng có 10%. Các thị trấn nhỏ vốn trước đây không cho phép người da đen tới thì nay cũng tràn đầy.

Những di dân tự do da đen đến đô thị tìm việc thường gặp thất vọng nặng nề. Họ đứng đầy tại các chợ lao động và trông đợi có được việc làm, thường là lao động phổ thông với giá rẻ mạt. Họ sống trong những căn nhà ổ chuột ở ngoại vi các thành phố lớn, trước sự đe dọa của bệnh tật và các tệ nạn xã hội khác. Hậu quả là một sự đổi thay lớn lao về

cuộc sống thành thị. Trước chiến tranh, dân da trắng và dân da đen cùng sống rải rác khắp các thị trấn phương Nam nhưng giờ đây với công cuộc tái thiết thì cảnh quan đô thị phương Nam hoàn toàn thay đổi.

Một điều người da đen được tự do quan tâm nhất là tìm lại người thân đã bị bán đi xa trong thời kỳ nô lệ. Một nhân viên Cục vấn đề người được tự do viết: “Công cuộc giải phóng nô lệ chưa thể hoàn tất cho đến khi các gia đình bị ly tán bởi chế độ nô lệ được đoàn tụ”. Một người nô lệ cũ ở bang Texas viết thư nhờ Cục vấn đề người được tự do tìm lại những người thân gồm anh chị em, các cháu trai, gái, chú, dì, và gia đình “anh chị sui” mà anh ta không được gặp lại kể từ ngày anh bị bán đi ở bang Virginia 24 năm trước. Một mẩu tin nhắn trên báo *Người da màu bang Tennessee* xuất bản tại Nashville đăng như sau:

> “Khoảng năm 1849, Thomas Sample mua và đem đi làm nô lệ con gái của tôi là Polly và con trai tên… Tôi xin hậu tạ 100 đô la cho ai giúp mỗi đứa con tôi trở về Nashville, hoặc cho biết hiện nay chúng đang ở đâu”.

Tuy bị chia ly nhưng người da đen luôn giữ các mối liên hệ gia đình chặt chẽ suốt thời kỳ nô lệ. Nhiều gia đình người da đen được tự do ngoài việc nuôi nấng con cái và những người thân còn nhận nuôi thêm con nuôi, thường là con cái của bạn bè hoặc người thân đã qua đời.

Một đặc trưng khác của sự “đổi đời” này là phụ nữ da đen không còn lao động ngoài đồng như nam giới dưới thời nô lệ. Nhiều đồn điền vắng bóng người phụ nữ da đen cùng cày cấy như xưa kia. Có nhiều lý do nhưng rõ nét nhất là phụ nữ da đen giờ đây muốn dành nhiều thời gian để chăm sóc con cái và chu toàn nhiệm vụ nội trợ như nấu cơm, khâu vá và giặt giũ. Tuy nhiên, hiện tượng phụ nữ da đen bỏ lao động để làm nội trợ cũng chỉ có tính giai đoạn mà thôi vì đa số thuộc thành phần nghèo, lại

xảy ra suy thoái vào những năm 1870 nên sau này hầu như mọi người nữ cũng lao động giống như phái nam để mưu sinh. Suốt thời kỳ này có nhiều phụ nữ và trẻ em da đen cùng đi làm việc để kiếm thêm thu nhập cho gia đình, ở những gia đình khá giả hơn thì phụ nữ ở nhà lo việc nội trợ và trẻ em thì tới trường nhưng vào những kỳ nghỉ hay vụ mùa thì tất cả cùng ra đồng làm việc. Tự họ quyết định ra ngoài làm việc hay ở nhà; không ai bắt buộc.

Đối với người da đen, thoát khỏi sự kiềm chế của người da trắng là yếu tố cần thiết của tự do. Cơ cấu tổ chức gia tộc người da đen cũng thay đổi sau ngày giải phóng nô lệ. Mặc dù các nhà sử học không nhắc tới điều người nô lệ da đen vốn theo mẫu hệ nhưng do chủ nô quyết định mọi việc cho cả nam lẫn nữ, mặc nhiên đem lại sự bình đẳng về giới tính cho họ. Và khi được giải phóng, với người chồng, người cha quyết định hầu hết mọi việc thì gia đình người da đen đã dần chuyển qua phụ hệ một cách vô ý thức.

Những vụ việc bên ngoài tổ ấm gia đình là nguyên nhân chính cho sự đổi đời. Quân đội Liên bang tuyển dụng trực tiếp nam thanh niên da đen. Cục vấn đề người được tự do khi lập danh sách các hộ da đen cũng chỉ định người nam làm chủ hộ để ký các hợp đồng lao động chẳng hạn, và nam lao động thường được trả tiền công nhiều hơn nữ lao động. Sau năm 1867, người nam da đen được tham gia bồi thẩm đoàn, bỏ phiếu, điều hành văn phòng, và được thăng cấp trong đảng Cộng hòa. Người nữ da đen, cũng giống như nữ da trắng, không có những quyền này. Các mục sư, thầy giảng, nhà báo, và chính trị gia da đen thường nói tới nhiệm vụ của phụ nữ là giữ cho gia đình luôn là “chốn an bình và tiện nghi” cho chồng, cha… và đòi hỏi phụ nữ phải biết phục tùng chồng.

Tuy nhiên, không phải tất cả phụ nữ da đen đều chấp nhận quyền uy của người chồng trong gia đình. Nhiều phụ nữ đã đưa những xích mích trong gia đình ra trước cơ quan pháp luật. Văn phòng Cục vấn đề người được tự do lưu trữ cả trăm đơn từ khiếu nại của phụ nữ da đen tố cáo chồng hoặc cha đánh đập họ, ngoại tình hay không trợ giúp nuôi dạy con cái. Một số phụ nữ da đen cũng kiện ông chồng đã ký hợp đồng lao động để lĩnh tiền công thay cho họ, đòi được tự tay lĩnh tiền, và không chịu trách nhiệm về các khoản nợ nần của chồng. Nếu sự bãi bỏ chế độ nô lệ chẳng những thể chế hóa gia đình người da đen mà còn phát sinh tình trạng căng thẳng ngay trong gia đình họ thì người nam và nữ da đen cùng muốn duy trì sự ổn định cho cuộc sống gia đình và đây chính là nền tảng cho một cộng đồng da đen mới được phát triển.

❖ XÂY DỰNG CỘNG ĐỒNG DA ĐEN

Đối với người da đen, "nhà thờ" tức là tôn giáo, có ý nghĩa quan trọng thứ nhì, sau gia đình. Thời kỳ tái thiết cũng là lúc họ củng cố và biến đổi tôn giáo. Khi chế độ nô lệ bị tiêu hủy, những người da đen ở thành thị lập tức nắm quyền kiểm soát các nhà thờ của họ. Một kiểu sống đạo mới của người da đen dược hình thành.

Trước chiến tranh, tất cả người da đen, nô lệ hay tự do, đến nhà thờ đều phải ngồi ở phía cuối hay đứng ngoài hành lang trong khi hành lễ. Họ không được dự các lớp học giáo lý ngày chủ nhật và tham gia việc điều hành nhà thờ. Tại những thành phố lớn mặc dù có nhiều người da đen họp thành giáo đoàn riêng và xây dựng nhà thờ cho riêng họ, luật lệ vẫn buộc họ phải có mục sư da trắng dẫn dắt. Sau ngày được giải phóng hầu như tất cả người da đen đều rời bỏ các giáo đoàn có hai chủng tộc. Toàn cảnh tôn giáo ở miền Nam đã thay đổi lớn; người da đen giờ đây có

những nhà thờ và sinh hoạt tôn giáo cho riêng họ. Có hai nguyên nhân cùng kết hợp dẫn đến sự hình thành một tôn giáo độc lập cho người da đen: Người da trắng từ chối sự bình đẳng đối với người da đen trong giáo đoàn; và người da đen muốn được tự khẳng định.

Trên toàn miền Nam, người da đen thoát khỏi nô lệ đem hết của cải của mình để mua đất và xây dựng giáo đường. Khi chưa có giáo đường họ thường cử hành các nghi lễ tôn giáo trong các kiến trúc thô sơ đa dạng: một toa xe lửa bỏ phế, như trường hợp nhà thờ Tin Lành Baptist đầu tiên ở Atlanta (bang Georgia) hoặc một lùm cây như nhà thờ Tin Lành Baptist đầu tiên ở Memphis (bang Tennessee). Giáo đường xây dựng đầu tiên của người da đen là một kiến trúc giữa đống đổ nát trên đường Calhoun ở thành phố Charleston (bang Nam Carolina); đến năm 1866, có thêm 10 nhà thờ nữa được xây dựng ở miền Nam. Ở vùng nông thôn, thường chỉ có một giáo đường để các hệ phái Tin Lành của người da đen luân phiên sử dụng. Đến cuối thời kỳ tái thiết, năm 1877, đại đa số người da đen phương Nam không đến các giáo đường có nhiều người da trắng dự. Tại bang Nam Carolina trước ngày cuộc nội chiến nổ ra, có khoảng 42.000 người da đen theo giáo phái Methodist (Hội Giám lý) đến các nhà thờ của người da trắng nhưng đến những năm 1870 chỉ còn khoảng 600.

Nhà thờ là thể chế xã hội đầu tiên người da đen tạo dựng ở Hoa Kỳ; giáo đường là trung tâm của mọi sinh hoạt: trường dạy học, nơi sinh hoạt xã hội, hội họp chính trị, v.v… ở nông thôn, nhà thờ còn là nơi tổ chức lễ hội, vui chơi ngoài trời và du ngoạn. Ngoài ra nhà thờ cũng là một thứ tòa án thuộc giáo hội phổ biến những giá trị đạo đức, dàn xếp những bất hòa trong gia đình, kỷ luật những ai phạm tội ngoại tình hoặc làm bậy. Tại các cộng đồng da đen, giáo sĩ (thầy giảng) hay mục sư là

người được kính trọng nhất, được quý mến vì có tài hùng biện, tổ chức và xét đoán công minh những vấn đề của cộng đồng và của cá nhân.

Vì thế, các giáo sĩ giữ vai trò trọng tâm trong đời sống chính trị suốt cuộc tái thiết. Charles H. Pearce, người chỉ đạo công việc tái thiết ở bang Florida nhận xét không thể tách rời tôn giáo khỏi chính trị: “Không vị mục sư nào ở Bang này có thể làm tốt nhiệm vụ nếu không biết quan tâm đến nguyện vọng chính trị của giáo dân”. Những giáo sĩ không có mưu đồ chính trị nhiều khi cũng bị lôi cuốn vào hoạt động chính trị. Đôi khi họ bị buộc phải làm nhiệm vụ ghi danh cử tri cho những người da đen mù chữ hoặc phải tranh cử cho một chức danh nào đó. Đã có trên 100 vị mục sư da đen thuộc các hệ phái Tin Lành đến từ miền Bắc hoặc ngay tại miền Nam, có nguồn gốc là người da đen tự do hoặc nô lệ, đã được bầu vào các vị trí lập pháp trong thời kỳ tái thiết.

Suốt thời kỳ tái thiết, chính những nhận thức về tôn giáo của người da đen đã tạo nên chính kiến về các sự vụ việc xảy ra và ngôn từ họ dùng để nói lên khát vọng về sự công bằng và chủ quyền. Người da đen thừa hưởng một phong thái đặc biệt thuộc tín ngưỡng đạo Thiên Chúa ngay từ thời còn là nô lệ. Họ tin Jesus là đấng Cứu Chuộc đem lại sự an ủi khi họ gặp bất hạnh; theo Cựu ước thì họ là dân được Chúa chọn, tương tự như dân Do Thái ở Ai Cập được Chúa cứu khỏi ách nô lệ. Một vị tuyên úy da trắng kể lại năm 1866: “Họ cho rằng họ rất giống ‘con cái nhà Israel’ trong sách Thánh Kinh”.

Một loạt tổ chức xã hội, hội đoàn ái hữu, từ thiện được thành lập cùng với sự lớn mạnh của tôn giáo riêng cho người da đen. Ngay từ thời kỳ đầu của tái thiết, người da đen đã có hàng ngàn tổ chức như trên: hội mai táng, câu lạc bộ hùng biện, nhà nghỉ của hội Tam Điểm (tổ chức

mang tính chất tôn giáo chuyên làm việc từ thiện), đội phòng cháy chữa cháy, đoàn kịch, và hiệp hội kinh doanh. Những tổ chức này thể hiện tinh thần cùng nhau tự cải tiến của người da đen, và tinh thần này cũng lan tỏa đến những người không là thành viên của tổ chức, những người cùng khổ trong xã hội. Những năm 1865 và 1866, dân da đen ở những thành phố lớn như Nashville, Jackson, New Orleans, Atlanta và ở nhiều vùng nông thôn đã quyên góp tiền để lập nhà nuôi trẻ mồ côi, tổ chức bếp từ thiện, trung tâm tìm việc làm, và gây quỹ giúp người nghèo.

Có lẽ sự khát khao về giáo dục là nét nổi bật nhất trong việc tự cải tiến của dân da đen được tự do. Trước chiến tranh, toàn miền Nam, ngoại trừ bang Tennessee không cho phép người nô lệ được đến trường; theo thống kê năm 1860 trên 90% dân số da đen đều mù chữ; chỉ một số ít do tự học (nhờ thiện cảm của chủ nô) hoặc là người tự do được quyền đi học. Tính ham học của người da đen, cho bản thân họ và con cái của họ, làm người da trắng ngạc nhiên. Một giáo viên từ miền Bắc dạy học ở bang Florida cho biết có một bà lão tuổi ngoài 60 rất ham học: "mới biết đọc mà bà ta ôm sách cả ngày, đọc suốt đêm, chỉ mơ thấy sách và khi tỉnh giấc thì chỉ nghĩ đến sách mà thôi".

Các hội từ thiện miền Bắc, Cục vấn đề người được tự do, và chính quyền các bang sau năm 1868 đều là những tổ chức tài trợ cho giáo dục của dân da đen trong thời kỳ tái thiết nhưng chính người da đen đã khởi xướng. Họ đã tổ chức các lớp học ngay từ lúc đầu, có khi ngay tại các nhà kho bỏ hoang, phòng chơi bi-da, hay như ở New Orleans và Savannah họ đã biến các "chợ nô lệ" cũ thành trường sở. Nhiều nhân viên Cục vấn đề người được tự do rất ngạc nhiên khi thấy ở vùng nông thôn người da đen đã có những lớp học tổ chức tại các giáo đường, trong các căn hầm

nhà, hay tại tư gia. Họ còn ngạc nhiên hơn khi thấy ở nhiều nơi, các em học sinh da den đang chỉ cho cha mẹ cách đánh vần, hay dạy học cho các lao động trong giờ nghỉ trưa.

Trên toàn cõi miền Nam vào những năm 1865 và 1866, người da đen lập quỹ mua lại đất, xây dựng trường học và trả lương giáo viên. Có những cộng đồng da đen tự định ra các thứ thuế để có tiền, và nhiều trường tự quy định học phí nhưng lại miễn cho học sinh con nhà nghèo. Nhiều thợ thủ công da đen tình nguyện xây trường không lấy tiền công, và có những gia đình tự nguyện cung cấp nơi ăn ở ngoài tiền lương cho các giáo viên, ước tính đến năm 1870, dân da đen đã tự chi trả trên một triệu đô la cho giáo dục; một việc làm rất đáng tự hào của các cộng đồng da đen. Một cư dân da đen ở thành phố Selma (bang Alabama) viết về một cô giáo da đen năm 1867: “Chúng tôi sẽ không bao giờ quên ơn cô Lucy Lee, một nô lệ cũ, đã là người tiên phong mở lớp dạy học cho con em chúng tôi mà không có sự trợ giúp của những hội đoàn phương Bắc”.

Tất nhiên các giáo viên da đen đầu tiên không tránh khỏi sự chê bai của những người miền Bắc vì họ chỉ biết lõm bõm, không đủ khả năng để dạy. Một giáo viên da đen tự biện bạch, “biết làm sao hơn được vì chưa bao giờ tôi được cắp sách tới trường. Tôi chỉ biết lõm bõm đôi ba chữ nhưng vì không có ai nên tôi phải nhận đi dạy!”. Một điều chắc chắn là những giáo viên da đen này rất nhiệt tình và can đảm nữa. Ở nhiều nơi nhất là vùng nông thôn họ thường gặp phải sự chống đối lẫn đe dọa của cư dân da trắng khi họ đến mở trường cho người da đen. Những giáo viên này ngoài việc dạy học còn đảm nhiệm nhiều công việc khác như giúp những nô lệ được tự do viết đơn, làm hợp đồng, và giúp việc nhà thờ, v.v… Nhiều giáo viên cũng tham gia công việc chính

trường. Trong thời gian tái thiết có ít nhất 70 giáo viên da đen trở thành nghị viên của tiểu bang. Nghị viên Benjamin S. Turner ở bang Alabama là một ví dụ điển hình: Xuất thân là một nô lệ, ông tham gia làm chính trị sau khi được tự do và đã tài trợ xây một trường học ở Selma.

Trường học xây dựng bởi người da đen trong thời kỳ tái thiết là biểu tượng cho sự ra đời của một kiểu cộng đồng mới kết hợp những người da đen tự do với những người da đen được tự do (giải phóng khỏi ách nô lệ), dân da đen miền Bắc với dân da đen miền Nam. Người da đen miền Bắc vốn được tự do từ lâu còn tại miền Nam thì người da đen tự do tập trung ở các thành phố phần đông là tại bang Louisiana. Nhìn chung, người da đen tự do vì được đi học nên có trình độ văn hóa, và điều kiện kinh tế tốt hơn người da đen gốc nô lệ. Tuy cả hai nhóm người da đen này chung sống trong cộng đồng, giữa họ nảy sinh loại tình cảm khá phức tạp. Người da đen tự do một mặt truyền bá kiến thức cho người da đen mới được tự do, mặt khác lại không muốn hội nhập với họ. Có nhiều gia đình da đen tự do giàu có tuy góp tiền xây nhà thờ, trường học cho người được giải phóng nhưng không muốn bị đồng hóa, không cho con họ học chung với con của những gia đình nô lệ cũ. Và cũng có trường hợp con trai, con gái những gia đình da đen tự do nổi tiếng trong xã hội sẵn sàng về nông thôn để dạy học cho con em các gia đình trước đây là nô lệ. Những cô cậu này còn trẻ, ở độ tuổi trên dưới hai mươi; họ là những mục sư và thầy cô giáo đầy nhiệt tình. Nhiều người trong số họ sau này trở thành những nghị viên thành phố và tiểu bang, hoặc viên chức chính phủ.

❖ Ý NGHĨA KINH TẾ CỦA TỰ DO

Người da đen được giải phóng khỏi ách nô lệ chứng tỏ sức mạnh của sự tự do nổi bật nhất trong kinh tế. Tự do mang lại cho họ ý niệm rõ

ràng về mình là "một giai cấp lao động trong nhân dân" từ lâu đã bị bóc lột tàn tệ. Người da trắng trước nay vẫn cho rằng dân da đen không muốn lao động nhưng ngược lại người da đen lại nói chính các chủ điền da trắng "lười biếng", không lao động và chỉ biết hưởng thụ thành quả lao động của người nô lệ da đen. Sự thật thì người da đen được tự do làm việc tương đối ít hơn lúc họ còn là nô lệ mặc dù giờ đây họ được trả công lao động. Lý do: "Tại sao chúng tôi phải làm việc như xưa kia, từ tờ mờ sáng đến tối mịt ở ngoài đồng? Chúng tôi không còn là nô lệ, và chúng tôi chỉ làm việc cho chúng tôi".

Tự do đối với người da đen được giải phóng không chỉ là lao động ít giờ và có tiền công; nó còn có ý nghĩa về điều kiện lao động của họ. Không còn phụ thuộc chủ nô; làm việc theo nhu cầu của cá nhân và cho gia đình. Mong muốn của đa số là lĩnh canh hơn là làm thuê đổi lấy tiền công, hoặc thuê đất canh tác thay vì cấy rẽ. Nói chung, họ muốn có đất để tự canh tác. Đối với họ, "có đất" là biểu hiện của sự độc lập hoàn toàn.

Đây cũng là tâm trạng của tất cả những nô lệ cũ ở khắp nơi: ở Haiti, quần đảo Ca-ri-bê thuộc Anh và Tây Ban Nha, hay Brazin, v.v.. Tất cả đều như không muốn lao động trên các đồn điền họ đã làm nô lệ.

Nhưng có một điểm khác biệt với người nô lệ cũ ở Hoa Kỳ: họ muốn chính phủ Liên bang cấp đất cho họ. Họ đòi được chia một mảnh đất từ đồn điền của các chủ nô cũ. Tại một hội nghị ở Alabama, một đại biểu lên tiếng nói: "Những tài sản mà các chủ nô có là do chúng tôi 'đổ mồ hôi sôi con mắt' làm ra".

Năm 1865 tại nhiều nơi miền Nam, hàng trăm người nô lệ cũ không chịu ký hợp đồng lao động hoặc rời đồn điền của chủ nô; họ nói giờ đây

đất đai thuộc về họ, và đồn điền là tài sản chung của họ. Tại bang Tennessee, những nô lệ cũ trong một đồn điền nọ chẳng những chiếm đoạt ruộng đất mà còn chiếm ngụ cả nhà ở của chủ điền. Cũng có những người da đen được giải phóng rời bỏ đồn điền để sang một bang khác hay về những vùng nông thôn hẻo lánh kiếm đất hay thuê đất để trồng trọt nhưng con số này rất ít vì nhiều lý do: Không có tiền; chủ điền da trắng không bán hoặc nhượng đất. Và họ phải chấp nhận làm thuê hoặc lĩnh canh.

Nhiều người da đen được tự do có chút ít vốn tìm đến các thành phố lớn để mở tiệm buôn bán các mặt hàng "thượng vàng hạ cám". Họ đi về nông thôn mua các nông sản phẩm như đường, phô mai, cá mòi, và vải vóc, v.v… để về bán lại. Họ nhanh chóng nắm bắt quy luật cung và cầu của thị trường và biết cách chi phối thị trường. Họ cũng dành dụm tiền bạc để xây nhà thờ, trường học và gửi con em đi học.

Những người da đen thành thị thì làm công nhân trong các nhà máy, cơ xưởng và dần dà ý thức được quyền lợi của họ. Trong thời kỳ tái thiết đã xảy ra những vụ đình công đòi tăng lương của lao động da đen như công nhân nhà máy ở Richmond, thợ giặt nữ ở Jackson, phu bốc vác ở New Orleans và Savannah, thợ cơ khí ở Columbus (bang Georgia). Tại nông thôn, các lao động cũng ra yêu sách đòi có hợp đồng tập thể với mức tiền công cao và đồng nhất cho tất cả các phu đồn điền.

Tuy nhiên, những ký ức về thời kỳ nô lệ trên các đồn điền đã khiến những lao động da đen được tự do từ chối làm những việc có lợi nhuận cao như trồng bông vải. Họ nói "bông vải là hoa màu của sự nô lệ". Một nô lệ cũ ở bang Georgia nói thẳng thừng với người chủ thuê mướn anh ta: "Nếu ông muốn trồng bông vải thì ông tự làm lấy đi".

Trái lại, họ chỉ muốn trồng các cây lương thực để tự nuôi sống chứ không cần biết giá trị của bông vải trên thị trường. Warren Kelsey, đại diện một công ty chế biến bông vải ở miền Bắc nhận xét:

> "Tham vọng duy nhất lúc này của người da đen được tự do là sở hữu một khoảnh đất nhỏ đủ để xây cất một căn nhà, sống bình an và được hưởng những thú vui đơn sơ. Nếu muốn họ sẽ canh tác bông vải ngay trên thửa đất của mình theo khả năng và sở thích chứ không phải làm theo giờ giấc người khác quy định. Trường hợp họ thích trồng ngô hay khoai thì họ có thể bỏ cây bông để trồng ngô, khoai; không bị cấm cản. Đó là ý tưởng, nguyện vọng và mong muốn của người nô lệ cũ".

Nhưng có đất không thôi cũng chưa thể bảo đảm cuộc sống thoải mái cho người da đen. Họ cần phải có vốn và khả năng thâm nhập thị trường. Hơn nữa, nếu cơ cấu chính trị địa phương không thiện cảm thì họ phải chịu sưu cao thuế nặng cùng những chính sách gò bó, không để họ được phát triển kinh tế. Việc tái phân bố ruộng đất rõ ràng không phải là liều thuốc trị bách bệnh mà nó còn có tác dụng sâu xa đến nền kinh tế phương Nam, làm suy yếu sức mạnh kinh tế chính trị của giai cấp thống trị miền Nam cũ, và buộc người nô lệ được giải phóng phải từ bỏ ý muốn được tự chủ về kinh tế để chấp nhận đi làm công ăn lương.

Chính ý muốn độc lập về kinh tế của người da đen chẳng những làm lung lay các nền tảng kinh tế chính trị phương Nam mà còn đẩy người được giải phóng vào thế đối kháng với những chủ nô cũ muốn lập lại kỷ cương lao động trong các đồn điền và những nhà kinh doanh phương Bắc muốn thúc đẩy sản xuất cây bông vải. Nhiệm vụ trọng tâm của các cộng đồng da đen là xác định rõ ý nghĩa của tự do. Những nguyện vọng của họ, từ quyền tự quyết về gia đình đến việc xây dựng nhà thờ, trường

học có được thỏa mãn hay không phụ thuộc việc họ có muốn lao động hay không và biết khai thác những tài nguyên kinh tế của miền Nam.



Dân Da Đen được tự do chào mừng Tổng thống Lincoln tuyên bố Bộ Luật Bãi Nô: Ảnh chụp tại phía bắc bang Virginia, gần Winchester [báo Thế Giới qua Tranh Ảnh (Le Monde Illustré), 21/3/1863]



Hình một trung sĩ da đen vô danh trong cuộc Nội chiến [Hội Sử Học Chicago]



Robert G. Fitzgerald trong bộ quân phục Hải quân, 1863. Sau thời gian phục vụ trong quân đội, Bộ binh và Hải quân, Fitzgerald dạy học tại các bang Virginia và Bắc Carolina (Điền trang Pauli Murray).



Dân Da Đen di tản lánh nạn đang băng qua sông Rappahannock, bang Virginia, năm 1862 [Thư Viện Quốc Hội]



Buổi họp kín của những người phương Nam thân phe Liên Bang [Tuần báo Harper’s, 04/8/1866]



Bạo loạn tại New York: Đám đông treo cổ một người Da Đen



Cảnh đổ nát ở Tp. Richmond [Thư Viện Quốc Hội]

TRỤ CỘT CỘNG ĐỒNG DA ĐEN: TRƯỜNG HỌC, NHÀ THỜ, GIA ĐÌNH.



Cô giáo Laura M. Towne và các học trò, 1866. Towne là một trong những thành viên nhóm “Gideonites” từ lúc đầu, cô dạy học trên các đảo Nam Carolina cho đến khi qua đời năm 1901 (Thư viện Công cộng ở New York, Trung tâm Nghiên cứu Văn hóa Người Da đen Schomburg).



Buổi cầu kinh. [Tuần báo Harper’s, 02/02/1867]



Một gia đình người Da Đen [Hội Lịch sử New York]

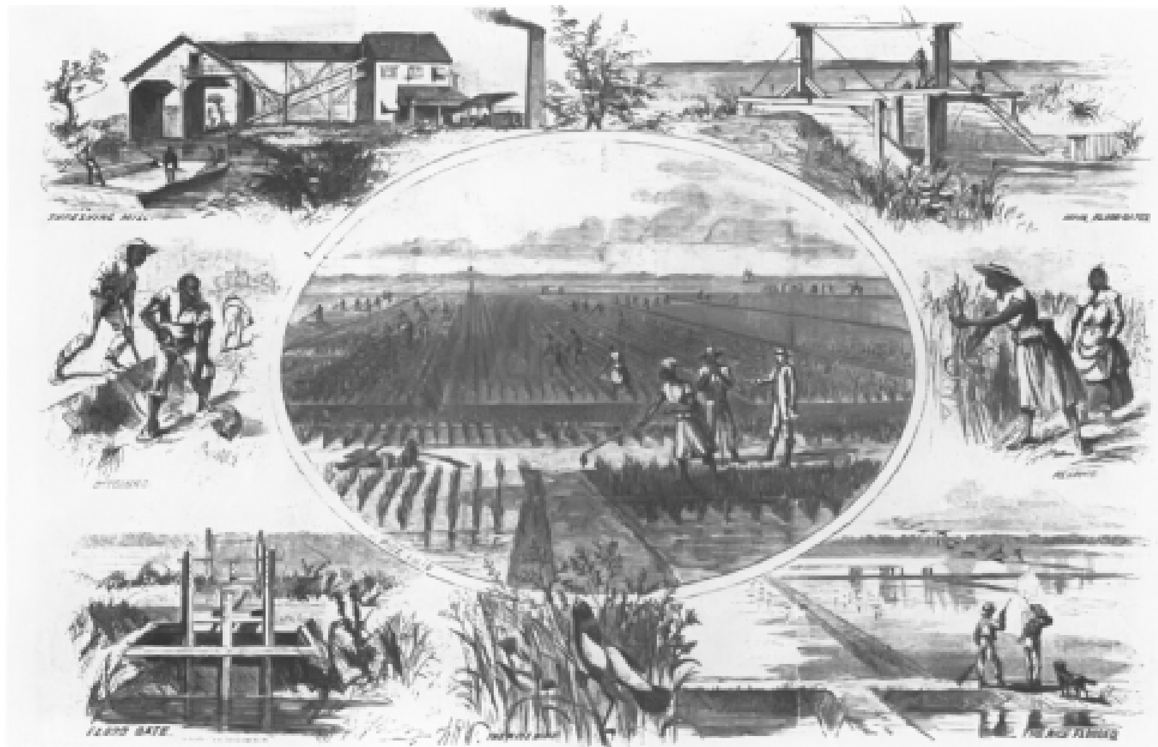


“Cục Những Người Thoát Nô”, giữ vai trò cổ vũ sự an bình về màu da ở Miền Nam sau Nội chiến [Tuần báo Harper’s, 25/07/1868]

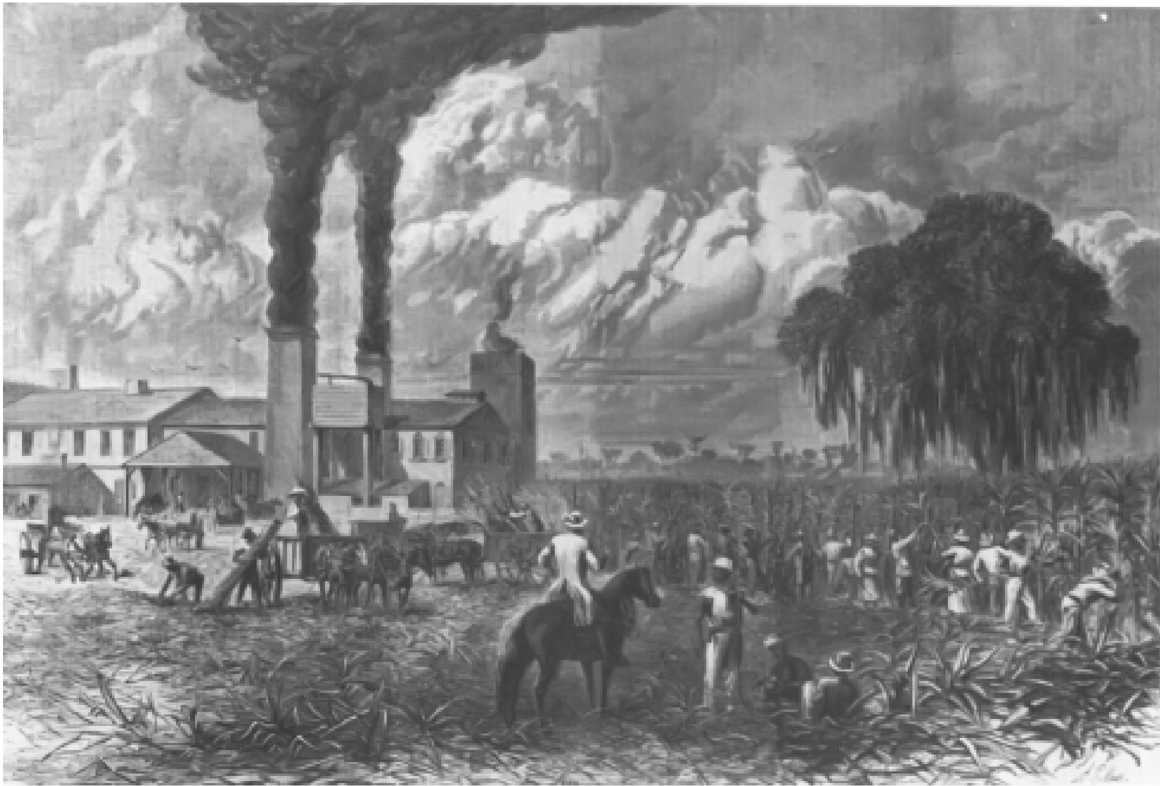


Biểu ngữ cổ động Đảng Dân Chủ trong cuộc vận động tranh cử Quốc hội và Thống đốc Bang Pennsylvania năm 1866 (Thư viện QH).

LAO ĐỘNG Ở MIỀN NAM: DÂN DA TRẮNG VÀ DÂN DA ĐEN



“Văn hóa Lúa nước ở Ogeechee gần Tp. Savannah, bang Georgia.” [Tuần báo Harper’s, 05/01/1867]



“Thu hoạch mía ở bang Louisiana.” [Tuần báo Harper’s, 30/10/1875]

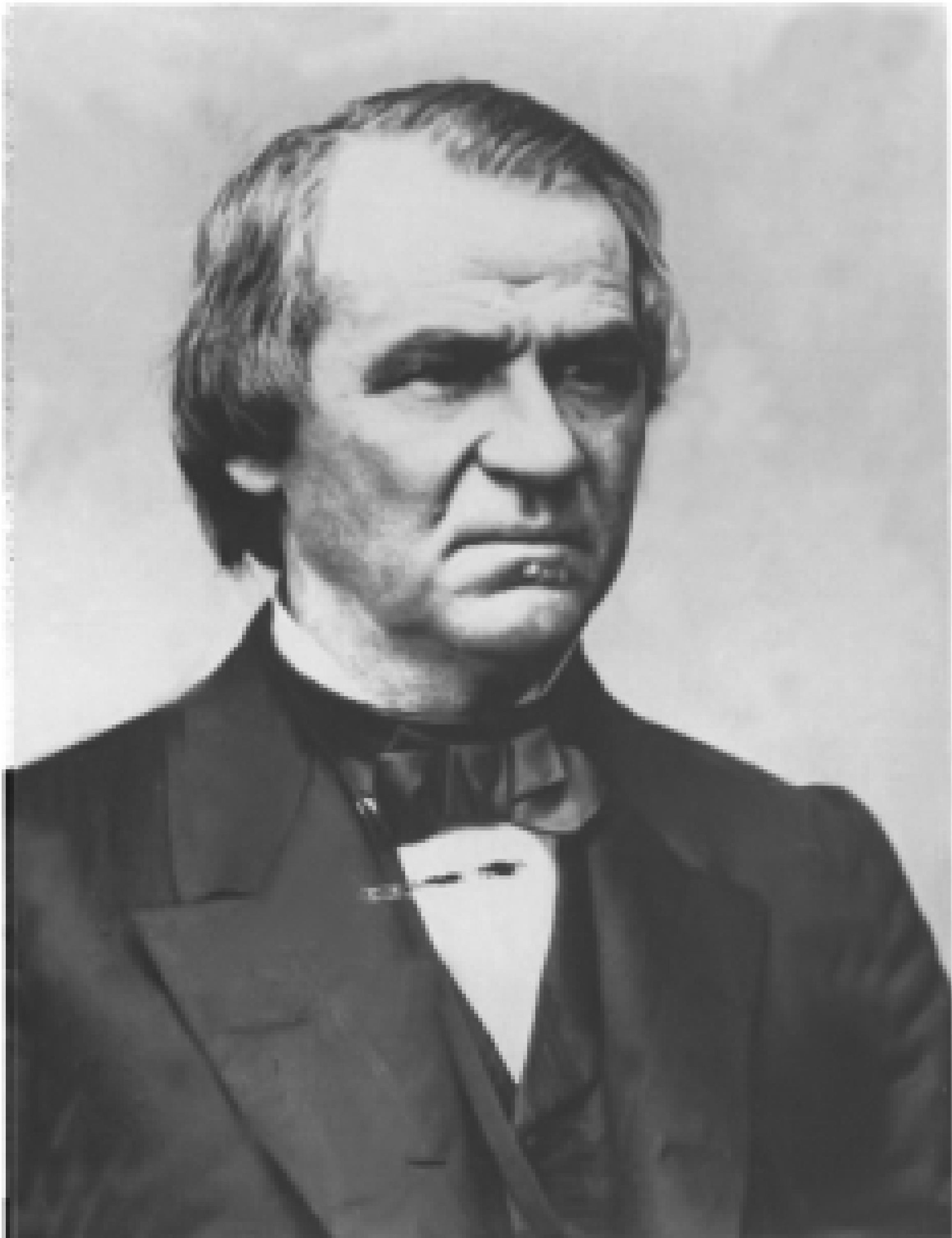


“Thợ hái bông vải” [Hội Sử học New York]



“Gia đình nông dân vùng thượng du; mặc vải tự dệt - Vùng Núi Cedar, bang Virginia” [Thư Viện QH]

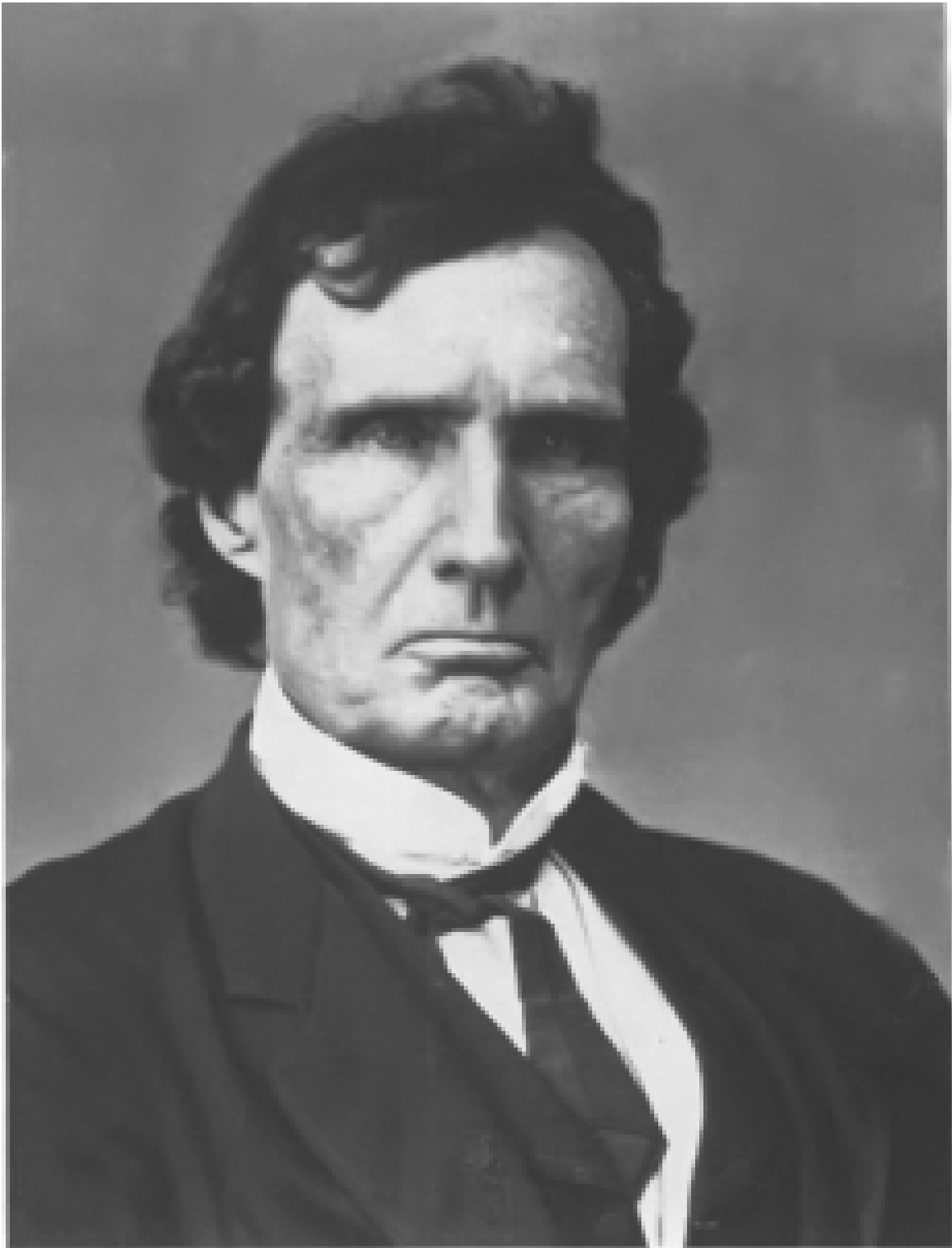
NHỮNG CHÍNH KHÁCH CHỦ YẾU TRONG CUỘC TRANH LUẬN VỀ TÁI THIẾT



Andrew Johnson, Tổng thống thứ 17 của Hoa Kỳ. [Thư viện QH]



Thaddeus Stevens, Hạ nghị sĩ bang Pennsylvania, thủ lãnh khối dân biểu đảng Cộng Hòa; là một chính khách cấp tiến trực tính.



Lyman Trumbull, Thượng nghị sĩ bang Illinois, Chủ tịch ủy Ban Luật pháp; tác giả các dự luật về Dân Quyền và Cục Những Người Thoát Nô, năm 1866. [Thư viện QH]



Charles Sumner; Thượng nghị sĩ bang Massachusetts; nhà hùng biện về sự bình đẳng trước pháp luật. [Thư viện QH]

❖ **NGUỒN GỐC CHÍNH TRỊ CỦA NGƯỜI DA ĐEN**

Vì mục đích giành quyền tự chủ người da đen tự rút khỏi các tổ chức tôn giáo và xã hội do người da trắng điều hành và tự quyết định số phận nhưng họ cũng hiểu chữ "tự do" có nghĩa là kết hợp thay vì chia rẽ. Và như thế trong thời kỳ tái thiết đã nảy sinh trào lưu đòi quyền công dân bình đẳng cho người da đen. Suốt mùa xuân và mùa hạ năm 1865 liên tiếp xảy ra hàng loạt các cuộc họp mặt, diễu hành cùng những đơn thỉnh cầu của người da đen đòi quyền bình đẳng dân sự và quyền bầu cử, coi đây là những hệ quả tất yếu của việc bãi bỏ chế độ nô lệ. Khoảng giữa mùa hè năm này hình thành những "hội đoàn kín" của người da đen cấp tiến tại các thành phố lớn bang Virginia. Đầu tiên dân da đen ở Richmond xuống đường phản đối quân đội vây bắt những "người đi lang thang" để buộc lao động trong các đồn điền; sau đó họ biểu tình đòi quyền đi bầu và phế bỏ "ngụy quyền" tại địa phương.

Năm 1865 và đầu năm 1866 nhiều hội nghị cấp tiểu bang diễn ra khắp miền Nam, là bằng chứng rõ nét nhất về tổ chức chính trị của người da đen. Rất nhiều thành phần tham dự những cuộc họp này: đại biểu của địa phương, nhà thờ, các hội đoàn ái hữu, liên đoàn thuộc trung ương, đơn vị quân đội da đen, và cả những người tự phong cho mình là đại biểu. Các đại biểu gồm nhiều màu da và "có lẽ đại diện cho nhiều thành phần khác nhau trong xã hội" nhưng nổi bật nhất vẫn là những người lai da đen; họ giữ những vai trò quan trọng nhất trong các đại hội. Dân da đen nô lệ cũ thì hầu như không giữ vai trò nào. Nhưng kể từ năm 1865 nhiều nhóm thành phần khác bắt đầu nổi. Tại bang Mississippi, trước chiến tranh có rất ít người da đen tự do, các cựu chiến binh xuất thân là nô lệ và người thân của họ chiếm số đông trong các hội nghị. Các

bang Alabama và Georgia thì có nhiều đại biểu là mục sư, thầy giảng. Thợ thủ công hầu như có mặt tại tất cả các hội nghị.

Sự nổi lên của người da đen tự do, mục sư, thợ thủ công và các cựu quân nhân da đen tại các đại hội báo trước thứ chính trị của người da đen trong suốt cuộc tái thiết. Nhiều đại biểu trong các hội nghị bang sau này trở thành những chính khách nổi tiếng, như James T. Rapier, dân biểu bang Alabama; James D. Lynch, bộ trưởng ngoại vụ của bang Mississippi. Tại các bang miền Nam, xu hướng hoạt động chính trị phát triển nhanh ở các thành phố và vùng nông thôn do quân đội Liên bang chiếm đóng trong thời chiến hơn là ở những quận, hạt có nhiều đồn điền, là những nơi tụ tập đa số nô lệ da đen được giải phóng. Tại hai bang Louisiana và Nam Carolina, người da đen tự do tham gia hoạt động từ trước vẫn tiếp tục nắm giữ vai trò lãnh đạo trong thời tái thiết, ở những bang khác, nhiều nhóm lãnh tụ da đen mới xuất hiện; họ là những người da đen tự do từ các vùng khác đến thế chỗ cho những người tiên phong vào năm 1865.

Những cuộc tranh cãi tại các hội nghị cho thấy những dòng tư tưởng trái nghịch nhau trong các nhóm người da đen sau ngày giải phóng nô lệ. Nhiều cãi vã căng thẳng giữa họ thỉnh thoảng xảy ra như trường hợp một đại biểu da đen tức giận khi một đại biểu da đen từ miền Bắc được chọn làm chủ tịch kỳ đại hội ở bang Bắc Carolina. Nhưng nhìn chung các diễn biến đều không có sự bất đồng lớn lao nào và hầu hết các đại biểu đều bàn luận và đi đến những vấn đề thống nhất người da đen. Tại đại hội bang Nam Carolina các đại biểu đòi người da đen có những cơ hội và đặc quyền như người da trắng: quyền đi học, mang vũ khí, tham gia bồi thẩm đoàn trong các vụ xử án, xuất bản báo chí, tụ họp trong trật tự, và nhất là quyền tham gia các hoạt động nông nghiệp, thương mại,…

Mối quan tâm hàng đầu của các đại biểu tại các hội nghị là sự bình đẳng trước pháp luật và quyền bầu cử. Để chứng minh cho yêu sách về quyền bầu cử họ nhắc lại truyền thống Cộng hòa ở Mỹ đặc biệt là bản Tuyên ngôn độc lập - "Định nghĩa bao quát, sâu sắc, toàn diện và trung thực nhất về tự do của con người chưa từng có trên thế giới". Đại hội của những người da đen tự do bang Bắc Carolina mô tả cuộc nội chiến và giải phóng nô lệ như những giai đoạn của nền văn minh tiến bộ, hiện thân những căn bản của "chân lý" đã nêu trong điều lệ về tự do của đảng Cộng hòa là bản Tuyên ngôn độc lập. Ngôn từ này không chỉ dành riêng cho các đại biểu tham dự hội nghị. Mười một người da đen bang Alabama than phiền về những gian dối trong hợp đồng, bất công của tòa án cùng những sai trái khác, đã hô to: "Đây không phải là sự mưu cầu hạnh phúc".

Tương tự như các bạn phương Bắc trong nội chiến, người da đen miền Nam cũng đòi được xác minh vai trò trong lịch sử, vận mệnh và hệ thống chính trị của dân tộc. Qua các đơn từ, báo cáo các cuộc họp mặt của người da đen gửi cho các sĩ quan quân đội Liên bang, Cục vấn đề người tự do, các cơ quan chức năng thuộc Liên bang và tiểu bang, và quyết định của các đại hội gửi đại diện đi Washington để tranh đấu cho quyền lợi người da đen có thể thấy dân da đen phần nào có ảnh hưởng tới đường lối chính trị. Tại một hội nghị ở Norfolk (bang Virginia), các đại biểu da đen đã hô to: "Chúng ta là người Mỹ. Chúng ta không có tổ quốc nào khác; chúng ta yêu đất nước nơi chúng ta đã sinh ra". Tiếng hô của họ nhắc nhở người da trắng ở bang Virginia câu nói: "cha ông chúng tôi cũng như cha ông các bạn đã phải vất vả trên các đồn điền bên Sông James" và sự kiện Crispus Attucks, người da đen, đã là người đầu tiên

“đổ máu” trong cuộc Cách Mạng Hoa Kỳ. Có nhiều người da đen đã chiến đấu và hy sinh để bảo vệ Liên bang. Một hội nghị cũng đã kết luận: “Hoa Kỳ giờ đây là tổ quốc của chúng ta vì thật sự là nơi đã thấm máu của những người anh em chúng ta”.

Bất kể những lời hô hào đòi các quyền bình đẳng, nghị quyết các hội nghị và các bài diễn văn trước công chúng thường ôn hòa, chỉ đề nghị người da trắng miền Nam thông cảm. Hội nghị ở bang Nam Carolina tuy nói thẳng thừng về quyền bình đẳng dân sự và chính trị cũng chỉ nhắc tới quyền lợi của “hàng triệu người bị đàn áp” và hứa hẹn “tính hiền hòa” của người da đen đối với thiểu số da trắng, ý thức về “tài sản và sự cao quý của người da trắng cùng sự nghèo khổ và yếu kém của dân da đen”.

Ở một mức độ nhất định, giọng điệu ôn hòa này phản ánh sự thừa nhận thực tế về tình hình chính trị lúc Tổng thống Johnson tái lập quyền hành cho người da trắng miền Nam và Quốc hội chưa đưa ra chính sách tái thiết. Nhưng sự hỗn hợp giữa “tính cấp tiến” và “hòa giải” này cũng cho thấy cấp lãnh đạo da đen mới nổi cũng có nhiều do dự - những nhà lãnh đạo này nguyên là những người da đen tự do ở thành thị, các mục sư, nhà giáo vốn có mối giao hảo hài hòa với dân da trắng địa phương và không bị đau khổ như người nô lệ cũ ở nông thôn.

Cũng không có chương trình phát triển kinh tế nào được đưa ra tại các đại hội. Chỉ ở cấp địa phương các đại biểu mới đề cập vấn đề đất đai. Giới lãnh đạo các hội nghị cũng chỉ nói đến sự “trợ giúp lẫn nhau” về vốn và lao động, hô hào tự thăng tiến. Những điều này cho thấy các lãnh tụ mới nổi chỉ quan tâm nhiều đến sự bình đẳng về chính trị và phương thức tự phát triển, ít quan tâm đến người nô lệ cũ ở nông thôn khát khao có đất.

Tuy nhiên, những hội nghị ban đầu này của người da đen cũng đã chỉ ra nhiều phương thức vận động chính trị. Như tại bang Tennessee nhiều đại biểu sau khi dự hội nghị trở về địa phương liền xúc tiến phổ cập giáo dục trong cộng đồng da đen, phản kháng với chính quyền địa phương và Cục vấn đề người tự do về các vụ bạo lực và vi phạm hợp đồng, đấu tranh không cân xứng tại tòa án nhằm bảo vệ công lý cho người da đen. Hiến chương của Hiệp hội giáo dục và quyền bình đẳng bang Georgia, ra đời ở kỳ đại hội tháng 1 năm 1866, trở thành "trường học dạy cho người da màu biết về quyền lợi của họ". Đến cuối năm này Hiệp hội có chi nhánh tại 50 hạt, quận, và các buổi họp luôn có tới 2.000 người nô lệ cũ tham dự. Họ đến để nghe tin tức thời sự trong ngày và đọc các sách báo của đảng Cộng hòa.

Nhìn chung, cuộc vận động chính trị của người da đen không đồng đều, có nơi mạnh, có nơi yếu. Nhiều tiểu bang tiến hành liên tục trong hai năm, 1865 và 1866 nhưng cũng có nhiều tiểu bang như Mississippi thì như thể bất động cho đến năm 1868 khi người da đen được quyền bầu cử.

Hầu như không có hoạt động chính trị nào tại Vành đai Đen nhưng nhiều người da đen vùng này cũng hay biết có những cuộc thảo luận về tái thiết tại Quốc hội và về đạo luật quyền công dân ban hành năm 1866. Tờ *Diễn đàn New Orleans* số tháng 9 năm 1866 viết: "Người da đen ngày nay không giống như cách đây sáu năm… Họ biết rõ về quyền lợi của mình vốn bị xâm phạm đã bao lâu nay". Nhưng chỉ từ 1867 người da đen mới tham gia vào chính trường tuy chỉ giới hạn ở tổ chức, lãnh đạo và ý thức hệ dẫn tới việc đòi hỏi sự bình đẳng cho mọi công dân vốn đã nhen nhúm từ những năm đầu tiên được giải phóng khỏi nô lệ.

❖ BẠO LỰC VÀ CUỘC SỐNG THƯỜNG NGÀY

Cuộc vận động chính trị, xã hội và tôn giáo của cộng đồng người da đen ở miền Nam đã gặp phải làn sóng bạo lực xảy ra trong thời hậu chiến. Nạn nhân của những vụ bạo lực này là người nô lệ được giải phóng và kẻ thủ ác thường là người da trắng.

Ở nhiều nơi, làn sóng bạo lực này tới đỉnh điểm của tội ác, với quy mô rộng lớn ngay sau khi chiến tranh chấm dứt. Riêng tại thành phố Shreveport, bang Louisiana, có hơn 2.000 người da đen bị tàn sát dã man trong năm 1865. Gần bên thị trấn Pine Bluff, bang Arkansas, cả khu định cư của dân da đen bị thiêu hủy ra tro, các cư dân gồm đàn ông, đàn bà và trẻ em bị treo cổ.

Mức độ lan tỏa bạo lực cho thấy người da trắng dùng cách riêng để đối phó sự giải phóng nô lệ da đen và sự tự khẳng định quyền tự chủ của mình trong gia đình, xã hội và ở nhà thờ. James Jeter, một nô lệ cũ ở bang Georgia bị những người da trắng đánh đến gần chết vì anh đã đánh roi đứa con của mình. Chỉ những người chủ da trắng mới có quyền đánh đòn con của anh! Có những việc làm, lời nói chỉ người da trắng có quyền còn người da đen thì không. Một điền chủ ở bang Bắc Carolina than phiền với sĩ quan quân đội Liên bang rằng hắn bị một binh sĩ da đen xúc phạm; người lính da đen này đã cúi gập người chào hắn! Hắn nói dân đen không được phép nói trước người da trắng! Báo cáo của Cục vấn đề người tự do cho biết từ năm 1865 đến 1868 đã xảy ra khoảng 1.000 vụ giết hại dân da đen vì những lý do rất vớ vẩn: không giở mũ khi gặp người da trắng; không giấu ly rượu đang cầm tay khi có người da trắng bước vào phòng,… Những cử chỉ hung bạo này cũng không tha phụ nữ và trẻ em. Một phụ nữ da đen bị người chủ da trắng đánh đập tàn nhẫn vì tội đã có

lời lẽ xấc láo; một phụ nữ khác cũng bị đánh đập vì không "thưa ông chủ"; một bé gái bị đánh vì đã khóc khi thấy mẹ bị chủ đánh đập.

Làn sóng bạo lực này xảy ra cho thấy phản ứng thô bạo của những chủ nô da trắng cũ trước cao trào đòi tự do và quyền công dân của những nô lệ da đen cũ. Người da trắng phải chứng kiến trật tự xã hội cũ bị đẩy lùi trong khi một trật tự mới chưa được xác lập. Nguyên thống đốc bang Bắc Carolina, David L. Swain, nhận xét vào năm 1865: "Lúc người nô lệ được giải phóng thì cũng là lúc bắt đầu của chiến tranh".



4

TÍNH CHẤT MƠ HỒ CỦA LAO ĐỘNG TỰ DO

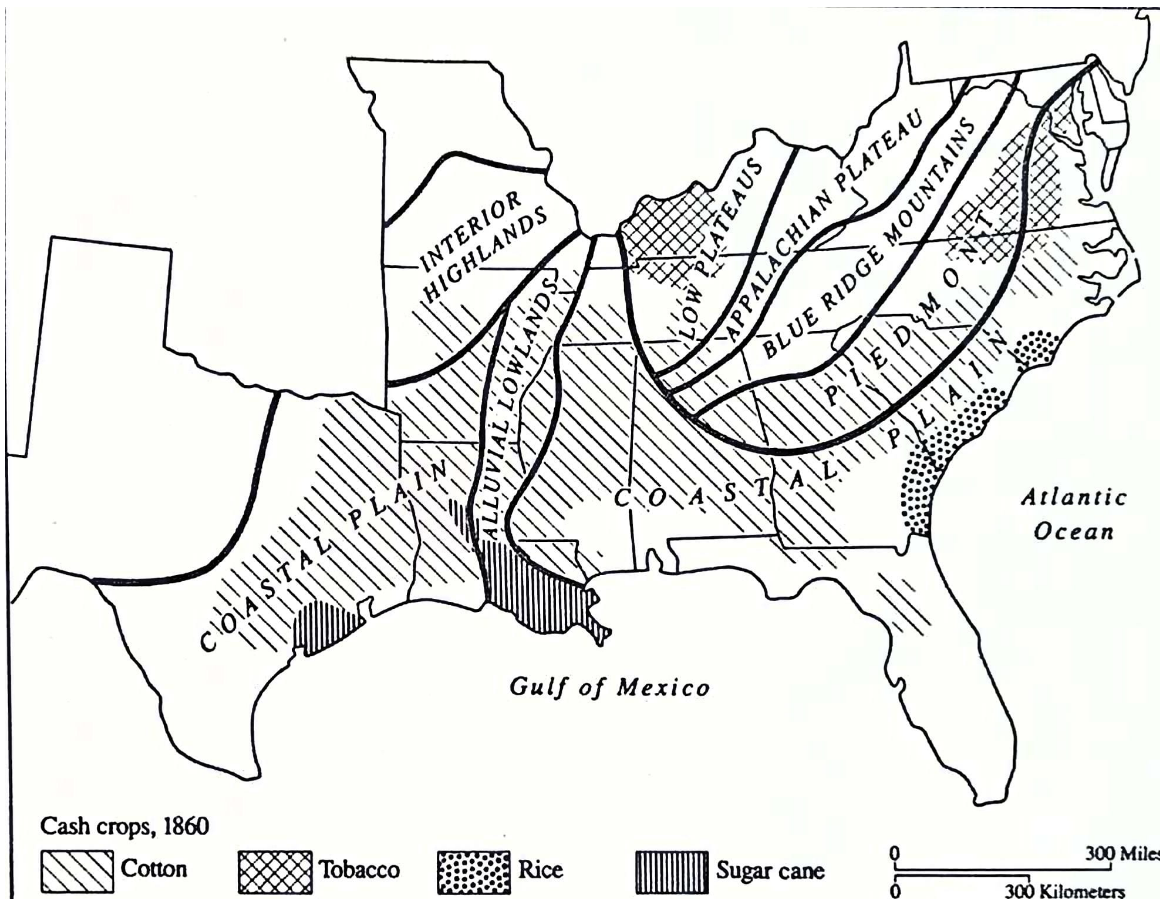
Sau khi nội chiến chấm dứt các phóng viên báo chí miền Bắc đổ xô về miền Nam và các báo cáo của họ đều nói về một xã hội bị tàn phá nặng nề. Những nơi nào quân Liên bang đi qua chỉ còn là những vùng đổ nát. Thung lũng Shenandoah trước chiến tranh được xem là vùng lúa mì lớn của bang Virginia nhưng giờ đây chỉ là một “hoang địa”, ở đây, các kho lúa mì và nhà cửa trong các nông trang đều bị thiêu rụi; hàng rào, máy móc dụng cụ bị phá tan; gia súc bị giết chết hay bắt đi. Vùng đất phía bắc bang Alabama, nơi diễn ra các trận đánh giữa quân Liên bang và quân Liên minh miền Nam suốt ba năm trời, đặc biệt là “sự phẫn nộ của đạo kỵ binh Liên bang hồi đầu năm 1865”. Trên đường hành quân của tướng Sherman tại bang Georgia và Nam Carolina chỉ còn lại đổ nát; mọi nơi đều có chứng tích của chiến tranh hủy diệt. Một cư dân bang Georgia viết trong nhật ký kể lại cuộc hành trình bằng xe lửa qua “vùng hoang địa”, “Ở đâu tôi cũng chỉ thấy những cột nhà cháy, nhiều ống khói lò sưởi xiêu vẹo,… tất cả đều do những hành động phá hoại!”

Chẳng những nhà cửa, kho xưởng, trại chăn nuôi trong các nông trại bị tàn phá mà hầu như mọi công trình kiến trúc thủy lợi như đê điều, kênh mương cũng chung số phận; chắc chắn phải mất thời gian dài để phục hồi nông nghiệp tại miền Nam. Nhưng tổn thất về người là hậu quả khủng khiếp nhất của chiến tranh. Trên 37.000 người da đen, đa số trong quân đội Liên bang, và hàng chục ngàn người khác thuộc tàn dư của quân đội Liên minh miền Nam đã bỏ mạng hoặc biến thành phỉ. Chiến tranh đã cướp đi mạng sống của gần 260.000 binh sĩ da trắng trong quân đội Liên minh miền Nam, tương đương một phần năm dân số da trắng phái nam ở miền Nam lúc bấy giờ. Toàn bộ cơ cấu kinh tế miền Nam sụp đổ; nặng nhất là những thiệt hại về nông nghiệp. Từ 1860 đến 1870, diện tích trồng trọt ở phương Nam thu hẹp thê thảm. Đàn ngựa (dùng để cày bừa) giảm 29%; đàn lợn giảm 35%; giá trị sản xuất của nông trang nông trại giảm 50%. Giá trị thật năm 1870 của tất cả tài sản không kể trị giá nô lệ giảm 30% so với lúc trước chiến tranh. Và giá trị của các nông sản chủ lực như bông vải, gạo, đường, thuốc lá và cây lương thực như bắp và khoai tây đều giảm sút so với trước chiến tranh. Tướng Liên minh miền Nam Braxton Bragg sau chiến tranh trở về trang trại của ông ở bang Alabama trước đây vốn rất sung túc đã thốt lên lời ta thán: "Mất hết rồi, mất tất cả! Chỉ còn nợ nần mà thôi!".

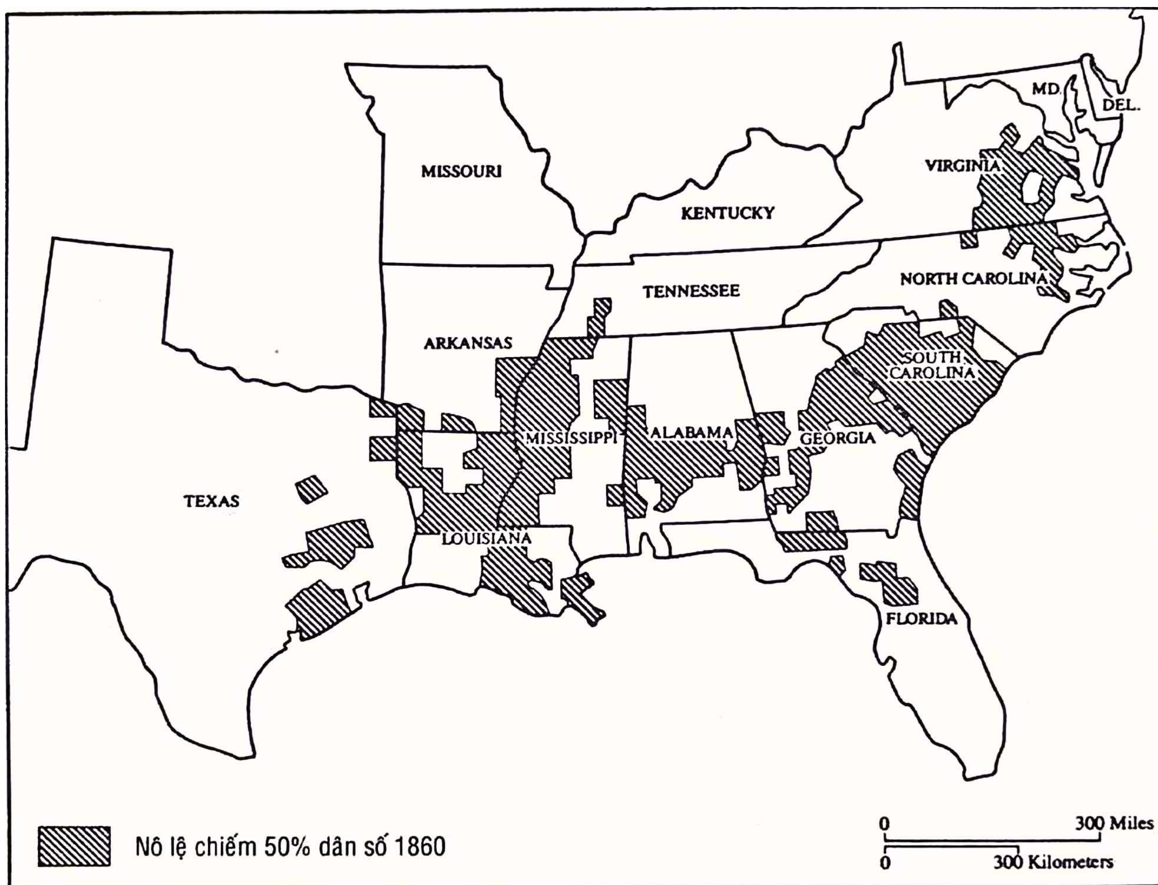
Việc phục hồi kinh tế miền Nam không chỉ gồm việc xây dựng lại các nông trại, đồn điền và cầu cống mà còn phải tái lập trật tự xã hội. Cả một xã hội trật tự biến mất sau chiến tranh; giờ đây cần phải tái lập trật tự theo nhiều cách ở các nơi khác nhau trên toàn miền Nam. Nhưng đối với người da đen cũng như da trắng chiến tranh chấm dứt đã đưa đến một tình trạng lộn xộn như không bao giờ kết thúc.

❖ NHỮNG NGƯỜI CHỦ NÔ KHÔNG CÓ NÔ LỆ

Thật sự ở Hoa Kỳ chế độ nô lệ không phải hoàn toàn bao trùm miền Nam. Trên vùng vành đai các đồn điền, nơi có đất đai phì nhiêu nhất nước và có nền kinh tế nông nghiệp giàu mạnh và cũng là nơi tập trung đông đảo các nô lệ nhất, đã hình thành một giai cấp thống trị với đầy đủ các định chế văn hóa, chính trị và xã hội, từ trường học, nhà thờ đến chính quyền địa phương để phục vụ lợi ích của giai cấp. Giai cấp này làm chủ những đồn điền rộng lớn bao la chuyên canh những hoa màu giá trị cao trên thị trường thế giới; họ đòi hỏi một lực lượng lao động có kỷ luật. Giờ đây, những lao động nô lệ được tự do nên các đồn điền đều thiếu người làm nhất là ở những nơi các lao động da đen tự do được quyền mua hoặc thuê đất đai. Điều tệ hại nhất là các chủ điền không dễ sai khiến người lao động da đen trong nông trại của mình. Tranh chấp thường xuyên xảy ra giữa chủ điền da trắng và lao động da đen nguyên là nô lệ cũ: giới chủ điền muốn lập lại tôn ti trật tự trong lao động còn người lao động thì muốn chứng tỏ mình tự do trên mọi mặt cuộc sống.



INTERIOR HIGHLANDS
ALLUVIAL LOWLANDS
LOW PLATEAUS
APPALACHIAN PLATEAU
BLUE RIDGE MOUNTAINS
PIEDMONT
COASTAL PLAIN
COASTAL PLAIN
COASTAL PLAIN
Atlantic Ocean
Gulf of Mexico
Cash crops, 1860
Cotton
Tobacco
Rice
Sugar cane
0 300 Miles
0 300 Kilometers



Các chủ nhân đồn điền phương Nam là giới chịu tổn hại nhiều nhất do cuộc nội chiến về đủ các mặt vật chất và tinh thần. Hàng ngàn thanh niên thuộc các gia đình da trắng giàu có phương Nam đã bỏ mạng trong cuộc chiến; nhà cửa, nông trại bị tiêu hủy, tài sản mất sạch; các nô lệ được giải phóng, nói chung họ chẳng còn gì để bước vào giai đoạn tái thiết.

Đối với giới chủ điền cũng như những nô lệ cũ, thảm bại của Liên minh miền Nam và sự bãi bỏ chế độ nô lệ tạo ra những tình huống khó khăn trong quan hệ về chủng tộc và giai cấp. Đầu tiên là tính chất gia trưởng trong quan hệ giữa chủ nô và nô lệ thời kỳ trước chiến tranh nay không còn tồn tại vì mọi quan hệ giữa giới chủ nhân với người làm công

giờ đây do thị trường quyết định và người nô lệ cũ thì không ngừng chứng tỏ mình là người tự do. Một nhà báo miền Nam năm 1865 đã viết: "Luật pháp đã giải phóng nô lệ da đen, đồng thời cũng giải phóng luôn giới chủ nhân và xóa bỏ những ràng buộc về quan hệ giữa chủ nô và nô lệ cũ ngoại trừ lòng nhân ái".

Nhưng, lòng nhân ái hầu như không tồn tại sau chiến tranh và giải phóng nô lệ. Nhiều chủ điền đã không ngần ngại đuổi khỏi nông trại những người da đen già yếu bệnh tật không còn sức lao động và biến những quyền lợi cơ bản của người nô lệ cũ như ăn *ở*, quần áo, giải trí thành "hàng hóa" để tính tiền. "Cả hai bên đều phải tập cư xử với nhau theo phong cách mới", một chủ điền nhận xét. Nhưng không dễ bỏ phong cách gia trưởng của giới chủ điền đã có từ thời nô lệ. Họ vẫn tin rằng mình là người duy nhất có quyền xác định giá trị lao động của những người làm công. Một chủ điền ở bang Bắc Carolina hứa hẹn sau mùa gặt sẽ trả công hậu hĩnh cho người nô lệ cũ ở lại làm việc cho đồn điền. Tại nhiều nơi các chủ điền than trách những lao động da đen bỏ đồn điền để đi làm nơi khác là "đồ vong ân bội nghĩa" trong khi hiện tượng này thường thấy ở miền Bắc: lao động tự do có quyền làm việc ở nơi nào họ thích.

Carl Schurnz và nhiều nhà báo miền Bắc đi tham quan miền Nam vào năm 1865 đã có nhận xét: người da trắng miền Nam "chẳng hiểu lao động tự do là gì". Nhiều chủ điền đáp lại: người Bắc các anh cũng "chẳng hiểu bản chất dân da đen". Họ biện minh những giả định về lao động tự do là tính hợp lý kinh tế, kỷ luật tự giác, sự đáp ứng với những khuyến khích của thị trường đều không thích hợp cho người da đen. Một tờ báo ở bang Georgia viết: "Bọn họ (dân da đen) không biết lo xa và bất

cần tương lai”. Một đặc tính khác của lao động tự do là tính lưu động xã hội cũng không thể áp dụng ở miền Nam. Một tờ báo ở Natchez còn viết: “vị trí thích hợp nhất cho họ là làm đầy tớ. Nhu cầu và thực trạng của đất nước chúng ta đòi hỏi người da đen phải ở cương vị người đầy tớ”.

Sự kiện các tầng lớp dân chúng bậc thấp không ưa thích cách làm việc cực nhọc, thường xuyên và có kỷ luật vốn đã tồn tại ở châu Âu và châu Mỹ từ trước thời kỳ công nghiệp hóa. Ở miền Nam thời kỳ tái thiết thì tư duy này mang tính sắc tộc và mặc dù chủ nghĩa kỳ thị chủng tộc lan tràn khắp nước Mỹ ở thế kỷ 19, nền kinh tế đồn điền buộc phải chuyển đổi sau khi chế độ nô lệ bị hủy bỏ. Ngoài những người da đen không muốn làm công cho chủ tất cả những ai chỉ muốn làm việc cho mình đều bị xem là “lười biếng”. Một chủ điền ở bang Bắc Carolina nghiêm khắc phê phán: “Tham vọng là tật xấu theo chủng tộc. Tôi có một số tá điền biết điều nhất đã nói chúng chỉ muốn canh tác trên phần đất của chúng để trồng cây lương thực và chăn nuôi heo”. Nếu có người da đen nào muốn trồng trọt để tự nuôi thân thì anh ta sẽ bị kết án là lười biếng. Ngược lại, anh ta sẽ được xem là người siêng năng nếu anh làm việc cho một chủ điền da trắng. Và người da trắng tìm đủ cách để ngăn chặn lao động tự do; họ hô hào không bán hay cho người da đen nô lệ cũ thuê đất. Thực tế, họ ép buộc người nô lệ cũ phải hiểu “tự do” không có nghĩa là “độc lập”. Samuel Agnew, một chủ đồn điền ở bang Mississippi viết trong sổ nhật ký: “Bọn này (tức nô lệ cũ) nghĩ rằng đi làm thuê cho người khác thì không phải là người tự do. Tôi nghĩ bọn chúng sẽ thất bại và hiểu ra rằng ‘tự do’ và ‘độc lập’ là hai việc khác nhau. Con người có thể có tự do nhưng không độc lập”.

Như vậy giữa chủ điền cần lao động có kỷ luật và người nô lệ cũ được tự do, đối kháng là điều không tránh khỏi. Qua hợp đồng lao động bằng văn bản chủ điền thường muốn lập lại quyền uy của mình đối với người lao động trên mọi mặt. Một chủ điền đã khuyến cáo cho những nô lệ cũ: “Chúng ta cứ làm như trước đây và để các quan hệ qua hợp đồng thay thế cho quan hệ giữa chủ nô và người nô lệ”. Những bản hợp đồng ban đầu đều mang ý nghĩa tương tự, và người lao động da đen vẫn phải làm việc mỗi ngày từ sáng sớm đến tối mịt và phục tùng chủ điền cách tuyệt đối. Nhiều bản hợp đồng ngoài việc quy định tiền công và phương thức làm việc còn buộc người lao động không được rời đồn điền, không gặp khách đến thăm viếng đồn điền, hoặc tự ý họp mặt mà không có phép của chủ điền.

Thế nhưng lao động da đen không chịu khuất phục. Nhiều chủ điền than phiền các lao động da đen “không chịu làm việc và tỏ ra hỗn xược”. Thomas O. Moore, một chủ điền nguyên là thống đốc bang Louisiana thời Liên minh miền Nam kể lại rằng các lao động da đen tự đặt thời dụng biểu làm việc, không cày bừa đất cứng, và hay cãi lại. Những tranh chấp này xảy ra như cơm bữa khắp miền Nam. Có những lao động da đen từ chối ra đồng nhổ cỏ dại lúc có mưa. Những lao động khác không chịu nạo vét kênh mương hay sửa sang đê điều trên các ruộng lúa, buộc chủ điền phải thuê lao công từ những di dân người Ireland. Người quản gia da đen từ chối công việc nấu nướng và lau chùi đồ đạc trong nhà; người hầu phòng không chịu mở cửa đón khách đến thăm. Ngay cả những người tớ gái cũng tỏ ra bướng bỉnh, làm việc theo ý riêng của họ, và còn đòi quyền tiếp bạn trai trong phòng riêng nữa chứ!

Không chỉ người da trắng miền Nam gặp khó khăn khi tìm cách khép những nô lệ cũ vào kỷ luật. Trong chiến tranh và ngay sau đó nhiều người từ miền Bắc đổ về miền Nam và tham gia giới chủ điền miền Nam: họ mua đất, thuê mướn đồn điền hoặc liên danh với các chủ điền miền Nam để canh tác. Những dân ngụ cư này gồm đủ thành phần nhưng chung một tham vọng. Đa số là các cựu chiến binh quân đội Liên bang muốn dùng tiền tiết kiệm để đầu tư ở miền "đất hứa" mới này; những người dân thường bị lôi cuốn bởi các bài báo nói về "vùng đất phương Nam trù phú với nghề trồng bông vải". Cùng với ý tưởng làm giàu nhanh chóng, những di dân này tự xem mình là những sứ giả hòa bình đem lại sự "phục hồi kinh tế" cho miền Nam. Một di dân từ bang Illinois đến làm ăn tại bang Texas viết thư cho bạn: "Tớ sẽ chỉ dẫn cách thức canh tác mới và chứng minh tính ưu việt của lao động tự do so với lao động nô lệ".

Các chủ điền miền Nam tiên đoán đám dân ngụ cư mới này sẽ sớm than phiền về tính chất của lao động da đen và họ đã nói đúng. Những "phương pháp canh tác mới" người Bắc đưa vào miền Nam bao gồm việc giám sát lao động, thay đổi cách thức trồng trọt quen thuộc ở miền Nam, gia tăng cường độ làm việc và phủ nhận ý muốn độc lập của lao động da đen. Chỉ ít lâu sau thì các chủ điền là người miền Bắc cũng than phiền giống như các chủ điền miền Nam, thậm chí có người còn dùng roi vọt để chỉ huy đám lao động da đen. Và họ cũng gặp phải sự phản kháng. Có lẽ những chủ điền người Bắc cũng giống như chủ điền người Nam đều nghĩ rằng dân nô lệ cũ không có khả năng "tự lao động". Báo *Thời báo New York* châm biếm: "Để các nô lệ da đen mới giải phóng làm việc hiệu quả có lẽ ta nên cho họ những chủ nhân mới". Nhưng người da đen

muốn tự làm chủ, và để đối phó những chủ điền từ miền Nam hay miền Bắc họ không từ chối sử dụng bất cứ thứ vũ khí nào có được.

Nhờ tình trạng thiếu lao động trầm trọng người da đen dễ dàng kiếm việc làm ở bất cứ nơi nào nhất là ở bang Florida dân cư thưa thớt và những vùng trồng bông vải mở rộng về phía Tây. Các chủ điền da trắng hầu như phải cạnh tranh gay gắt với nhau, giành giựt từng người lao động da đen để làm việc trên đồn điền.

Lực lượng lao động da đen sau nội chiến giảm một phần ba so với trước chiến tranh. Thêm nữa, đa số nô lệ được giải phóng giờ đây chỉ chịu làm việc ít giờ, phụ nữ và trẻ em gần như không ra đồng làm việc, và họ đưa ra nhiều yêu sách về tiền công, ăn ở, và điều kiện làm việc.

Đã vậy, miền Nam sau chiến tranh liên tiếp gặp nhiều thiên tai dịch bệnh, các vụ mùa gần như thất bại hoàn toàn. Do giá bông vải tăng vọt năm 1865, các chủ điền người miền Nam và di dân từ miền Bắc cùng đổ xô sang canh tác cây bông. Nhưng do thiếu dụng cụ và sức kéo động vật và những tranh chấp về lao động cùng với việc sử dụng hạt giống thoái hóa, các vụ mùa thu hoạch thất bát. Thêm nữa, hạn hán, lũ lụt và sâu bệnh thay nhau phá hoại mùa màng. Nhiều chủ điền bị phá sản trong những năm này.

Tại bang Alabama trong số 14 đồn điền trồng bông vải chỉ có một đồn điền có lãi. Whitelaw Reid, một người miền Bắc lập nghiệp đã vay 20 ngàn đô la của một ngân hàng ở Washington để trồng bông vải nhưng gặp thất bại, Reid phải quay về phương Bắc và làm nghề báo kiếm sống. Tuy nhiên, dân da đen vốn là thành phần nghèo nhất trong vùng là nạn nhân lớn nhất. Vì nghèo, họ không có của để dành; khi mùa màng thất bại, họ chẳng có gì để sống.

Mùa màng thất bại cũng là nguyên nhân gây chia rẽ trầm trọng giữa chủ điền da trắng và người lao động da đen. Tại nhiều nơi, những chủ đồn điền không còn điều kiện nuôi và trả công lao động đã buộc phải cho thôi việc hàng ngàn lao động da đen.

◆ CỤC VẤN ĐỂ NGƯỜI TỰ DO TỎ SỰ BẤT LỰC

Bất kể cường độ đối kháng giữa chủ nô cũ và người nô lệ được giải phóng, cả hai bên đều không có khả năng xác định chế độ lao động mới tại miền Nam. Trong khi đó, một thành phần giữ vai chính thứ ba là miền Bắc chiến thắng, luôn tìm cách chuyển đổi lao động nô lệ thành lao động tự do. Giữ vai trò trọng tâm trong nỗ lực này là Cục các vấn đề người tự do. Đứng đầu cơ quan này là tướng Oliver Otis Howard, có biệt danh là "Tướng Thiên Chúa giáo" vì ông rất gần gũi các tổ chức từ thiện chuyên giúp đỡ người da đen được tự do. Thật sự, chức năng không rõ ràng của Cục dễ gây nản chí, thường xoay quanh các vấn đề linh tinh như giúp xây dựng trường học cho học sinh da đen, trợ giúp người già và bệnh tật nghèo kể cả những bệnh nhân tâm thần, giúp hòa giải tranh chấp giữa người da đen cũng như giữa người da đen với người da trắng. Giữa môi trường đầy hận thù chủng tộc và vì quyền lợi đối nghịch của các bên Cục rất khó có được sự tin cậy của người da đen lẫn người da trắng. Ngoài ra, Cục có rất ít nhân viên - ở điểm đỉnh của chương trình Cục vỏn vẹn có gần 900 nhân viên cho toàn miền Nam. Năm 1866, chi nhánh Cục vấn đề người tự do tại bang Mississippi chỉ có 12 nhân viên; bang có nhiều nhất là Alabama cũng chỉ có hai chục nhân viên. Tướng Sherman nói với tướng Howard: "Tôi nghĩ nhiệm vụ của Ngài quá nặng nề… Với điều kiện hiện có chưa chắc Ngài có thể hoàn thành một phần mười nhiệm vụ đặt ra cho Cục".

Thoạt nhìn, có vẻ như Cục vấn đề người tự do là nơi phát sinh các mâu thuẫn do các nhân viên có những cách khác nhau khi thực thi chính sách chung do Washington (chính quyền trung ương) đề ra. Nhưng với nỗ lực đặt nền móng cho một xã hội lao động tự do, Cục buộc phải thuyết phục lao động da đen trở lại các đồn điền và điều này phù hợp quyền lợi của giới chủ điền. Ngược lại Cục ra luật cấm lao động cưỡng bức, xúc tiến giáo dục cho dân da đen, bảo vệ người da đen khỏi bạo lực, và điều này phù hợp nguyện vọng người được tự do và mặc nhiên khuyến khích họ đòi quyền tự chủ và tự thăng tiến.

Đối với tướng Howard, giáo dục rất quan trọng để thay đổi cuộc sống của người da đen và công việc của các nhân viên Cục chủ yếu giám sát việc học của dân da đen. Do nguồn tài sản giới hạn không mở được nhiều trường, Cục buộc phải phối hợp với các tổ chức giúp đỡ đến từ phương Bắc. Theo báo cáo của Cục, đến năm 1869 đã mở gần 3.000 trường với trên 150.000 học sinh da đen chưa kể những lớp học ban đêm và các tư thục do các giáo sĩ và người dân tự lập.

Tất cả những trường học do Cục yểm trợ tạo lập tuy thiếu thốn tài chính và phương tiện nhưng cũng thu hút đa số trẻ em da đen, ở thành thị nhiều hơn ở nông thôn, và là nền tảng cho hệ thống giáo dục công lập tại miền Nam. Giáo dục có lẽ là thành công lớn nhất của Cục tại miền Nam thời hậu chiến.

Tại một số bang có những người địa phương da trắng nhận làm giáo viên dạy trường người da đen tự do và cũng có nhiều phụ nữ trung lưu từ miền Bắc, đa số từ vùng New England (Đông Bắc Hoa Kỳ), được các tổ chức xã hội gửi đến. Nhiều người trong số này có bằng cấp cao - tốt nghiệp một trường sư phạm hay đại học danh tiếng ở miền Bắc như

trường Đại học Oberlin dành cho nữ - tự nguyện xuống phía Nam để nâng cao tri thức người được tự do. Với sự yểm trợ của Cục vấn đề người tự do, các tổ chức xã hội đã xây dựng và cung cấp ban giảng huấn cho những trường đại học đầu tiên của người da đen miền Nam (như các trường Fisk, Hampton, và Tougaloo) và giúp đào tạo giáo viên. Năm 1869 đã có khoảng 3.000 giáo viên da đen được đào tạo ở miền Nam, nhiều hơn số giáo viên da trắng.

Giáo dục cho người da đen được tự do mang nét đặc thù kết hợp việc nâng cao dân trí với quản lý xã hội. Trong lớp, học sinh da đen được dạy đánh vần và học bảng cửu chương đồng thời được nhắc nhở về lòng trung thành với tổ quốc, ăn ở sạch sẽ, và dạy đúng giờ.

Theo một nghĩa rộng hơn, trường học do Cục vấn đề người tự do và các tổ chức xã hội miền Bắc nhắm vào mục tiêu đặt nền móng cho chủ nghĩa cộng hòa chính cống ở miền Nam. Tuy Cục luôn nỗ lực xây dựng mạng lưới tòa án, bệnh viện, cơ sở từ thiện và các quy định về lao động tại miền Nam, lãnh đạo Cục là Howard lại muốn chấm dứt sớm nhiệm vụ của nó vì ông cho rằng người da đen khi được công nhận là công dân bình đẳng sẽ hưởng phúc lợi nhiều hơn là chỉ nhận sự trợ giúp và bảo vệ của chính phủ liên bang.

Nhiều nhân viên Cục vấn đề người tự do gặp khó khăn khi làm nhiệm vụ nhất là để dẹp bạo lực đối với người da đen. Tướng Ord, chỉ huy quân sự tại bang Arkansas và Mississippi, nói nhân viên Cục “sẽ chẳng làm được trò trống gì nếu không có quân đội Liên bang”. Nhưng bất kể tác dụng của quân đội - dân miền Nam thường than phiền quân đội “cai trị bằng lưỡi lê” - quân đội Liên bang nhanh chóng giảm quân số, từ trên một triệu hồi đầu tháng 5, 1865 xuống còn 38.000 vào mùa Thu

năm 1866. Vì vậy trong nhiều trường hợp nhân viên Cục chỉ còn cách thuyết phục và hợp tác với chính quyền địa phương để bảo vệ người da đen.

Tất cả mọi người làm việc tại Cục vấn đề người tự do, từ Howard xuống đến nhân viên địa phương, đều cổ vũ cho sự bình đẳng trước pháp luật của người da đen. Nhưng thay vì củng cố hệ thống tòa án, Cục chỉ tìm cách thuyết phục các chính quyền địa phương thừa nhận sự bình đẳng giữa các chủng tộc trong các phiên xử án. Đến cuối năm 1866, các tòa án địa phương tái lập quyền thực thi pháp lý các trường hợp dính líu tới người da đen được tự do. Nhân viên Cục giữ nhiệm vụ giám sát các phiên tòa cấp tiểu bang và địa phương, bào chữa cho bị cáo người da đen, và phủ quyết các quyết định mang tính kỳ thị người da đen. Nhưng việc làm này cũng chưa đảm bảo người da đen có được sự che chở bởi công lý. Đại tá Samuel Thomas, giám đốc văn phòng Cục tại bang Mississippi năm 1865 nói về dư luận dân da trắng "không chấp nhận người da đen có một quyền nào cả".

Trong khi đó người da đen chỉ biết trông mong công lý từ các nhân viên Cục vấn đề người tự do và các tòa án do Cục lập ra tại miền Nam thời hậu chiến. Đa số các trường hợp kiện cáo là những tranh chấp trong gia đình, giữa cá nhân người da đen với nhau hoặc với người da trắng, đặc biệt là những vụ bạo hành bởi người da trắng, không công bằng trả tiền công hoặc chia sản phẩm. Phần đông người da đen hài lòng với phán quyết tòa án do Cục lập ra nhưng với người da trắng thì đây là sự nhục mạ vì "bị những tên nô lệ cũ kiện cáo". Một bị cáo người da trắng ở bang Mississipi nói về một nhân viên Cục: "Anh ta lắng nghe mọi cái tên da

đen than phiền và lôi ra trước tòa những công dân da trắng đáng kính của chúng ta”.

Trong khi đó, dư luận quần chúng miền Bắc cổ vũ cho việc các cấp chính quyền địa phương đối xử công bằng đối với người da đen thay vì cho họ tiếp tục nhận cứu trợ. Họ nói cứu trợ chỉ làm suy yếu ý chí tự lập của dân da đen. Một nhân viên Cục tại bang Mississippi năm 1865 ra huấn thị cho lao động da đen: “Những ai có khả năng làm việc kiếm sống không nên trông chờ sự cứu trợ của chính phủ. Người biết tự trọng sẽ không chấp nhận bất cứ sự trợ giúp nào”.

Trong khoảng thời gian 15 tháng sau ngày chấm dứt chiến tranh, Cục đã phân phát trên mười ba triệu khẩu phần ăn (gồm bột bắp, bột mì, và đường đủ cho một người dùng trong một tuần). Đến mùa thu năm 1866, Howard ra lệnh ngưng phần cứu trợ này ngoại trừ những người bệnh và trẻ sống trong các trại mồ côi. Sự thật các cộng đồng da đen gánh trách nhiệm chăm lo cho trẻ mồ côi, người già, và người cùng khổ nhiều hơn người da trắng và số người da trắng nhận đồ cứu trợ lại nhiều hơn người da đen.

Tuy nhiên chính sách cứu trợ chỉ là một phần của sự mâu thuẫn giữa những mục tiêu do Cục đề ra. Mục đích phục hồi sản xuất nông nghiệp ở miền Nam làm suy giảm nỗ lực đảm bảo các quyền cho người da đen.

❖ CỤC VẤN ĐỀ NGƯỜI TỰ DO, ĐẤT VÀ LAO ĐỘNG

Ngay sau khi chiến tranh chấm dứt, quân đội Liên bang đã ra chính sách đối với lao động da đen. Đối với người nô lệ vừa được giải phóng mục đích duy nhất của quân đội là buộc họ trở lại làm việc tại các đồn điền. Những tháng đầu năm 1865 các sĩ quan chỉ huy quân đội đã ban

hành các lệnh nghiêm khắc cấm đoán người được tự do đến các thành phố ở phía Nam. Mọi người da đen không được đi lại nếu không có phép của chủ nhân, ở ngoài đường ban đêm. Tại nhiều nơi các tổ chức chính trị của người da đen thành lập sau chiến tranh lên tiếng phản đối những chủ trương này của quân đội. “Có vẻ như sự buôn bán nô lệ tái diễn ở thành phố của chúng ta”, một nhóm những người da đen tự do ở Thành phố Memphis nói. Đến tháng 7, bộ trưởng Bộ Chiến tranh Stanton ra lệnh cho các sĩ quan chỉ huy quân đội ở phía Nam phải hủy lệnh cấm người da đen đi lại và ngưng can thiệp vào phong trào đòi tự do. Nhưng cho đến lúc Cục vấn đề người tự do tiến hành chuyển đổi từ lao động nô lệ sang lao động tự do thì vẫn tồn tại ý kiến vì quyền lợi của đất nước người da đen phải trở lại các đồn điền để làm việc.

Giống như phần đông những đảng viên Cộng hòa ở miền Bắc, các viên chức Cục vấn đề người tự do có những ý nghĩ không tưởng về các quan hệ lao động ở miền Nam, dễ dàng chuyển từ dạng lao động nô lệ sang dạng lao động tự do, có trả lương, và người da trắng cùng người da đen chỉ cần thay đổi thái độ cư xử với nhau, yếu tố thị trường sẽ giải quyết mọi chuyện. Tướng Robert Scott phụ trách chi nhánh Cục vấn đề người tự do bang Nam Carolina tuyên bố: “Nếu trả công thỏa đáng cho ngày làm việc đầy đủ thì chủ điền sẽ chẳng còn thiếu người làm công tin cậy và trung thành”.

Vai trò của Cục vấn đề người tự do giống như của một bà mụ đối với sự ra đời của nền kinh tế miền Nam, với những ưu điểm của lao động tự do so với lao động nô lệ: hiệu năng, năng suất, và tính hợp lý về kinh tế, bảo đảm chế độ tiền công công bằng và điều kiện lao động thỏa đáng.

Cục đã tạo một viễn cảnh về xã hội không đúng như thực tế đã xảy ra. Ý thức hệ về lao động tự do dựa trên lý thuyết về sự hợp lý trong kinh tế phổ quát và nhận thức mọi thành phần xã hội đều có chung quyền lợi. Trên thực tế chủ nô cũ và nô lệ cũ vẫn giữ thói quen làm việc từ thời nô lệ khác hẳn với những giả định của lao động tự do; cả hai đều hiểu tính chất này rõ hơn Cục, và quyền lợi của hai bên luôn đối kháng nhau. Với ý thức về lao động tự do người lao động có ý muốn cầu tiến sẽ vận dụng hết khả năng để làm việc và từ làm thuê sẽ tiến đến tự chủ trong lao động. Nhưng trong một xã hội nghèo chủ yếu dựa vào sản xuất nông nghiệp với tiền công rẻ mạt, giới chủ điền da trắng luôn tìm cách ngăn chặn người da đen không để họ được sở hữu đất đai và các phương tiện sản xuất khác.

Các viên chức của Cục vấn đề người tự do đến miền Nam từ giữa năm 1865 với mục đích khiến dân địa phương ý thức tôn trọng sự trung thực và công bằng trong các vụ kiện. Họ phê phán mọi áp bức về thể xác là tàn dư của chế độ nô lệ. Họ phải đối phó với hai “tệ nạn”: sự tàn ác của giới chủ và sự lười biếng của người da đen – giống như những sĩ quan quân đội, họ cũng cho rằng sự từ chối lao động của những nô lệ cũ là mối nguy lớn nhất ảnh hưởng tới việc phục hồi kinh tế. Ở một số nơi, họ vẫn áp dụng luật cấm người da đen đi lại tự do và tổ chức bố ráp bắt những người không lao động và đưa về các đồn điền. Tại Memphis, các phiên tòa luôn buộc những người da đen nghèo khổ phạm pháp phải làm việc cho những chủ nhân da trắng chịu trả tiền phạt cho họ. Một mục sư địa phương đã bình luận: “Đây là điều phỉ báng cho cái được gọi là ‘người nô lệ được giải phóng’ khi họ bị buộc lao động như một nô lệ”.

Các viên chức ở Cục cũng như phần đông những người phương Bắc đều có ý kiến khác nhau về lý tưởng lao động tự do. Người thì nghĩ nô lệ được giải phóng nên ở lại đồn điền và làm việc có hưởng lương; người thì cho rằng phải để nô lệ cũ tự quyết định đi làm thuê hay tự chủ trong kinh doanh sản xuất và có những quyền lợi như người da đen tự do ở phương Bắc.

Tướng Howard có cùng quan điểm với nhóm trước và ông đã gom những nô lệ cũ để khai thác những đồn điền bị tịch biên hay bỏ hoang.

Mặc dù chính quyền Lincoln đã không thi hành đạo luật Tịch Biên Tài Sản ra đời năm 1862, Cục vấn đề người tự do cũng đã tịch thu và quản lý 850 ngàn acres (340 ngàn hecta). Phần đất này được phân chia cho người nô lệ cũ; ngoài ra, các tiểu điền chủ da đen còn được nhân viên Cục vấn đề người tự do bảo vệ trên phần đất chiếm hữu, Thomas Conway, phụ trách chi nhánh Cục vấn đề người tự do ở bang Louisiana tịch thu 24.000 ha đất đai trong đó có đồn điền của con trai cựu Tổng thống Liên minh miền Nam Zachary Taylor để cho người da đen thuê. Tướng Rufus Saxton, phụ trách Cục vấn đề người tự do tại các bang Bắc Carolina, Goergia và Florida, giám sát việc định cư định canh nô lệ cũ ở các bang này; năm 1865, ông phân phát cho mỗi người nô lệ cũ 40 acres đất để canh tác, "nhờ vậy họ có được sự độc lập", ông nói.

Lúc đầu Howard ủng hộ giải pháp của Conway và Saxton; thậm chí ông còn viết thư thúc giục hai tướng này tiến hành nhanh việc cấp phát đất cho người nô lệ cũ. Nhưng Tổng thống Andrew Johnson dã ra lệnh cho Howard ngưng việc cấp phát đất. Trước đó, Johnson đã ký lệnh ân xá cho những viên chức trong Liên minh miền Nam. Tháng 9 năm 1865, một sắc lệnh ban hành từ Nhà Trắng nhưng được biết đến là "Thông tư số 15

của Howard” hoàn trả các đồn điền bị tịch thu cho chủ điền da trắng đã được ân xá ngoại trừ những lô đất các tòa án đã phát mại. Howard buộc phải thông báo cho những tiểu điền chủ da đen nguyên là nô lệ cũ trao trả đất cho chủ điền cũ và chấp nhận làm việc cho họ hoặc ra đi.

Tháng 10, 1865, Howard đi thị sát vùng đồng bằng bang Nam Carolina để “Ủy lạo những người da đen bị mất đất”. Tại đảo Elisto, ông đã gặp sự phản kháng ôn hòa của người da đen mất đất. Nói chuyện với hơn 2.000 người da đen tụ tập trước một nhà thờ, ông khuyên họ nên hòa giải với chủ nô cũ và chịu làm việc cho họ. Tuy không la ó phản đối nhưng các khán thính giả đã đồng ca những bài dân ca tôn giáo như bài “Nobody knows the trouble I seen” (Không ai biết nỗi khổ của tôi) và bài “Wandering in the wilderness of sorrow and gloom” (Lang thang trong miền hoang dại của đau buồn và u ám). Khi ông nói họ nên quên đi những cay đắng, họ chỉ trả lời: “Không bao giờ”, “Không thể”, “Tại sao ông lấy đi đất của chúng tôi?”.

Howard yêu cầu những người da đen tại buổi họp lập một ủy ban gồm ba người để tìm giải pháp thích hợp cho vấn đề trao trả đất cho chủ điền da trắng. Nhưng, phản ứng của những người da đen báo trước thất bại của cuộc dàn xếp. Họ nói với Howard:

> “Thưa Tướng quân, chúng tôi muốn có nhà cửa vườn tược; chính phủ đã hứa cấp cho chúng tôi nhà và đất. Nếu chính phủ không giữ những gì các viên chức đã hứa với chúng tôi là những đồng minh của chính phủ trong chiến tranh và nay lại thu hồi quyền lợi của chúng tôi trên mảnh đất này để trao lại cho những kẻ thù cũ, thì rõ ràng chúng tôi bị đẩy vào tình thế còn tệ hại hơn trước. Không là tình trạng của người thực sự được tự do.
>
> “Ngài bảo chúng tôi tha thứ cho những chủ điền trên hòn đảo của chúng tôi… Người đã từng trói tôi vào một thân cây và quất vào lưng tôi 39 roi; lột quần áo mẹ và em gái tôi ra để đánh tới gần chết. Người đã đuổi gia đình tôi khỏi căn lều ọp ẹp trừ phi tôi nhận làm

> công cho ông ta với tiền công rẻ mạt. Làm sao tôi có thể tha thứ cho hạng người tàn ác như thế được!”.

Nghe những lời chê trách trên, Ủy ban phán quyết đất đai là nền tảng của sự tự do; những điều ác trong thời kỳ nô lệ không thể quên; và không thể hòa giải chủ nô với người nô lệ cũ.

Howard hứa đấu tranh cho người da đen có đất ở kỳ họp Quốc hội vào tháng 12. Trong khi đó, các chủ điền da trắng làm đơn gửi Tổng thống Andrew Johnson tố cáo thái độ thù nghịch của tướng Saxton và nói “chừng nào Saxton còn tại vị thì đất đai chưa được trả về cho các chủ điền”. Đầu năm 1866, Tổng thống Johnson ra lệnh cách chức Saxton; chấm dứt chính sách của Cục cho người da đen được giải phóng sở hữu đất. Trên toàn miền Nam hàng chục ngàn người da đen bị di dời khỏi phần đất trao trả cho các chủ điền da trắng. Quân đội trục xuất khoảng 20.000 người da đen định cư định canh trên đất tịch thu và đất bỏ hoang.

Việc thu hồi đất của người da đen để trả cho chủ điền da trắng gặp sự phản kháng dữ dội ở bang Georgia và Nam Carolina, ở một trường hợp những người da đen giải phóng tự trang bị vũ khí, phong tỏa đồn điền và chống lại chủ điền đến đòi lại đất. Các nhân viên Cục vấn đề người tự do da trắng cũng như da đen kêu gọi người nô lệ cũ ký hợp đồng làm việc với chủ nô cũ; quân đội Liên bang cũng can thiệp bằng cách tống khứ những ai không chịu ký hợp đồng. Cuối cùng, khoảng 2.000 người da đen giải phóng ở Georgia và Nam Carolina nhận được đất như chính phủ hứa vào năm 1865.

Những diễn biến trong các năm 1865 và 1866 để lại cho người da đen giải phóng cảm nghĩ mình bị phản bội. Một nô lệ cũ ở Mississippi viết: Đất đai thì có nhiều, đủ cho bất cứ ai muốn khai thác. Vậy mà người da

đen thì chẳng có một tấc vuông nào; không nhà cửa… Bị mọi người khinh chê, đất nước đã sinh ra họ ghét bỏ… Chúng tôi bị tước đoạt mọi quyền làm người mặc dù chúng tôi đã từng sát cánh trong chiến tranh và giờ đây trong cuộc mưu sinh lúc thời bình chúng tôi bị xem như người xa lạ…

Không có cách gì khác, năm 1866 Cục chỉ còn biết khuyến khích người da đen giải phóng ký hợp đồng làm việc tại các đồn điền. Bằng cách này người da đen sẽ được thăng tiến về lâu dài và nền kinh tế miền Nam có cơ hội được phục hồi. Người da đen sẽ dần quen với phương thức lao động tự do và ý thức sự hài hòa các quyền lợi. Nhiệm vụ các viên chức Cục rất nặng nề: Một mặt họ phải tìm cách thuyết phục người da đen bỏ ý muốn được chính phủ cấp đất để tự do canh tác kể cả việc đe dọa bắt giam những người không chịu ký hợp đồng hoặc rời bỏ đồn điền; mặt khác họ cũng lại thuyết phục giới chủ điền dành nhiều quyền lợi thêm cho người da đen lao động cho họ.

Nhiệm vụ cố vấn cho những quan hệ về lao động của Cục triển khai mạnh nhất vào những năm 1866 và 1867, sau đó thì Cục giảm bớt nhiệm vụ giám sát các hợp đồng lao động hoặc hòa giải những tranh chấp lao động tại các đồn điền, về mặt ổn định các quan hệ lao động sau thời kỳ chiến tranh thì Cục thành công phần nào nhưng nhìn chung hệ thống hợp đồng lao động do Cục đề ra đã thất bại vì đã vi phạm các quy định về lao động tự do: lao động da đen bị cưỡng bách lao động cho chủ nô cũ, bị bắt giữ và phạt vạ nếu chống đối quyết định của chủ điền hoặc lãng công, bỏ ra đi,… Lúc nhận nhiệm vụ Cục trưởng Cục vấn đề người tự do, Howard đã tuyên bố, “Thỏa thuận về lao động phải hoàn toàn tự do và với thiện tâm”. Nhưng làm sao người da đen có thể ‘lao động tự do’ một

khi họ không có quyền sử dụng đất, bị quân đội bắt giữ vì "đi lang thang" và cưỡng bách làm việc tại các đồn điền hoặc cầm tù vì đình công, bỏ việc khi đòi hỏi tăng tiền công bị từ chối? Những người da đen tự do không có tài sản ở miền Bắc buộc phải làm công vì họ cần tiền để sống chứ không vì bị các viên chức chính phủ cưỡng bách.

Howard vẫn tin rằng các chủ trương do Cục vấn đề người tự do đề ra có lợi cho người nô lệ được tự do nhiều hơn cho chủ nô cũ, nhất là khi người da đen không được chính quyền địa phương bảo vệ và các tòa án thường tỏ ra bất công. Hơn nữa một khi hệ thống "lao động tự do" được ổn định ở miền Nam, công lý bảo đảm sự bình đẳng trong xã hội, thì sẽ không còn tồn tại chế độ hợp đồng định kỳ hằng năm. Cũng giống như ở miền Bắc, thị trường sẽ quyết định công ăn việc làm cho người da đen. Thế nhưng trong những năm đầu thời kỳ tái thiết, những quyết định của Cục vấn đề người tự do trong bối cảnh lý tưởng về một lao động tự do bị cưỡng ép, mùa màng thất bát, thị trường không ổn định và xu hướng quay về sản xuất những loại hoa màu có lợi nhuận cao, đã không để người da đen có được sự lựa chọn riêng nào và phải làm theo ý muốn của giới chủ.

Dù vậy, đa số dân da trắng miền Nam đều tỏ vẻ tức giận với Cục vấn đề người tự do vì họ cho rằng Cục là biểu tượng sự thảm bại của Liên minh miền Nam và rào cản mọi cố gắng phục hồi chế độ nô lệ. Họ nói sự hiện diện của Cục biểu hiện nỗi nhục nhã của người da trắng. Một chủ nô cũ thuộc giới chủ điền danh tiếng ở bang Tennessee đã viết:

> "Viên chức Cục vấn đề người tự do… đòi hỏi các công dân (ám chỉ các chủ nô cũ) phải viết và ký trên các tờ hợp đồng thuê mướn bọn nô lệ cũ của mình. Nếu có một tên da đen nào khiếu nại không được trả công hoặc đối xử như ý hắn muốn và báo cáo sự việc thì có

cả một toán lính da đen đến nhà bắt người vi phạm và áp giải về thành phố để đối chất với tên da đen. Lạy Chúa, không biết những vụ việc như thế còn xảy ra bao lâu nữa?”

Cũng với những lý do khiến dân da trắng miền Nam đòi bãi bỏ Cục vấn đề người tự do phần đông dân da đen lại rất trung thành với Cục. Cho tới khi chấm dứt thời kỳ tái thiết, người da đen vẫn bền bỉ đòi hỏi Cục phải bảo vệ tự do cho họ. Đây là trách nhiệm của quốc gia, và nó được thể hiện rõ nét nhất vào năm 1866 khi Tổng thống Johnson cử các tướng quân đội James Steedman và Joseph S. Fullerton đi thanh sát miền Nam. Johnson muốn thu thập được nhiều than phiền về Cục để có lý do dẹp bỏ nó, thế nhưng ở khắp các thành thị người da đen đã biểu tình bày tỏ sự ủng hộ đối với Cục. Tại Wilmington bang Bắc Carolina, khi Tướng Steedman hỏi đám đông trên 800 người da đen tụ tập trong giáo đường Brick Church có cần phải rút quân đội Liên bang hay các nhân viên Cục vấn đề người tự do thì họ đều trả lời nên giữ ở lại miền Nam. Ở mọi nơi các tướng đều nhận dược câu trả lời: “Chúng tôi muốn Cục ở lại với chúng tôi”.

Vì các viên chức Cục vấn đề người tự do luôn nghĩ rằng những tranh chấp tại các đồn điền phát sinh từ vấn đề lao động nô lệ trước đây; một khi giới chủ điền và người lao động da đen ý thức những nguyên tắc về lao động tự do thì sẽ không còn tranh chấp nữa. Thế nhưng các viên chức ở Cục đã không hiểu những mâu thuẫn về chủng tộc và giai cấp đã bám rễ trong xã hội miền Nam và còn tồn tại sau chiến tranh.

❖ KHỞI ĐẦU THỜI KỲ TÁI THIẾT KINH TẾ

Thời kỳ đầu tái thiết kinh tế được đánh dấu bởi cơ cấu giai cấp mới ra đời để thay thế cho cơ cấu nô lệ cũ đã bị xóa bỏ; đây là một sự lột xác về kinh tế đạt đỉnh điểm rất lâu sau khi cuộc tái thiết đã hoàn tất với sự

hình thành một giai cấp vô sản gồm con cháu những người da đen nô lệ cũ và người da trắng nghèo, và một giai cấp những chủ điền giàu có và thương nhân lệ thuộc những nhà tài phiệt và kỹ nghệ gia phương Bắc.

Ở một số nơi thuộc miền Nam ngay từ những năm đầu thời kỳ hậu chiến, các đồn điền nhất là trồng lúa và mía đã không còn hoạt động, vì các chủ điền hầu như "trắng tay" - cuộc nội chiến đã phá hủy gần hết các cơ sở, kho tàng, hệ thống đê điều, và phá bỏ hệ thống lao động. Chỉ có một số ít đồn điền trồng mía và lò đường ở bang Louisiana còn hoạt động năm 1865. Tất cả còn lại đều bị bỏ hoang; cỏ dại mọc khắp nơi và sản lượng đường mía tụt nhanh chỉ còn khoảng một phần mười sản lượng năm 1861. Cho dù Tổng thống Johnson đã ban hành sắc lệnh trao trả ruộng đất cho các chủ điền nhưng vẫn không ngăn cản được "cuộc chiến không tuyên bố" giữa chủ điền và người nô lệ cũ.

Lúc sản xuất nông nghiệp được tái lập có nhiều hình thức lao động hình thành ở nhiều nơi: lao động có hưởng tiền công (theo tháng hay theo năm), lĩnh canh hay cấy rẽ giữa chủ điền và người lao động và giữa những lao động trong một tổ hợp. Năm 1865-1866, nhiều hợp đồng lao dộng được ký kết giữa chủ điền và người lao động hoặc nhóm những người lao động theo đó công lao động có thể được trả sau bằng tiền hay bằng sản phẩm. Tuy nhiên, những hợp đồng ký kết năm 1865 thường được trả công rất thấp - khoảng 1/10 giá trị sản phẩm. Hơn nữa, người lao động bị thiệt thòi rất nhiều vì công lao động được thanh toán cuối kỳ: nếu gặp mùa vụ thất bát, chủ điền không có tiền hoặc sản phẩm để trả cho người lao động; chủ điền gian lận, nâng mức phạt lỗi người lao động cao hơn bình thường, hoặc tính phí sinh hoạt của người lao động rất cao. Cuối cùng, người lao động chẳng còn thu nhập.

Đến cuối năm 1866 và từ năm 1867 người lao động đã biết đòi hỏi bảo đảm quyền lợi cho mình, làm thay đổi cơ chế lao động tại các đồn điền. Lòng mong muốn được tự chủ trong lao động của người da đen đã tập hợp họ thành những nhóm, tổ nhận hợp đồng lao động cho chủ điền với một khoản tiền công nhất định, tương đối cao vì khi đó nhiều nhà tài phiệt phương Bắc đã bắt đầu rót vốn vào miền Nam khai thác nông nghiệp nhất là ngành mía đường. Nhìn chung người da đen đã biết đoàn kết lập nên các nhóm, tổ lao động nhưng đến cuối năm 1867 thì hình thức này không tồn tại nhất là tại các đồn điền trồng bông vải.

Một hình thức lao động khác khá phổ biến là lĩnh canh hay cấy rẽ: Thay vì từng nhóm hay tổ lao động thì những người da đen trong cùng một gia đình (thường khá đông người) nhận hợp đồng với chủ điền để lao động trên một diện tích đất nhất định. Đến lúc thu hoạch thì gia đình người lao động này sẽ hưởng một phần ba sản phẩm nếu họ được chủ điền cung cấp phương tiện sản xuất (công cụ, hạt giống, phân bón,…) hoặc phân nửa sản lượng nếu họ tự túc. Hình thức lao động này tồn tại ở nhiều nơi đến thập kỷ 1870.

Đối với người da đen, lĩnh canh hay cấy rẽ rất thích hợp vì họ không còn chịu sự giám sát của chủ điền; không phải "ăn chia" theo nhóm,… Đối với chủ điền, hình thức lao động này ít tốn kém và không buộc phải theo dõi người lao động vì cùng chia sẻ trách nhiệm. Hơn nữa, nó bảo đảm người lao động sẽ cùng canh tác cho đến lúc thu hoạch; khi cần thì họ sẽ huy động cả gia đình ra đồng. Thế nhưng nhiều chủ điền lại không thích kiểu lao động này vì sợ "mất quyền chủ động" - người lao động dành quyền chia sẻ trách nhiệm quyết định về hoa màu, phương pháp canh tác và các biện pháp đối phó các biến cố.

Tuy nhiên, tùy theo loại hoa màu canh tác mà hợp đồng có hình thức khác nhau. Tại các đồn điền trồng bông, người lao động không chấp nhận làm việc theo nhóm hay tổ; trên các nông trại trồng lúa, người lao động lại muốn làm việc "giống như thời kỳ nô lệ", về phía chủ điền cũng có nhiều hình thức hợp đồng: giao ruộng đất cho người lao động canh tác và nhận một lượng sản phẩm lúc cuối mùa vụ; hoặc cho người lao động thuê đất, ruộng đổi lấy một số ngày công trên đồn điền của họ.

Vì thế, những tranh chấp về lao động thời kỳ đầu của cuộc tái thiết đã là tiền đề cho những cơ cấu tổ chức lao động mới không những ở nông thôn miền Nam mà còn ở mọi nơi từ địa phương đến trung ương trên toàn Hoa Kỳ, tác động sâu sắc đến nền chính trị quốc gia.



5

CHÍNH SÁCH TÁI THIẾT CỦA TỔNG THỐNG

❖ TỔNG THỐNG ANDREW JOHNSON VÀ CÔNG CUỘC TÁI THIẾT

Thoạt nhìn thì người kế vị Tổng thống Abraham Lincoln vừa bị ám sát rất giống ông. Cả hai đã trải qua thời thơ ấu trong nghèo khổ, cùng không tới trường để được đào tạo chính quy và cũng vì vậy hai ông đều nung nấu ý chí thành danh và thành công rực rỡ. Trong những thập kỷ trước khi xảy ra nội chiến, hai người đều đạt những địa vị khá cao trong xã hội và sung túc về vật chất. Lincoln làm luật sư cho một tập đoàn công ty ở bang Illinois; Johnson tập việc thợ may một thời gian trước khi trở thành chủ đất giàu có. Với cả hai, tình hình chính trị trước chiến tranh đã dọn bước cho họ đạt quyền lực và danh vọng.

Kể về kinh nghiệm chính trường thì ít có ai bì kịp Johnson để vào Nhà Trắng. Khởi đầu làm nghị viên thành phố Greenville, bang Tennessee năm 1829, Johnson nhanh chóng trở thành nghị viên tiểu bang và Hạ nghị sĩ (dân biểu) Quốc hội. Sau đó, ông được bầu làm Thống đốc tiểu bang trong hai nhiệm kỳ và năm 1857 làm Thượng nghị sĩ Quốc hội. ông luôn đại diện cho người dân thường, có phần nhiều hơn Lincoln. Những bài diễn văn của ông luôn ca tụng người làm công ăn lương chân chính,

những tiểu điền chủ, và lên án “bọn quý phái làm chủ nô lệ” và “giai cấp quý tộc suy đồi, nịnh bợ và béo phì”. Chủ trương nổi bật nhất của Johnson thời tiền chiến là dùng tiền thuế để tài trợ cho giáo dục và ông đã biến thành luật khi còn là thống đốc và nghị viên tiểu bang và cố gắng đưa ra trước Thượng viện Hoa Kỳ.

Tuy nhiên, cuộc đời chính trị của Johnson chẳng có thành tựu đáng kể nào khác ngoài bộ luật về giáo dục. Cá tính của Johnson có phần nào ảnh hưởng đến sự nghiệp chính trị của ông. Là một diễn giả nổi tiếng, Johnson lại là con người cô đơn, chỉ biết quan tâm đến mình. Tuy rất can đảm, ông có những nhược điểm như bướng bỉnh, cố chấp, và tự cao tự đại không chịu hòa đồng với mọi người. Lúc còn là thống đốc ông không chịu thỏa hiệp với ngành lập pháp của tiểu bang, và ông đã không được quần chúng ủng hộ. So với Lincoln, Johnson thiếu hẳn những đặc tính cần có của một Tổng thống như tài ứng xử, tính linh hoạt, và sự nhạy cảm với những nguyện vọng của nhân dân.

Lúc Johnson đăng quang Tổng thống ngày 15 tháng 4 năm 1865, nhiều người kỳ vọng ông sẽ đưa ra những chính sách tái thiết miền Nam. “Phải xem sự phản bội là nỗi nhục và những tên phản bội sẽ bị trừng phạt và tịch thu tài sản của chúng”, Johnson đã từng nói như vậy vào năm 1864; và cũng trong năm này ông đã tự xem mình là Moses của dân da đen để đưa họ đến vùng đất tự do. Trong những tuần tiếp theo vụ ám sát Lincoln nhiều chính trị gia cấp tiến đến gặp Johnson để đặt vấn đề cho người da đen được quyền bầu cử. Nhưng Johnson vẫn tỏ ra không đồng ý với họ về việc mở rộng quyền lực của Chính phủ Liên bang và cũng không chịu cho người da đen quyền bình đẳng, ông luôn tỏ vẻ ủng hộ một chính quyền trung ương hạn chế. Tại Quốc hội, ông đã chống đối việc dùng

ngân sách để sửa sang đường phố bùn lầy ở thủ đô Washington. Nhiệt tình yêu nước của Johnson cũng không đi ngược với lòng tôn trọng quyền của các tiểu bang. Cá nhân những "tên phản bội" bị trừng phạt nhưng các bang phía Nam thì chưa chính thức ly khai và do vậy vẫn giữ quyền tự quyết định những vấn đề của mình. Chủ trương của Johnson được diễn tả như một thứ "biện luận": ly khai là phạm luật; các bang không bị ảnh hưởng hay bị trừng phạt; và tái thiết giúp các bang lấy lại quyền lực định hiến.

Johnson luôn chủ trương vấn đề nô lệ da đen được giải phóng không ảnh hưởng đến việc tái thiết nhanh chóng các bang miền Nam. Bản thân ông đã từng giữ năm nô lệ trước ngày nội chiến nổ ra, ông tỏ ra trung thực khi chủ trương bãi bỏ chế độ nô lệ nhưng lại phản bác các cuộc hôn nhân dị chủng và không cam kết ủng hộ chủ trương người da đen được bình đẳng và có nhiệm vụ chính trị. Đại tá William Moore, thư ký riêng của Tổng thống Johnson kể lại rằng Johnson có ý tưởng rất xấu về người da đen. Trong bài diễn văn đọc trước Quốc hội cuối năm 1867, Johnson nói "dân da đen ít khả năng hơn bất kỳ chủng tộc nào về mặt quản lý chính quyền. Nếu được tự do thì họ sẵn sàng trở về trạng thái man rợ". Và Johnson cũng đã nhiều lần tuyên bố: "Chỉ có người da trắng mới có khả năng cai trị miền Nam".

Suốt nhiệm kỳ Tổng thống Johnson cho thấy quan điểm của ông là chính những nô lệ cũ phối hợp với chủ cũ để đàn áp những người da trắng không là chủ nô. Ông từng nói với một phái đoàn người da đen: "Chính bọn da màu cấu kết với chủ nô để kìm giữ người da trắng nghèo khổ trong vòng nô lệ bằng cách không để họ tham gia vào lực lượng lao động và khai thác đất đai màu mỡ của đất nước". Vì thế, nếu người da

đen được bình đẳng và quyền bầu cử, "chúng sẽ liên minh với các chủ điền để tái lập chế độ nô lệ và chủ nghĩa bá quyền của nô lệ miền Nam". Johnson huỵch tẹt: "người da đen sẽ bỏ phiếu cho chủ nô cũ mà họ không căm ghét vì họ chỉ căm thù người da trắng không có nô lệ".

Johnson bày tỏ kế hoạch tái thiết qua hai bản tuyên bố ngày 29/05/1865. Tuyên bố đầu là về ân xá, tha thứ và phục hồi các quyền ngoại trừ quyền giữ nô lệ của các bang thuộc Liên minh miền Nam đã tỏ sự trung thành với Liên bang và ủng hộ chính sách bãi nô. Mười bốn nhóm người miền Nam gồm các viên chức và chủ tài sản giá trị từ 20.000 đô la trở lên buộc phải xin Tổng thống ân xá. Cùng lúc, Johnson cử William Holden làm thống đốc tạm thời cho bang Bắc Carolina để triệu tập một hội nghị sửa đổi hiến pháp của tiểu bang thời tiền chiến, xác lập một chính phủ cộng hòa tại bang này. Những người không được ân xá sẽ không có quyền bầu cử; có nghĩa là các quy định về bầu cử cũng giống như trước khi có chiến tranh. Sau đó, chủ trương này được ban hành cho tất cả các bang miền Nam.

Nhiều nhà phân tích cho rằng Johnson tìm cách triệt hạ ảnh hưởng của giới quý tộc nông thôn và đề cao vai trò của những người lao động theo chủ nghĩa liên bang. Mặt khác, ông có được sự ủng hộ của những "quý tộc nông thôn miền Nam" qua việc ân xá cho họ.

Rõ ràng người da đen vẫn bị từ chối quyền công dân. Một người theo chủ nghĩa Liên bang ở miền Nam nhận xét về sự mâu thuẫn trong chính sách của Johnson: "Ông nói ông tin vào chính quyền dân chủ và đồng ý với những người trung thành (với Liên bang) nhưng ông không dám cho người da màu được quyền bầu cử. Liệu ông có trung thực không?"

❖ THÀNH LẬP CHÍNH QUYỀN MỚI Ở CÁC TIỂU BANG MIỀN NAM

Bất kể những dị biệt về quan điểm, các nhà hoạch định chương trình tái thiết từ miền Bắc đều nghĩ những người trung thành với Liên bang phải nắm giữ quyền hành ở miền Nam. Vì thế, những người được xem là trung thành với lý tưởng Liên bang đều cầm quyền tại các bang Maryland, Tây Virginia, Missouri, và Tennessee, quê hương của Tổng thống Johnson. Tại những vùng sâu trong nội địa như phía tây bang Bắc Carolina, vùng Piedmont, đa số dân da trắng đều coi những người "trung thành với Liên bang" là những kẻ "bảo hoàng", những tên phản bội.

Có thể nói hầu hết người da trắng miền Nam là những "người trung thành" với Liên bang vì tất cả đều chống ý tưởng ly khai nhưng lại phục tùng chính quyền tiểu bang nơi họ sinh sống. Ngay cả Alexander Stephens, nguyên phó chủ tịch Liên minh miền Nam trong thời chiến cũng là một phần tử trung kiên với tư tưởng liên bang ở bang Georgia. Do vậy, khó tìm ra người thật sự ly khai tại miền Nam vào thời điểm 1865.

Một điểm rõ nét là những "người Liên bang" ở miền Nam đều không muốn thấy những nô lệ cũ được hưởng quyền công dân và bình đẳng chính trị như người da trắng; vì vậy họ rất bực tức vì có nhiều binh lính là dân da đen, những nô lệ cũ và với cách hành xử của Cục vấn đề người tự do. Tổng thống Johnson gặp nhiều khó khăn khi chọn lựa những vị "thống đốc tạm thời" để điều khiển các bang miền Nam. ông đã chọn hai người không được hậu thuẫn của đại đa số dân da trắng miền Nam: Andrew Hamilton, một cựu sĩ quan ở Texas, và William Holden, ở bang Bắc Carolina. Ngoài ra, những "thống đốc tạm thời" ở các bang khác thì ít nhiều đều được người da trắng miền Nam ủng hộ: James Johnson, một kẻ "trung lập" trong chiến tranh, được cử làm thống đốc tạm thời bang Georgia; Lewis Parsons, bang Alabama; William Sharkey, bang

Mississippi; William Marvin, một doanh nhân đến từ bang New York; và Benjamin Perry, một kẻ nổi tiếng chống lại sự thống trị của các chủ điền, tại bang Nam Carolina. Những người được chọn đều có thành tích trung thành với Liên bang và họ có nhiệm vụ hậu thuẫn cho các chính sách Johnson đề ra.

Do người da đen không có quyền bầu cử và nhiều người da trắng bị tước quyền tham gia bầu cử, các thống đốc buộc phải sử dụng những người đã từng tham gia hoặc có cảm tình với Liên minh miền Nam. Ví dụ như trường hợp Holden ở Bắc Carolina đã bổ nhiệm trên 4.000 viên chức vào những vị trí quan trọng như thẩm phán và cảnh sát. Thay vì dùng những viên chức trong chính quyền Liên bang nhiều thống đốc đã tuyển dụng những viên chức thuộc Liên minh miền Nam trước đây cho các hạt có nhiều đồn điền. Việc làm của các thống đốc cho thấy hy vọng của những người theo Liên bang trong chiến tranh về một thành phần chính trị gia mới xuất phát từ những người dân thường đã sớm bay theo hơi khói; đồng thời các thống đốc còn cho thấy người da đen không có hy vọng gì ở thể chế tự do. Thống đốc bang Florida thẳng thừng nói với người da đen đừng mơ tưởng việc bãi nô có nghĩa là họ được bình đẳng với người da trắng và quyền bầu cử. Người nô lệ được tự do nên quay về với các đồn điền, làm việc chăm chỉ và gọi chủ điền là “ông chủ” như trước đây.

Với đại đa số người da trắng miền Nam, đây là điều quá bất ngờ. Ngay sau khi thảm bại, họ đã sẵn sàng chấp nhận mọi chủ trương đường lối do Washington (chính quyền Liên bang) đề ra. Whitelaw Reid, một nhà báo từ miền Bắc nhận định khi đó người da trắng miền Nam sẵn sàng tuân thủ mọi điều kiện Tổng thống đặt ra kể cả việc cho người da đen

quyền bầu cử. Tháng 6 năm 1865, Johnson cho thấy chính sách của mình và hầu hết những người da trắng miền Nam đều hồ hởi vì tính chất hòa dịu của chính phủ Liên bang, nói đến quyền tự trị của các tiểu bang và chống lại việc cho người da đen được đi bầu. Mọi người đều hiểu ý của Tổng thống Johnson thiên về một "chính quyền do người da trắng" chỉ huy.

Những biến cố xảy ra trong mùa hè và mùa thu năm 1865 củng cố niềm tin của người da trắng phương Nam nơi sự "đồng minh và bảo trợ" của Tổng thống Johnson. Chính Tổng thống đã ra lệnh bãi bỏ quyết định của Trung tướng Henry W. Slocum cấm đoán việc tạo lập lực lượng dân quân bang Mississippi, và đến mùa thu thì Tổng thống chấp thuận yêu cầu rút các đơn vị quân đội người da đen khỏi bang này vì "sự hiện diện của những đơn vị này là điều nhục nhã" gây khó khăn cho các chủ đồn điền trong việc duy trì kỷ luật. Và chỉ trong hai năm, các lực lượng quân đội người da đen đều bị rút khỏi các bang miền Nam.

Với người da trắng miền Nam, Andrew Johnson luôn chứng tỏ là một nhà chính trị tiền phong với chủ trương "hòa giải" và "nhân hậu": ông đã không để xảy ra những cuộc bắt bớ hàng loạt các phần tử cực đoan trong Liên minh miền Nam sau ngày họ thua trận mặc dù tại Quốc hội đã có nhiều kiến nghị "trừng phạt bọn phản loạn". Jefferson Davis - tổng thống của Liên minh miền Nam (1861-1865) - chỉ bị giam giữ gần hai năm trong nhà tù Liên bang mà không bị đưa ra xét xử; vị Phó Tổng thống, Alexander Stephens, cũng bị giam giữ một thời gian ngắn; ông trở lại Quốc hội năm 1873 và sau được bầu làm thống đốc bang Georgia cho đến khi ông mất. Khoảng 15.000 người da trắng miền Nam, đa số không thuộc diện được hưởng các chính sách ân xá vì quá giàu có đã làm đơn

xin hưởng qui chế khoan hồng và hầu như tất cả đều được ân xá: có lúc cả hàng trăm người được cấp giấy chứng nhận trong một ngày. Đến năm 1866 đã có trên 7.000 người được toại nguyện.

Nhiều nhà phân tích cho rằng Andrew Johnson hợp tác (và nâng đỡ) giới chủ nhân đồn điền là vì hai mục đích: duy trì uy thế của người da trắng ở miền Nam và mục tiêu tái ứng cử Tổng thống. Tinh thần chiến đấu không ngờ của người da đen năm 1865 đã khiến ông xem xét lại thái độ thù nghịch của mình đối với giới chủ điền. Từ các cuộc đối thoại với Johnson và Bộ trưởng ngoại giao William Seward, đại sứ Vương quốc Anh là Ngài Frederick Bruce nhận xét “cả hai người đều nghĩ rằng người da đen cần phải được kìm giữ trong trật tự và được chăm sóc phụ thuộc vào sự khai hóa của người da trắng”, và “chỉ các chủ điền người da trắng mới có khả năng giám sát quản lý người da đen”.

Chính chương trình tái thiết do Tổng thống Johnson đề ra đã đưa những chính khách theo chủ nghĩa Liên bang lên nắm chính quyền trung ương. Vì thế, tại các tiểu bang phương Nam, xu hướng chung là trao quyền lãnh đạo cho những người từ năm 1860 đã có thành tích chống lại sự ly khai. Kết quả là hai phần ba số đại biểu trúng cử tại các đại hội là những người đã từng chống đối việc miền Nam ly khai khỏi liên bang; họ là những nhà chính trị theo tư tưởng tự do (đảng Whig). Đại hội đại biểu bang Mississippi nhóm họp trước tiên vào khoảng trung tuần tháng 8/1865, thảo luận về một sắc luật công nhận việc bãi bỏ chế độ nô lệ. Lần lượt các bang khác cũng nhóm họp đại hội đại biểu và thông qua luật bãi nô. Trong số bảy vị thống đốc bang được bầu thì có sáu người là đảng viên Whig; các đảng viên Whig cũng chiếm đa số tại các hội đồng đại biểu tiểu bang và thành phố, quận huyện. Trong số 25 đại biểu từ

các bang Arkansas, Tennessee và Virginia để tham gia bầu cử vào Quốc hội thì đã có năm người từng phục vụ trong quân đội Liên bang và những người kia đều có đóng góp cho phe Liên bang hoặc tuyên thệ trung thành với chủ nghĩa Liên bang. Tuy nhiên, cuối cùng thì đa số các thượng nghị sĩ và dân biểu từ miền Nam tuy theo lập trường chống chế độ nô lệ nhưng đã đứng về phe ly khai. Rõ ràng, những người tích cực theo Liên bang cũng đã thất bại trong các cuộc bầu cử.

Nhìn chung, các cuộc bầu cử năm 1865 ở các bang miền Nam cho thấy Tổng thống Johnson đã không thể tạo dựng được giai cấp lãnh đạo mới để thay thế các thành phần chủ nô trước ngày nổ ra cuộc nội chiến. Công việc điều hành guồng máy chính quyền địa phương vẫn do những người đã từng cai trị trước chiến tranh tuy họ đứng về phía Liên bang vào năm 1860. Hoạt động của những người này quyết định thành quả công cuộc tái thiết miền Nam do Tổng thống Johnson đề ra.

❖ PHÂN TÍCH CÔNG CUỘC TÁI THIẾT CỦA TỔNG THỐNG

Một vấn đề được các cơ quan lập pháp miền Nam ưu tiên đưa ra thảo luận ngay từ các phiên họp đầu tiên là vấn đề lao động da đen khi các chủ điền da trắng hầu như mất hết quyền lực chi phối, và họ phải trông nhờ chính quyền tiểu bang để giải quyết.

Báo chí miền Nam và nhiều cá nhân chủ điền bày tỏ quan điểm về "một hệ thống lao động… do tiểu bang ấn định và thực thi" như một tờ báo ở New Orleans đưa ra. Kết quả là Bộ luật lao động da đen ra đời, xác định quyền hạn và trách nhiệm mới của người da đen được tự do. Bộ luật cho phép người da đen sở hữu tài sản, kết hôn, ký kết hợp đồng, khởi kiện và bị kiện cáo và làm nhân chứng trong các vụ án có liên quan đến người da đen. Tuy nhiên, những điều khoản này chỉ là thứ yếu; bộ

luật thật sự nhằm ổn định lực lượng lao động da đen và hạn chế những đòi hỏi về kinh tế của họ. Do đó, các chính quyền tiểu bang hầu như chỉ chú trọng đến việc thực thi các khoản hợp đồng lao động và kỷ luật lao động trên các đồn điền, trừng phạt người da đen vi phạm hợp đồng và ngăn ngừa người da trắng tranh đua với lao động da đen.

Mississippi và Nam Carolina là hai bang đầu tiên áp dụng Bộ luật lao động da đen, gọi tắt là Bộ luật da đen rất khắt khe từ cuối năm 1865. Tại Mississippi, tất cả người da đen buộc phải có giấy chứng nhận việc làm mỗi năm ngay từ tháng 1. Người lao động nào bỏ việc trước thời hạn của hợp đồng có thể bị buộc hoàn trả tiền lương đã lãnh nhận và có thể bị chủ da trắng bắt giữ giống như dưới thời nô lệ. Người thuê lao động đang có hợp đồng có thể bị phạt vạ 500 đô la và/ hoặc bị cầm tù, người da đen tự do cũng không được quyền thuê đất tại các vùng đô thị. “Lối sống lang thang” (vô gia cư, vô nghề nghiệp) được xem như một vi phạm bị phạt tiền hoặc cưỡng bách lao động tại một đồn điền. Bộ luật cũng quy định nhiều loại tội hình sự khác như “cử chỉ và ngôn từ lăng mạ, sỉ nhục”, hành động ác ý, và rao giảng Kinh Thánh không có phép. Bộ luật của bang Nam Carolina còn quy định người da đen trả thuế hàng năm từ 10 - 100 đô la nếu họ muốn làm công việc không phải của nông dân hay gia nhân - Điều khoản này ảnh hưởng lớn đến cộng đồng người da đen ở Charleston và những thợ thủ công trước đây từng là nô lệ.

Trước phản ứng rầm rộ từ dư luận miền Bắc, các bang phía Nam thay đổi ngôn từ của các bộ luật. Bang Virginia quy định những lao động từ chối mức lương chung của các lao động cũng là một hành vi thuộc “lối sống lang thang”. Louisiana và Texas chống lại quy chế không dùng lao động nữ ngoài đồng ruộng bằng cách quy định hợp đồng lao động bao

gồm mọi thành viên trong gia đình. Riêng bang Lousiana thì cho phép chủ điền hay người sử dụng lao động giải quyết các tranh chấp lao động.

Những quy định trên gặp sự chống đối mạnh từ người da đen nhưng cái mà họ than phiền nhiều nhất là việc buộc những lao động vị thành niên làm việc không lương cho các chủ điền. Luật cho phép tòa án quyết định cho chủ nhân da trắng chọn nuôi các trẻ em da đen mồ côi hoặc có cha mẹ không còn khả năng nuôi dạy chúng mà không cần có sự đồng ý của họ. Người da đen phản ứng và khiếu nại với Cục vấn đề người tự do. Đến cuối năm 1867, nhân viên Cục vấn đề người tự do và các tòa án hòa giải tiểu bang vẫn còn giải quyết cho trẻ vị thành niên da đen khỏi luật này.

Như một nhà báo phương Bắc, Sidney Andrews, viết: "… những quy định về lao động và luật này phế bỏ sự nô lệ của một cá nhân (người da đen) với một cá nhân (người da trắng) nhưng lại buộc người ta phải phục tùng cả khối cộng đồng". Thêm nữa, các cơ quan lập pháp ở các tiểu bang phía Nam tìm cách phạt nặng ngay cả những vi phạm nhỏ. Tại bang Virginia và Georgia, tội trộm một con ngựa hay con la có thể bị kết án tử hình. Bang Nam Carolina buộc người da đen làm việc về nông nghiệp phải có giấy phép của chủ da trắng khi bán các sản phẩm nông nghiệp. Tại bang Bắc Carolina, thống đốc William Graham ký ban hành luật quy định "có ý đồ trộm cắp" là một trọng tội.

Hầu như tại các tiểu bang phía Nam các nhà làm luật đều tìm cách hạn chế quyền hạn của người da đen về săn bắn thú rừng, câu cá, và chăn nuôi thả trên đồng cỏ - Trước đây người da đen với tư cách nô lệ có thể cùng chủ da trắng được tự do săn bắt. Nhiều tiểu bang cấm người da đen sử dụng súng và đánh thuế rất nặng đối với chó săn và súng của họ.

Luật cũng quy định gia súc phải được nuôi trong hàng rào; do vậy người da đen vì không có đất nên không thể chăn nuôi.

Toàn bộ các quy định luật pháp về lao động và tội hình sự trên đều nhằm thực thi và củng cố chế độ cảnh sát trị và tư pháp của người da trắng. Mặc dù người da đen không phạm lỗi, các nhóm dân quân (người da trắng) vẫn thường xuyên khủng bố người da đen tại các đồn điền: lục soát nhà cửa để tìm súng săn và chiếm đoạt tài sản, hành hạ những người không có hợp đồng lao động. Các tòa án tuy có cho người da đen được quyền làm chứng trong các vụ án như người da trắng nhưng không được tham dự trong hội đồng xét xử. Một vị thẩm phán người Anh nhận định sau khi dự nhiều phiên xử ở Richmond (Virginia): "Các phán quyết của tòa án đều có lợi cho người da trắng và bất lợi cho người da đen".

Cảnh sát và tòa án cùng các cơ quan chính quyền địa phương hầu như đều bênh vực cho các tội phạm người da trắng bị truy tố về những tội ác đối với người da đen. Nếu có tên tội phạm người da trắng nào bị Cục vấn đề người tự do hoặc cơ quan dân chính nào truy tố về những tội ác chống lại người da đen thì thường chúng được tòa án tha bổng. Ví dụ như ở bang Texas, trong hai năm 1865 và 1866 có trên 500 tên tội phạm da trắng bị truy tố về tội giết người da đen nhưng rốt cuộc không tên nào bị kết án! Rõ ràng, người da đen không được luật pháp bảo vệ và đây là một thất bại trong hệ thống pháp luật thời kỳ tái thiết của Tổng thống Johnson.

Chế độ thuế khóa cũng không công bằng. Trước nội chiến các bang phía Nam không thu thuế điền sản mà chỉ thu những loại thuế khác như thuế thân, thuế sở hữu nô lệ, thuế buôn bán và thuế nghề nghiệp. Như thế, người ít chịu thuế là người lao động và người đóng thuế nhiều nhất

là người làm nghề nông nhưng họ vẫn sống sung túc. Theo chương trình tái thiết thì người da đen tự do phải đóng thuế thân; những ai không đóng thuế bị xem là “người lang thang”. Sự bất công của chế độ thuế thể hiện ở chỗ nhiều chủ điền sở hữu đất đai đem lại lợi tức to lớn nhưng chỉ phải đóng một khoản thuế nhỏ và sử dụng hàng trăm lao động nghèo khó không có chút tài sản nào. Hơn nữa, tuy người da đen phải nộp thuế như người da trắng nhưng họ không được hưởng những quyền lợi về giáo dục y tế, các tiện nghi dịch vụ công cộng, v.v… Nhiều người da trắng miền Nam luôn tìm cách ngăn cản không để người da đen được hưởng những quyền công dân tối thiểu, ví dụ như về giáo dục. Ở bang Bắc Carolina, Thống đốc Jonathan Worth thuyết phục cơ quan lập pháp tiểu bang bãi bỏ hệ thống trường công lập tuy trước đó, khi còn là nghị viên chưa được bầu làm thống đốc (năm 1865), ông đã tranh đấu thành lập hệ thống này. Lý do: “nếu chúng ta mở trường công lập với kinh phí của tiểu bang cho trẻ em da trắng thì chúng ta cũng phải nhận các trẻ da đen”. Worth và các nhà lập pháp cho phép mở các trường tư với những khoản trợ cấp về thuế.

Sự kỳ thị người da đen như trên cũng xảy ra tương tự trong ngành tư pháp; vì thế đã gặp chống đối mãnh liệt từ nhiều phía, cuối cùng, khoảng cuối năm 1866, nhiều bang phía Nam đã phải hủy bỏ các sắc luật kỳ thị người da đen. Tuy nhiên, tòa án vẫn tiếp tục xử phạt tội “đi lang thang”, tội vi phạm hợp đồng lao động, cưỡng ép tập việc, thuế (mặc dù biết là không công bằng) trong khi các luật đặt ra vẫn không được thực thi đúng đắn. Mọi nỗ lực đổi mới nền kinh tế phương Nam không đem lại kết quả như mong muốn tuy nô lệ đã bãi bỏ, cây bông vải không còn là sản phẩm chủ lực, triển vọng hình thành một nền kinh tế mới với đầu tư từ

phương Bắc, xây dựng đường sắt và các nhà máy, lực lượng lao động phát triển nhờ chính sách di dân. Các nông trường trồng bông vải thu hẹp diện tích, sử dụng lao động chủ yếu là các góa phụ và trẻ mồ côi từ sau chiến tranh. Một tờ báo ở bang Nam Carolina năm 1866 bình luận: "Các đại nông trường cần phải thu nhỏ để trở thành các nông trại đáng kính; năng lượng nước phải được sử dụng cho các nhà máy,… và con em chúng ta cần học làm việc".

Các nhà lãnh đạo địa phương cổ vũ cho công cuộc phục hồi kinh tế miền Nam với sự hình thành của hệ thống đường sắt xuyên qua miền. Các thành phố lớn như Charleston và Vicksburg trông đợi đường sắt sẽ giúp cho toàn miền thoát khỏi sự trì trệ về kinh tế; còn những vùng nằm sâu trong lục địa, trên vùng núi cao thì hy vọng đường sắt sẽ giúp thoát khỏi sự lệ thuộc vào các cảng sông và có thể buôn bán trực tiếp với miền Bắc. Một tờ báo ở Mississippi viết: "Ngành đường sắt sẽ phục hồi năng lượng của toàn dân (miền Nam), giúp khai thác các tài nguyên của đất nước, và mở ra cho chúng ta con đường phát triển và thịnh vượng". Chính quyền Johnson đưa ra chính sách khuyến khích các bang đầu tư xây dựng đường sắt, khai thác khoáng sản, xây dựng các nhà máy luyện kim và chế biến, thiết lập hệ thống ngân hàng và bảo hiểm. Để phát triển nông nghiệp, các tiểu bang lập hệ thống tín dụng nông nghiệp có sự bảo đảm của luật pháp: nhà đầu tư cung cấp vốn và vật dụng cho nông dân và được bảo đảm về hoa màu. Thế nhưng, chương trình tái thiết kinh tế của Tổng thống đã không được thực thi như mong muốn. Cụ thể là việc xây dựng đường sắt. Trong cả hai năm 1866 và 1867, chỉ mới xây dựng dược 422 dặm (675 km) trên toàn 11 tiểu bang thuộc Liên minh miền Nam cũ. Chính phủ cũng bổ nhiệm những ủy viên đặc trách di dân tại

miền Nam nhưng chẳng thu hút được nhiều di dân. Ngược lại, con số di dân ở nước ngoài lại có chiều hướng giảm trong thời gian 1860-1870. Nhìn chung, phát triển công nghiệp không tiến triển; chỉ một số ít nhà máy được phục hồi từ sau chiến tranh như Công ty gang thép Tredegar ở Richmond, được nhà đầu tư từ phương Bắc bỏ vốn phục hồi sản xuất. Đa số những nhà kinh doanh miền Nam ra miền Bắc kêu gọi vốn đầu tư đều phải ra về tay không. Lúc này các nhà kinh doanh phương Bắc đang bị thu hút bởi những dự án đầy triển vọng ở miền Tây; miền Nam không hấp dẫn họ vì bất ổn chính trị.

Chương trình tái thiết miền Nam sớm thất bại vì nhiều lý do ngoài khả năng các nhà chính trị miền Nam. Hậu quả của chiến tranh và di sản của nền kinh tế nông trang sau nhiều thập kỷ không thể xóa bỏ chỉ trong hai năm. Hơn nữa, tâm lý chia rẽ và các mục tiêu trái ngược nhau về sự cải tổ kinh tế cũng là nguyên nhân dẫn đến thất bại trên. Để canh tân kinh tế thời hậu chiến cần thiết phải thay đổi cơ cấu tổ chức kinh tế nông trang. Kinh tế nông nghiệp luôn chậm tiến vì sản xuất chỉ nhắm cho xuất khẩu, ít quan tâm đến thị trường trong nước; giới lãnh đạo thì bảo thủ, luôn tìm cách ngăn trở các nỗ lực về cải cách nông nghiệp và hình thành một thị trường lao động tự do. Báo chí phương Bắc luôn kêu gọi việc “xóa sổ” các đại đồn điền và giải phóng lực lượng lao động nhưng không hề đưa ra biện pháp đối với người da đen.

Giới chủ điền thì luôn tỏ ra nhất quán. Họ không muốn xóa bỏ kinh tế nông trang nhưng lại muốn có đường sắt, nhà máy và các nhà đầu tư phương Bắc bỏ vốn để phục hồi sản xuất tại các đồn điền mà không làm ảnh hưởng đến trật tự lao động của người da đen.

Toàn bộ chương trình tái thiết miền Nam không nói đến “ai sẽ thay thế lao động da đen tại các đồn điền” mà chỉ kể ra: “*Với* những tiến bộ khoa học kỹ thuật nông nghiệp, sử dụng cơ giới,… sẽ giúp các nông trường hoạt động không cần đến sức lao động của người da đen được tự do”. Hơn nữa, các nông trại cỡ nhỏ chủ yếu sử dụng lao động trong gia đình. Các nhà cải cách thì chỉ nói đến các nhà máy sử dụng lao động da trắng, những nông trang do người nhập cư da trắng đến lập nghiệp, mà không đề cập đến vấn đề người da đen trước đây là nô lệ tại các đồn điền. Dĩ nhiên họ cũng lộ rõ ý đồ “người da đen sẽ chẳng bao giờ có được những mảnh đất màu mỡ” để canh tác.

Kinh nghiệm từ công cuộc tái thiết của Tổng thống cho thấy việc bố trí người nô lệ da đen được giải phóng trong trật tự xã hội mới đã ảnh hưởng tới nỗ lực cải tổ nền kinh tế chính trị của miền Nam. Các chính quyền địa phương do ông tạo dựng thì chỉ quan niệm người da đen phải là lao động trong các đồn điền. Kết quả là viễn ảnh một miền Nam tự tái thiết đã thất bại từ đầu đến cuối và chỉ khi chương trình tái thiết của Tổng thống sắp kết thúc thì người da trắng phương Nam mới ý thức cơ hội tốt đã qua. Các nhà làm luật thì chỉ biết trau chuốt theo ngôn từ báo giới sau này sẽ được các chính quyền cấp tiến sử dụng. Họ như bất lực, lười biếng và không có khả năng giải quyết những vấn đề trong vùng. “Có lẽ việc tốt nhất là các nhà lập pháp nên về vườn”, phái viên của Thống đốc Orr, bang Nam Carolina, đã nhận định.

❖ PHẢN ỨNG TỪ MIỀN BẮC

Lúc mới công bố, chính sách tái thiết miền Nam của Tổng thống Andrew Johnson được sự hậu thuẫn triệt để của các chính khách phương Bắc. Chẳng những rất nhiều người miền bắc tán thành nhanh chóng đưa

miền Nam trở về với Liên bang chính sách này còn được đảng Dân chủ ủng hộ vì họ tin tưởng sẽ lấy lại tài sản bị mất trong thời chiến. Nhưng người Cộng hòa nguyên là đảng viên Dân chủ có chung quan điểm về quyền hạn của tiểu bang và thành kiến sắc tộc với Tổng thống Johnson, và những đảng viên Cộng hòa muốn củng cố vị thế trong đảng nhờ liên kết với vị Tổng thống mới.

Nhiều chính khách miền bắc có uy tín cũng tin tưởng ngành sản xuất bông vải mau chóng phục hồi rất cần thiết cho phát triển kinh tế. Mặc dù mất vị thế thượng tôn, bông vải vẫn là mặt hàng chủ lực cho xuất khẩu. Các cảng biển Boston, New York và Philadelphia ngày đêm tấp nập tàu bè ra vào để bốc dỡ hàng của các nhà buôn giàu sụ. Cùng với các hãng buôn lớn trù phú này là một loạt các cửa hàng, văn phòng luật sư, bảo hiểm, ngân hàng, các hãng tàu biển, v.v… Hầu như mọi người đều tin chắc rằng nếu không nhanh chóng phục hồi ngành trồng bông vải, miền Nam sẽ không bao giờ trả nổi nợ chiến tranh, các nhà máy dệt *ở* vùng New England sẽ phải đóng cửa, và nước Mỹ sẽ không có đủ ngoại tệ dùng trong ngoại thương và thanh toán các khoản nợ quốc tế. Thượng Nghị Sĩ William Sprague thuộc đảng Cộng hòa tuyên bố nếu không có bông vải thì Hoa Kỳ sẽ “phá sản trên mọi mặt”. Như thế, mọi quyền lợi to tát về kinh tế của miền Bắc phụ thuộc sự thống nhất nhanh chóng với miền Nam và sự phục hồi sản xuất các loại nông sản chủ yếu. Các nhà phân tích đều tin tưởng các chính sách của Tổng thống Johnson có thể đạt những mục tiêu trên. Tờ báo thương mại *Journal of Commerce* ở New York, bình luận: “Nếu người da màu có được những quyền lợi chính đáng của họ thì các tiểu bang sẽ có nhiều lao động với năng suất cao”.

Xu hướng chung của người dân miền Bắc là ủng hộ Tổng thống và những chính sách ông đề ra. Chỉ riêng một nhóm Cộng hòa cấp tiến, tỏ ra chống đối chương trình của Johnson. Năm 1865, họ ngạc nhiên trước Tuyên bố tháng Năm, cho rằng Johnson đã lừa họ về vấn đề quyền bầu cử của người da den. Suốt mùa hè và mùa thu năm 1865, những người cấp tiến và chủ trương bãi nô vận động cho yêu sách này; nó là nguyên tắc tất yếu của việc giải phóng nông nô da đen. Những người cấp tiến đều cho rằng sẽ "không thể có tái thiết nếu người da đen không được quyền bầu cử". Lãnh đạo phe cấp tiến viết thư cho nhau trao đổi quan điểm và hứa hẹn tổ chức chống đối các chính sách của Johnson. Trong một lá thư Thượng Nghị Sĩ Henry Wilson viết gửi ủy viên Cục vấn đề người tự do: "Tôi hy vọng Ông sẽ làm mọi cách để bảo vệ người da đen bởi vì có vẻ như quốc gia này đã để họ rơi vào tay bọn chủ nhân bất trung thực".

Vấn đề quyền đi bầu của người da đen gặp nhiều rắc rối khó khăn. Không một chính khách nào tìm ra giải pháp thỏa đáng. Mặc dù có sự nới lỏng cho người da đen ghi tên vào danh sách cử tri và những cuộc vận động đòi quyền bầu cử của những người da đen phương Bắc, chỉ có năm tiểu bang đều ở miền New England cho phép người da đen đi bầu như người da trắng. Đại đa số đảng viên Cộng hòa không theo phe cấp tiến, họ thuộc các nhóm trung dung hay bảo thủ và lo ngại vấn đề người da đen có thể khiến họ mất những lá phiếu của cử tri.

Mối hiểm nguy tiềm ẩn này trở nên rõ rệt trong ba cuộc trưng cầu dân ý về sửa đổi hiến pháp nhằm trao quyền bầu cử cho cộng đồng thiểu số da đen ở miền Bắc. Tại bang Minnesota, các đại hội của đảng Cộng hòa đều ủng hộ tu chính án này nhưng thiếu 2.600 phiếu để có thể thông

qua dự luật mặc dù một người Cộng hòa đã được bầu làm thống đốc bang. Tại bang Wisconsin, tướng Lucius Fairchild, một người Cộng hòa chủ trương cho người da đen đi bầu, thắng cử với 10.000 phiếu đa số trong cuộc chạy đua vào chức thống đốc nhưng tu chính án thì lại thiếu 9.000 phiếu để được thông qua. Tại bang Connecticut, tu chính án cũng thất bại vì thiếu 6.000 phiếu. Thống kê cho thấy Tu chính án trao quyền bầu cử cho người da đen chỉ được 43% phiếu tại bang Connecticut, 45% tại bang Minnesota, và 47% ở bang Wisconsin. Đa số cử tri theo đảng Cộng hòa bỏ phiếu thuận trong khi hầu hết cử tri Dân chủ bỏ phiếu chống. Ngoài ra, vấn đề quyền bầu cử của người da đen bị quên lãng khi Quốc hội họp lại vào tháng 12 năm 1865.

Mặc dù những chính sách Tổng thống Johnson đưa ra có vẻ thắng thế, các cộng đồng phương Bắc và lãnh tụ Cộng hòa cảm thấy không an tâm với những diễn biến ở miền Nam. Các thông tin về bạo lực nổi lên chống người da đen tự do, việc ban hành các đạo luật áp chế người da đen gây hoang mang và tức giận. Nhiều người phương Bắc tuy không tán thành trao quyền bầu cử nhưng đòi hỏi sự tự do và quyền tự do lao động cho người da đen.

Tin tức cho biết tại nhiều bang miền Nam khách sạn, nhà hàng và tàu bè từ chối phục vụ cho khách từ phương Bắc. Không khí có vẻ gần giống như một cuộc “bạo loạn” mới, theo một tờ báo ở Chicago. TNS Lyman Trumbull của bang Illinois, cho rằng Liên bang dùng các biện pháp bảo vệ dân quyền cho người da đen chỉ khuyến khích các bang phía Nam hợp nhất với nhau. Cần thiết khống chế bạo lực trước khi đưa các bang miền Nam về với các hoạt động đời sống bình thường của quốc gia.

Khi Quốc hội Khóa 39 nhóm họp đầu tháng 12, Tổng thống Johnson tuyên bố đã tạo dựng trật tự mới ở miền Nam, do những viên chức trung thành với Liên bang kiểm soát, ông không thể tin được là các người Cộng hòa phương Bắc lại xem chương trình tái thiết của ông là hoang đường với chủ trương cho người da đen quyền tự do và vứt bỏ nó đi. Giờ đây Johnson phải chấp nhận người da đen tự do được bình đẳng dân sự với người da trắng nhưng không có quyền bầu cử và những người theo Liên bang trong thời chiến xứng đáng đảm trách vai trò quan trọng trên chính trường miền Nam.

Tuy nhiên, những người thân cận với Johnson biết rõ không dễ gì ông chịu thỏa hiệp. Họ dự đoán sẽ xảy ra những tranh chấp chính trị về công cuộc tái thiết. Harvey Watterson, đặc phái viên của Tổng thống tại miền Nam tuyên bố: “Sẽ có tranh chấp giữa nhóm cấp tiến và Tổng thống. Cứ để nó xảy ra, càng sớm càng tốt cho đất nước”.



TIẾN HÀNH CÔNG CUỘC TÁI THIẾT

Nền chính trị Hoa Kỳ ở thế kỷ 19 có nét đặc thù là Quốc hội được bầu ra nhưng phải hơn một năm sau mới nhóm họp phiên đầu tiên. Quốc hội Khóa 39 được bầu năm 1864 đang lúc chiến tranh ác liệt, nhóm họp lần đầu tháng 12 năm 1865 để bàn thảo những vấn đề tái thiết sau chiến tranh. Câu hỏi đặt ra là ai sẽ kiểm soát miền Nam? Ai sẽ trị vì đất nước? Quy chế người nô lệ được giải phóng như thế nào? Lúc đó đảng Cộng hòa hầu như kiểm soát hoàn toàn cả hai viện Quốc hội với đa số áp đảo 3/1. Chính những tương tác trong nội bộ đảng Cộng hòa khi ấy đã hình thành đường lối chính trị đề ra tại Quốc hội.

❖ NHỮNG NGƯỜI CỘNG HÒA CẤP TIẾN

Tại Quốc hội, đảng Cộng hòa chia ra cánh tả và cánh hữu. Cánh tả gồm những người cấp tiến với nhiều kinh nghiệm, cam kết theo đuổi việc bãi nô, và họ có cả một chương trình tái thiết miền Nam. Phần đông những đảng viên cấp tiến này từ vùng New England và những bang nằm gần vùng này ở phương Bắc. Đây là vùng có hệ thống lao động tự do triển khai mạnh. Hai nhà lãnh đạo cấp tiến nổi bật nhất là Thaddeus

Stevens và Charles Sumner; hai người rất khác nhau về nhân cách và kiểu phát biểu. Stevens là một chính trị gia khôn ngoan có tài hùng biện tại Quốc hội. Sumner nổi tiếng vì tính tự cao tự đại, bướng bỉnh, không chịu thỏa hiệp; vì thế không được các bạn đồng liêu tại Thượng nghị viện ưa thích. Tuy nhiên, những người chủ trương bãi nô tôn ông làm lãnh tụ của họ và ông rất được lòng người da đen ở cả hai miền ủng hộ. Họ tìm đến ông để kể lể những nỗi thống khổ và xin ý kiến. Năm 1869, một cựu chiến binh da đen viết ca ngợi ông trên báo: "Tên Ngài sẽ khắc mãi trong tim chúng tôi".

Chính ý tưởng cuộc nội chiến đã tạo "cơ hội vàng" cho mọi cuộc đổi thay đã liên kết những người cấp tiến năm 1865. Động lực cho ý tưởng cấp tiến chính là viễn cảnh lý tưởng về một quốc gia dân chủ trong đó mọi công dân được bình đẳng về chính trị và dân quyền được Nhà nước bảo đảm. Từ nhiều thập kỷ trước đó, Stevens, Sumner và nhiều người cấp tiến khác đã lên tiếng tranh đấu cho người da đen được quyền đi bầu và bác bỏ ý tưởng "Hoa Kỳ là một quốc gia với chính quyền của người da trắng".

Khi cuộc nội chiến nổ ra, những người cấp tiến còn đi xa hơn các đảng viên Cộng hòa thuần túy: họ kêu gọi tăng cường quyền lực quốc gia và không để chủ nghĩa Liên bang và các quyền hạn của tiểu bang cản trở thực thi các quyền công dân. Với Stevens, chiến tranh có logic và những đòi hỏi riêng, ông phát biểu trước Hạ nghị viện: Những bang phía Nam bại trận phải mất vị thế hiến định của họ và Quốc hội phải xem họ là những tỉnh thành bị thôn tính, ông gặp sự chống đối từ những người cấp tiến khác muốn duy trì thế Liên bang cho các bang thua trận dựa trên điều khoản Hiến pháp đảm bảo thể chế Liên bang cho tất cả các tiểu

bang. Hơn ai hết Sumner ra sức bảo vệ điều khoản này của Hiến pháp, ông tuyên bố rằng Hiến pháp không cho phép Quốc hội quyền lực tối thượng đối với các bang. Ông nói, một chính quyền chối bỏ quyền bình đẳng của mọi công dân trước luật pháp và không dựa vào nguyện vọng của người dân thì sẽ không còn là Cộng hòa nữa.

Ý tưởng xây dựng lại xã hội miền Nam khiến một số người cấp tiến đề nghị chính phủ Liên bang tái lập hệ thống đồn điền trang trại và cấp phát nhà cửa cho người nô lệ cũ. Tại kỳ đại hội đảng Cộng hòa bang Pennsylvania tháng 9 năm 1865, Stevens đề nghị Chính phủ tịch thu trên 4 triệu km^2 đất thuộc 10% chủ điền giàu có ở phương Nam. Ông nói việc tịch thu này sẽ làm suy yếu giai cấp cũ thống trị miền Nam để rồi được thay thế bằng một cơ cấu xã hội gồm những người lao động và tiểu chủ da trắng và da đen miền Nam cùng những thương nhân phương Bắc mua lại các đồn điền.

❖ NGUỒN GỐC BỘ LUẬT DÂN QUYỀN

Từ ngày Quốc hội khóa 39 nhóm họp, đa số các nghị sĩ Cộng hòa đều tỏ ra lo ngại về các chính sách của Tổng thống Johnson đưa ra và ít nhiều tìm cách chống đối. Ví dụ thư ký Hạ viện Edward McPherson đã không ghi tên các nghị sĩ miền Nam trúng cử vào danh sách chính thức. Hơn nữa cả hai Viện đều tiến hành lập ủy ban Liên hợp về tái thiết để kiểm tra những điều kiện tại các bang miền Nam và xét xem họ có được đại diện tại Quốc hội hay không.

Một số dân biểu ủng hộ Johnson coi những bước trên là một sự thách thức đối với quyền uy của Tổng thống. Tuy nhiên, Johnson đã tỏ ra phớt lờ và trong bài diễn văn đọc hằng năm ông đã kêu gọi sự hòa giải.

Một số đảng viên Cộng hòa tỏ vẻ chấp nhận quan điểm của Johnson như là bước đầu của cuộc tái thiết nhưng họ không đả động gì đến đề nghị trao quyền bầu cử cho người da đen. Tình trạng này dẫn tới việc phe ôn hòa nắm quyền lãnh đạo tại Quốc hội. Những người Cộng hòa ôn hòa như James G. Blaine và John A. Bingham ở Hạ viện và Lyman Trumbull, Jolm Sherman và William Pitt Fessenden ở Thượng viện. Họ xem tái thiết là một việc tất yếu nhưng không phải là cơ hội thay đổi cấu trúc xã hội miền Nam. Tuy nhiên tất cả những người Cộng hòa ôn hòa đều muốn có thay đổi trong chính sách tái thiết của Johnson. Vì lo ngại có nhiều kẻ “phản loạn” cầm quyền ở miền Nam, họ muốn chính phủ buộc các viên chức này cam kết trung thành với Liên bang và Tổng thống ngưng gặp gỡ những “phần tử xấu xa” trong hàng ngũ Dân chủ. Cũng với lý lẽ của Tổng thống khi bổ nhiệm những thống đốc tạm thời cho các tiểu bang miền Nam và buộc những bang này chuẩn thuận Tu chính án 13, họ yêu cầu Quốc hội không chấp nhận đại diện của miền Nam chừng nào họ chưa đảm bảo quyền lợi thiết thực của người nô lệ được giải phóng. Tháng 1 năm 1866, Chủ nhiệm Ủy ban Tư pháp Lyman Trumbull đưa ra Thượng viện 2 dự luật trình bày quan điểm của nhóm ôn hòa: một đạo luật duy trì Cục vấn đề người tự do và cho phép các nhân viên Cục khởi tố các vụ xâm phạm quyền dân sự của người da đen - đạo luật này được gọi là Luật Dân quyền. Đạo luật thứ hai cấp tiến hơn được gọi là Luật Dân sự, xem mọi người sinh ra tại Hoa Kỳ (ngoại trừ người da đỏ) đều là công dân và có quyền bình đẳng bất kể màu da về những việc như ký kết hợp đồng, thưa kiện, được hưởng sự bảo đảm về an ninh con người và tài sản. “Không một tiểu bang nào được phép chối bỏ những quyền lợi này của mọi công dân”.

Về ý nghĩa hiến định, Dự luật Dân quyền là cố gắng đầu tiên trong việc định nghĩa Tu chính án 13 nói đến sự tự do của công dân. Như một dân biểu giải thích, “Dự luật Dân quyền bảo đảm cho giai cấp lao động nghèo khổ quyền ký kết hợp đồng lao động, đòi hỏi mức lương thỏa đáng và những phương tiện làm chủ và có quyền hưởng thụ thành quả lao động nhọc nhằn của họ”.

Dự luật về dân quyền cho thấy sự thay đổi sâu sắc trong mối quan hệ giữa Liên bang và các tiểu bang và ý tưởng cấp tiến trong đời sống chính trị. Trước chiến tranh, mọi ý tưởng về quyền bình đẳng của người da đen - được hưởng các quyền công dân như người da trắng - đều bị xem là điên rồ. Và mặc dù dự luật chủ yếu nhằm bảo vệ người nô lệ được giải phóng, nó đã vô hiệu hóa các luật kỳ thị người da đen ở phương Bắc. Lot Morrill, Thượng Nghị Sĩ bang Maine nhận định: “Dự luật này mang tính chất cách mạng mặc dù chúng ta không có cuộc cách mạng nào”.

Thực chất dự luật này kết hợp những yếu tố kế tiếp và đổi thay về quan điểm của đảng Cộng hòa hồi đầu năm 1866. Dự luật quy định trách nhiệm thực thi luật pháp cho các tiểu bang trong khi vẫn duy trì hệ thống tòa án liên bang nhưng lại không đặt các cục cảnh sát liên bang hay đơn vị quân đội ở chính các tiểu bang này để bảo vệ quyền lợi các công dân.

Với những lời khiếu tố của người da đen giải phóng và người da trắng trung thành với chế độ Liên bang liên tiếp gửi về tố cáo những vi phạm của các chính quyền tiểu bang Maine, Quốc hội đã thông qua dự luật do cơ quan các vấn đề của người nô lệ được tự do (Cục vấn đề người tự do) soạn thảo. Thế nhưng, trước sự kinh ngạc và thất vọng của Quốc hội, Tổng thống đã dùng quyền phủ quyết gạt bỏ dự luật này vì “nó áp đặt một quyền giám sát bảo hộ rất lớn của Quốc hội không có

trong Hiến pháp", ông tuyên bố: "Quốc hội chưa bao giờ cứu trợ về kinh tế, xây trường học, hay mua đất cho người dân. Nếu nay lại làm những việc này thì có thể sẽ làm người được giải phóng hiểu là họ không cần phải làm việc để kiếm sống", ông nhấn mạnh không thể quyết định những vấn đề này khi mà 11 tiểu bang chưa có đại diện tại Quốc hội; hơn nữa, vì Tổng thống, người được nhân dân cả nước bầu ra, có cái nhìn bao quát hơn nghị sĩ, dân biểu vốn chỉ do một tiểu bang bầu ra. Bài đọc của Johnson mang nặng tính bảo thủ tạo nên một thế hành chính quan liêu bao quát đè nặng trên các quyền công dân, đòi hỏi sự tự lực không phụ thuộc trợ giúp từ bên ngoài, ông đưa ra những chủ đề chống lại các biện pháp giúp đỡ của chính phủ liên bang cho người da đen còn tồn tại cho tới ngày nay. Johnson cũng cáo buộc rằng Quốc hội "đang tìm cách biến Cục thành một cơ quan thường trực của chính phủ", ông tỏ vẻ không thông cảm nỗi thống khổ của người da đen.

Việc Tổng thống phủ quyết dự luật dẫn đến sự đối đầu chính trị giữa Tổng thống và Quốc hội.

Vì sao Andrew Johnson lại có thái độ như trên? ông vốn được sự ủng hộ của nhân dân miền Bắc lẫn miền Nam và của đảng viên cả hai đảng Cộng hòa và Dân chủ. Dự luật do Cục vấn đề người tự do đưa ra khiến ông phải chọn lựa đồng minh. Ông biết rõ người da trắng miền Nam không ưa Cục và những người Dân chủ phương Bắc thì muốn xóa sổ nó. Cho rằng nhóm cấp tiến tìm cách chống lại ông nên Johnson liên kết với những người Cộng hòa trung dung, hy vọng "lập nên một đảng mới của Tổng thống".

Tổng thống Johnson đã sai lầm khi cho rằng chỉ những đảng viên Cộng hòa cấp tiến mới quan tâm đến quyền công dân của người da đen.

Thượng viện bỏ phiếu để bỏ qua phủ quyết của Tổng thống. Tuy còn thiếu 2 phiếu để có đủ hai phần ba số phiếu thuận để gạt bỏ phủ quyết nhưng trong số 38 Thượng Nghị Sĩ Cộng hòa thì đã có 30 Thượng Nghị Sĩ bỏ phiếu thuận. Điều này cho thấy rạn nứt trong nội bộ đảng Cộng hòa trầm trọng thêm và con số đảng viên Cộng hòa chống Johnson gia tăng. Một ngày sau khi Thượng viện bỏ phiếu chống lại phủ quyết của Tổng thống, Johnson đã lên tiếng chống những người Cộng hòa cấp tiến và so sánh họ với các lãnh tụ Liên minh miền Nam muốn "chống đối những nguyên tắc cơ bản của chính phủ".

Khi Dự luật về Dân quyền được Hạ viện thông qua, Johnson một lần nữa dùng quyền phủ quyết để chống. Dự luật quy định những người da đen nô lệ cũ cũng có những quyền hạn về "con người và tài sản" như người da trắng.

Những đảng viên Cộng hòa trung dung ghi nhận không còn khả năng hợp tác với Tổng thống Johnson khi ông phủ quyết dự luật về Dân quyền. Đầu tháng 4, lần đầu tiên trong lịch sử Hoa Kỳ, Quốc hội thông qua một đạo luật bất chấp sự phủ quyết của Tổng thống.

Johnson đã mắc phải sai lầm lớn khi phủ quyết dự luật về quyền dân sự. Ông đã thất bại khi tìm sự liên minh với những người Cộng hòa trung dung để gạt bỏ nhóm cấp tiến vì cho dù có khác biệt về chính kiến thì hầu như tất cả những người Cộng hòa đều chủ trương sau khi bãi bỏ chế độ nô lệ thì phải bảo vệ quyền lợi của người da đen được tự do như lời bình luận của tờ Republican (Cộng hòa) ở Springfield: "Việc bảo vệ dân quyền cho người được giải phóng phải nối tiếp việc dẹp loạn… Đảng phái sẽ chẳng là gì nếu không làm việc này - Và quốc gia sẽ bị ô nhục nếu cứ do dự".

Tuy thua trong việc phủ quyết dự luật về dân quyền, Johnson lại tìm một vấn đề khác để chống đối: sự can thiệp của chính phủ Liên bang để bảo đảm dân quyền của người da đen.

❖ TU CHÍNH ÁN 14

Vì sự chia rẽ với Tổng thống ngày càng lớn các đảng viên Cộng hòa tìm cách bám lấy Hiến pháp để tránh Tổng thống dùng quyền phủ quyết và thay đổi đa số, hậu quả của cuộc nội chiến. Chỉ riêng trong tháng đã có không dưới 70 dự thảo Tu chính án cho hiến pháp được trình ra trước Quốc hội. Mãi tới tháng 6 sau nhiều cuộc họp gây tranh cãi sôi nổi thì ban Tu chính án thứ 14, tu chính án quan trọng nhất, được Quốc hội thông qua. Điều khoản 1 nghiêm cấm các tiểu bang rút ngắn sự bình đẳng trước pháp luật. Điều khoản 2 quy định giảm số đại diện của tiểu bang tương ứng với số nam công dân mất quyền bầu cử. Trước chiến tranh, ba phần năm (3/5) nô lệ được tính cho số đại diện tại Quốc hội nhưng giờ đây gồm tất cả những nô lệ đã được tự do. Vì không thể cưỡng ép miền Nam cho người da đen được quyền bầu cử, các người Cộng hòa đưa ra cho miền Nam hai sự lựa chọn: hoặc chấp nhận để người da đen tự do được quyền bầu cử hoặc mất quyền đại diện tại Quốc hội. Điều 3 cấm những người đã tuyên thệ trung thành với Hiến pháp nhưng lại đứng về phe Liên minh miền Nam làm việc cho các cơ quan chính phủ trung ương (Liên bang) và địa phương (tiểu bang). Tuy không loại trừ hẳn những người từng bị xem là “kẻ phản loạn” nhưng đa số những chính khách miền Nam thời tiền chiến đều không được quyền tham gia chính phủ và như thế quyền lực thật sự nằm trong tay những người trung thành với Liên bang; đây cũng chính là ý đồ của những người Cộng hòa. Tu chính án 14 cũng nghiêm cấm việc trả nợ cho Liên minh miền Nam và

cho phép Quốc hội đặt ra các quy định qua các thủ tục pháp chế cần thiết.

Nhưng Tu chính án 14 cũng không được mọi người hài lòng vì nó mặc nhiên cho phép các tiểu bang được hạn chế quyền bầu cử vì lý do chủng tộc. Phong trào "Phụ nữ đòi quyền bầu cử" cũng không hài lòng vì Điều 2 chỉ nói đến "nam công dân". Có nhiều phụ nữ đã tham gia các phong trào đòi bãi bỏ chế độ nô lệ. Sự kiện này khiến cho nữ giới tức giận vì bị "phản bội". Nữ giới giờ đây không còn tin tưởng nơi nam giới, tự đứng ra để đấu tranh đòi quyền bình đẳng.

Những tranh cãi quanh Tu chính án 14 mở đầu cho các cải cách ở thế kỷ 19.

Phần đầu của Tu chính án 14 ghi rõ: Mọi người sinh ra ở Hoa Kỳ hoặc nhập quốc tịch Mỹ đều là công dân của đất nước và tiểu bang. Tu chính án nghiêm cấm tiểu bang không được cắt xén các quyền lợi của công dân; không được tước bỏ quyền sống, tự do hoặc tài sản của công dân mà không qua quy trình pháp lý, hoặc từ chối sự bảo vệ của luật pháp.

Các chính trị gia, luật sư, thẩm phán và những học giả suốt hơn một thế kỷ bàn cãi về ý nghĩa khá mơ hồ của những ngôn từ trên. Thế nhưng mục tiêu của Tu chính án 14 phải được hiểu trong bối cảnh chính trị và ý thức hệ của năm 1866: sự chia tay với Tổng thống, cố gắng tìm biện pháp tập hợp những người Cộng hòa và sự nhất trí với Liên bang để bảo vệ quyền lợi của người da đen tự do nhưng không đề cập đến quyền bầu cử. Sau nhiều cuộc bàn cãi và những lần cắt xén, thay đổi Tu chính án 14 vẫn giữ được nguyên tắc cơ bản: quốc gia đảm bảo sự bình đẳng trước pháp luật.

Ngay cả đảng viên Cộng hòa cũng có cách hiểu khác nhau về quyền bình đẳng trước pháp luật. Những người trung dung hiểu việc tái thiết như một quy trình năng động và muốn cả Quốc hội lẫn các tòa án Liên bang áp dụng những điều khoản trong Tu chính án một cách linh động và chống lại những bất công người da đen đang gặp ở miền Nam. Thật ra Quốc hội trông đợi một hệ thống pháp lý hữu hiệu để thực thi dân quyền, đồng nghĩa với việc duy trì một đội quân thường trực *ở* miền Nam hoặc xây dựng một nền hành chính để giám sát công cuộc tái thiết.

Khi đặt ra quyền công dân trong quốc gia, đảng Cộng hòa đã thúc đẩy tiến trình xây dựng đất nước có từ trong nội chiến. Thượng Nghị Sĩ Jacob Howard bang Michigan nói các tiểu bang sẽ không còn được phép xâm phạm các quyền tự do quy định trong luật về các quyền. "Các bang phải tôn trọng những quyền hạn con người như đã ghi trong tám bản tu chính án đầu tiên. Cục vấn đề người tự do cũng đã tìm cách bảo vệ quyền tự do cá nhân cơ bản như tự do ngôn luận, quyền mang vũ khí, được xét xử bởi một tòa án không thiên vị, không phải chịu những hình phạt vô lý, bắt bớ,… Vì những thứ quyền này đang bị vi phạm có hệ thống tại miền Nam, việc ra đời của Tu chính án xét là cần thiết".

Khi Quốc hội tạm nghỉ trong tháng 7, có hai vấn đề gây tranh cãi chưa được giải quyết. Một là các bang phía Nam sẽ được kết nạp lại vào Liên bang như thế nào. Bang Tennessee nhanh chóng phê chuẩn Tu chính án 14 và được quyền gửi đại diện đến Quốc hội tuy chưa giải quyết vấn đề quyền bầu cử của người da đen. Trường hợp tương tự như ở nhiều bang khác. Nhưng, hầu hết các nghị sĩ đều nói: "người da đen phải được quyền đi bầu, nhưng mọi người như né tránh nói đến vấn đề này chỉ vì "sợ mất đi khả năng quy tụ được hai phần ba (2/3) số phiếu". John B.

Henderson, Thượng Nghị Sĩ bảo thủ ở bang Missouri tin tưởng quyền bầu cử của người da đen sẽ là hiện thực, nhưng “có lẽ phải mất 5 năm nữa thì Thượng viện mới thông qua”.

❖ CHIẾN DỊCH NĂM 1866

Ngày 1 tháng 5 năm 1866 hai chiếc xe ngựa đụng nhau trong một tai nạn trên đường phố ở Memphis (bang Tennessee). Một xe do một người da trắng và xe kia do một người da đen điều khiển. Cảnh sát đến và bắt giam người phu da đen. Lập tức một nhóm cựu chiến binh người da đen nhảy vào can thiệp trước một đám đông người da trắng đang vây quanh. Từ sự cố này đã bùng lên cuộc bạo loạn chủng tộc suốt ba ngày đêm với lực lượng cảnh sát và lính cứu hỏa phần đông là người Ireland di dân trấn áp những đám người da đen trên các đường phố, đặc biệt là khu ổ chuột ở mạn nam thành phố, nơi có khu gia cư của các binh sĩ da đen trú đóng tại đồn Pickering gần bên. Khi bạo loạn tạm yên, có 46 người da đen và hai người da trắng bị giết, năm thiếu nữ da đen bị hãm hiếp, hàng trăm nhà ở của người da den, nhà thờ, trường học bị đập phá, cướp bóc, hoặc thiêu hủy. Gần ba tháng sau một cuộc bạo loạn tương tự xảy ra tại thành phố New Orleans (bang Louisiana) nhưng lần này là do chính sách tái thiết gây nên. Các lực lượng từng chiến đấu cho Liên minh miền Nam trước đây nay trở nên hùng mạnh. Điều này khiến cho nhóm những người cấp tiến trong thành phố và thống đốc bang là James Wells phải lo ngại. Wells yểm trợ nhóm người này tổ chức một cuộc họp triệu tập lại Đại hội Hiến pháp 1864 để trao quyền bầu cử cho người da đen, ngăn cấm “bọn phiến loạn” và xác lập một chính phủ tiểu bang mới. Tới ngày họp, 30 tháng 7, chỉ có 25 đại biểu đến dự nhưng sau đó xuất hiện một đám đông trên 200 người da đen nguyên là cựu chiến binh tuần hành cổ

vũ cho Đại hội. Xô xát xảy ra giữa đám biểu tình và cảnh sát người da trắng. Lúc lực lượng quân đội Liên bang can thiệp, có 34 Cựu chiến binh da đen và ba người da trắng cấp tiến thiệt mạng, trên 100 người khác bị thương. Tướng Sheridan phải thốt lên: “Đúng là một cuộc tàn sát đẫm máu!”.

Với những biến cố như trên xảy ra, các chính khách phương Bắc cho rằng chính sách tái thiết của Tổng thống Andrew Johnson đã phá sản. Tệ hại hơn nữa là cuộc bạo loạn ở New Orleans xảy ra đúng hai tuần trước ngày Đại hội Đoàn kết toàn quốc khai mạc tại Philadelphia.

Đại hội diễn ra có vẻ hòa hợp. Trên 7.000 khán giả dự hội nghị vỗ tay vang dội khi Thống đốc bang Nam Carolina James Orr bước vào hội trường, tay khoác tay tướng Darius Couch bang Massachusetts, dẫn đầu đoàn đại biểu dự đại hội. Thế nhưng đằng sau là cả những bất đồng to lớn. Chủ bút báo *New York Times* Henry Raymond là người được mời đọc diễn văn nhưng trong bài đọc đã soạn trước phần ông cổ vũ Tu chính án 14 và chỉ trích chủ nghĩa nô lệ đã bị ban tổ chức loại bỏ. Kết quả đại hội đã không thành lập nổi một đảng quốc gia mới mà chỉ là lời kêu gọi bỏ phiếu bầu cho những nghị sĩ ủng hộ các đường lối chính sách của Tổng thống Johnson.

Lúc này Johnson quyết định giành hậu thuẫn của dân chúng miền Bắc. Ngày 28 tháng 8, Johnson cùng với Đại tướng Ulysses Grant, Đô đốc David Farragut cùng đoàn tùy tùng bắt đầu chuyến đi thăm viếng các nơi để vận động cho cuộc bầu cử sắp tới. Ở các chặng dầu tại New York và Philadelphia, Johnson được các cử tri thuộc giới tài chính và thương mại hoan nghênh nhiệt liệt. Đoàn đi tiếp sang phía Tây, và tại Ohio có người chất vấn ông về những việc đã xảy ra. Tại Cleveland khi một thính giả

hô to “Hãy treo cổ Jeff Davis”, ông đã hỏi lại, ‘“Vậy tại sao không treo cổ Thad Stevens và Wendell Phillips” (hai lãnh tụ phe cấp tiến)? Hầu như ở tất cả những thành phố đoàn đến và tiếp xúc cử tri Johnson đều tỏ thái độ hung hăng, chỉ trích các đảng viên cấp tiến. Tại St. Louis, ông nói Quốc hội đã gây ra các vụ bạo loạn ở New Orleans. Thái độ của Johnson khiến những đảng viên ủng hộ ông cũng phải xấu hổ; họ than: “Thật đáng trách!”. Và chuyến đi của Johnson để tìm sự ủng hộ của cử tri phương Bắc đã thất bại. Cuộc bầu cử hai tháng sau đó đã trở thành cuộc trưng cầu ý dân về Tu chính án 14. Nhiều người ủng hộ Johnson trước đây nay đã tạm biệt ông và tại kỳ bầu cử Quốc hội mới, đảng Cộng hòa chiếm hơn 2/3 số ghế, đủ để họ vượt qua quyền phủ quyết của Tổng thống Johnson.

Tuy nhiên, Johnson vẫn chưa chịu thua và luôn chống đối Tu chính án 14. Trong khi đó giới báo chí miền Nam tiếp tục đưa tin sai sự thật, nói những người chống đối Johnson ở phương Bắc đều là nhóm “cấp tiến cuồng tín, không được nhân dân ủng hộ”. Kết quả có 10 tiểu bang gạt bỏ Tu chính án 14.

❖ NGƯỜI DA ĐEN ĐƯỢC QUYỀN ĐI BẦU

Tại phiên họp thứ hai Quốc hội Khóa 39 họp tháng 12, 1866, các đảng viên Cộng hòa tự coi mình đã làm chủ tình hình. Họ thẳng thừng phớt lờ bài diễn văn của Tổng thống Johnson kêu gọi phục hồi quyền đại diện của những tiểu bang ly khai. Viễn cảnh người da đen được quyền đi bầu đã thấy rõ.

Tháng 1 năm 1867, dự luật ban cho người da đen ở Hạt (District of) Columbia quyền bầu cử trở thành luật bất chấp quyền phủ quyết của Tổng thống. Tiếp theo Quốc hội cũng lần lượt thảo luận về nhiều vấn

đề khác: giải phóng toàn diện cho người da đen ở miền Nam, thiết quân luật, buộc tội Tổng thống,… George Julian, chủ nhiệm ủy ban Công thổ Hạ viện nói miền Nam cần có chính phủ mạnh; vốn đầu tư và lao động từ phương Bắc cần đưa tới để xây dựng nền văn minh và dân chủ thực sự. “Các bang phía Nam phải nằm dưới quyền Washington kiểm soát và sẽ được tái sát nhập vào Liên bang trong tương lai”.

Phát biểu của Julian tác động đến Hạ viện. Lập tức ủy ban Liên hợp Hạ viện chấp thuận áp đặt luật quân sự tạm thời tại miền Nam chờ đến khi các bang được tái nhập Liên bang. Tuy nhiên, vấn đề còn gây tranh cãi tại Thượng viện. Một ủy ban do Thượng Viện lập ra xác định các điều kiện để tái sát nhập các bang miền Nam trong đó có quyền bầu cử của người da đen. Như thế, đảng Cộng hòa mặc nhiên chủ trương người da đen được quyền gia nhập cơ cấu chính trị ở miền Nam.

Tổng thống Johnson giữ im lặng suốt thời gian Quốc hội bàn cãi thảo luận.

Charles Nordhoff của tờ New York Evening Post (Bưu điện New York buổi chiều) sau lần phỏng vấn Tổng thống tại Tòa Bạch Ốc hồi cuối tháng 2 (1867) đã viết: “Johnson rất bực tức vì ông nghĩ rằng rồi đây người dân miền Nam sẽ bị chà đạp để bảo vệ ‘bọn da đen’”. Nordoff từ trước vốn ái mộ Andrew Johnson cũng phải nhận xét: “(Johnson)… tỏ ra là một người ‘đần độn’ chỉ biết chống lại quyền phổ thông đầu phiếu”.

Ngày 2 tháng 3 năm 1867 Johnson phủ quyết dự luật tái thiết đã thông qua Quốc hội nhưng cuối cùng Quốc hội với quá 2/3 số phiếu thuận cũng vượt qua được quyền phủ quyết này. Thượng nghị sỹ Reverdy Johnson bang Maryland là đảng viên Dân chủ duy nhất bỏ phiếu thuận.

Đạo luật tái thiết miền Nam năm 1867 chia các bang trong Liên minh miền Nam cũ ngoại trừ bang Tennessee thành năm tiểu khu quân sự dưới quyền các chỉ huy quân đội, được quyền sử dụng quân đội để "bảo vệ cuộc sống và tài sản của nhân dân". Tuy không loại bỏ ngay những cơ cấu chính quyền do Andrew Johnson tạo lập, dần dà những thể chế mới cũng được thành lập với những hiến pháp tiểu bang mới được đa *số cử* tri bầu và thông qua Tu chính án 14. Cùng lúc, Quốc hội cũng thông qua đạo luật Habeas Corpus (lệnh buộc đưa người ra tòa), cho phép đưa các vụ kiện ra trước tòa án Liên bang.

Tương tự những quyết định khác của Quốc hội Khóa 39, đạo luật tái thiết là sự pha trộn không nhất quán giữa lý tưởng và tính thiết thực về chính trị. Đạo luật xác lập quyền quân sự nhưng chỉ tạm thời để giữ gìn hòa bình với sự bảo đảm các tiểu bang sẽ sớm được thống nhất. Đạo luật tạo nên trật tự mới ở miền Nam nhưng vẫn chưa kiểm soát được những người miền Nam theo Liên bang vì không có khoản nào đề cập đến kinh tế của người được giải phóng. Nhưng dù sao, nó cũng là bước cơ bản tiến tới nền dân chủ đa chủng tộc. Đảng Dân chủ đã chống lại đạo luật trao quyền bầu cử cho người da đen vì nó "tạo nên sự bình đẳng về chủng tộc trong một cộng đồng chính trị. Liệu những nô lệ được giải phóng có khả năng thực thi những quyền hạn chính trị hay chưa?", đây là ý kiến của Thượng Nghị Sĩ Thomas Hendricks bang Indiana. Tướng Ord, chỉ huy quân đội Liên bang ở bang Arkansas thì cho rằng người da đen giải phóng vốn "đã quen phục tùng và chỉ biết vâng lời sẽ không dám xuất hiện ở nơi bỏ phiếu". Một số người cấp tiến lại e ngại họ sẽ bị các chủ nô cũ chi phối. Các quyền hạn chính trị trở nên vô nghĩa nếu còn lệ thuộc về kinh tế.

Những người da đen tự do không tin vào những dự đoán trên suốt thời kỳ tái thiết. Họ đã chứng minh có ý thức chính trị và tính độc lập khi sử dụng lá phiếu. Tuy nhiên, những mục tiêu cao quý về bình đẳng dân sự và chính trị đã không đạt tới. Công cuộc tái thiết kết thúc không vì những người da đen nghèo khổ bị áp bức về kinh tế nhưng vì cộng đồng da đen ngoan cường bị bỏ rơi và trở thành nạn nhân của bạo lực và gian lận.



KẾ HOẠCH TÁI THIẾT MIỀN NAM CỦA ĐẢNG CỘNG HÒA

❖ VẬN ĐỘNG CHÍNH TRỊ NƠI CỘNG ĐỒNG NGƯỜI DA ĐEN

Việc ban hành Đạo luật tái thiết, giống như Đạo luật giải phóng nô lệ, đem lại cho người da đen ý niệm một kỷ nguyên mới đã mở ra. "Người nô lệ cũ giờ đây có thể đứng ngang vai với người da trắng", một diễn giả da đen nói trước một cuộc biểu tình tại Savannah. Tương tự như hồi năm 1865, người da đen tìm được nhiều cách để được tự chủ và đối xử bình đẳng, và sẵn sàng chộp cơ hội để được đổi thay. Phu bến tàu da đen *ở các* thành phố cảng như Charleston, Savannah, Mobile, Richmond và New Orleans đình công liên tục; hàng trăm, hàng ngàn người da đen ở Nam Carolina không đóng thuế cho chính quyền địa phương hiện hữu, và nhiều người da đen bị cảnh sát bắt giữ được các đám đông giải thoát, ở Richmond, ba người da đen không chịu bước xuống xe điện dành cho người da trắng; họ được một đám đông yểm trợ, hô to khẩu hiệu: "Chúng ta hãy giành lại quyền công dân của chúng ta".

Năm 1867, người da đen bắt đầu quan tâm nhiều hơn đến những vấn đề chính trị. Nhiều diễn giả da đen cũng như da trắng thường xuyên đến

các bang phía Nam để thuyết trình. Chủ đề thường đề cập đến lịch sử và chính phủ Hoa Kỳ. Tại hạt Monroe bang Alabama trước năm 1867 chưa từng có người da đen hội họp về một mục đích chính trị; giờ đây các đám đông da đen vây quanh những nhà diễn thuyết để nghe. Ngày 1 tháng 8, các nhà máy thuốc lá ở Richmond đóng cửa vì công nhân bỏ đi dự đại hội tiểu bang của đảng Cộng hòa. Quá hồ hởi về không khí chính trị, một vị mục sư Tin Lành xuất thân là nô lệ đã viết" "Chính trị đã thâm nhập vào chúng tôi đến mức… phải giảm thiểu những công việc về tôn giáo". Nhà thờ cũng đã bị "chính trị hóa". Tài liệu chính trị hầu như được phổ biến hoặc đọc to tại các buổi lễ đạo, trong nhà thờ, tại hội quán, câu lạc bộ, các cuộc họp mặt, vui chơi giải trí, lửa trại, v.v..

Cũng vì người da đen ồ ạt đến với các tổ chức, người da trắng tìm cách rút và tự thành lập các hội đoàn riêng mang tính kỳ thị chủng tộc. Một chủ điền nhận xét tình hình chung: "Chưa bao giờ lại có nhiều người phấn kích bởi những đề tài chính trị như bọn người da đen miền Nam lúc này. Chúng như điên rồ cả lũ!"

Chính Hội Liên hiệp đã thúc đẩy làn sóng tham gia hoạt động chính trị này. Trước năm 1867, người da đen cũng từng tham gia các hội đoàn ngay ở miền Nam, và phong trào này lan rộng trong và sau thời nội chiến với sự tham gia của nhiều người da trắng. Giờ đây, vì có nhiều người nô lệ cũ tham gia nên ở một số nơi những người da trắng rút ra khỏi hội đoàn và lập riêng chi nhánh cho họ. Tuy nhiên, có nhiều hội đoàn liên kết người da trắng với người da đen cùng những "đào binh" từ phe Liên minh miền Nam.

Đến cuối năm 1867, hầu như tất cả cử tri da đen ở miền Nam đều tham gia một hội liên hiệp hoặc tổ chức chính trị của địa phương. Các

buổi họp mặt, tại hội trường hay tại nhà thờ, đều bắt đầu với lời cầu kinh do một vị mục sư khởi xướng, tiếp đến những hội viên mới tuyên thệ trung thành với đảng Cộng hòa và những nguyên tắc về quyền bình đẳng. Sau đó là thảo luận về những vấn đề thời sự. Biên bản các cuộc họp của Hội Liên hiệp ở Maryville, một thị trấn miền núi thuộc bang Tennessee có tập quán bãi nô từ lâu, cho thấy chủ đề các buổi sinh hoạt bao gồm các khoản nợ của quốc gia, việc buộc tội Tổng thống cùng rất nhiều vấn đề kinh tế xã hội. Nhiều câu hỏi đặt ra như “nữ giới có nên được giáo dục như nam giới?”, “học sinh sinh viên có buộc phải đóng thuế công ty không?”, “Có nên tách miền Đông Tennessee thành một bang không?”. Mặc dù vùng này chỉ có 1/10 dân số là người da đen, những người da trắng gồm tiểu điền chủ, tiểu doanh nhân, lao động nông nghiệp, nhiều người là cựu chiến binh quân đội Liên bang, đã đề nghị bang Tennessee cử ít nhất một đại biểu da đen vào Quốc hội. Năm 1868, Đông Tennessee đã bầu một thẩm phán tòa hòa giải và bốn ủy viên Hội đồng thành phố là người da đen.

Các hội đoàn liên hiệp đều có những hoạt động muôn mặt. Xây dựng trường học; nhà thờ, gây quỹ chăm sóc người bệnh, v.v… ở Alabama, người nô lệ cũ bu quanh nhà tổ chức hội liên hiệp George Cox để hỏi thể thức kiện giới chủ nhân, tránh bị phạt vạ vì tham dự các buổi sinh hoạt chính trị, và đòi được chia nông sản thỏa đáng. Tại bang Texas, các hội đoàn này còn đòi giới chủ phải trả tiền công cho những người da đen bị giữ lại đồn điền sau ngày tuyên bố bãi nô.

Không khí sôi sục về vận động chính trị đã dẫn đến thành phần lãnh đạo chính trị của người da đen từ 1864 đến 1867. Nhiều người da đen tham gia các hoạt động năm 1867 sinh trưởng hoặc dược đào tạo tại

miền Bắc. Một thành viên người da trắng tham dự Đại hội đảng Cộng hòa lần đầu tiên ở bang Nam Carolina tỏ ra “hết sức ngạc nhiên vì sự thông minh và khả năng của da màu”. Điển hình là William Viney, một Cựu chiến binh trẻ người da đen sinh tại Ohio đến phương Nam lập nghiệp. Sau khi đạo luật tái thiết được ban hành, Viney tổ chức nhiều cuộc hội họp sinh hoạt chính trị. Giống như Viney, nhiều người da đen phương Bắc đã xuống phía Nam cùng với đạo quân Liên bang và ở lại, hoặc là nhân viên Cục vấn đề người tự do, giáo viên, mục sư do các tổ chức xã hội, tôn giáo ở miền Bắc gửi đi. Thành viên các hội liên hiệp còn gồm những nô lệ da đen bỏ trốn đã trở về, con cái những người da đen tự do được cha mẹ gửi đi học ở phương Bắc, đa số theo học tại trường Đại học Oberlin, bang Ohio.

Thời kỳ tái thiết là một trong số ít cơ hội miền Nam cung cấp cho đất nước những công dân da đen nhiều tài năng và tham vọng.

Hơn nữa, từ các cộng đồng người da đen miền Nam giới lãnh đạo nổi lên nhanh chóng, có phần hơn cả ở miền Bắc. Đa số lãnh đạo địa phương đã từng là nô lệ, sau giải phóng họ đã học hành, tu luyện và trở thành những thầy giảng, giáo viên giỏi và thợ chuyên môn có ích cho xã hội. Thomas Allen là một ví dụ. Xuất thân là nô lệ, ông đã tự học và làm nhiều nghề khác nhau như nông phu, thợ đóng giày dép, và sau trở thành thầy giảng Tin Lành và giáo viên, ông là người tổ chức Hội Liên hiệp và đắc cử Hội đồng lập pháp bang Georgia.

Tại các buổi họp của đảng Cộng hòa và các chi hội Liên hiệp, mọi người da đen bình thường đều kêu gọi được thực thi các quyền công dân bình đẳng với người da trắng. Họ mường tượng một xã hội không còn những phân biệt về màu da, chủng tộc. Tất cả như đều hy vọng ở một

ngày mai trong xã hội không còn sự phân biệt “da đen, da trắng” nữa. Tuy nhiên, họ vẫn luôn tự hào với những chiến binh da đen từng phục vụ trong quân đội Liên bang, thích cho con em học với các giáo viên da đen, đi nhà thờ do người da đen xây dựng.

Người da đen miền Bắc đưa ý tưởng “lao động tự do” và “tự lực cánh sinh” đến phương Nam cùng với ý niệm tôn trọng quyền sở hữu tài sản cá nhân và sáng kiến riêng, người da đen miền Nam tiếp thu những ý tưởng này nhưng nhấn mạnh quan điểm “bình đẳng chính trị không có nghĩa là người ngu dốt, hèn hạ cũng được bình đẳng xã hội với người lịch lãm và thông minh”.

Một sự kiện xảy tới năm 1867 khiến người da đen miền Nam đòi quyền sở hữu ruộng đất. Sau liên tiếp nhiều vụ mùa thất bát, các lao động người da đen làm việc theo hợp đồng không được chia sản phẩm hoặc được chia rất ít; họ rơi vào hoàn cảnh nghèo đói và lệ thuộc. Do vậy, một lần nữa họ lại lên tiếng đòi được chia đất, và vấn đề đất đai về cơ bản lại chi phối hoạt động chính trị của người da đen ở phương Nam. Hơn thế nữa, họ còn đòi được chia tài sản của chủ điền da trắng. Phát biểu trước đám đông người da đen ở Alabama, các đại biểu nguyên là nô lệ cũ tuyên bố: “Tất cả tài sản của người da trắng đều do lao động da đen làm ra; vì thế người da đen chúng tôi đòi phải được hưởng một phần tài sản này”.

Điểm đáng chú ý nữa trong các hoạt động chính trị của người da đen miền Nam là phụ nữ cũng tham gia hoạt động như phái nam: họ có mặt tại các buổi hội họp, biểu tình tuần hành, và bỏ phiếu cho các nghị quyết.

Một ký giả phương Bắc viết về người da đen đi bầu cử tại bang Alabama như sau: "Từng đám đông người da đen lũ lượt đi bỏ phiếu bất kể mệt nhọc, đói khát, và sự đe dọa của giới chủ nhân. Đa số ăn mặc rách rưới, đi chân đất, vậy mà họ cam chịu đứng chờ hàng giờ trong mưa bão. Tại sao vậy? Tất cả chỉ vì họ muốn được bình đẳng với người da trắng".

❖ LIÊN MINH CỘNG HÒA

Trong suốt quá trình tái thiết, đại đa số người da đen theo đảng Cộng hòa ở miền Nam, chủ yếu là ở 3 bang Nam Carolina, Mississippi và Louisiana; một phần tư (1/4) dân số các bang Texas, Tennessee và Arkansas là người da đen; ở bang Virginia và Bắc Carolina, tỉ lệ này là 40% và gần 50% ở các bang Alabama, Florida, và Georgia. Nhưng ở những bang có đông đảo người da đen theo đảng Cộng hòa phía Nam vẫn cần có sự yểm trợ của người da trắng. Những người da trắng này thường là những người miền Bắc vào Nam để tìm cơ hội làm ăn (carpetbaggers) và người miền Nam từng chống đối việc ly khai với Liên bang trước năm 1864 và ủng hộ công cuộc tái thiết (scalawag). Thành kiến về chính trị, tính địa phương và giai cấp tạo dựng hình ảnh những người miền Bắc đến làm ăn ở miền Nam như một bọn "khố rách áo ôm" phiêu lưu vào miền Nam để trục lợi từ cuộc nội chiến và tái thiết. Thật ra những người miền Bắc này vốn là cựu quân nhân, những trí thức thuộc giai cấp trung lưu - có người là luật sư, doanh nhân, nhà báo, viên chức ở Cục bảo vệ người được tự do - hoặc tầng lớp khá giả. Đa số vào Nam từ trước năm 1867 là lúc mà người da đen phương Nam chưa được quyền đi bầu. Một số "carpetbaggers" có lý tưởng phục vụ công bằng xã hội, số khác tìm kiếm lợi nhuận trong công việc. Nhiều người đã chuyển qua

làm chính trị sau thời gian làm việc tại Cục và vì muốn được phục vụ công cuộc tái thiết; cũng có người do làm ăn thất bại. Henry Warren, sinh ra ở bang Massachusetts, tốt nghiệp Đại học Yale, và Albert Morgan, quê ở Ohio, cựu sĩ quan quân đội Liên bang, là ví dụ điển hình. Sau chiến tranh, hai người ở lại miền Nam và làm chủ điền canh tác bông ở bang Mississippi nhưng bị phá sản. Năm 1867, Warren xin được việc làm với chính quyền quân sự, phụ trách đăng ký cử tri. Morgan được những người da đen giới thiệu vào Đại hội lập hiến. Sau này, cả hai người đều trở thành đại biểu quốc hội. Nói chung, các ‘carpetbaggers’ đều có ý đồ kiếm lợi nhuận cho bản thân kết hợp với mục tiêu cao đẹp là giúp đỡ “miền Nam chậm tiến” qua việc giúp đỡ xây dựng những thể chế tự do, giáo dục miễn phí và hệ thống lao động tự do.

Scalawags nói chung đều bị xem là những kẻ đã “phản bội” lại miền Nam, họ có nhiều nguồn *gốc* khác nhau: là nhà chính trị nổi tiếng, viên chức cũ, những người theo chính sách liên hiệp và từng ủng hộ việc ly khai khỏi Liên bang, những thợ chuyên môn và doanh nhân mong muốn có một miền Nam đổi mới. Nhiều scalawags nhờ có làm việc cho chính phủ trước đây, từng là đại biểu Quốc hội và các Hội đồng địa phương nên có nhiều kinh nghiệm chính trường. Họ là những người Whig cũ, đấu tranh cho một miền Nam theo đảng Cộng hòa. James Alcom, chủ nhân một đồn điền rộng lớn bậc nhất trong thung lũng Yazoo-Mississippi, tự xem mình là người tiên phong trong cuộc tái thiết, nói người da đen tự do phải được bảo đảm các quyền dân sự và chính trị nhưng chính quyền tiểu bang phải do người da trắng nắm, và vốn tái thiết phải do một Quốc hội theo đảng Cộng hòa chi viện. Khi người da đen không chấp sự lãnh đạo của người da trắng, Alcom và những người Whig cũ này từ bỏ đảng Cộng hòa.

Một nhóm ‘scalawags’ khác có tư tưởng canh tân hơn, nhìn nhận Cộng hòa là đảng tiến bộ có thể đem lại nhiều cải cách kinh tế xã hội cho miền Nam. Một ‘scalawag’ ở bang Bắc Carolina, Thomas Settle, tuyên bố: “Hãy bỏ đi những tư tưởng và cảm xúc thời tiền chiến… Chúng ta cần có người miền Bắc và những khái niệm miền Bắc, cần vốn đầu tư của họ để xây dựng nhà máy và xưởng ở đây. Chúng ta muốn có sự thông minh, nghị lực và các công trình của họ”. Chủ nghĩa cộng hòa thu hút nhiều thợ thủ công ở các thị trấn và thành phố nhỏ và được những người lao động nhập cư ủng hộ. Nhiều đảng viên Cộng hòa ở miền tây nam Texas là người di dân Đức.

Tuy nhiên người da trắng theo đảng Cộng hòa tập trung nhiều nhất ở các vùng phía đông Tennessee, tây nam Missouri, tây bắc Carolina, tây bắc Arkansas và bắc Alabama. Nhiều tiểu chủ, tiểu thương gia và người lao động cũng gia nhập đảng Cộng hòa.

Với những ‘scalawags’ ở sâu trong vùng nội địa, cuộc tái thiết hứa hẹn chấm dứt những ưu đãi các chính quyền tiểu bang dành cho những hạt có đồn điền. Các tiểu điền chủ thì hy vọng được trợ giúp đền bù thiệt hại do chiến tranh. Nhiều tiểu điền chủ ở các bang Georgia và Nam Carolina đứng trước một nạn đói có thể khủng khiếp như nạn đói (1845-1850) ở Ireland đang đe dọa vùng sâu bang Alabama. Nhiều gia đình đã phải cầm cố nông trại để trả tiền mua sắm thiết bị nông cụ và có thể sẽ mất trắng tài sản. Do vậy họ trông mong đảng Cộng hòa sẽ giúp họ trang trải nợ nần và cứu đói. Nhưng họ sớm tỏ vẻ nghi ngờ ý nghĩa đường lối kinh tế của đảng Cộng hòa. Họ lo ngại tác dụng của chương trình tái thiết sẽ là tăng thuế và bảo đảm cho các nhà tín dụng để thu hút vốn đầu tư từ bên ngoài. Tại hội nghị lập hiến bang Alabama, một đảng viên

Cộng hòa từ Hạt Winston, J.M. Wilhite kêu gọi ‘tước quyền bầu cử của bọn ly khai’ và ‘giảm thuế’. Một số scalawags ở vùng sâu kết hợp với người da đen đòi phân chia lại ruộng đất của các đại chủ điền. Những đòi hỏi này khiến các nhà đầu tư từ phương Bắc lo ngại. Nói chung, những người scalawags vùng sâu, vùng cao ít đồng quan điểm với người da đen: không nghĩ rằng ‘bình đẳng xã hội’ giữa các sắc tộc là một quyền lợi chính đáng của người da đen. “Không có lý do gì buộc người da trắng phải ngồi chung ghế với người da đen ở nhà thờ, trường học hay ở chung khách sạn. Mọi người đều được luật pháp che chở, không cần phải có những điều kiện này”.

Đa số ‘scalawags’ chấp nhận sự hiện hữu của người da đen, có lẽ cũng do tập quán có từ thời kỳ nô lệ, sẵn sàng đấu tranh cho quyền lợi chính trị và dân sự của người da đen. Một tờ báo Cộng hòa ở bang Bắc Carolina viết: “Những người theo chủ nghĩa Liên hiệp buộc phải chấp nhận bảo vệ người da đen hoặc sự phá hoại bởi bọn phiến loạn”. Tuy nhiên, sự kiện này không có nghĩa là sự kỳ thị chủng tộc đã hết. Nó cho thấy xu hướng chính trị của nhiều người da trắng vùng sâu, vùng cao miền Nam trong năm 1867.

Năm 1867, chủ nghĩa cấp tiến thắng thế tại bang Nam Carolina. Đại hội đảng Cộng hòa ở Charleston hồi tháng 3 bao trùm bởi những người da đen tự do ở thành phố đưa ra một chương trình thay đổi mọi mặt của đời sống với những yêu cầu nhằm đảm bảo sự bình đẳng giữa người da đen và người da trắng: áp dụng chung hệ thống giáo dục hỗn hợp; bãi bỏ hình phạt thể xác và giam giữ con nợ, không tịch biên tài sản của con nợ nghèo; trách nhiệm của chính phủ đối với “người già, người tàn tật và người nghèo neo đơn; tăng thuế cao trên đất đai bỏ hoang để làm suy yếu

những tổ chức cá nhân độc quyền chiếm hữu đất; chia đất không sử dụng cho nông dân nghèo”. Chương trình này cũng được đại hội đảng cấp tiểu bang hồi tháng 7 chấp thuận.

Phong trào cấp tiến cũng rộ lên ở bang Virginia và bang Louisiana mặc dù tại đại hội Cộng hòa ở New Orleans một nhóm ‘carpetbaggers’ đã nắm quyền kiểm soát khiến những lãnh tụ da đen thất vọng. Tại bang Georgia, đảng Cộng hòa không chấp nhận các đòi hỏi của người da đen về vấn đề giúp trả nợ cho giới tiểu chủ ở vùng sâu. Ở bang Texas, những người Cộng hòa trung dung (ôn hòa) chủ trương hòa giải hòa hợp với những người thuộc Liên minh miền Nam cũ bằng cách đẩy mạnh chương trình xây dựng dường sắt và cho người da đen một vai trò thứ yếu trong xã hội trong khi phe cấp tiến đòi hỏi loại trừ bọn phản loạn, tăng cường bảo vệ người da đen, và tích cực chống độc quyền trong nội bộ.

Trong khi những người Cộng hòa ở miền Nam tranh cãi về một trật tự xã hội mới thì các lực lượng bên ngoài tìm cách lái công cuộc tái thiết sang một hướng ôn hòa hơn. Từ ngày họp đầu tiên của Quốc hội khóa 40 vào tháng 3 năm 1867 những đảng viên Cộng hòa lãnh đạo cho thấy sẽ không có đổi thay mới ngoại trừ việc bảo vệ những gì đã đạt được. Hội nghị đã bác yêu cầu giải tán ngay các chính quyền tiểu bang hiện hữu, thiết lập hệ thống giáo dục hỗn hợp và cấp trang trại cho người nô lệ cũ.

Tại Hạ viện, Thaddeus Steven trình dự luật ban phát cho mỗi nô lệ cũ 40 mẫu Anh (16ha) đất tịch thu từ các chủ điền.

Những đảng viên Cộng hòa trung dung ở miền Bắc không muốn bị “cỗ xe Cách mạng nghiền nát”. Họ ủng hộ chủ trương trao quyền dân sự và chính trị cho người da đen miền Nam nhưng không chấp nhận cấp đất

cho nô lệ được tự do. Do đó, đề nghị của Stevens gặp nhiều chỉ trích phản kháng. Báo *Người Cộng hòa* ở Springfield nhận xét “người da đen được cấp đất sẽ không tiếp thu thói quen làm việc của người lao động tự do”. Tờ *Thời báo New York* cảnh báo viễn ảnh tịch thu điền thổ ở MN sẽ lan ra tới miền Bắc, chỉ trích nặng nề nhóm cấp tiến muốn “tiếp nối nội chiến vì vấn đề nô lệ bằng một cuộc chiến tranh về tài sản”.

Lần đầu tiên, đảng Cộng hòa thống nhất ra mắt cử tri kêu gọi ủng hộ chủ trương trao quyền bầu cử cho người da đen, ít ra là ở miền Nam. Đảng Dân chủ lập tức phản công, dựa vào thành kiến sắc tộc để trả thù đảng Cộng hòa. Tại Ohio - nơi đảng Cộng hòa giành được ít phiếu - Allan Thurman, ứng cử viên thống đốc thuộc đảng Dân chủ, hứa hẹn “sẽ không để tiểu bang lệ thuộc chủ nghĩa ‘mê bọn da đen’”, ở vùng Bờ biển phía Tây, đảng Dân chủ còn thêm lời kêu gọi chống người Hoa; họ nói: “đảng Cộng hòa chủ trương bình đẳng toàn diện cho mọi sắc dân; điều này dẫn tới nguy cơ ‘dân châu Á’ sẽ ồ ạt nhập cư và kiểm soát tiểu bang chúng ta bằng liên minh giữa bọn Mông Cổ, Ấn Độ và Phi châu”.

Về phần mình đa số đảng viên Cộng hòa giữ không bị lôi kéo vào vấn đề sắc tộc nhưng cơn khủng hoảng đã đẩy chính trị cả nước về phía tả cũng đã ảnh hưởng đến những người Cộng hòa bình thường. Một số đông đảng viên không theo nhóm cấp tiến giờ đây cũng ủng hộ sự bình đẳng chính trị cho người da đen phương Bắc. Ngay cả bang New Jersey vốn bảo thủ cũng cho người da đen đi bầu. Tại bang California, ứng cử viên thống đốc George Gorham phát biểu chống phong trào “bài cu-li”: “Người Âu và người Á đều do Thiên Chúa tạo dựng”.

‘Cu-li’ là danh từ sỉ nhục chỉ người Hoa đến từ Trung Quốc để xây dựng đường sắt ở thế kỷ 19 [ND].

Các cuộc bầu cử vào mùa Thu năm 1867 diễn ra theo hai hướng. Ở miền Nam, cử tri bầu đại diện cho các đại hội lập hiến; kết quả là đảng Cộng hòa toàn thắng. Một đảng viên da trắng trong Thung lũng Tennessee, bang Alabama nhận xét: "Tất cả người da đen đều đổ xô đi bầu. Không một ai ở nhà. Cử tri da trắng thì tỏ vẻ lãnh đạm, nghĩ rằng nếu họ không đi bầu thì các đại hội sẽ thiếu số phiếu cần thiết của cử tri, do vậy họ đi rất ít". Tại các bang Bắc Carolina, Georgia, Alabama, và Arkansas trên 1/5 cử tri da trắng bỏ phiếu triệu tập đại hội. Con số này không đáng kể tại các bang khác.

Kết quả ở miền Bắc thì ngược lại. Đảng Dân chủ thắng áp đảo từ bang Maine ở phía Đông tới bang California ở phía Tây, đảng Dân chủ vượt qua đảng Cộng hòa trên 50.000 phiếu ở bang New York, gần 3.000 phiếu trong cuộc bầu cử thống đốc ở bang Ohio, và thắng với số phiếu áp đảo tại bang California. Báo *The Nation* (Dân tộc) cho biết, số phiếu bỏ cho Cộng hòa giảm ba phần tư số phiếu họ có năm 1866. "Không thể chối cãi việc đảng Cộng hòa chủ trương quyền bình đẳng là nguyên nhân chính khiến họ thất bại nặng nề", tờ báo này bình luận.

Kết quả bầu cử làm thay đổi cán cân quyền lực trong đảng Cộng hòa. Tại bang Massachusetts, đường lối chính sách cấp tiến không còn được cử tri chấp nhận. Tuy không từ bỏ chương trình tái thiết, nhiều đảng viên Cộng hòa phương Bắc không còn quan tâm đến vấn đề người da đen, và tất nhiên chương trình phân phát đất cũng bị quên lãng.

❖ HỘI NGHỊ LẬP HIẾN

Các hội nghị lập hiến ở miền Nam trong các năm 1867-1869 rất sôi động với nhiều thành phần là những người da den và 'carpetbaggers'

thuộc nhiều đẳng cấp xã hội tham dự. Khoảng 1/6 số đại biểu ở các hội nghị là ‘carpetbaggers’, đa số là cựu chiến binh trong quân đội Liên bang. Đây là những người có tri thức, là luật sư, bác sĩ và chuyên viên các ngành nghề khác nhau. Tất cả còn khá trẻ, năng động; tại các hội nghị quan trọng họ thường ngồi ghế chủ tọa để điều khiển buổi họp. Phần đông số người da trắng này là đảng viên Cộng hòa, đã từng chống đối việc ly khai; nhiều người đã bị cầm tù vì cảm tình với Liên bang.

Đại diện tại các hội nghị lập hiến là người da đen tuy khá đông nhưng chỉ có vai trò thứ yếu. Đại hội có nhiều đại diện da đen nhất là ở các bang Louisiana và Nam Carolina; tiếp đến là bang Florida với 40% là người da đen. Những tiểu bang có ít người da đen gồm Alabama, Georgia, Mississippi và Virginia, khoảng 1/5, Arkansas, Bắc Carolina, và Texas dưới 10%. Trong tổng số những người da đen có lý lịch rõ ràng thì có 107 người sinh ra là nô lệ (có 19 người đã được giải phóng trước nội chiến) và 81 là người da đen tự do, 28 người đến từ miền Bắc, và hai người từ Tây Ấn (West Indies). Có ít nhất 40 đại biểu da đen đã từng phục vụ quân đội Liên bang, những người khác là mục sư, giáo viên, thợ chuyên môn, nông dân,… Một số ít đại biểu da đen có tài sản riêng.

Tuy nhiên, những con số trên không nói lên được tính chất chính trị và cơ cấu xã hội của người da đen ở các vùng thuộc miền Nam. Ở bang Louisiana người da đen tự do sống trong những điều kiện của xã hội da đen; ở Georgia, có một số ít người da đen tự do trước chiến tranh và cựu chiến binh; trong số 22 đại biểu da đen có 17 người là mục sư. Ở Virginia, 1/3 số đại biểu da đen là nô lệ cũ. Tại các bang khác, đa số người da đen ít học, làm nghề nông hoặc lao động nặng nhọc như xây dựng.

Trong các hội nghị lập hiến đại biểu da đen thường ít phát biểu nhưng họ có những nhận xét tinh tế và đặt những câu hỏi thông minh. Về vấn đề dân quyền và giáo dục hầu như tất cả đều có ý kiến thống nhất nhưng quan điểm có khác nhau về quyền bầu cử và chính sách kinh tế.

Tất cả hiến pháp của tiểu bang đều bảo đảm quyền dân sự và chính trị cho người da đen, bãi bỏ một số luật định như phạt tội đánh roi, phải có tài sản khi xin làm việc ở công sở và tòa án, thể thức bầu bằng miệng (giơ tay), phạt tù con nợ, và giảm một số tội danh tử hình. Ba tiểu bang cho phép tổ chức chính quyền địa phương theo khuôn mẫu một thị trấn ở vùng New England. Chín tiểu bang thừa nhận quyền có tài sản riêng của phụ nữ có chồng. Ly dị được cho phép lần đầu tiên ở bang Nam Carolina. Những đạo luật ban hành trước chiến tranh được viết lại sử dụng ngôn ngữ của Tuyên ngôn độc lập, xác định mọi người đều bình đẳng và đòi hỏi sự trung thành tuyệt đối của mọi công dân đối với chính quyền Liên bang.

Mặc dù các đại biểu đều thể hiện ý chí của đảng Cộng hòa về quyền bình đẳng ở MN mới, chúng cũng cho thấy có những bất đồng bên trong, về những nguyên tắc chung thì có sự nhất trí nhưng về thực thi thì không, tỷ như có sự nhất trí về giáo dục công lập nhưng không có giáo dục hỗn hợp giữa các sắc dân; người da đen có quyền dân sự và chính trị nhưng không có bình đẳng xã hội; nền dân chủ được củng cố nhưng người da đen không được nắm chính quyền bang hay địa phương; quy định về sự trung thành nhưng không tước quyền bầu cử của phiến loạn; canh tân kinh tế nhưng không cân đối vốn bên ngoài để giúp điền chủ da trắng trả nợ và đất đai cho nông dân da đen.

Vấn đề giáo dục hỗn hợp là nhiều ý kiến nhất. Không tiểu bang nào đòi có trường học riêng cho học sinh da trắng và da đen nhưng hai bang Louisiana và Nam Carolina thẳng thừng bác bỏ, ngăn cấm. Nhiều người da đen tỏ vẻ quan tâm nhiều đến các cơ hội học tập của con em mình và các thầy cô giáo da đen có việc làm hơn là viễn ảnh xa xôi một hệ thống trường học hỗn hợp. Ngay cả những đại biểu bang Nam Carolina từng hô hào cho hệ thống giáo dục hỗn hợp nay cũng yêu cầu có trường học riêng cho học sinh da đen. Đây là việc nên làm vì "học sinh da đen thường kém hơn học sinh da trắng". Sự phân biệt này giúp xây dựng trường dạy giỏi cho học sinh da trắng.

Những người Cộng hòa cũng không cùng ý kiến về việc dân chủ hóa xã hội. Có nhiều ý kiến cần thúc đẩy dân chủ hóa guồng máy chính quyền địa phương nhưng cũng có ý kiến hạn chế dân chủ. Ở bang Bắc Carolina các đại biểu bỏ phiếu giải tán Ủy ban Điều hành tiểu bang và thay thế các viên chức bằng những người được nhân dân bầu ra. Ngược lại, các bang Georgia và Florida chỉ định viên chức địa phương, ấn định số đại biểu dựa trên lãnh thổ chứ không phải dân số, giảm bớt ảnh hưởng của những địa phương tập trung nhiều dân da đen.

Vấn đề tước bỏ quyền bầu cử của những người theo Liên minh miền Nam trước đây cũng không được các bang áp dụng đồng nhất. Hầu như không một cựu viên chức của Liên minh miền Nam nào bị tước bỏ quyền bầu cử ở các bang Georgia, Florida, Texas, Bắc Carolina và Nam Carolina. Nhưng ở Alabama, Arkansas, Louisiana, Mississippi và Virginia thì có khá nhiều người theo phe ly khai trước đây không được quyền bầu cử tuy không được nhiều đại biểu da đen tán thành. Thomas Lee, một đại biểu da đen ở Alabama phát biểu: "Tôi không muốn thấy có người da

trắng nào bị tước quyền bầu cử mà chỉ muốn có sự bình đẳng nơi tòa án và khi đi bầu".

Về phát triển kinh tế thì hầu hết các vấn đề đều được thông qua thuận lợi nhất là việc tài trợ cho các dự án đường sắt và nhà máy. Những người cấp tiến, da trắng và da đen, đều nói đến việc người nô lệ cũ phải có đất và khuyến khích phá bỏ hệ thống đại đồn điền. Mỗi tiểu bang lại có cách giải quyết khác nhau nhưng tất cả đều tương đối ôn hòa. Texas cấp những khoảnh đất trống cho những người đến định cư; Mississippi bán những phần đất cấn nợ tiền thuế của những chủ điền và giới hạn các lô đất bán không quá 160 acres (58 ha); Nam Carolina lập ủy ban chuyên thu mua đất để bán lại theo lối trả góp.

Tuy đa số phiếu của cử tri da đen bỏ cho đảng Cộng hòa nhưng đảng này vẫn phải chú ý đến các cử tri da trắng, giống như phe bảo thủ.

Những cuộc bầu cử cuối năm 1867 và đầu năm 1868 để thông qua hiến pháp và đại biểu đại hội lập hiến ở các tiểu bang đem lại kết quả không đồng nhất cho đảng Cộng hòa. Ngoại trừ hai tiểu bang Alabama và Mississippi, những tiểu bang khác (9 bang) đều thông qua các hiếp pháp mới. Ở Alabama, cử tri da trắng tẩy chay cuộc bầu cử nên đã không có được đa số cần thiết; tuy nhiên, Quốc hội đã nhanh chóng cho chuyển qua cách tính dựa trên số cử tri thật sự đi bầu. Còn tại bang Mississippi, điều khoản tước quyền bầu cử của "phiến loạn" (những kẻ chủ chốt trong Liên minh miền Nam cũ) đã gạt bỏ rất nhiều cử tri da trắng. Trong khi cử tri da đen ngả về phía Cộng hòa, cử tri da trắng lại tỏ ra ít quan tâm. Số cử tri da trắng bỏ phiếu thuận cho hiến pháp mới nhiều nhất là ở bang Bắc Carolina: 20 ngàn cử tri, bằng 1/4 tổng số cử tri da trắng trong tiểu bang. William Holden, một người Cộng hòa da trắng được bầu làm

thống đốc, và đảng Cộng hòa nắm đa số tại cơ quan lập pháp của tiểu bang.

Trong vòng ba năm sau ngày Liên minh miền Nam bị xóa sổ, đảng Cộng hòa lên nắm chính quyền tại gần như toàn miền Nam (gồm 11 tiểu bang). Một tờ báo thuộc đảng Dân chủ cay cú viết: "Những hiến pháp và chính phủ tiểu bang mới này sẽ chỉ tồn tại nhờ các lưỡi lê, không hơn không kém. Nếu không, chúng sẽ chẳng tồn tại thêm một ngày".

Số phận của công cuộc tái thiết sẽ còn do cuộc tranh đua chính trị năm 1868 quyết định.

❖ TỔNG THỐNG JOHNSON BỊ BUỘC TỘI VÀ TƯỚNG GRANT LÊN THAY THẾ

Ngoài những cải cách chính trị đầy kịch tính, chương trình tái thiết do Tổng thống Johnson đề ra còn có một sự kiện to lớn khác xảy ra vào năm 1868: Sự buộc tội Tổng thống tại Thượng nghị viện Hoa Kỳ về "những tội ác tày đình và cách cư xử sai quấy". Cội rễ của việc buộc tội này không chỉ là sự mâu thuẫn ngày càng gia tăng giữa Johnson và Quốc hội mà còn do đường lối chính sách tái thiết của đảng Cộng hòa: Quốc hội đã chỉ thị cho quân đội thi hành các chính sách nhưng vị tổng tư lệnh quân đội (Tổng thống) lại luôn chống lại. Để tránh sự can thiệp của Tổng thống, năm 1867 Quốc hội buộc tướng Ulysses Grant chuyển mọi mệnh lệnh cho các tướng lĩnh quân đội dưới quyền và với Đạo luật về nhiệm vụ, Quốc hội cho phép các viên chức chính phủ đã được Thượng viện chuẩn thuận lưu lại chức vị đến lúc có người thay thế. Đạo luật này nhằm bảo vệ các viên chức chính phủ kể cả các bộ trưởng, thành viên nội các khỏi bị bãi nhiệm bởi vị Tổng thống đã bổ nhiệm họ nếu không thông qua Thượng viện. Tuy nhiên, không chắc đạo luật này áp dụng với

trường hợp Edwin Stanton, Bộ trưởng Bộ Chiến tranh do cố Tổng thống Lincoln bổ nhiệm.

Với quyết tâm ngăn cản đường lối chính sách của Quốc hội, Johnson đợi đến giữa mùa hè năm 1867 trong lúc Quốc hội đang nghỉ hè, đã lợi dụng quy định của Đạo luật về nhiệm vụ để bãi nhiệm Stanton, ông cũng khuyến khích các nhóm bảo thủ ở phương Nam chống lại Luật tái thiết và chỉ trong một vài tháng sau ông đã ký sắc lệnh thay thế nhiều chỉ huy quân sự cao cấp bằng những người bảo thủ. Khi Thượng viện nhóm họp lại sau đó đã không thông qua lệnh bãi nhiệm Bộ trưởng Stanton và ngày 21.2.1868, Tổng thống Johnson ký sắc lệnh cất chức Bộ trưởng Stanton.

Với sự nhất trí của các nghị sĩ Cộng hòa, Hạ viện bỏ phiếu “kết tội Tổng thống”. Nhưng “lời buộc tội” này có vẻ yếu ớt vì trong số 11 điều lên án Tổng thống có 9 điều đề cập việc sa thải Stanton và việc tướng Lorenzo Thomas nhận lệnh trực tiếp từ Tổng thống không qua tướng Grant. Hai điều kia kết tội Tổng thống tìm cách chối bỏ quyền hạn của Quốc hội. Lý lẽ buộc tội Tổng thống không đề cập những nguyên nhân chính khiến đảng Cộng hòa đòi phế truất Tổng thống Johnson: quan điểm chính trị, cách quản lý thực thi các điều khoản đạo luật tái thiết, và sự bất lực của Tổng thống. Không có chứng cứ Tổng thống đã vi phạm luật để bị truất phế.

Có nhiều yếu tố khác thuận lợi cho Johnson. Chức vị Phó Tổng thống còn bỏ trống. Nếu phế truất Johnson thì đương kim chủ tịch Thượng viện, Benjamin Wade, một người cấp tiến không được những người ôn hòa và các doanh nhân ưa chuộng vì chủ trương đánh thuế cao và những chính sách chính trị, sẽ lên thay thế. Các nhà đại tư bản phương Bắc e

ngại việc phế truất Johnson sẽ khiến quần chúng mất niềm tin nơi chính quyền Liên bang. Luật sư bênh vực cho Johnson thì nói đạo luật về nhiệm vụ không áp dụng với trường hợp Stanton (vì không do Tổng thống Johnson bổ nhiệm). Ngoài ra, họ tin rằng Johnson đã vi phạm quy chế là để Tòa án tối cao phán quyết về tính hợp hiến của hành động bãi nhiệm này. Cuối cùng các Thượng Nghị Sĩ Cộng hòa nghĩ rằng việc kết tội Tổng thống Johnson sẽ gây hại cho sự phân quyền và tạo điều kiện để Wade áp dụng những chính sách kinh tế cực đoan của mình. Đồng thời luật sư biện hộ cho Johnson cũng vận động kín với lời hứa hẹn là nếu không kết tội Johnson thì Tổng thống sẽ không còn chống đối đường lối chính sách đảng Cộng hòa phương Nam. Giữa tháng 5 1867, Thượng viện họp để biểu quyết. Với 35 phiếu đòi phế truất - chỉ thiếu một phiếu đủ 2/3 số phiếu cần thiết - Johnson được tha bổng.

Sự tha bổng này càng làm suy yếu vị thế của nhóm cấp tiến trong Đảng và dẫn tới việc bổ nhiệm tướng Ulysses Grant làm Tổng thống.

Xuất thân là một quân nhân chuyên nghiệp, thời kỳ trước chiến tranh Grant không quan tâm đến chính trị tuy ông có xu hướng theo đảng Dân chủ. Trong chiến tranh, ông nổi tiếng chẳng những vì sự can đảm và tài dụng binh mà còn do ông cộng tác với Tổng thống Lincoln và Quốc hội khi thực thi các chính sách giải phóng nô lệ và gây dựng các binh đoàn lính da den. Sau chiến tranh ông được biết đến như một vị anh hùng; từ năm 1866, nhiều đảng viên Cộng hòa có thế lực muốn đề cử ông ra tranh cử Tổng thống vào năm 1868. Grant hoàn toàn ủng hộ đường lối chính sách của Quốc hội. Tuy nhiên có người e ngại ông “hơi bảo thủ” và các doanh nhân hàng đầu ở New York sợ rằng đảng Dân chủ thắng thế sẽ khơi lại các vấn đề về tái thiết nay đã tạm ổn định. Nhưng Tướng Grant

lại hứa hẹn một chính phủ trung dung, có trách nhiệm cao về các vấn đề tài chính, và tạo điều kiện tốt cho việc đầu tư ở miền Nam. Đảng Cộng hòa mở chiến dịch với lời kêu gọi tái thiết miền Nam vì sự tôn trọng đất nước dưới khẩu hiệu “Hãy vì Hòa Bình” của Tướng Grant.

Trong khi đó đảng Dân chủ mở đại hội và đề cử thống đốc bang New York Horatio Seymour làm ứng cử viên Tổng thống để tranh cử đối lại tướng Grant. Francis Blair, một chính khách nổi tiếng kỳ thị chủng tộc, được chọn làm ứng viên Phó Tổng thống. Blair thường chỉ trích gắt gao đảng Cộng hòa “đặt miền Nam dưới sự thống trị của bọn da đen nửa man rợ, đa thê và chỉ biết thờ cúng thần vật” và “bắt phụ nữ da trắng làm nạn nhân để thỏa mãn thú tính của bọn chúng”. Blair đã đọc sách “Nguồn gốc các loài” của Darwin, tuyên bố “sự pha trộn giữa các chủng tộc làm đảo lộn sự tiến hóa, sản sinh các loài kém phát triển không có khả năng tự sinh sản và làm hỏng sự phát triển trong nhiều thế kỷ”.

Liên danh Seymour - Blair đã khiến những người bảo thủ phía Bắc từng ủng hộ Andrew Johnson nay quay sang bỏ phiếu cho Ulysses Grant. Hơn bao giờ hết những nhà tư bản miền Bắc đoàn kết lại sau lưng đảng Cộng hòa.

Ở miền Nam, đảng Dân chủ tung chiến dịch ủng hộ liên danh Seymour - Blair với hy vọng sẽ phá bỏ cuộc tái thiết. Đảng vận động các nhà buôn cắt mọi nguồn tín dụng với những người da đen tham dự bất cứ hội nghị nào của đảng Cộng hòa và các chủ điền da trắng dọa đuổi khỏi đồn điền “tên da đen nào không chịu thề sẽ không bỏ phiếu cho danh sách cấp tiến”. Bạo lực đã xảy ra, mở đầu cho những hoạt động bạo tàn trong các cuộc vận động tranh cử về sau này. Băng đảng Ku Klux Klan (gọi tắt là Ku Klux Klan) thành lập năm 1866 như là một tổ chức xã hội

tại bang Tennessee giờ đây đã phát triển khắp các bang miền Nam; chúng gieo rắc kinh hoàng cho những người Cộng hòa, da đen cũng như da trắng. Trong cuộc vận động bầu cử Tổng thống năm 1868, bọn chúng đã giết hại nghị sĩ James Hinds, bang Arkansas, ba đại biểu bang Nam Carolina và nhiều đại biểu đại hội lập hiến ở các bang khác. Nguyên thống đốc bang Louisiana là Michael Hahn, một người ôn hòa, đã phải thốt lên: “Mỗi ngày đều xảy ra các vụ giết chóc và dọa nạt tại bang này!” Các băng đảng Ku Klux Klan da trắng chạy rong khắp thành phố New Orleans, dọa nạt người da đen và phá bĩnh các cuộc hội họp của đảng Cộng hòa. Một toán đã xâm nhập các đồn điền thuộc xứ đạo St. Landry, tàn sát trên 200 người da đen. Tướng tư lệnh quân đội Lovell Rousseau, là bạn và người ủng hộ cho Johnson, từ chối không can thiệp mà chỉ khuyên người da đen tránh xa những nơi bỏ phiếu để được an toàn, ông tuyên bố: “Thời kỳ người da đen có uy thế sắp chấm dứt tại bang này”.

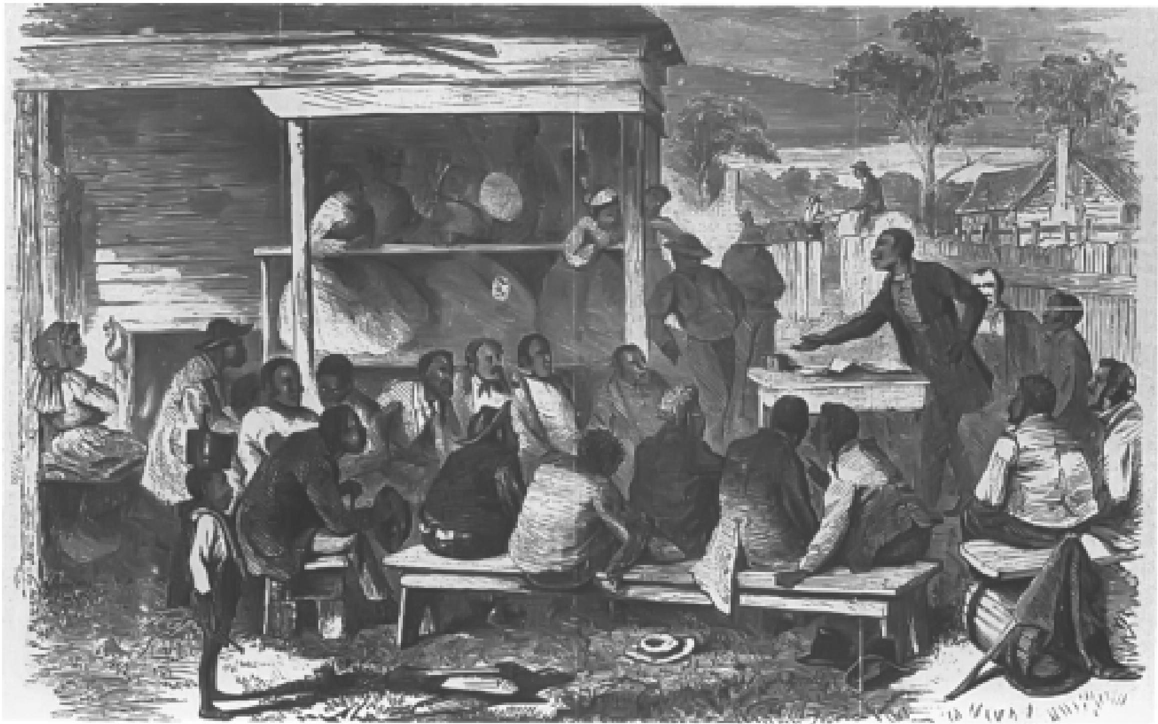
Như dự đoán, Ulysses Grant thắng cử vẻ vang mặc dù với một số phiếu vượt trội không nhiều. Trên bình diện cả nước, Grant thắng ở tất cả các tiểu bang ngoại trừ tám bang và có tổng số phiếu gần 53%. Seymour có số phiếu nhiều hơn ở đa số bang với cử tri toàn người da trắng, ông thắng với số phiếu tuyệt đối ở các bang Georgia và Louisiana, nơi đảng Cộng hòa không thể tổ chức nổi các cuộc họp và cử tri da đen không thể đi bầu. Tại 11 hạt bang Georgia có đông người da đen nhưng đảng Cộng hòa không có được một phiếu. Tác động của Ku Klux Klan còn thể hiện ở những bang bỏ phiếu cho Grant: ở miền trung Tennessee, bắc Alabama, và vùng sâu bang Nam Carolina rất ít phiếu dành cho Grant.

Trên một khía cạnh nào đó năm 1868 đánh dấu sự thay đổi tập quán chính trị ở thời kỳ sau nội chiến, đảng Cộng hòa hô hào trật tự và ổn định chính trị trong khi đảng Dân chủ kêu gọi nối tiếp quá khứ. Tháng 8 năm này Thaddeus Stevens mất. Đông đảo người tiễn đưa linh cữu của ông từ điện Capitol - chỉ ít hơn đám tang cố Tổng thống Lincoln - đến một nghĩa trang ở bang Pennsylvania. Trên bia mộ của ông ghi dòng chữ: "Cái chết của tôi nói lên những nguyên tắc tôi theo đuổi suốt cuộc đời, sự Bình đẳng của Con Người trước Đấng Tạo hóa". Thế hệ những người cấp tiến đã qua, nhường chỗ cho những người chủ trương "cuộc chiến cho người da đen" phải nhường chỗ cho những vấn đề kinh tế. Quy chế đầu tiên được áp dụng sau ngày Tổng thống Grant đăng quang là đạo luật Tín dụng Nhà nước, hứa hẹn trả các món nợ bằng vàng. Một viên chức Liên bang nhận xét, "Tôi trông đợi ở nội các Grant sự khởi đầu của một kỷ nguyên thực sự và bảo thủ".

Và thế là từ đây các chính phủ của thời tái thiết Mới quay sang đáp ứng những nguyện vọng của cử tri bình thường để xây dựng một miền Nam mới và công bằng hơn.



“Lá phiếu đầu tiên.” Chú ý những người đi bầu đại diện các nguồn cử tri là lãnh đạo chính trị của dân Da Đen - thợ thủ công tay cầm đồ nghề; người ở thành thị ăn mặc sang trọng: binh sĩ mặc quân phục. [Tuần báo Harper’s, 16/11/1867].



“Vận động bầu cử ở Miền Nam.” Nam nữ tham dự các cuộc họp bàn chính trị thời kỳ đầu. [Harper’s 25/07/1868]

NHỮNG LÃNH TỤ CHÍNH TRỊ DA ĐEN



Benjamin Turner, Hạ nghị sĩ (dân biểu) bang Alabama. (Thư viện Quốc Hội)



P.B.S. Pinchback, Phó Thống đốc và sau là Thống đốc bang Louisiana. (Thư viện QH).



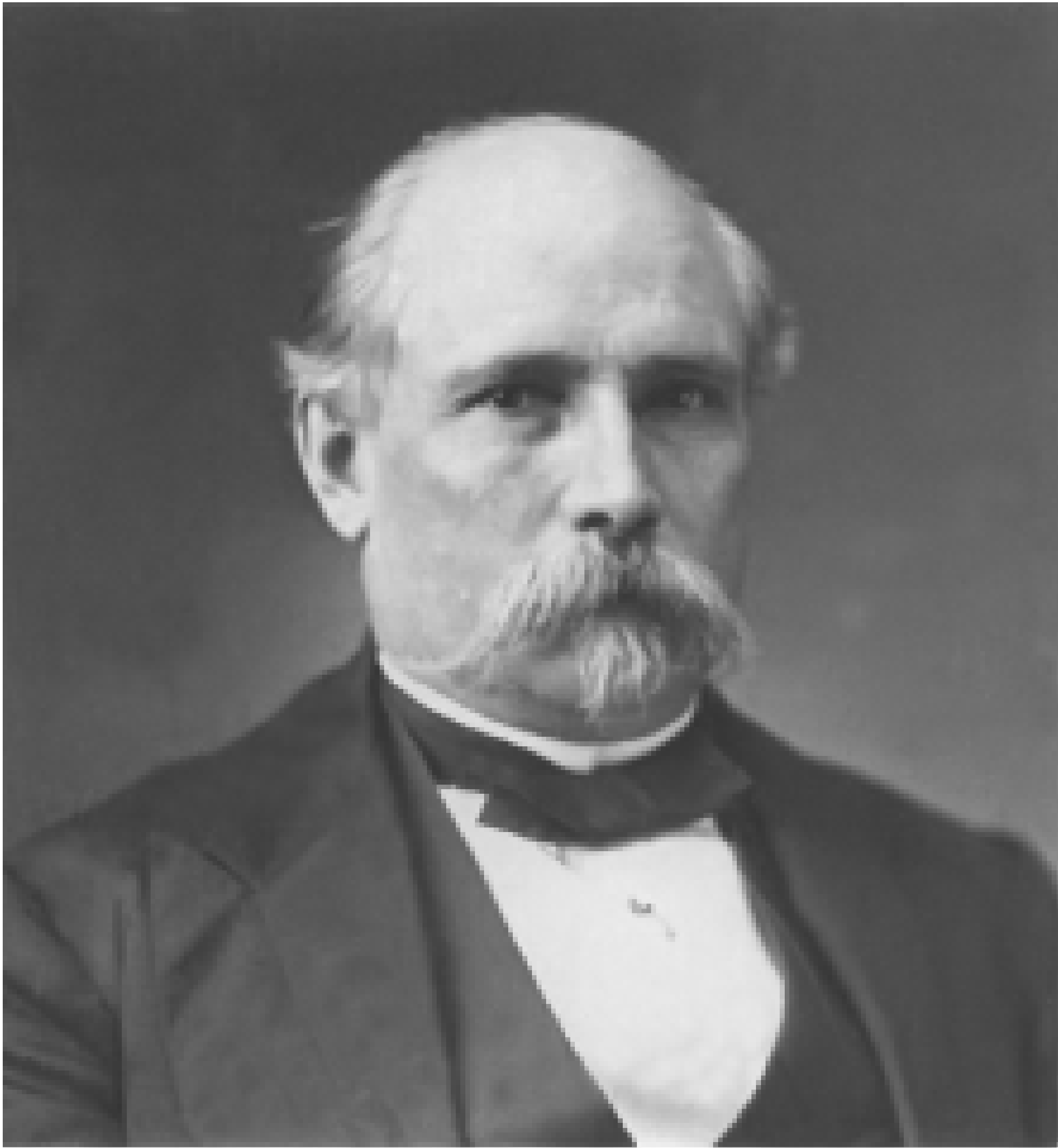
Blanche K. Bruce, Thượng nghị sĩ bang Mississippi. (Thư viện Quốc Hội)



Robert Smalls. Anh Hùng trong Nội chiến; Hạ nghị sĩ bang Nam Carolina. (Thư viện Quốc Hội).



Robert B. Elliot, Hạ nghị sĩ bang Nam Carolina. (Thư viện Quốc Hội).



James L. Alcorn, Thống đốc bang Mississippi (Thư Viện Quốc Hội)



William G. Brownlow, Thống đốc bang Tennessee (Thư Viện Quốc Hội)



Henry C. Warmoth, Thống đốc bang Louisiana (Thư Viện Quốc Hội)



Albion W. Tourgee, Thẩm phán bang Bắc Carolina (Thư viện Quốc Hội)



Adelbert Ames, Thống đốc bang Mississippi (Thư Viện Quốc Hội)

NHỮNG KẺ CHỐNG TÁI THIẾT

OUR TICKET.



OUR MOTTO:

This is a White Man's Country;



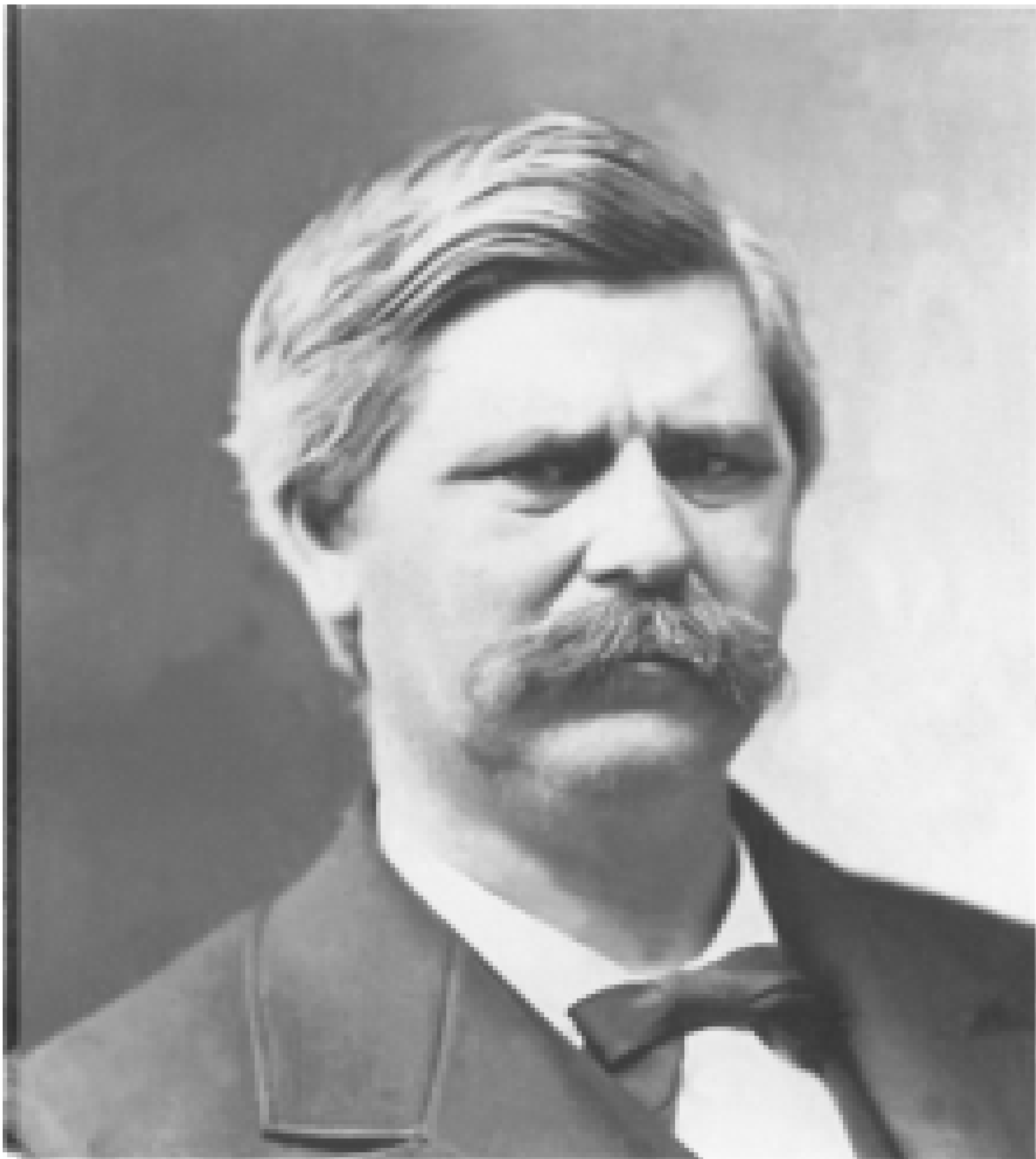
Phù hiệu Đảng Dân chủ: Ứng cử viên tổng thống: Seymour; ƯCV phó tổng thống: Blair. Khẩu hiệu: Đây là Đất Nước của Người Da Trắng; Hãy để Người Da Trắng Cai Trị. (Thư Viện Công Cộng ở New York).



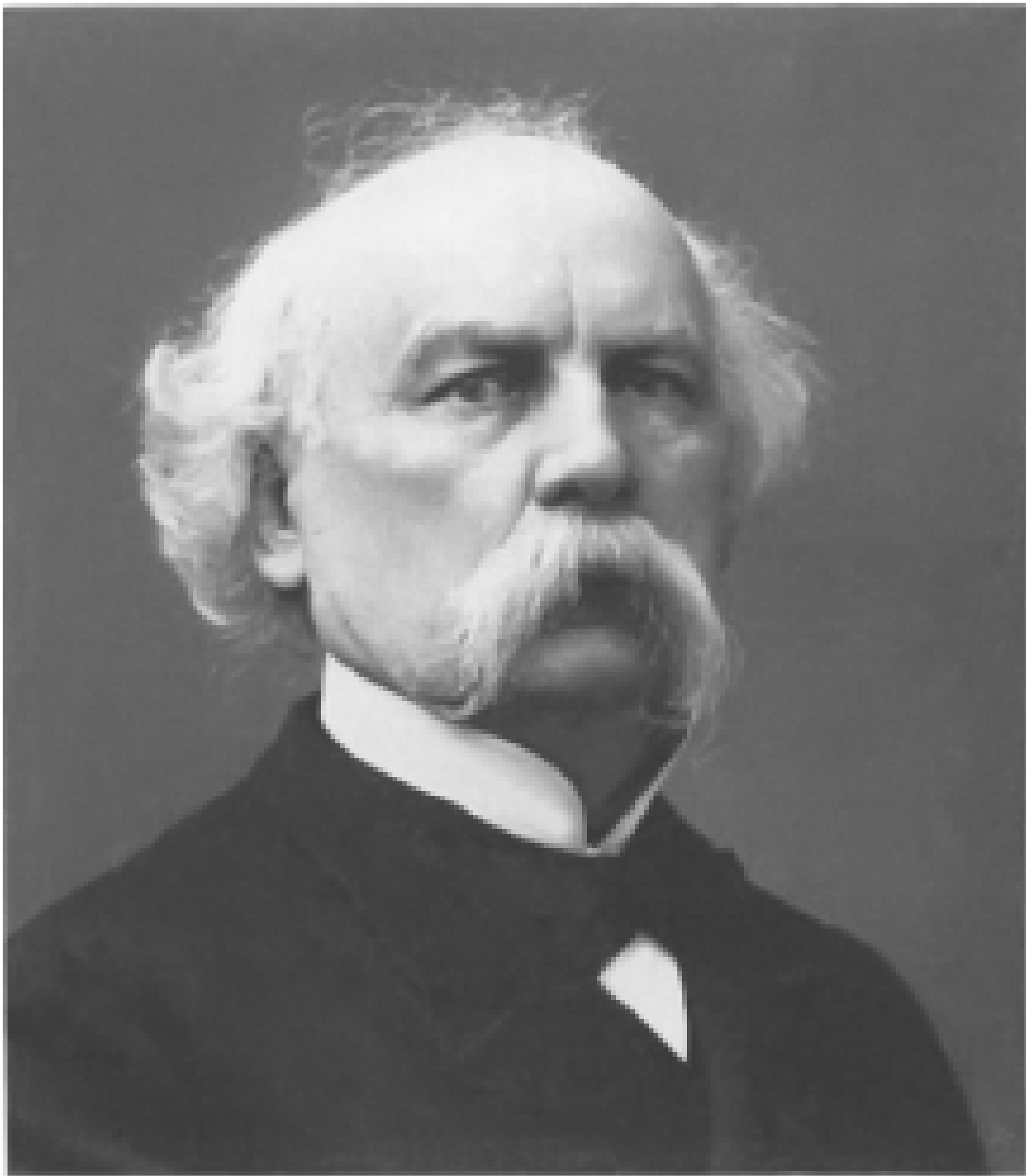
Zebulon Vance, “Thống đốc Mua” bang Bắc Carolina. (Thư Viện Quốc Hội)



Wade Hampton, Thống đốc mua bang Nam Carolina. (TVQH)



John B. Gordon; ứng cử viên thống đốc thuộc Đảng Dân Chủ và là lãnh tụ băng đảng Ku Klux Klan bang Georgia. (Thư Viện Quốc Hội).



William H. Trescot; chủ điền bang Nam Carolina. (TVQH).

BĂNG ĐẢNG KU KLUX KLAN



KKK cảnh báo; Hình vẽ tiên báo số phận carpetbagger A.S. Lakin và scalawag Noah B. Cloud, bang Ohio, một khi đảng Dân Chủ thắng cuộc bầu cử tổng thống năm 1868. (Báo Independent Monitor Tuscaloosa, 01/ 09/1868)





Hai thành viên KKK ngụy trang. (Tuần báo Harper’s, 19/12/1868)

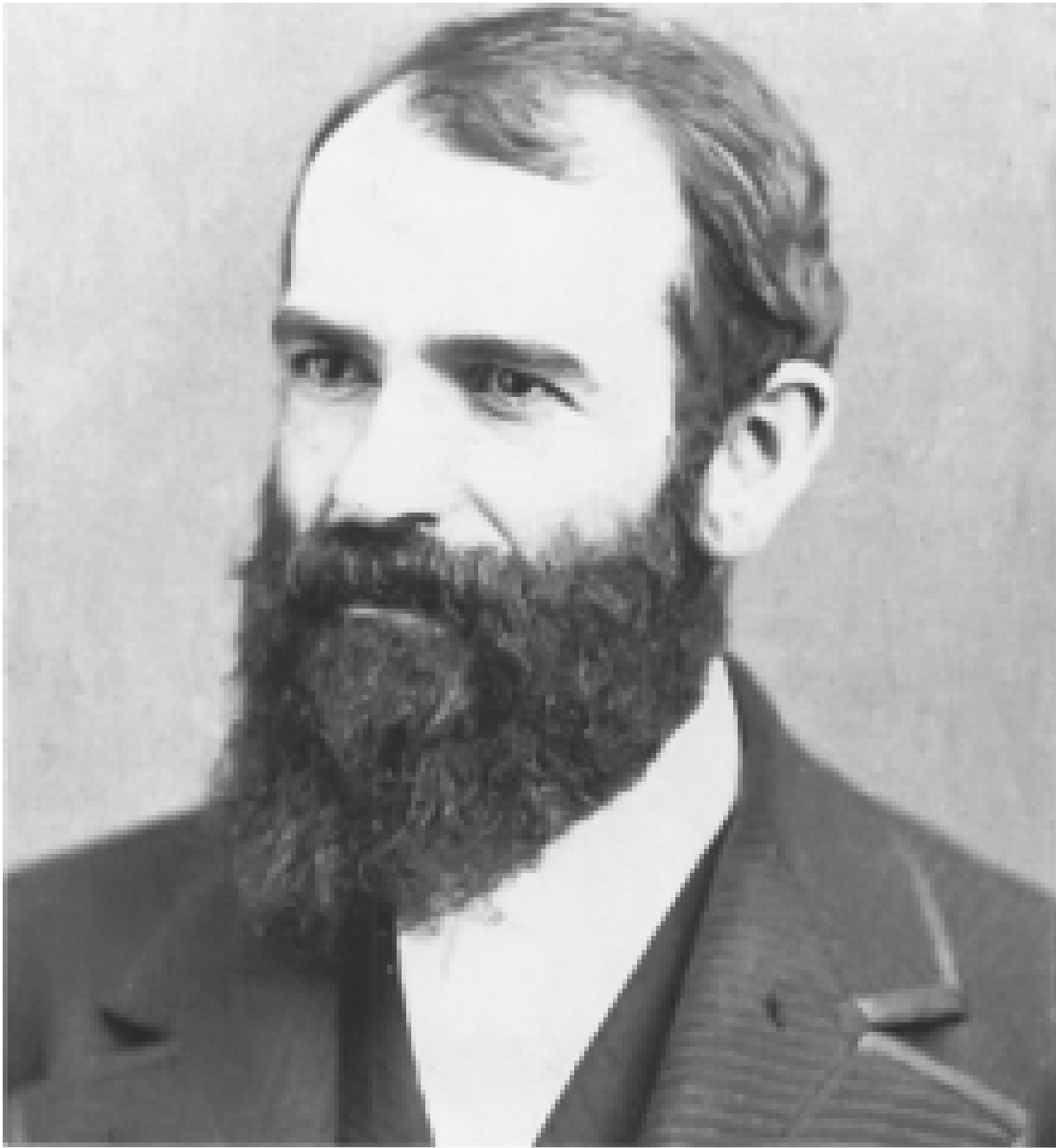


Bọn KKK nã súng vào một nhà dân. (Dorothy Sterling)

NHỮNG NHÂN VẬT NỔI TIẾNG THỜI ĐẠI GRANT



Victoria Woodhull, chiến sĩ phong trào đòi nữ quyền (Hội Sử học NY)



Jay Gould, Nhà Tài chính (Thư Viện Quốc Hội



Roscoe Conkling, Thượng nghị sĩ bang New York. (Thư Viện Quốc Hội).



“Ngựa điên” - kẻ chiến thắng Tướng George A. Custer ở Little Big Horn (Hội Sử học Chicago).



Susan B. Anthony, chiến sĩ phong trào đòi nữ quyền (Bảo tàng Nghệ thuật Thành phố).

LAO ĐỘNG TỰ DO: ẢO TƯỞNG VÀ THỰC TẾ



Công nhân hỏa xa (Dự án Lịch sử Xã hội Mỹ)



“Tư bản và Lao động” : cảnh lao động và công nghiệp trong nhà máy dệt bông. Khoảng năm 1870. Tư bản và lao động hòa hợp về quyền lợi là nguyên lý cơ bản của ý tưởng lao động tự do. (Bảo tàng Nghệ thuật Thành phố).



Cỗ máy Corliss, biểu tượng thời đại công nghiệp mới tại Triển lãm Kỷ niệm 100 năm Công nghiệp tại Tp. Philadelphia. (Tuần báo Harper's 27/05/1876).



Cảnh đổ nát ở Nhà Tròn, “Cuộc Đình công Vĩ đại”, tháng 7 năm 1877. (Tập san Scribner’s, tháng 7, 1895)

THOÁI LUI KHỎI CUỘC TÁI THIẾT

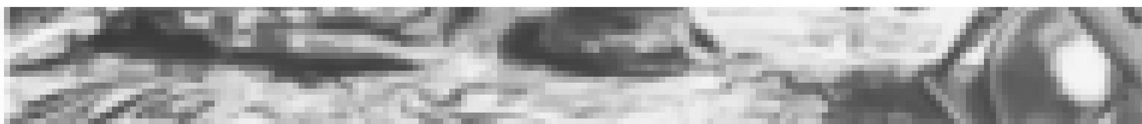
Họa sĩ Thomas Nast vẽ lên hình ảnh tình cảm của người Da Đen đối với đảng Cộng Hòa ở Miền Bắc.



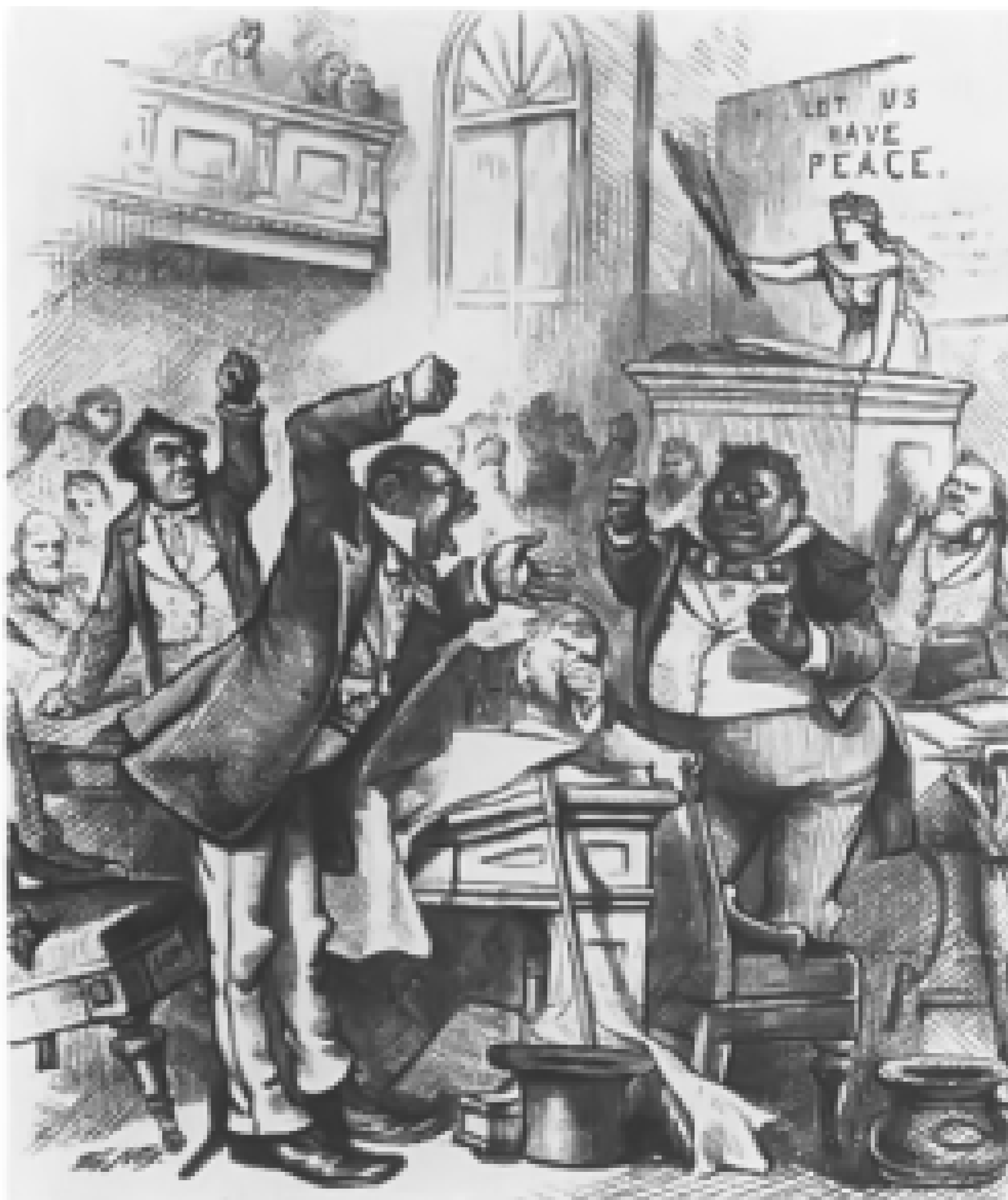


“Đây là Chính phủ của Người Da Trắng” (Tuần báo Harper’s ngày 05/09/1868). Anh lính da đen với tư cách công dân trung thực xứng đáng hưởng quyền bầu cử.





“Không phải người này ư?” (Tuần bác Harper’s ngày 05/08/1865) Người nô lệ cũ là nạn nhân vô tội của kẻ di dân Ireland, cựu chiến binh LMMN, và các nhà tài phiệt Phố Wall, bề ngoài là ba cột trụ của đảng Dân Chủ.



“Người Da Màu cai trị một Bang được tái thiết”. (Tuần báo Harper’s ngày 14/03/1874). Cử tri da đen nhại lại cử chỉ của chính phủ dân chủ.



CÔNG CUỘC TÁI THIẾT MIỀN NAM - Ý NGHĨA CHÍNH TRỊ VÀ KINH TẾ

❖ ĐẢNG PHÁI VÀ CHÍNH QUYỀN Ở MIỀN NAM THỜI KỲ TÁI THIẾT

Những người Cộng hòa lên nắm chính quyền ở miền Nam từ 1868 đến 1870 phải đối phó với nhiều thử thách. Thừa hưởng những kho bạc gần như trống rỗng từ các chính phủ trước, họ đối mặt những tàn phá do chiến tranh, nhận trách nhiệm to lớn từ việc bãi nô và nhiệm vụ củng cố tổ chức chính trị non trẻ. Hầu như cả đảng lẫn các chính quyền tiểu bang đều phải đối phó khủng hoảng về tính hợp pháp. Những người chống đối công cuộc tái thiết đều xem các chế độ mới (ở miền Nam) là kẻ xa lạ và không công nhận quyền hợp pháp của cử tri da đen. Vì thế, những người Cộng hòa phương Nam phải đấu tranh vì sự tồn tại của chế độ.

Tại một số tiểu bang, để lấy lòng người da trắng đảng Cộng hòa trao trả quyền bầu cử cho những người đã bị tước. Đến năm 1871, chỉ còn bang Arkansas là còn hạn chế quyền bầu cử đối với những "kẻ phiến loạn". Trong nỗ lực tạo hình ảnh một chính quyền trung dung và xóa đi mối lo ngại người da đen và carpetbaggers thống trị, nhiều thống đốc cho

sử dụng lại các lãnh tụ địa phương. Thống đốc bang Mississippi James Alcorn bổ nhiệm viên chức thuộc đảng Dân chủ nhiều bằng số viên chức thuộc đảng Cộng hòa, và tại bang Nam Carolina, Robert Scott cho thay thế nhiều thẩm phán da đen bằng các thẩm phán da trắng.

Chính sách vỗ về những người Dân chủ khiến một số người Cộng hòa bất mãn và điều này dẫn tới óc bè phái trong đảng để tranh giành những chức vụ mong muốn. Trong nhiều kỳ họp, một số đảng viên Cộng hòa hoặc bỏ phòng họp hoặc ẩu đả với nhau. Cũng có đảng viên cấu kết với đảng Dân chủ để đánh bại địch thủ. Có khi họ tập hợp xung quanh thống đốc tiểu bang để "kiếm ghế" hoặc ngược lại, họ liên kết với các nghị viên để chống đối thống đốc. Năm 1871, tình hình đảng Cộng hòa ở các tiểu bang phía Nam giống như những đạo quân gồm toàn tân binh thiếu tổ chức và mất kỷ luật, sẵn sàng đánh nhau vì lợi ích cá nhân.

Những sự kiện trên gây hoang mang không ít cho những cộng đồng da đen. Một người da đen ở Virgina nhận định: "Lẽ ra các đảng viên Cộng hòa phải kết hợp sức mạnh của mình thay vì chia rẽ nhau để giành ảnh hưởng". Và họ chỉ còn biết nhờ cậy các viên chức liên bang, thường là carpetbaggers. Họ thường đứng ngoài các tranh chấp giữa những người Cộng hòa da trắng, ở mọi cấp người da đen thường chỉ được những vị trí khiêm tốn. Lúc chương trình tái thiết khởi sự có 16 nghị sĩ da đen tại Quốc hội nhưng ở Quốc hội Khóa 41, nhóm họp từ 1869 đến 1871, chỉ còn lại ba người: Hiram Revels, mục sư sinh ở bang Bắc Carolina, trúng cử Thượng Nghị Sĩ năm 1870; Joseph Rainey, dân biểu bang Nam Carolina và Jefferson Long, bang Georgia, người da đen cũng không giữ những chức vụ trọng yếu ở các bang. Chỉ riêng tại bang Florida, Jonathan Gibbs, một mục sư kiêm nhà giáo dục sinh ra ở Philadelphia, bang

Pennsylvania được giữ chức ủy viên đối ngoại từ 1868-1872 rồi ủy viên giáo dục. Tương tự, hai bang Mississippi và Nam Carolina có một người da đen giữ chức vụ ủy viên tiểu bang trong thời kỳ này. Tại bang Louisiana, Oscar Dunn, một người da đen tự do chủ đồn điền mía trở thành phó thống đốc năm 1868 và Antoine Dubuclet, giám đốc ngân khố tiểu bang đến năm 1877. Cho đến cuối thời kỳ tái thiết, toàn miền Nam có 18 người da đen được giữ những chức vụ quan trọng: phó thống đốc, giám đốc ngân khố, ủy viên giáo dục, ủy viên đối ngoại (ngoại giao). Tháng 12 năm 1872, P.B.S. Pinchback trở thành thống đốc da đen độc nhất trong lịch sử Hoa Kỳ khi ông thay thế Henry Warmoth, thống đốc bang Louisiana bị buộc tội và truất phế.

Cơ cấu tổ chức chính trị có thay đổi lớn với trên 600 người da đen, phần đông là những nô lệ cũ, được bầu vào các hội đồng lập hiến tuy người da trắng vẫn nắm quyền ở các tiểu bang, ở những cấp chính quyền địa phương cũng có nhiều người da đen. Nhiều thành phố lớn và thị trấn trở thành những trung tâm sinh hoạt chính trị của người da đen trong thời kỳ tái thiết. Petersburg, bang Virginia, là một trung tâm công nghiệp và đường sắt quan trọng, có nhiều người da đen nắm chức vụ từ ủy viên hội đồng thành phố đến phó giám đốc hải quan, giám đốc chương trình người nghèo. Và một phần ba ủy viên Hội đồng thành phố Nashville cũng là người da đen.

Trong những tổ chức do đảng Cộng hòa chi phối chính khách da đen thường được giao nhiều nhiệm vụ khá quan trọng; cảnh sát trưởng, thẩm phán, ủy viên giáo dục. Thời kỳ đầu đa số những "viên chức" da đen thường ít học nhưng về sau thì có nhiều người có kiến thức cao, có người tốt nghiệp đại học, cao đẳng như trường hợp Mifflin Gibbs, Ủy

viên Hội đồng thành phố Vancouver, tốt nghiệp khoa luật trường Đại học Oberlin. Một số lãnh tụ da đen cũng khá giàu, có tài sản, tỉ như những người da đen tự do ở Charleston và New Orleans, họ là điền chủ, nhà kinh doanh trước chiến tranh có trong tay cả mấy trăm ngàn đô la, và trong thời kỳ tái thiết nhiều người với đồng lương và tiền dành dụm đã mua đất, mua nhà.

Có một điều nghiệt ngã đối với những người da đen khá giả hay giàu có làm chính trị là họ thường gặp nhiều khó khăn trong đời sống thường ngày sau khi rời chính trường. Henry Johnson, thợ hồ làm nghề trát vữa trước khi trở thành nhà tổ chức cho Hội Liên hiệp và ủy viên Hội đồng Lập hiến bang Nam Carolina, ông than thở: “Trước ngày tham gia làm chính trị rất nhiều người thuê tôi đến xây nhà tô tường cho họ nhưng giờ đây chẳng có ma nào gọi đến tôi nữa. Có lẽ họ muốn làm tôi khốn đốn để tôi không còn làm chính trị nữa”.

Đảng Cộng hòa tận dụng luật pháp để trừng trị những kẻ chống đối. Tại Tallahassee (Florida) và Little Rock (Arkansas) họ bổ nhiệm cảnh sát trưởng là người da đen; tại Vicksburg (Mississippi), chỉ huy quân sự người da đen được quyền ra lệnh cho binh lính da trắng. Đến năm 1870, phân nửa lực lượng cảnh sát ở Montgomery (Alabama) và Vicksburg, trên 1/4 ở New Orleans, Mobile và Petersburg là cảnh sát da đen. ở nhiều nơi, thẩm phán và chánh án da đen ngồi xử những vụ án liên quan đến người da đen và người da trắng. Nhìn chung, vào thời gian này người da đen tương đối có quyền và được đối xử tốt hơn.

❖ ĐẢNG CỘNG HÒA CẦM QUYỀN Ở MIỀN NAM

Nhìn chung chính quyền miền Nam có phần suy yếu do ảnh hưởng của nhiều yếu tố đặc biệt là hậu quả nội chiến, chính sách giải phóng nô

lệ và công cuộc tái thiết. Do các chủ điền vẫn giữ một số quyền hạn chính trị thiếu cân đối, thuế thu và chi phí cho phúc lợi xã hội thấp, giáo dục không phát triển. Năm 1868, bang Louisiana chỉ còn hai bệnh viện, hệ thống cấp nước hư hỏng, là nguyên nhân dẫn đến dịch bệnh thường xuyên, đặc biệt là bệnh sốt rét và sốt vàng da.

Trước tình trạng các bang miền Nam như trên, đảng Cộng hòa cầm quyền đã tìm cách thay đổi đời sống chính trị xã hội. Lần đầu tiên với nhiều nguồn kinh phí khác nhau họ cho xây trường học, bệnh viện, nhà nuôi trẻ mồ côi và người bệnh tâm thần, nhà tù, và nhiều loại công trình dân dụng khác tùy theo các bang. Nam Carolina cấp bảo hiểm y tế cho người nghèo; Alabama cung cấp miễn phí tư vấn pháp luật. Luật pháp cũng sửa đổi quan hệ trong gia đình: điều kiện ly dị dễ dãi hơn, phụ nữ có chồng được quyền chia tài sản, trẻ em được bảo vệ không bị cha mẹ lạm dụng, con lai được bố là người da trắng trợ cấp. Nhiều địa phương thực thi những chính sách xã hội cho nhân dân. Thị trưởng Thành phố Nashville (Tennessee) Augustus Alden, một carpetbagger, cho tăng cường các dịch vụ y tế và cung cấp bánh mì, xúp và củi đốt miễn phí cho người nghèo. Thành phố Petersburg sửa sang đường sá, xây dựng trường học, chăm sóc sức khỏe miễn phí cho người nghèo. Tất cả những hoạt động xã hội này buộc chính phủ tiêu tốn một khoản tiền rất lớn từ ngân sách.

Đảng Cộng hòa tập trung nỗ lực xây dựng lại miền Nam trong bốn lĩnh vực: giáo dục, quan hệ chủng tộc, hệ thống lao động và phát triển kinh tế. Thế nhưng cả bốn lĩnh vực này đều gây tranh cãi giữa những người muốn mở rộng hậu thuẫn cho Đảng và những người muốn giới hạn phục vụ các cử tri. Các cựu viên chức Cục vấn đề người tự do, các nhà giáo dục và nhiều người da đen khởi xướng phong trào xây dựng hệ

thống giáo dục làm nền tảng cho một trật tự xã hội quân bình. Tuy họ không thiết lập được nền giáo dục tiến bộ theo khuôn mẫu ở miền Bắc nhưng cũng đem lại nhiều cải cách cho xã hội. Một nhà báo phương Bắc trong chuyến công tác ở miền Nam năm 1873 báo cáo các trường học ở Vicksburg chật ních trẻ em và người lớn tới học, có cả "những người hầu gái da đen xin phép chủ tham dự lớp tối", người da trắng cũng được hưởng những lợi ích của hệ thống giáo dục mới. Năm 1872, bang Texas đã có gần 1.500 trường học cho trẻ em; trên một nửa số trẻ nhỏ ở độ tuổi đi học ở các bang Mississippi, Florida, Nam Carolina đều được đến trường. Tuy nhiên, hệ thống giáo dục này vẫn chỉ tập trung ở các thành thị, ít phổ biến ở vùng nông thôn. Do vậy, khoảng 80% người da đen vẫn còn mù chữ theo thống kê năm 1880. Dù sao, đây cũng là lần đầu tiên ở miền Nam đảng Cộng hòa đã đưa ra nguyên tắc "Nhà nước có trách nhiệm về giáo dục cho cộng đồng".

Xây trường học là một việc, biến nó thành mốc của sự quân bình xã hội là việc khác. Phụ huynh da trắng không muốn con em mình ngồi chung lớp với học sinh da đen. Ủy viên giáo dục bang Texas đã giải thể Ban giáo dục tìm cách hòa hợp một trường học. Chỉ riêng bang Louisiana, nơi lãnh đạo da đen có thế lực rất mạnh đã từng chống lại sự kỳ thị, là có trường hỗn hợp. Tại New Orleans lúc đầu các học sinh da trắng rời bỏ trường có học sinh da đen để đến học tại các trường tư có phân biệt màu da tại các xứ đạo nhưng chỉ một vài năm sau có nhiều học sinh trở lại học ở các trường hỗn hợp.

Nhiều người da đen không chịu cho con em mình học ở trường dành riêng cho học sinh da đen vì "làm như thế sẽ khiến trẻ em da đen có mặc cảm tự ti" nhưng lại không tin tưởng vào sự hòa hợp. Họ đòi có sự phân

bố tài trợ đồng đều giữa trường cho học sinh da trắng và trường cho học sinh da đen. Họ còn nghĩ phụ huynh da đen dễ kiểm soát con em hơn nếu chúng học ở trường dành cho học sinh da đen, và việc tuyển giáo viên da đen cũng ít gặp khó khăn, số giáo viên người da đen tăng nhanh nhờ có nhiều sinh viên tốt nghiệp các trường đại học. Tại bang Nam Carolina, con số này từ 50 vào năm 1869 tăng lên trên 1.000 chỉ sáu năm sau (1875).

Vấn đề hòa hợp màu da cũng có ở các trường đại học và cao đẳng miền Nam ngoại trừ một trường hợp đặc biệt là Trường Đại học Tổng hợp bang Nam Carolina. Năm 1873, ủy viên ngoại vụ bang Nam Carolina, Henry Hayne, ghi danh học y khoa trường Đại học Tổng hợp Nam Carolina, ông là thí sinh da đen đầu tiên vào học ở trường này. Lập tức, các sinh viên da trắng rút tên khỏi trường và nhiều giảng viên da trắng cũng bỏ đi. Để đối phó, cơ quan lập pháp mời các giáo sư từ phương Bắc tới thay thế, ra nghị quyết bãi bỏ học phí và mở các lớp dự bị cho học sinh chưa đủ điều kiện nhập học. Mặc dù khi này đa số sinh viên theo học là người da đen, trường cũng tuyển sinh người da trắng và như vậy trường Đại học Tổng hợp Nam Carolina trở thành một cơ sở giáo dục hỗn hợp - trường cấp tiến với sinh viên da trắng và da đen cùng "học chung, chơi chung".

Sự hòa hợp các màu da trong hệ thống giáo dục ở miền Nam tiến hành theo sự mở rộng quyền hành của chính phủ ở phương Bắc nhằm bảo đảm sự bình đẳng cho người da đen trong giao thông vận tải và ở những nơi công cộng. Cho đến lúc này vẫn tồn tại nhiều hình thức kỳ thị người da đen: nhiều cơ sở dịch vụ công và tư từ chối phục vụ người da đen; những nơi khác thì hạn chế với những dịch vụ kém chất lượng, người da đen không được phục vụ những loại dịch vụ cao cấp trên xe

lửa, tàu hơi nước cho dù họ có khả năng tài chính và sẵn sàng trả tiền. Một sĩ quan cao cấp ngành cảnh sát ở bang Mississippi mô tả sự bất công này như sau: "Có giáo dục hay nhắc nhở mọi người ăn ở cho phải đạo cách nào chăng nữa và ngay cả tiền bạc cũng không mua được sự đối xử tử tế cho người da đen, đàn ông cũng như đàn bà, như là đối với người da trắng".

Với sự trợ giúp từ các carpetbaggers những yêu cầu của người da đen đòi xóa bỏ sự kỳ thị cũng gây rạn nứt giữa những người Cộng hòa. Tại các tiểu bang có đa số đảng viên Cộng hòa da trắng bản xứ như Alabama và Bắc Carolina, các dự luật có lợi cho người da đen đều bị bác bỏ. Tuy nhiên, khi ảnh hưởng của người da đen tăng dần, các bang này cùng toàn miền Nam cũng phải chấp nhận quyền bình đẳng trong giao thông và dịch vụ công cộng. Mississippi, Louisiana, Nam Carolina và Florida phạt tiền và cầm tù những ai từ chối "các quyền lợi chính đáng, đầy đủ và bình đẳng" của người da đen khi sử dụng xe lửa, tàu hơi nước, khách sạn, nhà hàng, rạp hát. Nhưng cũng có vài nơi vẫn chưa thật sự tuân thủ luật về dân quyền; những cơ sở công như viện mồ côi còn đối xử khác biệt giữa trẻ da trắng và trẻ da đen; tàu hỏa còn có những toa xe sang trọng không nhận hành khách người da đen: họ chỉ được lên các toa xe có đề bảng "Quý ông quý bà da màu", thực chất là những toa xe hạng bét cho phép hút thuốc, hành khách là những người da trắng "nghèo, ít học, uống rượu, hút thuốc, và văng tục (chửi thề) như điên" như lời than phiền của một người da đen.

Đổi thay rõ nét nhất là trong quan hệ về lao động. Lần đầu tiên ở miền Nam các chủ đồn điền không còn được quyền sử dụng cơ quan nhà nước để khống chế lao động da đen. Các "đạo luật đen" lần lượt bị bãi

bỏ, luật “lang thang” được tinh giản; không xem trộm cắp là trọng tội, bỏ hình phạt đánh roi, chính quyền không giám sát thực thi kỷ luật lao động. Luật mới cũng cấm sa thải công nhân vì lý do chính trị và buộc trả tiền công lao động đã thực hiện cho những công nhân bị đuổi việc. Năm 1872, một chủ điền kêu ca: “Với luật pháp của rất nhiều tiểu bang phía Nam, tá điền chứ không phải chủ điền được che chở hết mình!”

Các chính quyền Cộng hòa cũng cải tổ pháp chế ảnh hưởng tới người da trắng ở vùng sâu, vùng xa. Các bang lần lượt quy định diện tích đất, khối lượng tài sản, nông trang cụ, vật dụng tịch biên của con nợ nhằm bảo vệ các tiểu điền chủ và số ít đại điền chủ trước các chủ nợ.

Dĩ nhiên người da đen mong đợi đảng Cộng hòa đem lại nhiều lợi ích kinh tế hơn cho họ nhất là quyền sở hữu đất đai nhưng họ gần như phải thất vọng. Bang Nam Carolina là một biệt lệ, ở đây chính quyền lập một ủy ban có chức năng mua lại các điền thổ và bán lại theo lối trả góp. Đến năm 1876, khoảng 14,000 hộ gia đình người da đen - 1/7 dân số da đen toàn bang - cùng một số hộ người da trắng được mua trang trại. “Vùng đất hứa” là một tổ hợp trang trại do một nhóm hộ gia đình da đen mua từ hồi đó còn tồn tại đến ngày nay.

Tại những bang khác đảng Cộng hòa dùng biện pháp thuế để suy yếu các đồn điền và xúc tiến quyền sở hữu của người da đen. Chính sách thuế khóa mới làm giảm gánh nặng cho các nhóm người miền Nam. Khác với trước đây còn thời kỳ tái thiết do Tổng thống đề ra, Nhà nước tính thuế trên giá trị thật sự của đất đai và tài sản cá nhân. Nhân viên cơ quan thuế và người da đen (nhiều khi là những nô lệ cũ của đồn điền) được giao nhiệm vụ xác định giá trị tài sản các cơ sở. Vì người da đen và các chủ điền nhỏ người da trắng sở hữu các nông trại nhỏ hay tiểu điền

được miễn thuế nên có người đảng Dân chủ ở bang Alabama than phiền: “Chính sách mới về thuế chỉ nhắm vào người da trắng còn bọn da đen thì được miễn!”.

Những người da trắng chủ yếu là đại điền chủ lấy chiêu bài thuế cao để chống đối cuộc tái thiết. Người da đen ngược lại cho rằng thuế cao sẽ buộc chủ đất đưa vào sử dụng hoặc bán nhượng lại những mảnh đất bỏ hoang. Những khoảnh đất bao la đã bị chính phủ thu lại vì thiếu thuế. Chỉ riêng bang Mississppi cũng đã tịch thu trên sáu triệu acres (2,4 triệu hecta) - bằng 1/5 diện tích đất của tiểu bang. Chính sách thuế do đảng Cộng hòa tỏ ra có hiệu quả nhưng vẫn không tác động chính sách phân chia đất. Ngoài bang Nam Carolina, người da đen được tự do cảm thấy chán nản đối với chính sách ruộng đất các đại hội lập pháp không thực thi vì những rào cản chính trị và ý thức hệ. Đa số đảng viên Cộng hòa da trắng và những người da đen tự nhiên chống lại việc phân chia ruộng đất mặc dù họ tích cực đòi cho người da đen được quyền tự do lao động và quyền công dân. Một tờ báo của đảng Cộng hòa phía Nam viết: tái thiết có nghĩa là “bảo vệ” và “chơi đẹp”; không có nghĩa là “cho không ruộng đất và tiền của”. Báo *Tribune* (Diễn đàn) xuất bản ở New Orleans nhận định: Người da đen được giải phóng phải đối mặt một thực tế phũ phàng khi được xem là “lao động tự do” nhưng “không có một tấc đất” và thường xuyên gặp sự thù nghịch của các chủ điền và nhà buôn… Họ buộc phải làm đầy tớ cho người khác, không chút hy vọng được sống khá hơn”. Những người Cộng hòa vẫn muốn người da đen có được tài sản bằng chính lao động của mình”.

❖ CẨM NANG THỊNH VƯỢNG

Trong những năm đầu chương trình tái thiết các lãnh tụ đảng Cộng hòa luôn bận tâm với phát triển kinh tế. Họ nghĩ rằng với sự trợ giúp của chính quyền, các tiểu bang miền Nam chậm tiến sẽ sớm trở thành xã hội công nghiệp với nhiều nhà máy, thành phố nhộn nhịp, một nền nông nghiệp đa dạng không bị các đồn điền thông trị, và muôn vàn cơ hội làm việc cho lao động da den cũng như da trắng. Các nhà lãnh đạo Cộng hòa ở thời kỳ đầu mê say "cẩm nang của sự thịnh vượng", hy vọng tạo dựng một nền chính trị không mang màu sắc chủng tộc đem lại tính hợp pháp cho tiểu bang được tái thiết.

Mục đích và ý đồ viện trợ của đảng Cộng hòa về thực chất khác xa những người cầm quyền ở miền Nam trước kia. Đảng không gắn kết xây dựng dường sắt với hệ thống đồn điền mà xem nó là chất xúc tác cho một cuộc cách mạng êm thắm làm giảm bớt ý nghĩa kinh tế của các đồn điền.

Trong những năm đầu đảng Cộng hòa nắm chính quyền, các tiểu bang phía Nam đều hăng hái đóng góp thành lập các công ty đường sắt, hoặc bằng tiền trả thẳng cho một công ty nào đó hoặc cho phép phát hành trái phiếu dựa trên số kilomet đường ray đã lắp đặt. Chính quyền các hạt, tổng, thành phố, v.v… cũng sẵn sàng đóng góp phần mình, nhiều hay ít tùy điều kiện kinh tế của mỗi địa phương. Mobile, thành phố cảng duy nhất ở bang Alabama, đã chi trên một triệu đô la; Spartanburg, một thị trấn nhỏ ở bang Nam Carolina, cũng đóng góp 50 ngàn đô la.

Nhưng sự chi viện của các tiểu bang chưa đủ sức lôi kéo tư bản bên ngoài để phát triển miền Nam, buộc các chính phủ Cộng hòa hành động ngược lại mục đích phục vụ người da đen và người da trắng nghèo khó. Bang Mississippi miễn giảm thuế cho các công ty hỏa xa, nhà máy và

ngân hàng. Một số tiểu bang cho phép các nhà kinh doanh thuê lao động giá rẻ từ những tù nhân.

Ở một mức độ nào đó, “cẩm nang thịnh vượng” đưa hai đảng tiến về gần nhau. Các công ty hỏa xa do đảng Dân chủ quản lý nhận trợ cấp của tiểu bang và tiền hỗ trợ từ nhiều nguồn. Tại bang Alabama, công ty hỏa xa Alabama & Chattanooga Railroad và công ty Louisville & Nashville do đảng Cộng hòa quản lý cũng liên kết với đảng Dân chủ (nắm chính quyền tiểu bang) để nhận trợ cấp và được phép khai thác khoáng sản.

Các văn bản trợ cấp cho ngành đường sắt thường do đảng Cộng hòa soạn thảo, thông qua các nhà lập pháp Cộng hòa, và được các thống đốc Cộng hòa phê chuẩn. Có những nhà làm luật, da trắng như da đen, hối thúc trợ cấp cho các xí nghiệp tiến hành làm giàu cho cộng đồng. Nhưng chương trình phát triển tư bản do tiểu bang bảo trợ là một sai lầm lớn của đảng. Nó đã lấy đi những khoản tiền lớn dành cho các chương trình khác như xây dựng trường học, v.v.. Các khoản nợ gia tăng, thuế cao, giá trị trái phiếu chính phủ giảm, tệ nạn tham nhũng lan rộng. Nhiều tiểu bang chỉ còn kho bạc rỗng tuếch và những món nợ lớn phải trả khi các thống đốc Cộng hòa nhận nhiệm vụ. Thống đốc bang Florida là một ví dụ. Harrison Reed trúng cử vào chức thống đốc bang năm 1868, không còn tiền trong ngân khố tiểu bang. Ông buộc phải dùng tiền túi của ông để trang trải các chi phí ban đầu.

Lúc dự án đường sắt được triển khai, đảng Cộng hòa phát hành ồ ạt các trái phiếu ở tất cả các bang miền Nam, do đó số nợ cũng nhảy vọt. Đến năm 1872, Bắc Carolina đã tăng gấp đôi số nợ, và tại bang Nam Carolina, trái phiếu chính phủ giá trị một đô la chỉ còn bán được 25 xu (tức một phần tư). Các bang buộc phải tăng thuế bất động sản, từ một

mill (1/10 của một phần trăm giá trị xác định) trước ngày đảng nắm chính quyền lên chín mills vào năm 1871 và trên 12 mills hai năm sau.

Tệ tham nhũng có ở hầu hết mọi thời kỳ trong lịch sử Hoa Kỳ nhưng khá phổ biến trong cuộc tái thiết miền Nam vì có điều kiện thích hợp với sự cầm quyền của đảng Cộng hòa. Gian lận, hối lộ, mua chuộc quan chức xảy ra với nhiều vụ làm ăn phi pháp, chi phối nền chính trị Hoa Kỳ. Viên chức lớn thì ăn nhiều, viên chức nhỏ thì ăn ít. Do ý tưởng làm giàu nhanh, tất cả đều "thấy không có gì sai quấy nếu chỉ chấm mút chút ít 'chiếc bánh kinh tế' của cuộc tái thiết". Nhiều viên chức da trắng cũng như da đen không có nhiều tài sản, thấy cần phải tích lũy để phòng tương lai bất trắc, do vậy họ cố gắng "chôm" được nhiều nhất trong lúc còn tại vị.

Tham nhũng diễn ra dưới nhiều hình thức. Thống đốc bang Nam Carolina, Robert Scott, và ủy viên tài chính H. Kimpton đầu cơ trái phiếu chính phủ do họ cho phát hành nhiều hơn định mức cơ quan lập pháp cho phép. Scott cùng băng đảng gian lận cả những cổ phần trong công ty hỏa xa Greenville & Columbia Railroad, tăng giá mua đất bỏ hoang cho chính phủ để hưởng chênh lệch.

Nếu các viên chức chính phủ tham nhũng để làm giàu (và giàu thêm) thì có những tập đoàn kinh tế tham nhũng cho "những kế hoạch lớn". Khét tiếng tham nhũng có băng đảng Milton Littlefield và George Swepson. Littlefield là một tướng lĩnh trong quân đội Liên bang đã từng lập "danh sách ma" số quân sĩ da đen để bỏ túi tiền thưởng; Swepson là nhà thầu từ bang Bắc Carolina luôn ôm mộng làm chủ một hệ thống giao thông rộng lớn trên toàn miền Nam. Bỏ ra hai trăm ngàn đô la để hối lộ, cho vay, và chi cho các mục ăn chơi để mua chuộc các nhà lập pháp, băng

đảng Littlefield - Swepson đã "cuỗm" bạc triệu từ các phi vụ làm đường sá. Chúng đã dùng tiền này mua công trái, cổ phần những công ty hỏa xa khác để tích trữ, hối lộ các quan chức để trúng thầu những dự án xây dựng lớn, và tài trợ một chuyến du lịch châu Âu cho họ.

Trong các phi vụ làm ăn phi pháp trên của các viên chức Cộng hòa có sự đồng lõa của các đảng viên Dân chủ. Tại bang Georgia, lãnh tụ cả hai đảng cộng tác trong vụ thuê mướn công ty quốc doanh hỏa xa Western & Atlantic Railroad với một hợp đồng béo bở mà trong đó "không ai nhận một đô la ứng trước nhưng mọi người sẽ được chia chác hậu hĩnh". Được biết đảng viên Dân chủ là giám đốc hỏa xa và 'lobbyists' (vận động hành lang) cũng "chi đẹp" như những đảng viên Cộng hòa. Chả thế mà một lobbyist Dân chủ bang Louisiana đã viết cho lãnh đạo ở miền Bắc: "Ngài sai lầm nếu nghĩ rằng mọi sự xấu xa đều do carpetbaggers và bọn da đen. Người Dân chủ sẵn sàng liên kết với chúng trong bất cứ phi vụ nào có lợi".

Những đảng viên Cộng hòa da đen cũng không tránh khỏi bị mê hoặc bởi các món lợi. Pinchback dùng ảnh hưởng của mình để thuyết phục ủy ban Công viên New Orleans mua lại miếng đất ông có phần hùn với giá thật cao. Ngoài ra Pinchback cũng đầu cơ trái phiếu của tiểu bang và được món lợi nhuận kếch xù. Nhưng so với các viên chức da trắng, các viên chức da đen ít được tiếp cận trong các vụ tham nhũng, hối lộ, và cũng chỉ nhận được những khoản tiền nhỏ.

Điều quan trọng hơn là tham nhũng làm mất tính ngay thẳng của cuộc tái thiết trước mắt người chống đối ở miền Nam và dư luận quần chúng ở miền Bắc.

Cùng với thuế khóa cao và nợ nần chồng chất, tham nhũng tạo cho đảng Dân chủ cơ sở để tin rằng "cẩm nang tái thiết" đến hồi phá sản. Chương trình nhận trợ cấp nhiều nhất từ 1868 đến 1871 nhưng làm mọi người thất vọng vì chi phí cao, nạn tham nhũng phổ biến và kết quả tồi. Phản ứng trên trùng hợp với sự gia tăng chống đối những biện pháp hòa giải của đảng Cộng hòa và sự khẳng định chính trị của người da đen. Trợ cấp cho ngành hỏa xa là bằng chứng nỗ lực của các thống đốc đầu tiên thuộc đảng Cộng hòa để hòa giải với đảng Dân chủ; khi ấy họ chú trọng xoa dịu đối phương (Dân chủ) và ít quan tâm đến quyền lợi của các cử tri. Rốt cuộc, ngày càng có nhiều đảng viên Cộng hòa đòi các công ty xí nghiệp đóng góp nhiều hơn qua thuế; các nhà lập pháp da đen đòi ngưng thuê mướn tù nhân da đen. Từ đầu thập niên 1870 chương trình trợ cấp cho ngành hỏa xa phải tạm ngưng.

Có lẽ các phản ứng sẽ không gay gắt nếu chương trình trợ cấp của các tiểu bang đạt được mục tiêu đề ra từ lúc đầu. Tuy nhiên đảng Cộng hòa vẫn có thể khẳng định chương trình tái thiết của họ có hiệu quả so với chương trình tái thiết của Tổng thống. Từ năm 1868 đến 1872, hệ thông đường sắt ở miền Nam được khôi phục, với 3.300 dặm (5.280 km) mở thêm - gia tăng 40%.

Nhưng tiến bộ này chỉ có ở các bang Georgia, Alabama, Arkansas, và Texas. Những bang khác thì chưa được hưởng gì ngoài những món nợ khổng lồ. Hơn nữa, các bang có đường sắt phải gánh chịu các khoản chi phí xây dựng và điều hành cũng to lớn không kém. Năm 1872, ngành hỏa xa ở đây gần như phá sản. Trong khi ấy, công nghiệp vẫn như "giẫm chân tại chỗ", số công nhân nhà máy gia tăng không đáng kể vì chỉ có ít

nhà máy hoạt động, chủ yếu trong ngành chế biến nông sản. Chỉ từ 1880 mới có nhiều nhà máy dệt được xây dựng.

Mặc dù có những đạo luật mới khuyến khích, các nhà đầu tư từ phương Bắc và châu Âu vẫn chần chừ chưa tới miền Nam. Một bình luận viên ở New York nhận xét: "Những mối bất hòa xã hội đã biến miền Nam thành nơi chẳng nhà đầu tư phương Bắc hay châu Âu nào chịu bỏ ra dù chỉ một đô la".

Như thế, "cẩm nang tái thiết" thất bại ở cả hai mục tiêu: Không đạt được một chính quyền Cộng hòa với đa số ổn định; và không xây dựng được nền kinh tế hiện đại. Tuy nhiên trong nội bộ xã hội miền Nam, những đổi thay đang diễn ra sâu sắc, ảnh hưởng tới cộng đồng người da đen và người da trắng và mối quan hệ giữa hai cộng đồng này. Khởi đầu từ cuộc nội chiến và bãi nô, đời sống người dân miền Nam thay đổi một cách nhanh chóng hoặc chuyển hướng dưới sự cai trị của đảng Cộng hòa.

❖ MÔ HÌNH CẢI TỔ KINH TẾ

Trật tự xã hội được lập lại từ từ, cuộc canh tân kinh tế do các nhà kế hoạch Cộng hòa đề ra vẫn chưa tiến triển, miền Nam thời hậu chiến rơi vào tình trạng một vùng kinh tế chậm phát triển, tổng thu nhập đầu người kém xa trung bình cả nước. Sự xóa bỏ chế độ nô lệ cùng với sự mở rộng các hoạt động thị trường tạo nên những hệ thống lao động mới và các tầng lớp xã hội mới gồm người da đen lẫn người da trắng. Nền kinh tế miền Nam biến đổi trong bối cảnh một vùng rộng lớn bị chiến tranh tàn phá, cơ cấu lao động thay đổi và thiếu vốn. Thượng Nghị Sĩ Dân chủ Garret Davis bang Kentucky nói trước Thượng viện năm 1867: "Muốn trồng bông thì cần có lao động da đen". Đây là một nhận xét sai

lầm. Nông dân da trắng ở nhiều tiểu bang cũng trực tiếp trồng bông và không ngừng mở thêm diện tích, trong khi số lao động da đen canh tác bông giảm, từ 90% năm 1860 còn 60% năm 1876.

Khi cuộc nội chiến sắp chấm dứt, có dự báo ngành trồng bông sẽ vọt tăng "vì nông dân da trắng sẽ tham gia đông đảo và kinh doanh bông tương tự như các đối tác phương Bắc" nhưng sự việc diễn tiến không như dự báo. Đến giữa thập niên 1870 cơ cấu địa lý và chủng tộc của ngành sản xuất bông đã thay đổi. Diện tích trồng bông dịch chuyển đến những vùng sâu vùng cao và có khoảng 40% sản lượng bông là từ phía bờ tây sông Mississippi, chủ yếu do nông dân da trắng trồng.

Năm 1880, một phần ba nông dân da trắng tại các bang trồng bông canh tác dưới dạng lĩnh canh: thuê đất để trồng bông, trả bằng tiền hoặc sản phẩm. Họ không ưa thích hình thức lĩnh canh này nhưng phải chấp nhận vì không có vốn, và vì thị trường bông phát triển mạnh.

Nhờ hệ thống đường sắt và điện tín mở rộng các nhà buôn lẻ tại các thị trấn vùng sâu, vùng cao có thể trực tiếp liên hệ với thị trường rộng lớn ở miền Bắc, việc buôn bán không cần thiết phải qua các cảng biển trước đây độc quyền giao lưu thương mại ở miền Nam. Atlanta, thủ phủ bang Georgia, có đường sắt nối lên phương Bắc trở thành trung tâm thương mại bậc nhất, là nơi tập trung sản phẩm bông trồng trên vùng đất Piedmont của bang Georgia và là đầu mối phân phối hàng hóa từ phương Bắc. Nhờ có đường sắt, nhiều thị trấn nhỏ như Selma và Macon nhanh chóng trở thành trung tâm thương mại. Trong khi đó, nhiều thành phố cảng quan trọng trước chiến tranh như Charleston, Richmond, Savannah và Mobile nay kém nhộn nhịp, giao thương giảm thiểu. New

Orleans cũng chung số phận do St. Louis (bang Missouri) nay đã có thể buôn bán thẳng với vùng phía đông bang Texas.

Sự “tái thiết kinh tế ở vùng sâu, vùng xa” đặt nền móng cho sự hình thành giai cấp tiểu tư sản gồm nhà buôn, chủ ngân hàng, người xúc tiến mở mang đường sắt. Giai cấp mới này cũng chỉ có ít thực lực về tài chính; chủ yếu nhờ tín dụng và tài trợ của các ngân hàng và nhà buôn sỉ ở miền Bắc, nhưng ở miền Nam họ có lợi nhuận lớn nhờ ngành trồng bông phát triển. Tuy có một số chủ điền cũ chuyển qua kinh doanh, đa số doanh nhân có quan hệ chặt chẽ với miền Bắc hơn là với giai cấp quý tộc thời tiền chiến ở miền Nam. Đến cuối thời kỳ tái thiết đã hình thành ở miền Nam một giới trung lưu gồm nhà buôn, tá điền và nhà nông có xu hướng thương mại hóa.

Đời sống người da đen chịu ảnh hưởng rất nhiều của thành thị vì nơi đây có nhà thờ, trường học, hội đoàn, các phương tiện thông tin như báo chí,… và nhất là công ăn việc làm. Tuy vậy, cuộc sống người da đen vẫn ở mức thấp kém so với người da trắng. Phần đông người da đen lao động giản đơn hay lao động chân tay: giúp việc nhà, khuân vác, lao động không chuyên. Họ được trả lương thấp và ít có khả năng tích lũy tài sản. Hầu như không có người da đen nào trong giới chủ ngân hàng và lái buôn và một số ít thợ chuyên môn. Tuy số trí thức da đen (luật sư, bác sĩ, v.v.) có tăng dần trong thập niên 1870, khoảng một phần tư người da đen có việc làm tại các thành thị miền Nam là người lao động chuyên nghiệp và thủ công: thợ nề, thợ mộc, thợ đóng giày, thợ hớt tóc,… những “nghề bị người da trắng chê”.

Trên đỉnh cộng đồng da đen thành thị là một số ít người da đen lao động trí óc, không phải lao động chân tay. Ngay từ thời hậu chiến nhiều

người da trắng lai da đen giàu có ở Charleston, New Orleans và Natchez đã biết đưa khoa học kỹ thuật và vốn vào sản xuất kinh doanh. Họ là thành phần thượng lưu. Tuy nhiên, người da đen thuộc tầng lớp trên ở miền Nam thời hậu chiến cũng gặp ít nhiều khó khăn: sự cạnh tranh về lãnh đạo từ những nô lệ cũ và sự mất tính quan trọng của những thành phố lớn. Tại những thành phố vùng cao, vùng sâu như Atlanta và Montgomery, một giai cấp doanh nhân mới thành hình: những người da đen kinh doanh phục vụ đối tượng là người da đen. Họ thuộc giai cấp "tư sản da đen" có ít vốn, không sở hữu ngân hàng, xí nghiệp, nhà máy, chỉ làm chủ những cơ sở kinh doanh nhỏ như tiệm tạp hóa, cửa hàng ăn uống, nhà trọ, v.v.. Khi những doanh nhân da đen này tích lũy được vốn họ thường chuyển qua kinh doanh nhà đất thay vì lập nhà máy sản xuất hay thầu xây dựng.

Ở xã hội nông thôn, chủ điền vẫn là thành phần đứng *ở* tầng cao nhất. Tuy không còn chế độ nô lệ, hệ thống đại đồn điền vẫn tồn tại vì chưa có phân chia ruộng đất. Mức độ tồn tại này tùy thuộc loại cây trồng tại các tiểu bang phương Nam. Chiến tranh đã tàn phá nhiều đồn điền mía ở bang Louisiana; các chủ điền không có tiền phục hồi nên phải bán nhượng cho những nhà đầu tư đến từ phương Bắc. Năm 1870, trên phân nửa số đồn điền đã đổi chủ. Ở vùng đồng bằng chủ yếu là các đồn điền trồng lúa gạo cũng bị chiến tranh tàn phá nhưng chủ nhân lại không có khả năng phục hồi và thiếu lao động. Thêm nữa, nhiều vùng rộng lớn phía Tây sông Mississippi đã được khai phá để trồng lúa, làm nản lòng các nhà đầu tư bên ngoài. Không có biến đổi lớn với những đồn điền bông vải và thuốc lá.

Trước chiến tranh các chủ điền có ảnh hưởng lớn đến chính trị địa phương và có quyền hành nhất định. Sau chiến tranh, họ không còn ảnh hưởng đối với Washington và nhiều tiểu bang hầu như mất hết quyền lực. Giờ đây, sở hữu một đồn điền chưa phải là giàu có gì. Nguyên thống đốc bang Nam Carolina Milledge Bonham năm 1874 đã phải than; "Tôi chẳng còn ngẩng đầu nổi cho dù (tôi) có hai đồn điền trồng bông cỡ lớn và tốt nhất bang". Nhiều chủ điền phải gửi con cháu đi học ngành kinh doanh hoặc làm các nghề khác. Mối lo lớn nhất của các chủ điền lúc này là thiếu lao động. Năm 1869, hai nhà môi giới ở Boston gửi câu hỏi thăm dò về điều kiện canh tác ở miền Nam thời hậu chiến. Câu trả lời hầu như chỉ nói về vấn đề lao động: "Mọi sự đều tốt nếu vấn đề lao động được giải quyết", một chủ điền ở bang Georgia trả lời. "Vì hiện nay lao động là vấn đề rất bấp bênh và không chắc chắn; rất khó có được hợp đồng (lao động) thỏa đáng".

Đảng Cộng hòa cầm quyền làm thay đổi cán cân quyền lực ở nông thôn miền Nam. "Đã thiếu vốn mà còn gặp phải khó khăn về lao động", một nhà cải cách nông nghiệp ở bang Nam Carolina nhận định năm 1871. Thiếu lao động vì rất ít người da đen được tự do không muốn tiếp tục làm việc tại đồn điền, và những người chịu ở lại thì tỏ ra bướng bỉnh, rất khó quản lý. Báo *Southern Argus* ở Selma viết: "Không còn có thể kiểm soát nổi người lao động da đen nữa!"

Tờ *Annual Cyclopedia* trong số phát hành cuối năm 1869 có bài bình luận về "thời kỳ chuyển tiếp kinh tế các bang phía Nam", cho biết nhiều mô hình về quan hệ lao động đã phát sinh trên các loại đồn điền nhưng nổi bật là ở các đồn điền trồng mía bang Louisiana còn tập trung nhiều nhóm lao động sau khi chế độ nô lệ chấm dứt. Vốn đầu tư từ phương

Bắc tiếp tục đổ về để cứu vãn nền công nghiệp mía đường, tập trung nhiều nhất tại các giáo xứ chuyên trồng mía. Cùng với sự phế bỏ chế độ chủ điền cũ, nguồn vốn trên giúp chuyển tiếp nhanh chóng hệ thống lao động qua kiểu quan hệ lao động tư bản: lao động hưởng lương. Người lao động da đen giờ đây được nhận lương tháng hay tiền công ngày, bình quân cao hơn những bang khác, và còn có quyền sở hữu một mảnh đất nhỏ để trồng rau quả, nuôi gà vịt và gia súc. Nhưng vẫn chưa giải quyết được các tranh chấp phát sinh. Giới chủ nhân tiếp tục than phiền thiếu lao động nhất là vào mùa thu hoạch, và người lao động yêu sách đòi tăng tiền công. Nhiều đồn điền đã không hoạt động bình thường và mãi đến năm 1890 sản xuất mới được phục hồi ngang bằng mức sản xuất năm 1861.

Chuyển đổi kinh tế ở vùng lúa gặp khó khăn phức tạp hơn khiến sản lượng lúa gạo kém xa mức đạt được trước chiến tranh. Những nông trường lớn bị chia cắt thành những thửa ruộng nhỏ bán lại hay cho người da đen thuê. Cuối cùng mô hình đa canh đã hình thành vì các gia đình da đen canh tác lúa để tự nuôi thân và hoa màu khác để bán cho người tiêu dùng; nhiều người da đen bỏ ruộng vườn đến các thành phố lớn như Charleston và Savannah để làm công. Mặc nhiên, người nô lệ được tự do vùng đồng bằng phía Nam đã thành công lập nên quan hệ lao động mới theo ý nguyện của họ.

Tình hình có khác trên các vùng chuyên canh bông vải và thuốc lá. Giới chủ điền vẫn giữ được đất đai và sớm tái lập sản xuất vì trồng những loại cây này không đòi hỏi nhiều vốn và nhiều lao động. Đồng thời cuộc tái thiết củng cố vị thế người da đen sẵn sàng gạt bỏ mọi hạn chế để được tự do lao động theo nguyện vọng. Nhưng chỉ một số ít gia

đình người da đen mua đất lập nông trại vì luôn gặp sự chống đối của các chủ điền da trắng. Năm 1876, chỉ 1/20 các gia đình da đen mua được đất. Điều kiện của họ nói chung vẫn kém hơn chủ điền da trắng: nông trại nhỏ hơn - nhiều gia đình không có đủ đất để canh tác tự nuôi thân, vì thế thẳng hoặc họ phải đi làm thuê để kiếm sống. Tiếp đến là nhóm người thuê đất của chủ điền da trắng; tiền thuê trả bằng tiền mặt hoặc sản phẩm (bông, thuốc lá). Đến cuối thời kỳ tái thiết ước tính có 20% nông dân da đen thuê đất để canh tác. Sau cùng là nhóm người da đen làm công, nhận tiền công hoặc chia sản phẩm. Mô hình lao động này không được giới chủ điền ưa thích vì “khó kiểm soát”. Một chủ điền da trắng “chê bai” kiểu hình lao động lĩnh canh; “Tôi miễn cưỡng chấp nhận vì nếu không tôi sẽ chẳng kiếm được ai làm việc cho tôi”.

Ở một mức độ nhất định, hình thức lĩnh canh giúp giải quyết vấn đề thiếu lao động ở nông thôn. Luật lệ do đảng Cộng hòa đặt ra xem người lĩnh canh (tá điền) là “đồng chủ nhân” của sản phẩm làm ra, chứ không phải là “người làm công hưởng sản phẩm” và chủ điền da trắng không còn quyền buộc lao động da đen phục tùng họ. Đây chính là điểm mấu chốt trong việc quân bình quyền lực ở nông thôn giữa người da trắng và người da đen, ở một mức độ nào đó người lao động da đen giờ đây được “làm chủ bản thân, tự quyết định công việc và thời gian lao động” là những thứ họ đã không thể có dưới thời nô lệ.

Đối với nhiều người da đen, hệ thống tín dụng đi kèm với chế độ lĩnh canh phần nào hạn chế tính tự chủ của họ. Thời kỳ này các cửa hiệu tạp hóa, bán lẻ mọc lên như nấm tại các thị trấn mới nổi. Một nhà báo ở bang Nam Carolina báo cáo: “Các tiệm tạp hóa mọc lên khắp nơi, ở hầu hết mọi giao lộ, trong các làng xóm và tại ga xe lửa”. Năm 1880, đã có

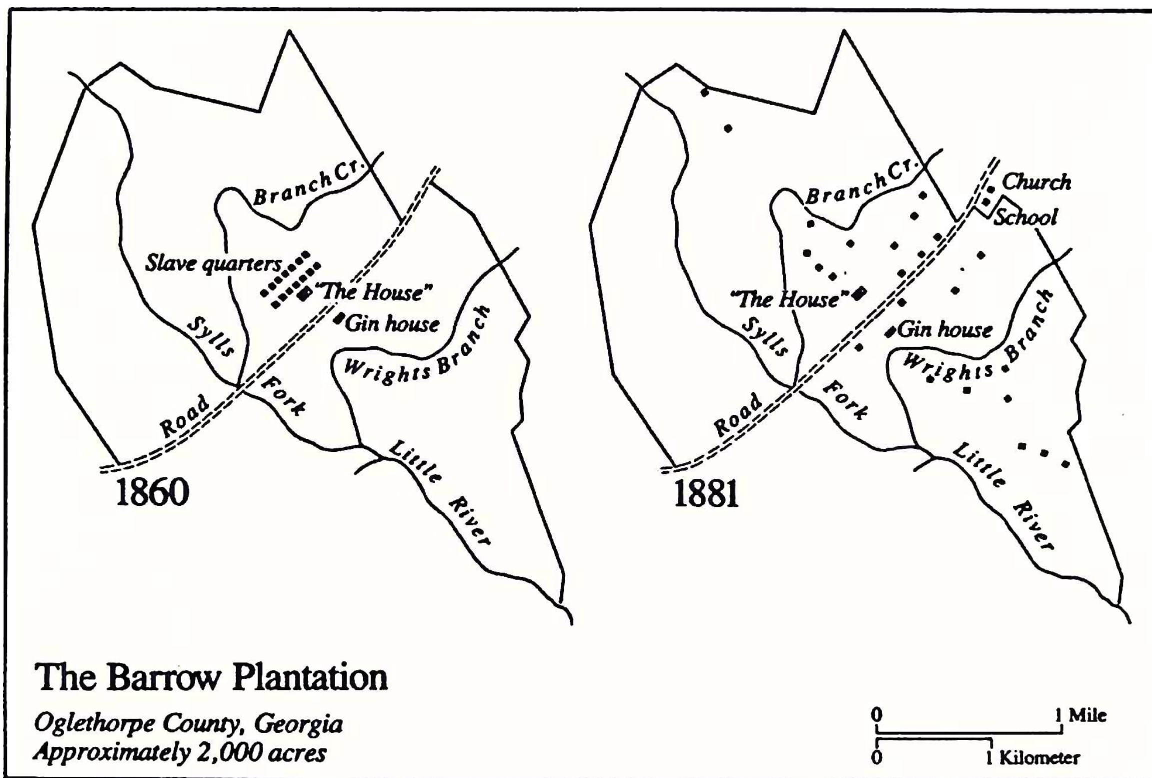
trên 8.000 cửa hàng bán lẻ ở vùng trồng bông miền Nam. Nhiều chủ điền cho mở tiệm bán tạp hóa ngay trên phần đất của mình; họ nói: "Bán hàng cho tá điền còn sinh lời nhiều hơn là cho thuê đất hoặc tự mình canh tác". Như vậy, ở thời kỳ tái thiết đã hình thành giới chủ đất - kiêm - chủ tiệm tồn tại đến cuối thế kỷ 19 trên vùng nông thôn MN.

Đối với tá điền (người thuê đất) da đen, việc tìm kiếm vật phẩm để cung cấp cho khách hàng củng cố tính độc lập của họ. Các thuận lợi khác: công việc không bị nhà buôn giám sát mỗi ngày; lợi nhuận cao, có khi trên 50%. Điều này cho thấy miền Nam thiếu hụt vốn và các nhà buôn ở nông thôn không có đối thủ cạnh tranh từ địa phương. Cũng có trường hợp tá điền (da đen) vì kém hiểu biết bị con buôn gian lận. Do giá bông sụt giảm trong những năm 1870 nhiều tá điền không trả hết nợ khi thu hoạch ở năm trước phải trả tiếp ở năm sau, và để có thể vay mượn thêm vốn họ buộc phải gia tăng sản xuất. Một cư dân bang Mississippi cho biết: "Hệ thống tín dụng trói buộc nông dân (tá điền) vào việc sản xuất bông đến mức sản phẩm đã được bán ngay trước vụ mùa gieo trồng, và mọi người chỉ còn biết có cây bông, không còn nghĩ tới loại cây nào khác". Và cũng do hệ thống tín dụng này nhiều chủ điền ở vùng sâu vùng xa đã mặc nhiên biến thành tá điền và nông dân da đen không còn có thể thuê mướn đất hoặc nhận đất lĩnh canh.

Như tất cả các hệ thống lao động hình thành trong thời kỳ tái thiết ở miền Nam, mô hình lĩnh canh, cấy rẽ thường xuyên biến thái từ những tranh chấp về lao động ở các đồn điền. Chỉ sau lần suy giảm ở những năm 1870 và công cuộc tái thiết chấm dứt, người lao động da đen mất đi thế mạnh để mặc cả thuê mướn đất. Tuy vậy, họ cũng bắt đầu "ăn nên làm ra" nhờ bông vải có giá trên thị trường. Một tờ báo của đảng Cộng

hòa ở bang Mississippi cho biết “lao động da đen được trả lương cao hơn trước; nhiều người đã gửi tiết kiệm ở Ngân hàng Freedman’s Savings Bank và ngày càng có nhiều tá điền kiêm luôn chủ nợ. “người da đen đã khá giả hơn bao giờ hết. Họ có tiền để mua sắm ở các cửa tiệm”.

Năm 1872, báo chí loan tin cái chết của Maurice Jasper, người hầu nô lệ cuối cùng còn sống sót của cố Tổng thống George Washington. Cha mẹ Jasper từ châu Phi đến Mỹ hồi cuối thế kỷ 18 và Jasper đã sống và chứng kiến cuộc “Cách mạng lần 2”. Ông mất đúng lúc thời kỳ đầu của cuộc tái thiết Cộng hòa sắp chấm dứt. Đây là thời kỳ có nhiều thành tựu và thất bại về mặt chính trị, xã hội và kinh tế. So sánh với các chính quyền tiền nhiệm, chính quyền thời kỳ này đã có những thành quả đầy ấn tượng. Lần đầu tiên trong lịch sử Hoa Kỳ có một chính phủ do dân bầu với đủ hai màu da trắng và đen. Tại các bang miền Nam, có những người nô lệ vừa được giải phóng nay đã đi bỏ phiếu và ngồi trên ghế bồi thẩm trong các phiên tòa; họ có quyền hành ngày càng lớn rộng ở cấp tiểu bang trong khi tập đoàn đầu sỏ bảo thủ đã từng thống trị miền Nam từ thời thuộc địa đến năm 1867 thì bị loại bỏ. Nhiều tiện nghi công cộng được xây dựng và mở rộng, trường học được thành lập, luật thuế được canh tân. Diễn ra trong thời kỳ chuyển tiếp từ chế độ nô lệ qua thể chế tự do, cuộc tái thiết ngay từ lúc khởi đầu đã tìm cách đưa một trật tự lao động mới thay thế chế độ cưỡng bách lao động thời nô lệ và cho người da đen quyền mặc cả tiền công lao động ở các đồn điền. Một luật sư da trắng ở bang Nam Carolina năm 1871 nhận định: “Chúng ta vừa trải qua một cuộc đổi thay khác thường nhất trong quan hệ giữa người và người mà cả thế giới đều biết”.



Nổi bật nhất là ảnh hưởng của sự đổi thay này đối với người nô lệ được tự do. Công cuộc tái thiết làm thay đổi đời sống và nguyện vọng của họ. Một nhà báo phương Bắc năm 1873 nhận định: "Thật khó có thể tin nhiều người da đen ở đây nguyên là nô lệ chỉ một vài năm trước thì nay đã hành xử như những cá nhân có đủ quyền lợi và nghĩa vụ của một công dân Hoa Kỳ. Họ hiểu rõ điều kiện mới và phô trương tính độc lập của mình". Dĩ nhiên, cuộc "Cách mạng lần 2" này đã không được hoàn toàn, người da đen vẫn còn nghèo khổ, và giai cấp thông trị cũ vẫn tồn tại, tỏ ra thù nghịch với những điều gì mới. Nhưng cuộc tái thiết còn diễn tiến thì nhiều đổi thay sẽ còn xảy ra.

Không có sự kiện nào có thể làm xã hội xáo trộn bằng một cuộc cách mạng nửa vời. Chương trình tái thiết đề ra có thể không đúng với những nguyện vọng xa vời của đảng Cộng hòa nhưng những thành quả của nó

khiến những kẻ đã từng nắm vận mệnh miền Nam tin rằng nó sẽ có một kết cục bạo tàn không thể tránh được.



SỰ THÁCH ĐỐ CỦA VIỆC THỰC THI PHÁP LUẬT

❖ SỰ CHUYỂN HƯỚNG MỚI VÀ TỰ CỨU CHUỘC LẦN ĐẦU

Nếu những người Cộng hòa phương Nam phải đối đầu với những xung đột bè phái, ý thức hệ và chủng tộc thì đối thủ của họ thuộc đảng Dân chủ cũng có những vấn đề riêng. Sau khi tướng Grant toàn thắng và công cuộc tái thiết được coi là một việc đã rồi, đảng Dân chủ phía Nam gặp khủng hoảng về tính hợp pháp của họ. Họ cần phải cho phương Bắc hiểu họ đấu tranh cho một cái gì đó hơn cả việc trở lại chế độ cũ. Trong khi đó, ngày càng có nhiều lãnh tụ Dân chủ thừa nhận không thể chối bỏ thực tế là người da đen được quyền bỏ phiếu và nắm giữ những chức vụ trong chính quyền địa phương. Những đảng viên này cổ xúy cho một hướng đi mới, họ nói để đảng có thể trở lại nắm quyền hành thì cần quên đi cuộc nội chiến và công cuộc tái thiết. Như vậy, đảng Dân chủ cũng như đảng Cộng hòa đều công bố tính hiện thực và điều độ của mình và hứa làm dịu bớt sự căng thẳng giữa các chủng tộc.

Lần đầu tiên đảng Dân chủ trở lại sinh hoạt chính trị vào năm 1869 nhưng thay vì đề cử ứng viên vào những chức vụ chủ chốt của tiểu bang thì họ liên kết với những người Cộng hòa “ly khai” để mở chiến dịch đòi

trả lại quyền bầu cử cho các viên chức trong Liên minh miền Nam trước đây; họ không chống phá người da đen được quyền này. Ở bang Virginia đảng Dân chủ hỗ trợ Gilbert Walker, một nhà tài phiệt và kỹ nghệ gia Cộng hòa từ miền Bắc, thắng cử thống đốc. Ở bang Tennessee, Thống đốc DeWitt Senter tái đắc cử nhờ nỗ lực hòa giải hai đảng. Tại bang Missouri, những người Dân chủ liên kết với những người Cộng hòa Tự do với cương lĩnh “Ân xá toàn bộ và phổ thông đầu phiếu”.

Tại những bang khác, đảng Dân chủ chấp nhận công cuộc tái thiết như là một “cứu cánh” nhưng không lập thành tổ chức hỗn hợp giữa hai đảng và không ủng hộ những người Cộng hòa bất mãn. Robert Lindsay, thống đốc đắc cử bang Alabama tuyên bố đảng của ông (Dân chủ) đã từ bỏ những vấn đề về màu da, chỉ tập trung về kinh tế và công khai “ve vãn” cử tri da đen. Benjamin Hill, một đảng viên Dân chủ trước năm 1867 đã từng chống đối kịch liệt việc người da đen được quyền đi bầu nay sẵn sàng thừa nhận. Thay vì chống đối người da đen hòa nhập, đảng Dân chủ nay tập trung chỉ trích đảng Cộng hòa về những vấn đề kinh tế. Ở nhiều bang miền Nam, đảng Dân chủ tổ chức các “Hội nghị người nộp thuế”; trên diễn đàn họ tố cáo sự tham nhũng và chi tiêu hoang phí của chính quyền Cộng hòa, đòi cắt giảm thuế và chi tiêu của tiểu bang.

Không những đòi chính phủ tiểu bang cắt giảm chi tiêu ngân sách, người Dân chủ còn đòi không dùng tiền thuế cho các đề án phúc lợi xã hội như xây dựng và điều hành trường học. Họ kêu gọi trao quyền hành cho những “chủ tài sản thông minh”, có nghĩa là loại bỏ nhiều người da trắng khỏi chính quyền và mặc nhiên không cho người da đen tham gia các hoạt động chính trị ngoại trừ quyền bỏ phiếu.

Ngoài mặt tỏ vẻ chấp nhận quyền chính trị và dân sự của người da đen nhưng trong thâm tâm những người theo đảng Dân chủ thỉ chỉ muốn “loại bỏ cái quyền bầu cử của bọn da đen” và dẹp tan các tổ chức chính trị độc lập. Hội nghị người nộp thuế ở bang Nam Carolina kêu gọi xóa tan những Hiệp hội Thống nhất.

Tại các cộng đồng do người Dân chủ kiểm soát, người da đen hầu như bị đôi xử tàn tệ, người da đen không được dự các phiên tòa xử, bị phạt nặng vì những tội bình thường, con cái họ buộc kéo dài thời gian học việc, … nói chung người da đen không được pháp luật bảo vệ.

Tại các bang miền Nam nằm về phía Bắc, Kentucky, Tây (West) Virginia, Maryland, Delaware, Missouri, đảng viên Dân chủ đều tỏ vẻ tuân theo các quy định của chương trình tái thiết vì ngại chính quyền Liên bang can thiệp nhưng mỗi nơi đều có cách thức áp dụng riêng, và đều thể hiện chủ trương của đảng là người da trắng làm chủ và kiểm soát vấn đề lao động. Những bang này vẫn còn phân biệt chủng tộc, tỷ như bang Delaware cho phép khách sạn, rạp hát, các phương tiện vận tải từ chối cung cấp dịch vụ cho những ai gây “khó chịu” cho khách hàng khác. Những người Dân chủ ở bang Tennessee bãi bỏ các sắc luật phạt công ty hỏa xa kỳ thị người da đen nhưng lại ban hành luật buộc phân biệt chủng tộc tại các trường học công lập. Luật này sớm bị thu hồi và được thay thế bởi một sắc luật khác cho phép các hạt, quận tự quyết định tổ chức, và không tổ chức giáo dục công cộng cho học sinh da đen ngoại trừ ở hai thành phố Memphis và Nashville. Các bang Kentucky, Maryland và Delaware cho phép các trường thu nhận học sinh da đen nhưng buộc phụ huynh nộp thuế để tài trợ cho trường.

Bất chấp việc Quốc hội thông qua Tu chính án 15 nghiêm cấm việc tước quyền bầu cử của công dân vì lý do chủng tộc, các đảng viên Dân chủ ở các bang tiếp giáp với miền Bắc luôn tìm cách hạn chế quyền bầu cử của người da đen. Năm 1873, đảng Dân chủ ở bang Delaware nói rằng tiểu bang không bị ràng buộc bởi những sửa đổi hiến pháp sau chiến tranh và ấn định một khoản thuế bầu cử, mặc nhiên không cho đại bộ phận dân da đen được phép đi bầu. Điều luật này tồn tại hơn 20 năm với đảng Dân chủ cầm quyền tại địa phương. Với hiến pháp ban hành năm 1867, bang Maryland hướng về các quận hạt có nhiều đồn điền; “Bằng cách tước quyền bầu cử của người da đen - đa số ở thành phố Baltimore và các vùng nông thôn ở phía Bắc và phía Tây - chính quyền tiểu bang Maryland là một chính quyền của một số ít người da trắng cai trị nhiều người da trắng khác”, là lời chỉ trích từ nhiều phía.

Bang Georgia là bang chống đối chương trình tái thiết mạnh mẽ nhất, ở đây cơ quan lập pháp do đảng Dân chủ thống trị từ năm 1870, năm sau lại có một thống đốc Dân chủ. Tiểu bang đặt ra thuế bầu cử và đòi cử tri phải có giấy đăng ký nơi cư trú; hạn chế đông đảo cử tri da đen. Thêm nữa, các đại biểu Cộng hòa ở Hội đồng thành phố bị gạt ra ngoài vì các cuộc bầu cử không còn ở cấp phường lên mà là ở cấp thành phố”. Cơ quan lập pháp bang cũng đã chọn một người Dân chủ để thay thế đại biểu Tunis Campbell (Cộng hòa) tại hạt McIntosh. Ngoài ra, Campbell còn bị tù khổ sai trong một năm vì khi ông còn là chánh án tòa hòa giải đã tống giam một tội phạm da trắng. Tiểu bang cũng đưa ra nhiều biện pháp kìm chế người da đen như không được phép buôn bán nông sản ban đêm nếu không được chủ điền chấp thuận; thuê mướn lao động đã có hợp

đồng với chủ điền khác là tội hình sự; hạn chế săn bắn và câu cá; củng cố luật lệ về hàng rào nhằm hạn chế lao động không sở hữu đất đai.

Thêm nữa, những người chống đối chương trình tái thiết không từ bỏ những biện pháp bạo lực để đối phó với chính phủ Cộng hòa ở các bang miền Nam.

❖ KU KLUX KLAN

Bạo lực đã xảy ở nhiều nơi khắp miền Nam từ năm 1865 nhưng thật sự bùng nổ kể từ khi cuộc tái thiết cấp tiến được mở rộng. Năm 1870, nhóm Ku Klux Klan và các tổ chức tương tự như “Hiệp sĩ Hoa trà trắng” và “Tình huynh đệ da trắng” tung hoành khắp các bang miền Nam. Nhóm Ku Klux Klan nguyên là một tổ chức vũ trang phục vụ lợi ích cho đảng Dân chủ, quyền lợi các chủ điền và những ai mong muốn người da trắng thống trị. Tổ chức có mục đích chính trị là phá vỡ cơ cấu của đảng Cộng hòa ở miền Nam, hủy hoại công cuộc tái thiết, tái lập quyền kiểm soát lao động da đen và phục hồi sự lệ thuộc của người da đen trong mọi vấn đề.

Bạo lực chủ yếu nhắm vào các nhà lãnh đạo cuộc tái thiết ở địa phương. Emanuel Fortune, bị lôi ra khỏi nhà ở Jackson County, bang Florida nhưng ông không bị giết, về sau ông nhận định là nhóm Klan có chủ đích tiêu diệt những thủ lĩnh trong đảng Cộng hòa. Jack Dupree, chủ tịch hội đoàn Cộng hòa ở Monroe County, Bang Mississippi bị những kẻ tấn công cắt cổ và mổ bụng trước mắt người vợ vừa mới sinh đôi. Nhiều đảng viên Cộng hòa khác phải bỏ nhà chạy trốn sau khi bị đánh đập tàn bạo. Nạn nhân của các băng đảng tội ác không chỉ là những người da đen mà còn có nhiều người da trắng, thường là scalawags. Ba người scalawags bị giết ở bang Georgia và hơn 10 người khác phải bỏ

nhà đi lánh nạn. Ở phía Tây bang Nam Carolina, bọn Klan tìm những người theo Liên bang trong thời chiến và đánh đập họ. Chúng đốt tòa soạn báo *Star* ở Rutherford và đánh đập dã man Aaron Biggerstaff, người được phong danh hiệu "Anh hùng nước Mỹ" và là nhà tổ chức của đảng Cộng hòa.

Đôi khi bạo lực không chỉ diễn ra với một vài cá nhân mà tấn công cả đảng Cộng hòa và những lãnh tụ của đảng. Tháng 10 năm 1870, sau khi đảng Cộng hòa thắng ở Laurens County trong vùng trồng bông của bang Nam Carolina, một cuộc cãi vã xảy ra ở thị trấn Laurensville sau đó bọn người da trắng đã tấn công 150 người da đen được tự do và giết chết 13 người trong đó có một người da trắng vừa trúng cử thẩm phán và một đại biểu da đen.

Mục tiêu của nhóm Ku Klux Klan nhiều khi còn đi quá lý do chính trị. Năm 1870, William Luke, một giáo viên gốc Ai-len cùng với bốn người da đen bị treo cổ ở Cross Plains, bang Alabama. Những người da đen có học thường là đối tượng khủng bố của Klan. Tại Georgia, Washington Eager bị giết chết vì "… hắn biết đọc và biết viết phát biểu suy nghĩ của mình". Bọn Klan còn tìm đủ mọi cách xua đuổi người lao động da đen vì "không muốn thấy họ phát triển". Tới mùa gặt hái, chúng đến các đồn điền do chủ da trắng sở hữu và xua đuổi, đánh đập những người da đen thuê đất hay canh tác ăn chia sản phẩm với chủ điền (lĩnh canh). Những lao động da đen làm cho ngành đường sắt ở Nam Carolina cũng bị bọn Klan đánh đập và buộc trở về đồn điền.

Thông thường bọn Ku Klux Klan hoạt động tập trung tại các hạt vùng Piedmont là những nơi có ít người da đen sinh sống và hai đảng có số người cảm tình tương đương. Tuy nhiên, không có quy luật nhất định

về sự tập trung gây tội ác của Ku Klux Klan. Hầu như chúng không bén mảng tới những nơi có đông người da đen ở bang Nam Carolina và vùng đồng bằng bang Georgia; ngược lại, chúng hoành hành tác yêu tác quái ở miền Tây bang Alabama, nơi có nhiều đồn điền. Theo lời kể của Chánh án Albion Tourgee, một carpetbagger, trong hạt do ông quản lý ở bang Bắc Carolina đã xảy ra 12 vụ giết người, chín vụ hiếp dâm, 14 vụ đập phá tài sản (của người da đen) và trên 700 vụ đánh đập. Nhưng khủng khiếp nhất là tại hạt Jackson, bang Florida, bọn Ku Klux Klan đã giết hại trên 150 người trong đó có các lãnh tụ da đen và một nhà buôn gốc Do Thái, Samuel Fleis. Ông này bị chúng kết tội “buôn bán sòng phẳng với người da đen”.

Tháng 10 năm 1870, đảng Cộng hòa thắng thế các cuộc bầu cử hội đồng hạt ở bang Nam Carolina nhưng một loạt những vụ khủng bố nổ ra. Ở hạt York chẳng hạn, hầu như tất cả nam công dân da trắng đều theo bọn Ku Klux Klan để khủng bố: chúng giết 11 người và đánh đập hằng trăm người khác. Suốt mấy tháng sau, nhiều người da đen đã phải trốn vào rừng khi đêm xuống để tránh bị tấn công.

Một số sử gia cho rằng chiến dịch khủng bố tàn bạo của bọn Ku Klux Klan là do nỗi lo sợ và thành kiến của những người da trắng nghèo khổ. Sự thật không phải vậy. Mặc dù đa số thành viên Ku Klux Klan là những nông dân và người lao động da trắng - thường là các thanh niên hay đi bố ráp vào ban đêm - nhưng cũng có những “công dân đáng kính” giữ nhiệm vụ tham mưu và cùng tham gia tội ác. Abram Colby, một đại biểu da đen ở bang Georgia, nhận mặt trong số 65 tên Klan tấn công ông có một luật sư và một bác sĩ. Trong nhóm Hiệp sĩ Hoa trà trắng có nhiều mục sư và những “chức sắc” trong cộng đồng. Tờ *Star* ở Rutherford

nhận định: “Ku Klux Klan không phải là băng đảng của bọn cặn bã xã hội như đảng Dân chủ thường rêu rao mà gồm nhiều ‘công dân đáng kính’, người giàu có…”.

Ku Klux Klan thường hoạt động khủng bố ở những hạt do đảng Dân chủ cầm quyền được nhiều viên chức chính phủ địa phương ủng hộ hoặc bao che. Ngay cả những nơi đảng Cộng hòa chiếm ưu thế thì luật pháp cũng bị vi phạm nặng nề. Nếu có vị cảnh sát trưởng nào gạt bỏ nỗi sợ hãi và thực thi luật pháp, bắt giữ những kẻ tình nghi thì cũng gặp bọn đồng lõa chưng ra bằng chứng ngoại phạm. Phải nói là bọn Ku Klux Klan được hậu thuẫn của cộng đồng nơi chúng tác yêu tác quái. Nhiều phụ nữ da trắng may quần áo, mũ trùm đầu cho bọn Klan đi khủng bố. Nhiều người tuy không thuộc tổ chức nào nhưng vẫn cho rằng bạo lực chống người da đen không phải là tội ác.

Đôi lúc những tổ chức bảo vệ luật pháp hoặc của người da đen cũng thành công trong việc ngăn chặn bọn Ku Klux Klan. Ở hạt miền núi Blount, bang Alabama, nhóm cựu quân nhân da trắng trong quân đội Liên bang lập ra hội “chống bọn Ku Klux Klan”, ngăn bọn khủng bố đánh roi, đốt phá nhà thờ và trường học của người da đen. Tại Bennettsville, bang Nam Carolina, nhiều nhóm người da đen tự vũ trang và đi tuần trên các đường phố để ngăn chặn bọn Ku Klux Klan tấn công.

Những người phương Bắc thắc mắc tại sao đảng Cộng hòa ở miền Nam lại để cho bọn khủng bố tác yêu tác quái như vậy. Câu trả lời là do tàn dư của chế độ nô lệ. Dân biểu Quốc hội Jeremiah Haralson, một nô lệ được trả tự do năm 1865, nói: “Người da màu tất cả đều sợ người da trắng. Họ lớn lên trong nỗi sợ sệt này”.

Người da đen sợ sệt là vậy mà người da trắng theo đảng Cộng hòa thì lại e ngại phạm luật pháp. Họ không dám dùng bạo lực chống lại bọn khủng bố, cũng không biểu tình bạo động chống lại người theo đảng Dân chủ ở những nơi bỏ phiếu. Một đại biểu da đen ở bang Georgia nói: "Chúng tôi có thể đốt phá nhà thờ và trường học của họ nhưng chúng tôi không làm vì không muốn vi phạm luật pháp. Chúng tôi chỉ muốn được sống yên ổn theo pháp luật".

Những tổ chức vũ trang chống lại bọn Ku Klux Klan cũng có nhiều khó khăn. Nhiều người da đen tự do ở nông thôn tự trang bị vũ khí nhưng họ chỉ có loại súng săn bắn đạn ghém, so với loại súng trường Winchester tối tân và súng lục của bọn Klan thì kém xa. Tuy nhiều người da đen đã từng phục vụ trong quân đội Liên bang nhưng chỉ là số ít so với những người da trắng được huấn luyện sử dụng súng khá thuần thục. Một viên chức Cộng hòa ở Alabama nhận xét: "Sẽ là điều tự sát cho người da đen nếu họ vũ trang, bạo động chống lại người da trắng". Nhận xét này đúng với sự thật, ít nhất tại bang Louisiana vào năm 1873.

Trong cuộc bầu cử thống đốc năm 1872, cả hai đảng đều ngang nhau số phiếu. Tại họ đạo Grant, những người da đen lo ngại đảng Dân chủ thắng cử nên đã bao vây tòa nhà chính phủ ở thị trấn Colfax. Họ đào hố đắp mô dưới sự chỉ huy của các cựu binh sĩ và dân quân da đen. Họ cầm cự được ba tuần lễ nhưng ngày chủ nhật lễ Phục sinh, họ bị những người da trắng vũ trang súng trường và một khẩu đại bác đánh bại. Một vụ thảm sát bừa bãi đã xảy ra; nhiều người da đen bị giết dã man kể cả 50 người đã giương cờ trắng xin đầu hàng. Phía những người da trắng tấn công có hai người thiệt mạng.

Vụ tàn sát đẫm máu ở Colfax là vụ tồi tệ nhất trong thời kỳ tái thiết miền Nam; và người da đen hiểu ra họ không thể thắng nếu dùng bạo lực chống lại bạo lực.

Tất nhiên, trách nhiệm dẹp tội ác không thuộc về các nạn nhân mà là chính quyền tiểu bang. Những người Cộng hòa phương Bắc khuyến cáo các đảng viên phương Nam: “Hãy mang bàn tay sắt!”

Ít nhất trên giấy tờ chính phủ Cộng hòa dùng biện pháp mạnh chống lại bọn khủng bố, nâng hình phạt về những tội như tấn công, giết người, âm mưu gây rối bạo động và cho phép bắt giữ những thành viên Ku Klux Klan, buộc các hạt phải đền bù thỏa đáng cho những nạn nhân các cuộc bạo động của người da trắng. Thế nhưng những viên chức Cộng hòa lại tỏ ra ngại ngùng khi thực thi các quy định luật pháp này. Họ ngại làm cho người da trắng nổi giận khi các lực lượng dân quân da đen được vũ trang và khả năng một cuộc chiến chủng tộc sẽ nổ ra. Hơn nữa, họ muốn có hậu thuẫn của người da trắng miền Nam và chứng tỏ đảng Cộng hòa ôn hòa.

Tại miền Nam, các vị thống đốc đều tìm cách ổn định trật tự qua sự hòa giải các bên. Những nơi có được sự hậu thuẫn của số đông người da trắng theo đảng Cộng hòa thì họ “mạnh tay” hơn. Thống đốc William Brownlow thành lập đội dân quân với đa số là những người theo Liên bang ở miền Đông bang Tennessee; năm 1869, ông tuyên bố tình trạng thiết quân luật ở chín hạt xảy ra bạo động nhiều nhất. Lệnh này đã ngăn chặn các hoạt động của Ku Klux Klan. Tại bang Arkansas, Thống đốc Powel Clayton đặt 10 hạt trong tình trạng thiết quân luật từ cuối năm 1868 và gửi các toán dân quân gồm cựu binh da đen và nhiều người scalawags. Những người bị tình nghi thuộc Ku Klux Klan bị bắt giữ đưa

ra tòa án binh; có ba tên bị xử tử hình; nhiều tên khác phải bỏ trốn khỏi tiểu bang. Đầu năm 1869, trật tự được vãn hồi và tổ chức Ku Klux Klan tại đây bị phá vỡ. Thống đốc bang Texas, Edmund Davis, cũng rất quyết liệt, ông cho tổ chức một đội cảnh sát tinh nhuệ gồm 200 người, 40% trong số này là người da đen. Từ 1870 đến 1872, đội cảnh sát này bắt giữ trên 6.000 người tình nghi, loại bỏ được bọn Klan ở tiểu bang này.

Thế nhưng hành động của hai vị thống đốc Clayton và Davis là vi hiến khiến cho những tên tội phạm trở thành nạn nhân đối với mọi công dân. Ở bang Bắc Carolina, Thống đốc William Holden sử dụng dân quân đã khiến chính phủ của ông bị hạ bệ. Năm 1870, Holden gửi lực lượng dân quân toàn người da trắng đến từ miền núi phía Tây tiểu bang, dưới quyền chỉ huy của một cựu sĩ quan quân đội Liên bang là tướng George Kirk, đến các hạt Caswell và Alamance để trấn áp tội phạm. Trên 100 người bị bắt giữ. Mặc dù hiến pháp tiểu bang không cho phép thống đốc ban hành lệnh thiết quân luật, Holden ra lệnh cho xử bọn tội phạm trước một ủy ban quân sự, chứ không phải là tòa án địa phương chịu ảnh hưởng của bọn Ku Klux Klan, bất chấp lệnh của vị thẩm phán tiểu bang đòi đưa ra xử trước một tòa án. Những đảng viên Dân chủ liền đưa vụ việc ra trước tòa án Liên bang, viện dẫn đạo luật buộc đưa ra tòa năm 1867 vốn được đưa ra để bảo vệ người da đen và những người da trắng theo Liên bang. Holden buộc phải trả tự do cho những người bị bắt giữ, chiến dịch chống bọn Ku Klux Klan thất bại, dẫn đến thắng lợi của đảng Dân chủ vào năm 1870.

Bạo lực thật sự đã ảnh hưởng tới chính trị của công cuộc tái thiết. Các nhóm Ku Klux Klan đã triệt hạ nhiều tổ chức Cộng hòa, giết hại hàng trăm đảng viên và cảm tình viên, tất nhiên các đảng viên da đen chịu

nhiều tai họa hơn đảng viên da trắng. Ngược lại, bạo lực đã liên kết mọi thành phần trong các cộng đồng người da đen, người giàu với kẻ nghèo, người tự do với người được tự do, tất cả đều kêu gọi chính quyền phải ra tay để tái lập trật tự. Người da trắng đã hành động trái ngược với những gì họ tự hào, là "văn minh" và "đạo đức". Robert Elliot, một chính khách kêu lên: "Hãy nhìn xem ai thật sự là kẻ mọi rợ".

Vì các băng đảng Ku Klux Klan hoạt động mạnh sau các cuộc bầu cử năm 1870, đảng Cộng hòa miền Nam một lần nữa kêu gọi Washington (chính phủ Liên bang) giúp đỡ.

❖ SỨC MẠNH TỪ BÊN NGOÀI

Ulysses Grant, vị Tổng thống phải đối mặt với bạo lực ở miền Nam, là người đã từng đưa ra khẩu hiệu "Hãy vì Hòa Bình". Tuy ông từng ủng hộ những chính sách tái thiết của đảng Cộng hòa, không ai có thể đoán ông sẽ hành động ra sao đối với miền Nam bị bạo lực hoành hành. Tháng 2 năm 1869 Quốc hội thông qua Tu chính án 15, nghiêm cấm chính phủ Liên bang và các tiểu bang cản trở quyền bầu cử của mọi công dân vì lý do chủng tộc. Khoảng một năm sau, Tu chính án này trở thành một phần của Hiến pháp Hiệp chủng quốc Hoa Kỳ.

Với người theo đảng Dân chủ, Tu chính án 15 là một "biện pháp cách mạng lớn nhất" từng được Quốc hội chấp thuận, một hành động của "bọn cấp tiến âm mưu đòi quyền bình đẳng cho bọn da đen và biến nước Mỹ từ một liên bang gồm nhiều tiểu bang thành một quốc gia tập quyền". Tuy vậy, Tu chính án không đề cập đến vấn đề nắm giữ chức vụ trong chính phủ và cũng không đặt ra những điều kiện về học vấn, tài sản, có thể gạt bỏ đa số người da đen khỏi cuộc bầu cử.

Sự thất bại của nỗ lực cho phép người da đen được nắm quyền xuất phát từ nỗi lo các đại biểu phương Bắc sẽ không thông qua Tu chính án. Trong khi đó, các bang miền Bắc vẫn giữ nguyên những điều kiện đối với cử tri. Ở miền Tây, người Trung Hoa không được quyền bầu cử. Theo Cornelius Cole, Thượng Nghị Sĩ đảng Cộng hòa bang California, "Đảng của chúng ta sẽ mất chỗ đứng nếu Tu chính án 15 thay đổi điều kiện này". Bang Pennsylvania đòi nộp thuế bầu cử; bang Rhode Island đòi những công dân gốc nước ngoài phải có tài sản trị giá 134 đô la; Massachusetts và Connecticut buộc cử tri phải biết chữ.

Còn một vấn đề khác gây tranh cãi rất mạnh là "phụ nữ". Đối với hai nhà tranh đấu cho phụ nữ là Elizabeth Stanton và Susan Anthony, Tu chính án là một trong nhiều sự "sỉ nhục" đảng Cộng hòa đã gây ra cho phong trào đòi quyền bình đẳng của phụ nữ.

Tuy nhiên, đối với nhiều nhà cải cách thì Tu chính án 15 là một sự kiện tiến bộ chấm dứt bốn thập kỷ xáo trộn vì vấn đề người da đen. Tháng 3 năm 1870, Hội đấu tranh chống nô lệ Hoa Kỳ tự giải tán vì họ đã hoàn thành sứ mạng. Nhưng nhiều người thận trọng thì cho rằng người da đen vẫn còn là nạn nhân của sự kỳ thị chủng tộc, cần được chính phủ quan tâm đặc biệt. Trong giới Cộng hòa có ý kiến cho rằng nên rút vấn đề người da đen khỏi chính trị. Vì người da đen nay được bình đẳng về mặt dân sự và về chính trị, họ không được đòi hỏi gì ở chính phủ Liên bang. Họ phải đối mặt với luật cạnh tranh của thị trường tự do. Một tờ báo ở bang Illinois viết; "Giờ đây người da đen là công dân và là cử tri. Hãy để cho họ tự tìm cơ hội trong cuộc sống".

Như tất cả đổi thay chính trị xã hội, cuộc Cách mạng Hoa Kỳ lần 2 xảy ra trong thời kỳ củng cố. Dần dà dư luận miền Bắc xoay qua những

vấn đề khác. Các nghị sĩ Cộng hòa thường nhận được thư nói về những vấn đề tiền tệ, thuế và phát triển nội bộ. Những người Cộng hòa miền Nam không còn được các tổ chức địa phương yểm trợ đã phải tìm nguồn tài trợ từ bên ngoài để phát hành báo chí và tung ra các chiến dịch. Họ nhận rất ít trợ cấp từ ủy ban Quốc gia đảng Cộng hòa.

Ở thủ đô Washington, người ta như muốn nói rất ít đến cuộc tái thiết miền Nam, một Thượng Nghị Sĩ đã cho một vị dân biểu từ bang Nam Carolina biết: Tại Quốc hội, các nghị sĩ miền Nam chỉ được phụ trách những công việc kém quan trọng và họ thường gặp khó khăn khi muốn lên diễn đàn.

Cũng vì các nghị sĩ miền Bắc vẫn xem miền Nam là vùng đất của bọn "phản loạn", nên không được chính phủ Liên bang cấp ngân sách rộng rãi. Quốc hội khóa 41 chuẩn chi cho miền Nam có 15% ngân sách dành cho việc phát triển nội bộ nhưng số tiền này dùng để mở mang đường sắt do những "nhà tư bản miền Bắc" thầu, một dân biểu bang Mississippi cho biết.

Hầu như tất cả đảng viên Cộng hòa còn tin rằng cần duy trì cuộc tái thiết nhưng không đề cập nhiều tới việc thay đổi ở miền Nam. Dân biểu da đen Benjamin Turner đưa ra một dự luật thành lập ủy ban cấp phát ruộng đất cùng với một bài diễn văn đầy cảm động nói về những nô lệ cũ đang lao động cật lực mà được hưởng ít quyền lợi; dự luật này không được đưa ra thảo luận để bỏ phiếu. Nhiều dự luật khác cùng chung số phận: Cục Bảo vệ sức khỏe Liên bang, Cục đường sắt Liên bang, vai trò của chính phủ Liên bang đối với giáo dục công cộng, và dự án quốc hữu hóa ngành điện tín. Quốc hội trở nên cấp tiến từ việc Andrew Johnson và những bang miền Nam không nhượng bộ trước những yêu sách của đảng

Cộng hòa hồi năm 1866 và sự khủng bố có tổ chức của Ku Klux Klan. Dân biểu John Sherman tuyên bố: “Tôi sẵn sàng kêu gọi huy động sức mạnh của quốc gia để một lần nữa đập tan cuộc nội chiến có tổ chức này”.

Năm 1870 và 1871, Quốc hội thông qua một loạt các đạo luật thi hành để đối phó nạn khủng bố bằng bạo lực. Luật cấm các viên chức chính phủ tiểu bang đối xử kỳ thị với cử tri về màu da, cho phép Tổng thống chỉ định các giám sát viên bầu cử với quyền truy tố trước tòa án Liên bang những vụ gian lận bầu cử, hối lộ, dọa nạt cử tri và âm mưu cản trở công dân thực thi các quyền hiến định. Luật Ku Klux Klan tháng 4 năm 1871 cho truy tố trước tòa án Liên bang những cá nhân phạm tội ác. Nếu tiểu bang nào không dùng biện pháp thích nghi để phạt những ai âm mưu cản trở công dân đi bầu, nhận nhiệm vụ trong chính quyền, bồi thẩm đoàn, hoặc được pháp luật bảo vệ thì một tòa án Liên bang sẽ đứng ra truy tố và có thể quân đội sẽ can thiệp, không cần phải tuân thủ luật buộc đưa tội phạm ra xét xử.

Đạo luật Ku Klux Klan là một chuyển biến mới trong chính sách của đảng Cộng hòa. Đạo luật về quyền công dân và những Tu chính án ban hành sau chiến tranh nhằm bảo vệ người da đen được tự do không bị tiểu bang trù dập nhưng lại giao các viên chức địa phương truy tố và phạt những tội ác do cá nhân gây ra. Giờ đây vi phạm luật quyền công dân và chính trị là một tội ác có thể bị tòa án Liên bang xử phạt.

“Quốc hội đã tiến thêm một bước”, tờ *The Nation* viết, “chẳng những để gia tăng quyền lực của chính phủ trung ương mà còn cho phép xử lý nhiều loại vụ án trước giờ chưa bị đưa ra pháp luật”.

Các đạo luật thi hành đưa ra để mở rộng quyền hành quốc gia từ sau cuộc nội chiến và được củng cố bởi các Tu chính án. Benjamin Butler nêu vấn đề: “Nếu chính quyền Liên bang không thông qua các luật bảo vệ quyền lợi, sự tự do và đời sống người dân Hoa Kỳ tại các tiểu bang thì những đảm bảo về quyền căn bản nêu trong Hiến pháp còn có ý nghĩa gì?”, đảng Dân chủ lên tiếng chỉ trích các đạo luật có tính ép buộc, đe dọa quyền tự do cá nhân. Vì khủng bố leo thang ở miền Nam, các nghị sĩ da đen tỏ ra ít quan tâm về việc tranh cãi những vấn đề trừu tượng trong Hiến pháp. Joseph Rainey nói: Tôi muốn những điều khoản rộng hơn và thoáng hơn để bảo vệ mọi công dân bình thường. Đừng nói với tôi là Hiến pháp không bảo vệ được cho những người dân của nước này”.

Theo các Tu chính án, cá nhân mọi công dân có quyền truy tố những kẻ tấn công họ nhưng việc trấn áp bạo lực thì do chính quyền Liên bang. Hai người thuộc đảng Cộng hòa miền Nam được cử giám sát việc thực thi các đạo luật; Amos Akerman, một luật sư sinh ra ở bang New Hampshire đã sống lâu năm ở bang Georgia, nhận nhiệm vụ Tổng chưởng lý; và Benjamin Bristow, một cựu quân nhân quân đội Liên bang từ bang Kentucky, làm cố vấn trưởng pháp luật. Cả hai người thúc đẩy việc thực thi những đạo luật mới với sự trợ giúp của Bộ Tư pháp vừa thành lập và nhiều cảnh sát Liên bang cùng các luật sư quận.

Vụ xử những tên Ku Klux Klan đầu tiên bắt đầu ngay từ đầu năm 1871 bất chấp ngân sách eo hẹp, khó khăn tìm bằng chứng, một số nạn nhân sợ bị trả thù nên không khai báo, và bị cáo thuê luật sư giỏi bào chữa. Mấy trăm người bị quân đội Liên bang bắt giữ ở bang Bắc Carolina và bị kết án; trong số này có tên thủ lĩnh Ku Klux Klan ở hạt Rutherford, Randolp Shotwell, lãnh án tù hai năm và bị giam ở nhà tù

Albemy, bang New York. Tại bang Mississippi, chính án Liên bang G. Wiley Wells kêu án đối với gần 700 tên. Riêng tại bang Nam Carolina, những điều khoản quân sự của các đạo luật thực thi được áp dụng. Năm 1871, Tổng thống Grant ban hành "tình trạng vô luật pháp" ở chín hạt thuộc vùng sâu và đình chỉ áp dụng luật buộc đưa ra tòa. Quân đội Liên bang chiếm lĩnh toàn vùng, bắt giữ hằng trăm tên tội phạm ngoại trừ khoảng 2.000 tên Ku Klux Klan trốn khỏi tiểu bang. Vị chưởng lý hứa tha, giảm tội cho những ai thành thật khai báo và tố giác các tên trùm Ku Klux Klan và cũng cho lập các phiên tòa với bồi thẩm đoàn là người da đen để xử những tên tội phạm ác ôn nhất. Nhiều tên đã nhận tội và bị án tù.

Các vụ xử án ở bang Nam Carolina đánh dấu bước tiến mới của chính quyền Grant đối với đường lối chính sách *ở* miền Nam trong đó Akerman giữ vai trò chủ yếu. Thêm nữa, Akerman cũng ra trước Quốc hội và nội các nói về sự bạo tàn của băng đảng Ku Klux Klan. Tuy số tội phạm bị bắt giữ và xử án tù còn quá ít so với số người bị truy tố, quyền lực quốc gia đã được thực thi nhưng đa số chính quyền tiểu bang đã tỏ ra bất tuân pháp luật Liên bang. Chính quyền địa phương tỏ ra bất lực hay không hợp tác, phải cậy đến chính quyền trung ương, và nhiều người Cộng hòa phía Nam chỉ còn biết trông đợi ở Washington để bảo vệ họ. Carpetbagger Albert Morgam nhận định: "Chỉ có quyền lực kiên định, không thay đổi từ bên ngoài mới đảm bảo công cuộc tái thiết ở miền Nam thành công". Liệu thứ quyền lực này có được thể hiện trong tương lai hay không còn tùy thuộc không chỉ những biến cố ở miền Nam mà còn cả những phản ứng của miền Bắc.

10

TÁI THIẾT MIỀN BẮC

Tương tự như miền Nam, miền Bắc chiến thắng sau cuộc nội chiến cũng phải trải qua những thay đổi lớn trong xã hội. Và nếu việc tái thiết miền Bắc ít mang tính "cách mạng" so với miền Nam thì tiến trình đổi thay do chiến tranh đem lại vẫn tiếp diễn trong thời bình. Nền kinh tế tư bản được củng *cố:* nhiều nhà máy mọc lên, nhiều hình dạng tổ chức công nghiệp, việc hoàn thành hệ thống hỏa xa, và sự khai trương đường sắt xuyên Mississippi về phía Tây (Trans-Mississippi West) để phục vụ khai thác khoáng sản, gỗ, lập nông trại chăn nuôi và trồng trọt với mục đích thương mại. Cấu trúc xã hội ở miền Bắc giống như ở miền Nam, cũng thay đổi trong những năm này. Giới công kỹ nghệ gia hùng mạnh và những nhà kinh doanh đường sắt được hình thành cùng với giới buôn bán thượng đẳng; con số các nhà chuyên môn và công nhân "cổ trắng" tăng vọt, và người công nhân tiêu biểu từ thợ thủ công độc lập chuyển sang người làm công hưởng lương. Trở về từ Anh quốc năm 1868, Charles Francis Adams và gia đình quá đỗi ngạc nhiên trước sự phát triển nhanh chóng của nền kinh tế công nghiệp thay thế cho nông nghiệp và thủ công. Hơn nữa, như ở miền Nam, sự thay đổi kinh tế xã hội làm

nảy sinh những yêu cầu đối với tiểu bang và làm thay đổi chủ đề bàn cãi về chính trị và phương thức tổ chức chính đảng. Từ quan hệ lao động đến chính sách đảng phái và thái độ đối với miền Nam sau chiến tranh, công cuộc tái thiết miền Bắc tác động đến mọi khía cạnh của cuộc sống.

❖ MIỀN BẮC VÀ THỜI ĐẠI VỐN TƯ BẢN

Cuộc bùng nổ kinh tế từ sau chiến tranh chỉ tạm chùng xuống khi hòa bình được tái lập nhưng nó nhanh chóng vượt lên lại. Năm 1873, sản lượng công nghiệp cả nước tăng 75% so với năm 1865 có kể luôn sự đình đốn kinh tế của miền Nam. Trong tám năm vừa kể, khoảng ba triệu di dân đến nước Mỹ, hầu hết đến định cư tại miền Bắc và miền Tây, với sức lao động của mình họ đã giúp nhanh chóng thành hình các khu đô thị như thành phố New York và những thành phố công nghiệp từ Paterson đến Milwaukee. Năm 1873, Hoa Kỳ đứng thứ hai sau Anh quốc về sản xuất công nghiệp và con số công nhân phi nông nghiệp đã vượt xa số nông dân; miền Bắc đã bắt đầu bước vào kỷ nguyên công nghiệp.

Nếu nhà máy sợi tượng trưng thời kỳ đầu của cuộc cách mạng công nghiệp thì ngành hỏa xa là hình ảnh thu gọn của trật tự tư bản đang trưởng thành. Giữa năm 1865 và 1873, 35 ngàn dặm (56.000 km) đường sắt được lắp đặt, nhiều hơn toàn bộ hệ thống đường sắt năm 1860. Hỏa xa mở ra những vùng rộng lớn làm nông nghiệp vì mục tiêu thương mại và nối liền các thành phố như Chicago và Kansas City với những vùng sâu vùng xa chủ yếu làm nông nghiệp. Đường sắt tiêu tốn một lượng vốn đầu tư khổng lồ, giúp phát triển hệ thống ngân hàng và thúc đẩy việc tập trung vốn trên thị trường ở Wall Street. Có ý nghĩa giống như việc hoàn thành hệ thống hỏa xa, sự phối hợp và củng cố đường sắt do các nhà tài phiệt phía Đông đã từng bước nuốt gọn những công ty nhỏ.

Dưới sự chỉ huy của Thomas Scott, công ty Pennsylvania Railroad lớn nhất cả nước đã tạo nên một đế quốc xuyên suốt lục địa bao gồm nhiều hầm mỏ và các hãng tàu viễn dương. Công ty PR với 6.000 dặm (9.600 km) đường sắt chỉ đứng sau hai nước là Anh và Pháp. Đường sắt đem lại sự giàu có cho những nhà kinh doanh nổi tiếng như Collis Huntington, James Hill và Jay Gould. Nó cũng là động lực quốc hữu hóa cho các nhà doanh nghiệp khác, nhờ làm giảm chi phí chuyên chở và tạo dựng một thị trường rộng lớn chỉ trong vòng một phần tư thế kỷ, và giúp cho Hoa Kỳ trở thành một quốc gia công nghiệp hàng đầu của thế giới.

Hơn bất cứ nơi nào khác, tư bản thâm nhập ồ ạt và nhanh chóng vào vùng Trans-Mississippi West. Khi cuộc nội chiến chấm dứt, biên giới về phía Tây nằm ngay trên bờ sông Mississippi. Xa hơn là cả triệu hecta đất đai màu mỡ và giàu khoáng sản, với hàng ngàn đàn bò hoang nhiều vô số kể, là nguồn cung cấp lương thực thực phẩm và vải mặc dồi dào cùng nơi trú ẩn cho khoảng 250.000 dân da đỏ. Đến khi tướng Grant rời chức vụ, đường sắt đã chạy qua vùng đồng bằng Lớn (Great Plains), nông dân và người chăn nuôi thay thế con bò hoang, đa số người da đỏ bản xứ tập trung trong các trại riêng, và mặc dù chiến tranh còn tồn tại đến khi cuộc thảm sát người Sioux xảy ra tại Wounded Knee năm 1890, thế giới của người da đỏ vùng Đồng bằng lớn đã chấm dứt. Ngay cả khi miền Nam vật lộn với việc phục hồi, một đế quốc nông nghiệp mới hình thành từ bang Minnesota, hai bang Bắc và Nam Dakota, Nebraska đến bang Kansas với dân số tăng nhanh từ 300 ngàn năm 1860 lên trên hai triệu sau 20 năm.

Miền Tây không đơn thuần về nông nghiệp. Nhiều khu mỏ và công nghiệp hỗn hợp mọc lên quanh Ngũ Đại Hồ và trong thung lũng Ohio, chế biến nông sản và đáp ứng yêu cầu về máy móc, sắt thép và than của

ngành đường sắt. Phát triển nhanh nhất là tại Chicago với khối lượng lớn nhất về hạt ngũ cốc, thịt, và gỗ; thành phố này đã trở thành một trung tâm lớn về đường sắt và công nghiệp, với rất nhiều nhà máy sắt thép, nông cụ và máy móc nông nghiệp, kể cả các nhà máy đóng gói thịt. Nhiều xí nghiệp đầu tư vốn rất lớn nhanh chóng được thành lập. Nghề chế biến gỗ ở bang Wisconsin và Michigan phát triển mạnh từ các xí nghiệp nhỏ năm 1860 sang những tổ hợp công ty dưới sự kiểm soát của các công ty tài chính miền Đông khai thác gỗ từ các cánh rừng bạt ngàn và nhà máy chế biến, xưởng cưa với sản lượng lớn hơn trước chiến tranh nhiều lần, và sử dụng nhiều đạo quân thợ cưa, thợ xẻ. Kỹ thuật khai khoáng từ phương Tây được vận dụng với vốn huy động từ miền Đông và châu Âu, nhanh chóng thay thế kỹ thuật thăm dò độc lập với các hầm mỏ nằm sâu trong lòng đất.

Cũng như ở miền Nam, cơ cấu chính trị miền Bắc chưa đủ trang bị để đáp ứng những yêu cầu về tài nguyên của các tiểu bang và những cơ hội tham nhũng do nền kinh tế tư bản lớn nhanh. Một lãnh tụ Cộng hòa bang Illinois nói: “Hành lang và phòng khách các cơ quan lập pháp luôn có những người đến vận động cho một công ty hay xí nghiệp nào đó”. Nhưng chính ở miền Tây chính trị phát triển giống như trong tái thiết miền Nam mới lộ ra cách quyết liệt, với các công ty hỏa xa, công ty khai thác gỗ và công ty hầm mỏ có ảnh hưởng lớn đến chính sách của chính phủ. Dưới thời Thống đốc Samuel Crawford, một luật sư từng gắn bó với công ty hỏa xa Union Pacific, cơ quan lập pháp bang Kansas trao hàng trăm ngàn hecta đất công cho ngành hỏa xa của tiểu bang. Tại bang Wisconsin, nhiều vị đại biểu lập hiến sở hữu chứng khoán hoặc giữ nhiệm vụ cố vấn cho các công ty khai thác gỗ và hỏa xa được tiểu bang

tài trợ. Tòa nhà chính phủ bang luôn tràn ngập các nhà vận động (lobbyists). Thống đốc Cadwallader Washburn mỉa mai: “Bọn này (lobbyists) cho thấy những cái xấu xa nhất của bản tính con người,… Và thử nhìn xem đa số các nhà lập pháp của chúng ta đang vật lộn để xí phần. Thật là nhục nhã!”.

Mối liên hệ gia tăng giữa những lãnh tụ đảng Cộng hòa và các công ty kinh doanh có lẽ rõ nét nhất ở ngay Thủ đô Washington. Ngay cả những chính khách nổi tiếng trong sạch nhất cũng dính dáng đến các phi vụ làm ăn. Thượng Nghị Sĩ Lyman Trumbull mỗi năm đều nhận một khoản tiền từ công ty hỏa xa trung ương bang Illinois. Những nhà làm luật ít thận trọng hơn thì phục vụ những công ty liên kết với đảng của họ. Công ty Central Pacific tặng cho Thượng Nghị Sĩ William Stewart bang Nevada 50.000 acres (20.000 ha) đất vì ông đã phục vụ cho Ủy ban của Pacific Railroad. Jay Cooke, chủ ngân hàng là “nhà tài phiệt trong nội chiến” và người ủng hộ chiến dịch tranh cử của Tổng thống Ulysses Grant, đã bảo lãnh cho căn nhà của chủ tịch Hạ viện, James Blaine, tại Washington. Cooke cũng nhường lại một khu đất rất giá trị cho Thống đốc bang Ohio, Rutherford Hayes với giá rất “hữu nghị”. Ngoài ra, ông còn dùng những nhà vận động hành lang nguyên là những con buôn chính trị như Benjamin Wade và Ignatius Donnelly.

Tương tự như các tiểu bang, chính quyền Liên bang cũng quan tâm đến những nguồn lợi của ngành hỏa xa và các công ty khác. Đạo luật Khoáng sản quốc gia năm 1866 trao hàng triệu hecta đất công cho các công ty khoáng sản để khai thác. Từ 1862 đến 1872, chính phủ cấp trên 100 triệu acres đất tương đương 1 triệu ha và nhiều triệu đô la cho các công ty xây dựng đường sắt, chủ yếu là đường sắt xuyên lục địa chính

phủ đã thuế trong và sau chiến tranh. Người ta nhất là dân da đen thấy có điều trái ngược giữa sự rộng rãi này với việc từ chối không cấp phát ruộng đất cho người da đen được giải phóng.

Như trong cuộc tái thiết miền Nam, sự tham nhũng dưới thời Tổng thống Grant bắt nguồn từ việc xúc tiến phát triển ngành đường sắt. Vụ tham nhũng nổi tiếng nhất là với Công ty Credit Mobilier, một công ty "làm vì" của những cổ đông trong Union Pacific xây dựng đường sắt đã đem lại lợi nhuận kếch xù. Credit Mobilier đã chia các cổ phần cho những nghị sĩ có thế lực. Sau khi một tờ báo tố giác vụ tham nhũng, Quốc hội cho mở cuộc điều tra và kết quả là hai nghị sĩ bị sa thải và nhiều viên chức chính phủ mang tai tiếng, có cả chủ tịch Hạ viện Blaine và hai phó Tổng thống của Tướng Grant: Schuyler Colfax và Henry Wilson.

Tuy nhiên sẽ là một sai lầm nếu buộc tội các nhà lập pháp về tội tham nhũng hoặc cho rằng việc "lobby" và hối lộ chính trị đưa đến sự ban cho rộng rãi của chính phủ. Niềm tin phổ biến về những lợi ích xã hội và những thuận lợi chính trị là điều có ý nghĩa nhiều nhất. Những tổ hợp công ty mới luôn liên kết với những nhóm khác để được hưởng những thuận lợi từ phía các tiểu bang. Tiểu bang trở thành chiến trường chẳng những cho các nhà thầu tìm kiếm lợi nhuận mà còn cho các chính khách cấp tiến, người da đen, và phụ nữ luôn trông đợi mở lên phía Bắc cuộc tái thiết xã hội và chủng tộc, cho các nông dân và công nhân muốn xóa bỏ sự không công bằng do sự phát triển nhanh chóng của chủ nghĩa tư bản, và cho giới trí thức muốn định nghĩa lại sự "cải cách".

❖ THAY ĐỔI CHÍNH TRỊ

Về một số mặt nhất định, quyền lực chính quyền ở miền Bắc cũng biến đổi giống như ở miền Nam. Chính quyền tiểu bang chăm lo y tế,

phúc lợi và giáo dục cho công dân, các thành phố lập nhiều công viên, cải thiện cung cấp nước và khí đốt. Chính phủ hoạt động tích cực ở những nơi đảng Cộng hòa chiếm đa số hoặc những người cấp tiến lãnh đạo đảng.

Bang Massachusetts nhờ có những người cấp tiến chi phối chính trị đảng Cộng hòa suốt thập kỷ 1860 đã lập ra các cơ quan phúc lợi xã hội, y tế công cộng và cảnh sát. Bang Michigan mở nhà nuôi trẻ mồ côi, người bệnh tâm thần, kẻ khuyết tật, người mù và câm điếc, cưỡng bách giáo dục, nghiêm cấm hành động tàn ác đối với thú vật, và lập cục cảnh sát tại thành phố Detroit do đảng Dân chủ lãnh đạo.

Bang New York dưới quyền Thống đốc cấp tiến Reuben Fenton đưa ra chương trình cải cách mạnh mẽ nhất miền Bắc. Từ năm 1865 đến 1867, ngành lập pháp cho xây dựng tám trường đào tạo giáo viên mới, lập Ban nhân đạo đầu tiên cho tiểu bang, bỏ học phí cho giáo dục phổ cập và đặt tiêu chuẩn tối thiểu về nhà ở trong thành phố New York. Hội đồng thành phố lập Sở cứu hỏa chuyên nghiệp để thay thế các đội cứu hỏa tình nguyện vốn bị xem có hiệu năng kém. Tiểu bang cũng thành lập Sở Y tế. Cùng với việc trợ cấp cho các công ty, những biện pháp trên dẫn đến việc gia tăng ngân sách tiểu bang và thành phố, nợ và thuế suất. Nhưng khác với miền Nam, miền Bắc có đủ khả năng thu đủ thuế, thu nhập cá nhân tăng.

Đảng Cộng hòa cũng đưa ra những chương trình thăng tiến đời sống người da đen.

Những biện pháp của Quốc hội kết hợp với hành động của tiểu bang và các địa phương đem lại nhiều tiến bộ trong việc đảm bảo các quyền cho người da đen miền Bắc. Đạo luật Dân quyền năm 1866 và những tu

chính án ban hành sau chiến tranh hủy bỏ các luật cấm đoán người da đen đến các tiểu bang phía Bắc, ra tòa làm nhân chứng, và bầu cử. Năm 1867 bang Pennsylvania cấm phân biệt chủng tộc trên xe điện và sáu năm sau bang New York có luật nghiêm cấm kỳ thị màu da trong tất cả các dịch vụ công cộng. Học sinh da đen giờ đây cũng được theo học các trường học trước đây chỉ dành cho học sinh da trắng. Bang Michigan cấm phân biệt chủng tộc trong giáo dục năm 1867 và chỉ một năm sau Trường Đại học Tiểu bang bắt đầu nhận sinh viên da đen. Phân biệt chủng tộc trong giáo dục tại bang Iowa bị xem là vi phạm Tu chính án 14.

Tuy nhiên, vấn đề cải thiện điều kiện người da đen thời kỳ tái thiết ở miền Bắc không toàn diện như ở miền Nam. Đa số người da đen miền Bắc vẫn phải sống trong những căn nhà ổ chuột, làm việc chân tay, thường bị giới chủ đối xử tệ. Một cuộc thăm dò vào năm 1871 cho thấy trong cộng đồng người da đen ở thành phố New York có 400 người làm nghề hầu bàn (phục vụ ăn uống), và 500 phu khuân vác nhưng chỉ có hai y bác sĩ và một số ít thợ thủ công. Nhìn chung chính khách da đen ở miền Bắc không có chiến lược phát triển đời sống kinh tế cho người da đen.

Phụ nữ vẫn còn là “giới công dân duy nhất” ở miền Bắc chưa có đại diện trong chính quyền. Phong trào phụ nữ tăng nhanh đòi quyền bình đẳng trong mọi hoạt động chính trị và xã hội; họ đấu tranh ý tưởng phổ biến trong xã hội: “thế giới của phụ nữ là gia đình” và đòi được quyền bầu cử. Nhưng ngay tại bang Massachusetts cấp tiến, đại hội đảng Cộng hòa năm 1871 cũng không thông qua dự luật cho phụ nữ quyền bầu cử tuy có sự ủng hộ của Thống đốc William Claffin. Tương tự, dự luật này cũng gặp thất bại tại các bang thuộc Cộng hòa khác như Iowa, Maine và Michigan.

Tuy nhiên kinh tế là vấn đề gây nhiều tranh cãi nhất trong nội bộ đảng Cộng hòa ở miền Bắc. Hầu hết các ngành, các cơ sở kinh tế đều có khó khăn. Nông dân than phiền giá vận chuyển nông sản cao ngất trời, tình trạng bè phái ưu tiên cho những hãng vận tải lớn, và giá cả những vật phẩm chế biến quá cao. Cảng sông kêu ca tình trạng vắng khách, ngay cả những nhà buôn ở Chicago cũng than phiền giá vận chuyển bằng đường sắt và tiền thuê kho chứa hàng quá cao. Những nhóm kinh tế trên đều cho rằng hỏa xa đã phá vỡ những tập quán hoạt động lâu đời của họ và đe dọa tính độc lập của cá nhân và các cộng đồng địa phương.

Phong trào lao động được phục hồi và đặt ra nhiều vấn đề hóc búa. Tuy công nhân vẫn chia theo ngành nghề, sắc tộc và tôn giáo nhưng công nghiệp có xu hướng ngày càng được cơ giới hóa, biến các thợ thủ công lành nghề thành những công nhân điều khiển máy móc, những người thợ làm việc tạm trong một thời gian ngắn ngủi nay phải thường xuyên lao động trong các nhà máy. Tại Quốc hội, George Julian đề nghị luật làm việc tám giờ một ngày cho công nhân Liên bang, được sự ủng hộ của những người Cộng hòa lẫn Dân chủ. Dự luật được thông qua năm 1868 sau khi đề nghị cắt giảm lương để bù số giờ lao động giảm của John Sherman bị cả hai đảng bác bỏ.

Ở cấp tiểu bang, luật về giờ làm việc trên có phần phức tạp vì có tác động đến lao động trong khu vực tư nhân, gây tranh cãi giữa những người Cộng hòa và cả những người cấp tiến vì có nhiều đại biểu Hội đồng lập pháp tiểu bang cho rằng luật "vi phạm quyền sở hữu cá nhân". Tại bang Massachusetts, tiểu bang công nghiệp toàn diện nhất Hoa Kỳ, nhiều đại biểu cấp tiến ủng hộ luật giới hạn số giờ làm việc ngày, cấm lao động trẻ em, và bảo đảm an toàn lao động nhưng những đại biểu khác như

Francis Bird, một người cấp tiến hàng đầu thì cho rằng luật lao động này vi phạm luật cung và cầu và đi ngược với nguyên tắc hợp đồng tự do mà đảng Cộng hòa đang tìm cách thực thi tại miền Nam.

Những người chủ trương cải cách lao động yêu cầu đảng Cộng hòa xem xét sự mất cân đối giữa những quyền lực kinh tế và sự phụ thuộc phổ biến về kinh tế, cũng như trách nhiệm của tiểu bang giải quyết những vấn đề này.

Trong nội bộ đảng Cộng hòa có sự chuyển hướng từ chính trị về ý thức hệ qua chính trị về tổ chức. Đặc biệt là sau khi Tướng Grant nhận chức Tổng thống làm lắng dịu cơn khủng hoảng ý thức hệ thời Johnson và giảm ảnh hưởng của nhóm cấp tiến ngay tại Washington, chính quyền các tiểu bang nằm trong tay các Thượng Nghị Sĩ đầy quyền lực xem chính quyền là công cụ cải cách ít hơn là phương tiện cầm quyền và điều hòa yêu sách của những nhóm kinh tế và sắc tộc khác nhau trong xã hội miền Bắc. Dần dà đường lối chính sách chuyển từ chương trình tái thiết qua các vấn đề kinh tế làm thay đổi từ sự phân chia giữa cấp tiến và trung dung (ôn hòa) hay giữa Dân chủ và Cộng hòa sang liên minh Đông và Tây, thành thị và nông thôn, và giữa những nghề nghiệp khác nhau. Tuy nhiên, sự kiện đảng viên Cộng hòa phân hóa về chính kiến cho thấy rõ tầm quan trọng của cuộc nội chiến và tái thiết như là những tiêu chuẩn xác định bản chất của Đảng. Như vậy nếu vấn đề miền Nam suy yếu trên danh nghĩa là mục tiêu cải cách hoặc nguồn sáng kiến mới thì sự cam kết thực thi tái thiết là điểm liên kết các lãnh tụ của Đảng. Oái oăm thay, sự nổi lên của những “người hùng” trong chiến dịch chống chế độ nô lệ (những Thượng Nghị Sĩ quyền lực) không làm chính sách đảng Cộng hòa suy yếu mà lại làm nảy sinh nhóm cải cách có nhiều ảnh

hưởng trong đảng chống lại chính trị mới của thời kỳ Tổng thống Grant, đòi kết thúc cuộc tái thiết.

❖ NGUỒN GỐC CHỦ NGHĨA TỰ DO

Đến cuối nhiệm kỳ thứ nhất của Tổng thống Grant, một lãnh tụ Cộng hòa bất bình than phiền “tổ chức của đảng Cộng hòa vĩ đại” đã suy thoái trở thành 37 “băng đảng” hay “phe phái” độc quyền hưởng sự bảo trợ của Liên bang đối với tiểu bang và tất cả đều thối nát. Chính sách mới của thời đại hoàng kim đòi hỏi một sự cải tổ. Kêu gọi cải cách là một nhóm nhỏ nhưng có thế lực gồm nhiều nhà trí thức, nhà báo và các nhà chuyên môn như các nhà báo E. L. Godkin, Horace White, và Samuel Bowles; các nhà nghiên cứu kinh tế Francis Amasa Walker và David Wells; những doanh nhân giàu trí tuệ Edward Atkinson và Isaac Sherman; và những chính khách có đầu óc cải cách Carl Schurz và James Garfield. Phần đông các sinh viên tốt nghiệp đại học sinh sống tại các thành phố miền Đông Bắc hay miền Tây như Cincinnati và Chicago đều có chung lý tưởng và ý thức đồng nhất qua những tổ chức như Hiệp hội Khoa học xã hội Mỹ (American Social Science Association) và hệ thống các tờ báo có thế lực trong đó có *The Nation* (Dân tộc), *North American Review* (Tạp chí Bắc Mỹ), *Republican* (người Cộng hòa) ở Springfield, và *Tribune* (Diễn đàn) ở Chicago. Sự nổi bật của nhóm báo hiệu thời kỳ giới trí thức Hoa Kỳ làm chính trị đã bắt đầu.

Chủ nghĩa tự do cổ điển cho biết “chân lý” của những người chủ trương cải cách là “khoa học tài chính” - tự do mậu dịch, luật cung và cầu, và tiêu chuẩn của vàng. Một chế độ có giới hạn thì lại đưa ra những cơ sở khác để cải cách, vì mọi can thiệp của chính quyền tiểu bang đều

nuôi dưỡng những mặt tiêu cực của chính trị thời hoàng kim: hối lộ, thuế cao và sự lãng phí của công.

Những nhà cải cách tự do chỉ là những người phát ngôn không quan tâm đến lợi ích chung. Nhưng ý thức hệ về cải cách làm kết tinh tư tưởng bảo thủ rõ rệt của một giai cấp trung lưu. Sử gia Francis Parkman nhận xét về giai cấp mới này: "Một lũ vô sản ngu dốt và một bọn tài phiệt kém cỏi nổi lên trên bầu trời của chúng ta như loài quỷ dữ". Đã vậy, trong khi những nhà cải cách xỉ vả "bọn hỏa xa" và "băng đảng than sắt" vì đã làm méo mó thị trường và chính quyền, họ rất cảnh giác với mối hiểm nguy từ bên dưới. Những con người "ưu tú" này phản ứng dữ dội với những luật lệ về hỏa xa, các cuộc đình công và yêu sách làm việc tám giờ. Những âm mưu can thiệp vào tài sản vi phạm các quy luật bất diệt của nền kinh tế chính trị vì đã phá vỡ nguyên tắc cung và cầu và sử dụng quyền cưỡng bách của chính phủ để phục vụ lợi ích cho một giai cấp công dân.

Các nhà cải cách tin rằng sự suy đồi chính trị thời hoàng kim phần lớn do bọn mị dân và đầu cơ chính trị thắng thế nhờ thành kiến của cử tri là người lao động. Tại New York, họ liên kết với các doanh nhân, luật sư, tài phiệt và chính khách đối lập để hạ bệ "trùm" William Tweed, lãnh tụ đảng Dân chủ đã cướp của Thành phố hàng chục triệu đô la. Băng đảng Tweed tượng trưng cho mối quan hệ cộng sinh giữa tham nhũng, chính trị có tổ chức, quyền lực công nhân hỏa xa và giai cấp công nhân thành thị, và sự lạm dụng của tiểu bang. "Trùm" Tweed chi phối quyền lãnh đạo thành phố, liên minh với hai tay trùm trong ngành hỏa xa là Jim Fisk và Jay Gould, liên kết với các công đoàn lao động, và lập một hệ thống phúc lợi xã hội không chính thức để dùng ngân sách thành phố tài trợ các

trường học Thiên Chúa giáo và cung cấp lương thực và chất đốt cho người nghèo. Điều làm các nhà cải cách tức giận là việc tố cáo Tweed tham nhũng không làm suy giảm uy tín của y đối với cử tri thuộc các tầng lớp dưới. Benjamin Butler, dân biểu bang Massachusetts, còn xấu xa hơn Tweed vì là người của đảng Cộng hòa. Ông này phô trương ủng hộ mục đích của các nhà cải cách: tám giờ làm việc mỗi ngày, hạn chế lạm phát, trả nợ Nhà nước bằng tiền mặt. Ông còn khiến công luận ghê tởm vì tán dương quyền bầu cử của phụ nữ, chủ nghĩa dân tộc Ireland và Công xã Paris. "Chủ nghĩa Butler" là tên gọi tắt loại chính trị quần chúng ngấm sâu trong đời sống người dân Mỹ "tinh thần đám đông ô hợp châu Âu".

Hầu hết những người chủ trương cải cách trước đây đã tán thành giải phóng nô lệ và quyền bầu cử của người da đen. Nếu phe cấp tiến nghĩ Nhà nước phải theo nguyên tắc bình đẳng về quyền dân sự và chính trị thì nhóm Tự do lại muốn làm khác đi chút ít. Trong lúc công nhân, nông dân và nhiều nhóm người phương Bắc đòi có những sửa đổi về kinh tế xã hội thì chính những nhà cải cách tự do từng tán dương quyền lực Nhà nước hoạt động xã hội nay lại chỉ trích nỗ lực làm thành luật những hoạt động có lợi cho nhân loại là dối trá, lừa bịp. Họ nói quyền lực Nhà nước về bản chất là sự lãng phí, tồi tệ và nguy hiểm. Nhiều người đã từ bỏ những nguyên lý dân chủ, ủng hộ quyền bầu cử có điều kiện về giáo dục và tài sản nhất là đối với cử tri ở những thành phố lớn, và tán thành việc chỉ định bổ nhiệm thay cho việc bầu viên chức chính phủ.

Cải cách cơ quan dân chính là biện pháp nhóm người Tự do ưa chuộng nhằm triệt hạ quyền lực các bộ máy điều hành của Đảng và để những người như họ nắm lấy quyền hành. Đầu năm 1865, Thomas Jenckes, dân biểu bang Rhodes Island, dựa trên mô hình của người Anh

đề nghị áp dụng hệ thống thi tuyển công chức làm việc suốt đời cho Liên bang. Nhận thức kế hoạch này đe dọa sự sống còn của tổ chức, các lãnh đạo Đảng chỉ ra những rắc rối phi dân chủ của kế hoạch và nói quy chế làm việc suốt đời sẽ tạo nên một giai cấp quý tộc của những quan chức Nhà nước trái với ý muốn của nhân dân. Vào thời điểm chỉ có một thiểu số người Mỹ có điều kiện học đại học, phương thức thi tuyển sẽ ưu tiên dành các chức vụ cho bọn "ngu dốt giàu có" đã cố "học nhồi nhét để có được tấm văn bằng tốt nghiệp Đại học Yale", nhưng thật sự chẳng biết chút gì về thực tiễn.

Những người cải cách mất dần ảo tưởng về chương trình tái thiết tuy họ đã ủng hộ, giúp đặt kế hoạch và dự thảo các đạo luật về tái thiết cùng các tu chính án thời hậu chiến. Họ cảm thấy bực mình về vấn đề miền Nam là cái cớ để các lãnh tụ Đảng bảo lưu lòng trung thành của các cử tri nhưng vẫn chống giảm thuế, cải tổ bộ máy dân chính, và tranh luận chính trị với bất cứ chính phủ nào. Những lời phê bình của đảng Dân chủ về chính quyền miền Nam ngày càng được những nhà cải cách phương Bắc lắng nghe. Giống như bè đảng Tweed và chủ nghĩa Butler, tái thiết báo động hiểm nguy từ một chế độ dân chủ buông thả và sự bất lực về chính trị của những cấp dưới. Charles Francis Adams, Jr. năm 1869 viết: "Phổ thông đầu phiếu theo tiếng Anh chỉ có nghĩa đơn giản là cai trị bằng sự ngu xuẩn và đồi bại - muốn nói một tên vô sản châu Âu, đặc biệt là người Celt, trên bờ biển Đại Tây Dương; một tên vô sản châu Phi trên bãi biển Vùng Vịnh; và một tên vô sản Trung Hoa bên bờ Thái Bình Dương". Với những nhà cải cách như Adams, ý tưởng chủ nghĩa quân bình đã lỗi thời, một sự trở về với tính đa cảm phi khoa học của thời đại xa xưa. Thành kiến giai cấp và thành kiến về chủng tộc củng cố

cho nhau trong khi các nhà cải cách ít quan tâm hơn đến những lớp người hạ đẳng và ngày càng ít cảm nhận các nguyện vọng của những nô lệ cũ.

Cùng với hiện tượng tham nhũng tương đương giữa hai miền Nam và Bắc, những chính sách kinh tế xã hội thời kỳ tái thiết khiến cho các nhà cải cách phải giật mình. Những lời ta thán tại các Hội nghị Người Nộp Thuế về sự chi tiêu phung phí của những kẻ làm luật nghèo rớt mùng tơi được những "người Bắc tinh anh nhất" cảm thông, cũng vì ở miền Bắc thuế má ngày càng tăng và ngân sách ngày càng phình ra. Kiên định hơn bất cứ đảng viên Cộng hòa nào khác, những người chủ trương cải cách cho rằng đất nước đã làm tất cả cho người da đen, giờ đây người được tự do phải "tự bước vào đời bằng chính đôi chân của mình". Tờ báo *Dân Tộc* năm 1867 viết: "người da trắng có hay không có thành kiến đối với người da đen là điều hoàn toàn phụ thuộc người da đen". Nhiều người giờ đây nghĩ rằng bảo vệ người da đen bằng luật pháp là điều "hoang tưởng". Carl Schurz nói tại Thượng viện; "Có nhiều vấn đề xã hội rất khó giải quyết bằng luật pháp". Godkin thì khuyên; "Nếu chính quyền địa phương không dẹp nổi hoặc không muốn dẹp bạo lực chống lại người da đen thì tốt nhất người da đen nên di cư đến tiểu bang nào tôn trọng các quyền của họ".

Về phía người da đen, họ cũng chẳng làm được gì để yểm trợ cải cách. Họ chỉ biết cắt giảm chi tiêu và hạ thuế suất có nghĩa là ít việc làm cho chính phủ và mặc dù những nhà cải cách hô hào để cho họ "bước vào thế giới bằng đôi chân mình" họ vẫn gặp khó khăn. Cải cách dân chính là một rào cản không cho người da đen làm công chức. Điển hình là trường hợp một người nô lệ cũ ở bang Mississippi không qua nổi cuộc thi tuyển làm nhân viên coi giữ tháp đèn pha. Anh phân bua: "Tôi không có được

may mắn đến trường bởi vì tôi sinh ra đã là nô lệ và chỉ là một nô lệ cho tới gần đây. Nhưng tôi có kinh nghiệm làm những công việc như canh gác đèn pha. Vậy mà tôi phải qua một kỳ thi với những bài toán đố, những câu hỏi về khoa học!”.

Những nhà cải cách cho rằng bạo lực xảy ra ở miền Nam có cùng nguyên nhân với tham nhũng: sự loại bỏ khỏi guồng máy chính phủ những con người “thông minh và có văn hóa”, vốn là những tinh hoa trong Liên minh miền Nam nay trở thành nạn nhân của sự bất công, người da đen thì thiếu năng lực để bầu cử và carpetbaggers là bọn trộm cắp vô lương. Cuộc cải cách tự do lúc đầu nhắm vào tình hình kinh tế xã hội ở miền Bắc nhưng giờ đây lại xem công cuộc tái thiết là sự thể hiện những điều xấu xa có thật hay tưởng tượng trong Thời kỳ vàng son. Báo *Dân Tộc* viết: “Về mặt luân lý, chương trình tái thiết có lẽ là một quy trình còn tai hại hơn cả sự phản loạn”. Là một công trình thử nghiệm của chính quyền chương trình đã thất bại hoàn toàn.

❖ KỲ BẦU CỬ NĂM 1872

Khi nhiệm kỳ 1 của Tổng thống Grant sắp mãn, các cụm từ “cấp tiến”, “ôn hòa” hay “trung dung” không còn phù hợp để mô tả các phe nhóm trong đảng Cộng hòa nữa. Chủ nghĩa cấp tiến đang suy tàn nhường bước cho chính trị có tổ chức và cải cách tự do; những liên kết trong đảng nay tập trung nơi Ulysses Grant cùng với những chính sách mới của Thời kỳ hoàng kim.

Biết rõ nhược điểm của mình trong nội bộ đảng Cộng hòa, các nhà cải cách nghĩ tới một tổ chức đảng mới với những đảng viên kỳ cựu, những người đã khai sinh ra đảng nay chuyển theo hướng tự do. Danh sách gồm nhiều cựu đảng viên Dân chủ tỉ như Lyman Trumbull, những

người đã tiên phong trong công cuộc xóa bỏ chế độ nô lệ như George Julian, và những cựu đảng viên bất mãn vì bị ban lãnh đạo đảng gạt bỏ. Trong số này có ba vị thống đốc tiểu bang trong thời chiến: Reuben Fenton của bang New York; Andrew Curtin, bang Pennsylvania; và Austin Blair, bang Michigan.

Tháng 5 năm 1872, một tập hợp những người ly khai khỏi chế độ Grant nhóm họp tại Cincinnati để chọn người đại diện đảng Cộng hòa Tự do. Họ gồm những người chủ trương cải cách, nhà buôn tự do, cựu chiến sĩ bãi nô, và cả những người đã từng hoặc có thể là quan chức chính phủ. Trước ngày bế mạc, đại hội chọn Horace Greeley, chủ bút tờ Diễn đàn New York và là người khá nổi tiếng trong đảng Cộng hòa. Nhưng Greeley rất ghét mậu dịch tự do và không thiết tha với việc cải cách dân chính và những chuẩn mực khác của chủ nghĩa tự do. Cuối cùng, toàn bộ chiến dịch của Greeley cũng nhắm vào một vấn đề hội nghị hỗn hợp tập trung thảo luận: chính sách mới cho miền Nam.

Greeley có nhiều thành tích nổi trội về vấn đề cải cách. Ngay khi chiến tranh vừa chấm dứt, ông đã chống lại việc tịch biên gia sản và xét xử các kẻ phản loạn, kêu gọi cả hai bên ủng hộ cuộc tái thiết dựa trên nguyên lý “Ân xá toàn diện” và “Bầu cử không thiên vị”. Năm 1867 ông góp một phần tiền giúp Jefferson Davis ra tù. Tuy có lên tiếng phê phán bọn Ku Klux Klan và ủng hộ những chính sách của chính phủ Liên bang ông cũng chỉ trích thuế cao và việc gạt bỏ những “người tài” khỏi chính quyền các tiểu bang; ông nói đây là những rào cản cho sự phát triển của địa phương và sự hòa hợp. Từng là một chiến sĩ của phong trào đòi quyền bầu cử cho người da đen, Greeley giờ đây cũng than phiền về những người nô lệ cũ.

Trước sự thay đổi thái độ bất ngờ của Greeley, đảng Cộng hòa vội ra tay trước. Trong vòng một tháng sau ngày đề cử Greeley, Quốc hội cắt giảm thuế 10% và ra nghị quyết ân xá cho những cựu viên chức Liên minh miền Nam, cho phép họ được giữ các chức vụ ở địa phương. Tháng 7, Đại hội toàn quốc đảng Dân chủ chọn Horace Greeley là ứng cử viên tranh cử Tổng thống với Ulysses Grant.

Ngoại trừ bang Georgia có xảy ra bạo động, kỳ bầu cử Tổng thống năm 1872 diễn ra yên lành nhất của thời kỳ tái thiết. Greeley thắng ở ba tiểu bang thuộc Liên minh miền Nam cũ: Georgia, Tennessee và Texas, cùng Kentucky, Maryland và Missouri. Đảng Cộng hòa thắng lại ở những tiểu bang họ đã mất năm 1869-1870.

Ở miền Bắc, những người ủng hộ Greeley phải chật vật để giải thích tại sao trong quá khứ ông đã chống đảng Dân chủ, gọi họ là "bọn giết người, bọn thông dâm, say rượu, hèn nhát, nói dối và trộm cắp". Do vậy, kỳ bầu cử năm 1872 là đỉnh cao của sự chống đối chương trình tái thiết.

Đảng Cộng hòa đưa ra chiêu bài bảo vệ quyền bình đẳng của các công dân và bảo vệ người da đen khỏi bạo lực tấn công. Lời hô hào bảo vệ các quyền tự do của người da đen là vũ khí lợi hại nhất của Đảng trong cuộc tranh cử và Grant đã thắng ở tất cả các bang phía Bắc lằn ranh Mason-Dixon (đường biên giữa hai bang Maryland và Pennsylvania, được xem là ranh giới hai vùng Bắc Nam của miền Đông Hoa Kỳ). Trên cả nước đảng Cộng hòa thắng với hơn 55% tổng số phiếu, một tỷ lệ lớn nhất trong các kỳ bầu cử Tổng thống từ năm 1836 đến 1892.

Kỳ bầu cử năm 1872 củng cố sự thống trị của chính trị có tổ chức, với nhiều đảng viên cấp tiến cũ ủng hộ Greeley. Điều này cho thấy chủ nghĩa cấp tiến đã phá sản. Xu hướng chính trị ở miền Nam chuyển qua phe Tự do; đảng Dân chủ miền Bắc tự động bỏ chủ nghĩa phân biệt chủng tộc và chuyển qua Dân chủ tự do; đảng Cộng hòa miền Bắc thì vẫn muốn duy trì chương trình tái thiết nhưng phải thừa nhận những mặt tiêu cực như tham nhũng và bất lực. Họ hy vọng với Grant tái đắc cử Tổng thống, miền Nam sẽ được ổn định và có những chính phủ tiểu bang vững chắc và hữu hiệu. Nhìn chung, tuy Tổng thống Grant đã thắng cử vẻ vang, công cuộc tái thiết vẫn còn ở thế bị động ở cả hai miền Bắc và Nam.



11

CHÍNH TRỊ THỜI KỲ SUY THOÁI

❖ SUY THOÁI VÀ HẬU QUẢ

Năm 1873, sự bành trướng kinh tế thời hậu chiến đột ngột chấm dứt. Tháng 9, ngân hàng Jay Cooke & Co., trụ cột của hệ thống ngân hàng cả nước, sụp đổ vì không có khả năng bán số trái phiếu trị giá nhiều triệu đô la của công ty hỏa xa Northern Pacific Railroad. Chỉ trong vài ngày toàn hệ thống tín dụng rơi vào cảnh hoảng loạn. Ngân hàng và nhiều nhà môi giới tài chính sụp đổ, thị trường chứng khoán buộc phải ngưng hoạt động và các xí nghiệp bắt đầu cho công nhân nghỉ việc. Cuộc suy thoái kéo theo các vấn đề xã hội cần giải quyết, hủy hoại những tiền đề cơ bản của sự mộng tưởng về lao động tự do, và định dạng lại chính trị và tương quan lực lượng của các đảng phái.

Đến năm 1876, trên một nửa số công ty hỏa xa cả nước làm ăn thua lỗ phải nằm trong tay ban quản lý tài sản. Các dự án xây dựng đường sắt tạm ngưng, các ngành công nghiệp phụ thuộc hỏa xa bị ảnh hưởng. Đến cuối năm 1874 gần phân nửa số nhà máy luyện kim ngưng sản xuất. Trong khi này một thế hệ mới các nhà thầu ra đời, tự tổ chức lại để tăng năng suất và hạ giá thành sản phẩm. Suy thoái thường tạo cơ hội để thay

đổi cơ cấu trong sản xuất tư bản. Đây là quy luật áp dụng cho cuộc suy thoái trong những năm 1870. John D. Rockefeller bá chủ công nghiệp dầu khí; Andrew Carnegie đặt nền móng cho đế quốc sắt thép của ông. Trong khi tổng sản lượng giảm và số cơ sở sản xuất không thay đổi, số công nhân nhà máy tiếp tục tăng, phản ánh sự tập trung gia tăng về vốn và sản xuất đại trà được cơ giới hóa. Thống kê năm 1880 cho biết 80% công nhân sản xuất làm việc trong nhà máy.

Đối với công nhân, suy thoái kinh tế là một thảm họa vì nạn thất nghiệp lan rộng khắp các vùng đô thị quan trọng. Một cuộc thăm dò cho biết một phần tư lực lượng lao động của thành phố New York mất việc năm 1874. Rất nhiều người phải đổ ra đường đi kiếm việc làm; đến giữa thập kỷ 70 "lang thang" là một thể chế mới trong bối cảnh xã hội. Cục Thống kê lao động bang Pennsylvania bình luận: "Chưa bao giờ có đông người lao động có tay nghề hay không tay nghề như thế đi khắp các nơi để tìm một việc làm không xứng đáng chút nào".

Nhiều công nhân mỏ và nhà máy đình công có xô xát để phản đối cắt giảm lương. Năm 1874 chứng kiến nhiều vụ tranh chấp lao động gay gắt trong ngành hỏa xa và tại các khu hầm mỏ vùng Trung Tây. Năm 1875, trên 15.000 công nhân ngành dệt lãn công hai tháng để phản đối giới chủ giảm tiền công. Cũng trong năm 1875, công nhân mỏ than Anthracit ở bang Pennsylvania đình công dài ngày dưới sự chỉ đạo của Hiệp hội bác ái của công nhân (Workingmen's Benevolent Association) nhưng thất bại, đưa đến vụ xử án Molly Maguire nổi tiếng cùng với sự việc 20 công nhân mỏ chiến đấu bị treo cổ. Theo một tờ báo ở Boston (Massachusetts) những cuộc đình công này đánh dấu "thời kỳ chuyển tiếp" trong lịch sử Hoa Kỳ. Một quan chức bang Pennsylvania bình luận: "Cuộc suy thoái có

vẻ như đã du nhập hình thức đấu tranh giai cấp ở châu Âu vào nước Mỹ; nó đe dọa khơi rộng mâu thuẫn giữa kẻ giàu và người nghèo”.

Cuộc suy thoái cũng tác động mạnh đến nông dân. Dân số và sản phẩm nông nghiệp gia tăng suốt thập kỷ nhưng tất cả đều gặp khó khăn vì giá nông phẩm và giá trị điền địa sụt giảm. Nhiều nông dân kêu gọi chính phủ gia tăng kiểm soát ngành hỏa xa và lạm phát, tăng giá nông sản phẩm và giúp nông dân trả các khoản nợ có thế chấp.

Cuộc suy thoái thập kỷ 1870 đánh dấu một bước ngoặt trong quá trình phát triển ý thức hệ ở miền Bắc. Sự căng thẳng rộng khắp giữa lực lượng lao động và tư bản dẫn đến những rạn nứt trong nội bộ các giai cấp. Tại những trung tâm công nghiệp nhỏ khắp miền Bắc công nhân đình công có đồng minh là những viên chức chính phủ địa phương và các doanh nhân nhỏ; họ tỏ căm phẫn với sự can thiệp của những công ty lớn thường nằm ngoài cộng đồng của họ. Tại những thành phố lớn và trong đầu óc các lãnh tụ của cả hai đảng, khái niệm cũ về quyền bình đẳng và phẩm giá lao động phải nhường bước cho các rào cản về giai cấp và sự cần thiết bảo vệ tài sản, nền kinh tế chính trị, và hiện trạng kinh tế.

Trong lúc suy thoái gia tăng, tầng lớp trung và thượng lưu thành thị ở miền Bắc chỉ trích các phong trào lao động và nông dân cùng những nhà cải cách tự do. Gọi những thủ lĩnh nghiệp đoàn là “kẻ thù của xã hội”, báo chí thành thị cho rằng tính lười biếng và xa xỉ là nguyên nhân sự nghèo đói. Những lời phê bình quay qua chỉ trích cả tổ chức nhân đạo phi chính phủ và những nỗ lực thoát nghèo của công nhân. Nhiều tờ báo còn cho rằng suy thoái là một điều tốt cho nền kinh tế vì nó dẫn đến cắt giảm lương và tiền công, tái lập trật tự lao động, và hạn chế quyền lực của nghiệp đoàn. Trong những năm 1870 giới doanh nhân nhận thức mình

thuộc giai cấp tư sản. Nhiều nhà buôn ở thành thị trước đây chống ngành hỏa xa nay thay đổi quan điểm, không còn đòi kiểm soát hoạt động của ngành này nữa. Godkin trong một bài báo kêu gọi các doanh nhân công nhận lợi ích chung của giai cấp: “Ngày nay mọi ngành nghề hoặc cùng sống hay cùng chết với nhau”. Nhiều tổ chức chính trị xã hội được hình thành cho giới doanh nhân như Hiệp hội Công dân ở Chicago. Như thế giai cấp tư sản thành thị biết đoàn kết trước những xáo trộn ở nông thôn và tính chiến đấu của các phong trào lao động để bảo vệ tính bất khả xâm phạm đối với tài sản.

Tuy những nhà cải cách không xác định được những tiêu chuẩn về tài sản cho cử tri thành thị, khủng hoảng kinh tế củng cố quyết tâm của họ giúp chính quyền thoát khỏi những thất thường của ý dân. Một nhà nghiên cứu bình luận: “Những hiến pháp tiểu bang ban hành trong những năm 1870 cho thấy có sự thoát ly khỏi những lý thuyết trước đây về chính phủ mà tất cả chúng ta đều chấp nhận”, như kéo dài nhiệm kỳ thống đốc và chính án, rút ngắn thời gian các khóa họp của cơ quan lập pháp, và trong một vài trường hợp tiết giảm hệ thống hội đồng xét xử. Vì suy thoái ảnh hưởng mạnh đến cơ cấu thu thuế nên các tiểu bang đều giảm chi tiêu. Nhiều tiểu bang nghiêm cấm dùng tiền nhà nước để tài trợ ngành hỏa xa, giới hạn ngân sách và thuế suất, và trao quyền phủ quyết cho thống đốc. Giới cầm quyền tiểu bang nhiều khi sử dụng lực lượng dân quân và nhờ tòa án tìm nguồn vốn như trường hợp thống đốc bang Pennsylvania John Hartranft thuộc đảng Cộng hòa đã làm năm 1875 với cuộc đình công kéo dài của công nhân mỏ. Hành động của ông được báo chí của cả hai đảng tán dương. Có lẽ dấu hiệu rõ nhất cho thấy xu hướng mới trong đời sống chính trị ở miền Bắc là sự phổ biến các sắc

luật về du mục (lang thang) để hạn chế tình trạng đi lang thang, hành khất (ăn xin). Thất nghiệp có thể là một trọng tội, một quy định tương tự như đạo luật về dân da đen ở miền Nam thời kỳ 1865-1866. Bang Indiana ấn định hình phạt cho những ai từ chối làm việc vì "lương quá thấp": lao động công ích trên đường phố, cho phép sử dụng tù nhân để làm các toa xe lửa. Những điều trên cho thấy những nguyên tắc về lao động tự do đã bị triệt tiêu do tình trạng suy thoái.

Sự can thiệp của các chính phủ tiểu bang để đối phó với tình trạng suy thoái kinh tế đụng độ với những lời kêu gào đòi thực thi luật pháp, trật tự và sự tôn trọng nhân phẩm trên cục diện chính trị cả nước. Phiên họp đầu tiên tháng 12 năm 1873 của Quốc hội khóa 43 sôi sục những tranh cãi khi Dân biểu Cộng hòa bang Iowa, George McCrary đề nghị lập ủy ban ấn định giá cước xe lửa "hợp lý". Đảng Cộng hòa tự phân chia theo các quan điểm riêng của từng vùng lãnh thổ: miền Tây và miền Nam ủng hộ dự luật với lý do củng cố quyền lực chính phủ trung ương đối với ngành hỏa xa; miền Đông phản đối vì "vi phạm quyền độc lập của tiểu bang" và là một hình thức cai trị theo "chủ nghĩa cộng sản". Với năm phiếu chênh lệch, dự luật được Hạ viện thông qua nhưng bị chặn lại ở Thượng viện.

Vấn đề tiền tệ lưu hành và lạm phát cũng gây nhiều tranh luận sôi nổi ở Quốc hội. Đầu năm 1874, Quốc hội thông qua "Đạo luật Lạm phát" cho phát hành thêm 64 triệu đô la tiền mặt. Tuy không phải là một số tiền quá lớn nhưng việc phát hành này đồng nghĩa với việc Nhà nước có quyền điều chỉnh khối lượng tiền tệ để đối phó với những dao động của nền kinh tế. Giai cấp tư sản thành thị lên tiếng phản đối mạnh mẽ, xem đây là một xu hướng xã hội rất nguy hiểm. Các tờ báo cải cách đồng

loạt lên tiếng chỉ trích. Báo *The Nation* viết: “Hầu như tất cả những ai có chút thông minh và kinh nghiệm trong những vấn đề thương mại và tài chính đều phản đối biện pháp (phát hành thêm tiền mặt) này”. Cuối tháng 4, Tổng thống Grant phủ quyết dự luật. Các nhà cải cách hoan hô Tổng thống nồng nhiệt vì quyết định này. Việc phủ quyết đánh dấu một quá trình được xem là dấu ấn “tình cảm bảo thủ chậm rãi thâm nhập hàng ngũ đảng Cộng hòa và tính chất đáng tôn trọng kinh tế thay thế đòi hỏi về quyền bình đẳng cho công dân da đen”.

Nhưng mỗi lần có khó khăn về kinh tế như xảy ra ở các năm 1874, 1896 và 1932, cử tri đều ca thán và phản đối đảng cầm quyền. Sự ủng hộ cử tri dành cho đảng Cộng hòa đã biến đổi nhiều lần suốt giai đoạn còn lại của thế kỷ 19, từ số dư 110 ghế tại Hạ viện năm 1861 trở thành thiểu số với đảng Dân chủ nắm 60 ghế vượt trội năm 1874. Một tờ báo ở New York bình luận: Các kỳ bầu cử đã biến thành những cuộc cách mạng. Tính đến năm 1896 đảng Cộng hòa nắm đa số ở cả hai viện (Hạ viện và Thượng viện) ba lần, ở Hạ viện hai lần và Nhà Trắng (thắng cử Tổng thống) hai lần.

Mặc dù đảng Cộng hòa thất bại do ảnh hưởng của suy thoái nhiều hơn của cuộc tái thiết, sự dính líu của cánh phía Nam là điều xấu. Lúc đảng Dân chủ nắm quyền kiểm soát Hạ viện năm 1875 cũng là lúc chức vị chủ nhiệm một nửa số ủy ban nằm trong tay các đảng viên Dân chủ. Những người Cộng hòa phía Nam lúc ấy sợ không còn hậu thuẫn để vực dậy Đảng và bảo vệ quyền lợi của họ.

Tờ *Herald* ở New York vui sướng nhận định: kết quả bầu cử cho thấy người da trắng phương Nam trở lại nắm chính quyền được đón tiếp

nồng nhiệt như “người anh em và đồng bào”. Nếu miền Bắc đã quên đi cuộc nội chiến, liệu cuộc tái thiết có thể tồn tại không?

❖ RÚT LUI KHỎI CÔNG CUỘC TÁI THIẾT

Kỳ bầu cử năm 1874 cho thấy dấu hiệu miền Bắc thay đổi thái độ đối với miền Nam trong nhiệm kỳ 2 của Tổng thống Grant. Năm 1875, John Bryant, cựu viên chức cục vấn đề người tự do và là một ủy viên lập pháp bang Georgia viết cho tờ *New York Times* trình bày nhận xét về tình hình chính trị nơi này. Bryant phân tích trên cơ sở quan điểm lao động tự do cổ điển: “Người lao động cần được độc lập như nhà tư bản”. Người da trắng phương Nam trong thâm tâm vẫn cho rằng “lao động phải là nô lệ”. Có thể nhận xét này hơi cường điệu để nói về quan hệ lao động thời kỳ tái thiết. Nhưng liệu người Cộng hòa phương Bắc có tin rằng người lao động phải được độc lập như nhà tư bản không? Một người bạn của Bryant cẩn thận hơn khi nhận xét: “Có lý do để tin rằng thái độ đối với vấn đề lao động và quan điểm chung về xã hội và chính phủ của giai cấp thống trị cũ ở miền Nam giờ đây được đa số người phương Bắc chia xẻ”.

Chỉ vài năm trước đó đảng viên Cộng hòa đoàn kết để tạo dựng xã hội miền Nam phù hợp với những nguyên tắc lao động tự do và bình đẳng về chính trị và trước pháp luật. Giờ đây ý thức hệ về lao động tự do bị phá sản, chủ nghĩa kỳ thị chủng tộc công khai nổi lên lại, đe dọa phá hỏng công cuộc tái thiết. James Pike trong quyển *The Prostrate State* (Tiểu bang kiệt quệ) mô tả bang Nam Carolina đắm chìm trong tham nhũng và phung phí của chính quyền, dưới sự điều hành của “đám mọi rợ da đen… một nền dân chủ ngu dốt nhân loại chưa từng thấy”. Rõ ràng Pike không khách quan - ông vốn nổi tiếng phân biệt chủng tộc và những

thông tin ông thu thập đều từ những lãnh tụ đảng Dân chủ; ông chỉ tiếp xúc một người da đen trong bang. Tuy không chính xác, quyển *The Prostrate State* tố giác một chính quyền thối nát mà nguyên nhân là do người da đen cầm quyền. Tiếp theo sau là cả một chiến dịch bôi nhọ, tố giác các nhà luật pháp da đen do giới truyền thông kể cả các báo chí ủng hộ cuộc tái thiết. Các tờ báo, tạp chí của giới trung lưu như các tờ *Schribners, Harper's, the Atlantic Monthly*, tới tấp đăng bài kêu gọi phục hồi quyền tự trị, tự quản để bảo đảm một chính phủ tốt và sự thịnh vượng cho miền Nam. Điều nực cười là những người Dân chủ phương Bắc xa dần chủ nghĩa kỳ thị chủng tộc thì người Cộng hòa lại tỏ rõ quan điểm kỳ thị. Đây có lẽ là lý do sự thất bại của công cuộc tái thiết.

Phó Tổng thống Henry Wilson than thở với William Lloyd Ganison: "Một cuộc phản cách mạng đang thắng thế công cuộc tái thiết… Người ta ám chỉ việc thay đổi điều kiện của người da đen… Chắc những 'người hùng chống nô lệ' của chúng ta một lần nữa sẽ phải lên tiếng!" Đến khoảng giữa thập niên 1870, những "người hùng" của công cuộc cải cách chỉ còn là những bóng mờ của một kỷ nguyên đã qua. Hội Trợ giúp cho người được giải phóng ở New England (the New England Freedmen's Aid Society) tan rã năm 1874, và Hiệp hội Thừa sai Hoa Kỳ (American Missionary Association), quan tâm nhiều đến thiện chí của người da trắng phía Nam, tuyên bố người da đen không thể có quyền bầu cử và trách cứ người da đen là vô ơn đối với tổ chức.

Do dư luận quần chúng đổi chiều, lo lắng về sự suy thoái và một loạt các scandal, chính quyền Grant ở nhiệm kỳ 2 không thể phác nổi một chính sách chặt chẽ cho miền Nam. Một Thượng Nghị Sĩ Dân chủ tuyên bố": "Chủ nghĩa cấp tiến đã cáo chung, nhưng cái gì sẽ thế chỗ thì không

rõ”. Nhưng có một diều chắc chắn: Tổng thống Grant ở nhiệm kỳ 2 chịu trách nhiệm về cuộc rút lui khỏi những chính sách tái thiết.

Ngay cả khi Nhà Trắng muốn can thiệp vào nội tình miền Nam thì cũng không được vì Tòa án Tối cao sẽ can thiệp. Trước kia, Tòa án Tối cao có vẻ như không muốn bị lôi cuốn vào những tranh cãi về chương trình tái thiết nhưng từ 1870 trở đi thì Tòa án Tối cao như muốn can thiệp vào nhiều công việc của Quốc hội và của Chính phủ.

Lần đầu tiên vào năm 1873 Tòa án Tối cao đã ra một quyết định then chốt, đó là vụ án *Slaughterhouse* (lò mổ gia súc). Bốn năm trước đó bang Louisiana hợp đồng với một công ty được độc quyền mổ thịt gia súc ở New Orleans. Những lò mổ khác bị mất việc liền đâm đơn kiện ở tòa án liên bang, vì họ bị mất nguồn kiếm sống, theo như Tu chính án 14 quy định. Họ yêu cầu Tòa án phán quyết: phải chăng Tu chính án 14 mở rộng định nghĩa “công dân” cho tất cả mọi người Mỹ hay chỉ cho người da đen được hưởng một số quyền lợi người da trắng có? Phân biệt giữa quyền công dân quốc gia và quyền công dân của tiểu bang, Thẩm phán Samuel Miller nói Tu chính án 14 bảo vệ quyền công dân đối với quốc gia, tức là đối với Liên bang, và không tác dụng đối với tiểu bang.

Vụ *Slaughterhouse* xác định một sự kiện không chối cãi là các Tu chính án sau chiến tranh được đưa ra để bảo vệ quyền lợi của người da đen. Một sự kiện khác gây tác hại ghê gớm hơn là phán quyết trong vụ *US v. Cruiksank*. Đây là vụ án liên quan đến vụ thảm sát ở Colfax. Cáo trạng đưa ra dựa theo đạo luật thi hành án năm 1870, tố cáo âm mưu xâm phạm quyền dân sự của các nạn nhân. Tòa án Tối cao bác bỏ ba lời buộc tội của tòa dưới, nói rằng các Tu chính án thời hậu chiến quy định chính phủ Liên bang bảo vệ quyền của người da đen khi bị chính quyền tiểu

bang xâm phạm, còn việc xử phạt cá nhân phạm tội thì phải do tiểu bang hay địa phương. Phán quyết này mặc nhiên không cho phép Liên bang xử phạt những tội ác do cá nhân gây ra cho người da đen và "bật đèn xanh" cho những vụ khủng bố mà chính quyền địa phương không thể xử phạt hoặc không muốn thi hành luật.

Một ví dụ khác cho thấy chính quyền Liên bang bất lực trong việc bảo vệ người nô lệ được giải phóng. Ngân hàng dành cho người da đen Freedman's Savings and Trust Company thành lập từ năm 1865, là nơi người da đen gửi tiết kiệm. Hàng ngàn người da đen thường xuyên gửi những khoản tiền nhỏ nhoi họ đã dành dụm, đa số đều dưới 50 đô la, có khi chỉ vài chục xu. Những tổ chức của người da đen như hội đoàn, nhà thờ cũng đều gửi những khoản tài sản của họ vào ngân hàng. Thế nhưng Ngân hàng đã quên mục tiêu hoạt động của mình, đầu tư vào các dự án địa ốc ở Washington và cho các công ty hỏa xa cùng nhiều doanh nghiệp khác vay. Tháng 6 năm 1874, Ngân hàng Freedman's Savings & Trust chỉ còn 31.000 đô la để trả cho trên 61.000 người gửi; tức khắc Ngân hàng tuyên bố ngưng hoạt động.

Tuy ngân hàng Freedman's Savings & Trust là một tổ chức tư nhân, nó có quan hệ đặc biệt với Cục bảo vệ người tự do, dùng các sĩ quan trong quân đội để vận động khách hàng, và qua những quảng cáo trên báo chí và các tờ rơi đăng hình ảnh Tổng thống Lincoln khuyến dụ người da đen tin tưởng họ được hậu thuẫn của chính phủ Liên bang. Ngân hàng đã không chi trả một đồng nào cho khách hàng da đen, và mặc dù các vị Tổng thống kế nhiệm và các giám đốc ngân khố khuyến cáo sử dụng ngân sách quốc gia, Quốc hội cũng chỉ giúp ngân hàng thanh lý một số nợ quan trọng. Khoảng một nửa số những người gửi tiết kiệm được đền bù

bình quân 18,51 đô la/người; phân nửa kia thì chẳng nhận một xu nào. Cho đến tận thế kỷ XX những người gửi tiết kiệm ở Freedman’s Savings & Trust tiếp tục gửi thư xin Tổng thống và Quốc hội trả cho họ số tiền đã mất. Một lá thư viết rất thống thiết: “Thưa Ngài Tổng thống, chúng tôi van xin Ngài hãy nghĩ tới chúng tôi là những người già cả… đã qua chuỗi ngày đẹp nhất đời dưới chế độ nô lệ… Nay chúng tôi cũng chỉ xin lại những gì chúng tôi đã làm ra”. Những lá thư này bị bỏ xó trong Tổng nha văn khố Quốc gia cho đến ngày nay.

Tiếp đến là Đạo luật về dân quyền, bị tẩy chay trong những lần Quốc hội thảo luận năm 1874 mặc dù Tổng thống Grant trong bài diễn văn đầu nhiệm kỳ 2 đã công khai ủng hộ. Dự luật cấm các nơi công cộng và tụ điểm giải trí phân biệt da trắng/da đen và đặt ngoài vòng pháp luật mọi sự kỳ thị chủng tộc ở trường học công lập, bồi thẩm đoàn, nhà thờ, nghĩa trang, và vận chuyển công cộng. Dự thảo còn được duy trì nhờ nỗ lực của Charles Sumner: lúc ông đang hấp hối vào tháng 3 năm 1874 ông đã thì thào gởi gắm cho một người bạn tới thăm viếng ông bên giường bệnh: “Ngài hãy cố gắng giúp cho dự luật về dân quyền nhé,… đừng để nó thất bại”. Các bạn đồng nghiệp chấp nhận dự thảo đạo luật nhưng không ít người nghĩ Quốc hội sẽ thông qua. Tại Hạ Viện, người đưa dự luật ra bàn cãi là Benjamin Butler. Trước đó Butler đã hùng biện cãi lý cho người da đen; ông kể lại chuyện hơn 500 binh sĩ da đen đã hy sinh trong một trận đánh bên bờ sông James: “Tôi nhìn những gương mặt đen sạm nằm ngửa nhìn lên trời, như thầm gọi tha thứ cho những điều sai quấy đất nước họ đã làm cho họ… tôi cảm thấy mình đã đối xử không phải đối với họ trong quá khứ… Tôi long trọng thề với bản thân… sẽ đấu

tranh cho quyền lợi của những người đã đổ máu cho tôi và cho đất nước tôi”.

Bảy dân biểu da đen tại Quốc hội khóa 43 cũng đã phát biểu mãnh liệt và hùng hồn về Đạo luật dân quyền. Ngoài hành lang khán thính giả da đen tụ tập đông nghẹt để nghe các dân biểu da đen nói về kinh nghiệm bản thân trong thời kỳ tái thiết. Họ kể về những lần bị xúc phạm, lăng nhục. Dân biểu Joseph Rainey kể có lần bị đuổi xuống xe điện ở Virginia; Dân biểu John Lynch buộc phải ngồi toa hút thuốc đầy bọn say rượu và cờ bạc; các Dân biểu Richard Cain và Robert Elliot bị “mời ra” khỏi một tiệm ăn ở Bắc Carolina; DB James Rapier đã bị từ chối nghỉ đêm tại các lữ quán trên đường từ Montgomery đến Washington.

Đặc biệt ở những bang “chuộc lỗi”, vấn đề bình đẳng trong giáo dục - phân biệt nhưng bình đẳng - là một trò hề. Bang Tennessee chẳng hạn, dạy cho học sinh da trắng “đẳng cấp xã hội và hận thù”, cho rằng người da đen là thấp hèn.

Butler gặp rất nhiều khó khăn để trình Quốc hội dự thảo Đạo luật về dân quyền. Tại Hạ viện, các dân biểu Cộng hòa hoãn bàn cãi cho đến kỳ bầu cử mùa thu năm 1874. Cùng với sự “bất lực” của Tổng thống và các tòa án Liên bang, thái độ của Quốc hội đối với dự luật cho thấy những người tranh đấu cho cuộc tái thiết sẽ phải đơn độc đối mặt với những hậu quả của suy thoái và bọn người chống đối trở nên bạo tàn hơn.

❖ CHỦ NGHĨA CỘNG HÒA SUY YẾU Ở MIỀN NAM

Cuộc suy thoái ở thập niên 1870 tác động mạnh nhất ở miền Nam hơn bất cứ nơi nào khác trên toàn quốc. Từ 1872 đến 1877, giá bông vải

sụt giảm 50%; giá thuốc lá, gạo và đường mía cũng sụt giảm thê thảm. Sự sụt giá này ảnh hưởng to lớn đến toàn nền kinh tế, nông dân rơi vào cảnh nghèo khó và các nguồn tín dụng khô kiệt. Suy thoái làm thương mại triệt tiêu, phá sản nhà buôn, ảnh hưởng xấu đến hoạt động của thợ thủ công và lao động không chuyên của cả hai chủng tộc da trắng và da đen. Hy vọng ở một nền kinh tế phồn thịnh và hiện đại của miền Nam thành mây khói, ngay cả lực lượng nòng cốt của công nghiệp miền Nam như công ty sắt thép Tredegar Iron Works ở Richmond (Virginia) cũng bị phá sản. Thu nhập cá nhân năm 1880 rớt xuống bằng 1/3 các nơi khác trên toàn quốc; tổng giá trị sản phẩm công nghiệp và nông nghiệp của miền Nam kém xa miền Bắc so với thời kỳ đầu của thập niên.

Đời sống người lao động vùng sâu vùng xa lâm cảnh nghèo túng và nợ nần; ngày càng có nhiều người phải bám víu vào nghề trồng bông và nhà buôn cung cấp lương thực thực phẩm; số chủ điền trở thành người lĩnh canh ngày càng gia tăng, ở vùng sâu bang Georgia, có 2/3 nông dân da trắng phải vay nợ trước mùa vụ hoặc chia sản phẩm. Khảo sát cho biết 40 gia đình người da trắng cho thuê nông trại năm 1870 nhưng con số này tăng lên gần 250 năm 1880.

Trong vùng trồng bông vải gần Natchez, trên 150 chủ điền phải cầm cố ruộng đất để trả nợ và đóng thuế. Tại bang Louisiana, nhiều nông dân trồng mía buộc phải bán nông trại cho các chủ điền giàu có hơn. Vì phần đông các chủ điền nhỏ không có tiền trả công lao động, hình thức lĩnh canh, trả công bằng sản phẩm trở nên phổ biến hơn trong ngành trồng bông.

Điều oái oăm là suy thoái nặng nhất ở những tiểu bang người da đen gia tăng ảnh hưởng chính trị vì chương trình tái thiết còn được áp dụng.

Tại những nơi đảng Cộng hòa còn chiếm đa số, số viên chức da đen tăng đáng kể hồi đầu thập kỷ 1870. Số nghị sĩ da đen tại Quốc hội tăng từ năm đến bảy người năm 1873 và nhiều nhất là tám người vào năm 1875. Bang Florida và bang Arkansas chọn những viên chức tiểu bang da đen đầu tiên; các bang Louisiana và Nam Carolina mỗi nơi bầu ra ba viên chức da đen. Số đại biểu lập hiến da đen tăng vọt ở nhiều tiểu bang miền Nam; ở những bang chưa có đại biểu da đen thì cũng có những viên chức da đen nắm giữ những chức vụ quan trọng như chủ nhiệm ủy ban hoặc trong hội đồng địa phương. Phóng viên Edward King trong chuyến khảo sát miền Nam năm 1873-1874 đã gặp mặt nhiều ủy viên hội đồng thành phố ở Petersburg, Houston, và Little Rock, bồi thẩm ở Louisiana, cảnh sát trưởng ở nhiều nơi là người da đen. Trên toàn miền Nam, người da đen đã sẵn sàng nhận lãnh trách nhiệm trong các tổ chức chính quyền vì từ thực tiễn cử tri da đen nhận thức họ cần phải có những người đại diện cùng màu da.

Ở nhiều nơi người da đen biết dùng ảnh hưởng chính trị để thúc đẩy các chương trình phát triển kinh tế, chính trị. Tuy nhiên, khoảng đầu năm 1873 đảng Cộng hòa nắm quyền ở một số tiểu bang: Arkansas, Lousiana, Mississippi và Nam Carolina. Ba bang “chuộc lỗi”: Tennessee, Georgia và Virginia. Tại các bang Alabama, Florida, Bắc Carolina và Texas, các thống đốc Cộng hòa phải đương đầu sự thù nghịch, chống đối của nhiều đại biểu Dân chủ. Vai trò chính trị của người da đen được tô bóng khi miền Bắc lên tiếng phản đối kịch liệt nạn tham nhũng và lãng phí đã lên tới đỉnh cao. Họ kêu gọi cắt giảm chi phí để đối phó suy thoái. Các chính quyền do đảng Cộng hòa lãnh đạo ra lệnh giới hạn công nợ của tiểu bang, phát hành trái phiếu mới với một lãi suất chung và mệnh giá nhỏ.

Bang Florida còn đi xa hơn trong việc hạn chế chi tiêu, cấm dùng tiền ngân sách để tài trợ các công ty. Năm 1876, Florida cắt giảm lương trả cho các viên chức, và các hội đồng lập hiến.

Đảng viên Cộng hòa da đen ít tha thiết với cải cách hơn đảng viên da trắng. Do suy thoái kinh tế, nhiều lãnh tụ da đen chỉ còn biết sống nhờ đồng lương. Nhiều người da đen lo sợ chương trình cắt giảm chi phí ảnh hưởng đến các chương trình phát triển cộng đồng như y tế, giáo dục, nhưng hầu như ở mọi nơi, dân chúng đều trông mong “cải cách”. Bang Nam Carolina là một ví dụ điển hình. Robert Scott, một đảng viên Cộng hòa, được bầu giữ chức thống đốc từ 1868-1872. Ông mang tai tiếng là bất hảo suốt nhiệm kỳ. Người kế nhiệm, Franklin Moses, là một scalawag, ông này còn bị tai tiếng hơn vì sống xa hoa mặc dù tiểu bang đã hưởng ứng lời kêu gọi cắt giảm chi phí, công nợ và thuế má. Năm 1874, Daniel Chamberlain, một carpetbagger, được bầu chức thống đốc bang thay thế Moses. Khi vận động tranh cử, Chamberlain hứa hẹn cải tổ.

Chamberlain vốn là một thành viên tích cực của phong trào bãi nô ở bang Massachusetts. Trong chiến tranh, ông là một sĩ quan quân đội phục vụ trong một trung đoàn lính da đen. Năm 1866, Chamberlain đến miền Nam với tham vọng trồng bông vải. Giống như nhiều chủ điền từ miền Bắc khác, ông đã thất bại và quay sang “làm chính trị” để kiếm sống. Với ông, cải cách là một biện pháp củng cố quyền lực của người da trắng trong đảng Cộng hòa và thu hút những đảng viên Dân chủ chân chính. Có lúc ông giữ chức phó chủ tịch Hội đồng người nộp thuế và đã ra tranh cử thống đốc để tránh cho đảng (Cộng hòa) nguy cơ “thiên về da đen”.

Chamberlain hứa hẹn những đổi thay cần thiết để bảo đảm “kinh tế và tính ngay thẳng trong chính quyền”, ở một mức độ khá lớn ông đã

thành công, ông cho tổ chức lại tài chính để củng cố quỹ của tiểu bang và trả nợ, giảm thuế, san bằng các khoản chi thu, điều tra những vụ gian lận có trước,… Những biện pháp này đều nhận sự ủng hộ của ban lập pháp đa số là người da đen. Có những biện pháp gặp sự chống đối của đông đảo người da đen. Để cắt giảm chi tiêu nhiều hơn nữa và được người nộp thuế da trắng ủng hộ, Chamberlain rút bớt số dân quân, cho nghỉ việc nhiều thẩm phán và viên chức giáo dục da đen và thay thế họ bằng người da trắng. Đến khoảng giữa thập niên 1870, ông trở thành một trong những lãnh tụ đảng Dân chủ.

Đường lối chính sách của Chamberlain cho thấy người da đen chỉ được giữ vai trò thứ yếu trên chính trường miền Nam. Nhận thức này cùng với sự thất bại của chương trình tái thiết khiến một số lãnh tụ da đen đi tìm chiến lược mới để phát triển cộng đồng nhưng họ thất bại. Đa số nô lệ cũ vẫn trung thành với đảng Cộng hòa. Khi Edward Shaw, một lãnh tụ da đen nổi tiếng ở Memphis tranh cử với một đảng viên Cộng hòa da trắng chiếc ghế tại Hạ viện, ông đã thảm bại vì chỉ nhận được 165 phiếu!

Một số lãnh tụ da đen khác khuyên cử tri nên dựa vào chính mình, đừng trông đợi ở chính phủ tiểu bang. Năm 1876 một đại biểu nói trước đại hội đại biểu da đen: “Người da màu có học thức nên đến làm việc tại các lò đúc, nhà máy cơ khí, và xưởng mộc”. Xứng đáng được hưởng các quyền.

Những lời tuyên bố như trên mở đường cho một chủ nghĩa bảo thủ mới thời “hậu cứu chuộc” ở miền Nam với Booker Washington và nhiều chính khách bảo thủ da đen khuyến khích cử tri liên kết chính trị với nhóm “Bảo thủ Độc lập”. Nhóm này gạt bỏ yêu cầu được bình đẳng xã

hội. Ý tưởng của nhóm được sự hậu thuẫn của nhiều doanh nhân da đen. Martin Delany, một doanh nhân thành đạt trong ngành bất động sản thường xuyên nói chuyện với các cộng đồng da đen về những lợi ích của vốn đầu tư và lao động và phê bình gay gắt carpetbaggers - "họ chỉ là thành phần hạ đẳng ở xã hội miền Bắc", Delany tuyên bố. Ông cũng khuyên họ đừng mơ tưởng đời sống sẽ thay đổi vĩnh viễn ở miền Nam.

Trong các cuộc vận động bầu cử thống đốc và hội đồng lập hiến giữa thập kỷ 1870 đảng Dân chủ luôn đưa ra các vấn đề như uy thế của người da trắng, giảm thuế, và kiểm soát lao động da đen. Đảng thắng lớn tại nhiều tiểu bang. Richard Coke giành lại chức thống đốc bang Texas từ Edmund Davis năm 1873 với tỉ lệ phiếu áp đảo 2/1; những người Dân chủ ở bang Virginia đánh bại các đối thủ là đảng viên Cộng hòa ôn hòa. Nhìn chung đảng Cộng hòa thảm bại trong các kỳ bầu cử ở miền Nam năm 1874.

Thắng lợi của đảng Dân chủ chủ yếu dựa vào yếu tố phân biệt màu da và tại những nơi người da đen chỉ là thiểu số thì bạo lực là biện pháp hữu hiệu nhất. Hội đoàn da trắng tại Louisiana hô hào dùng bạo lực để giành ưu thế cho người da trắng. Họ không từ bất cứ hành động bạo tàn nào như ám sát các viên chức chính phủ thuộc đảng Cộng hòa, phá hỏng các phiên tòa, xua đuổi và đánh đập người lao động da đen. Tại xứ đạo Red River, sáu viên chức thuộc đảng Cộng hòa bị giết chết một cách dã man. Tháng 9 năm 1874, trên 3.500 hội viên các hội đoàn người da trắng gồm nhiều cựu chiến binh Liên minh miền Nam thời nội chiến dưới quyền chỉ huy của James Longstreet, một tướng soái Liên minh miền Nam cũ, áp đảo đội dân quân da đen và cảnh sát, chiếm tòa thị chính, trụ sở hội đồng, và các kho vũ khí đạn dược. Chúng chỉ rút lui khi quân đội

Liên bang đến do lệnh của Tổng thống. Cảnh bạo loạn tương tự cũng đã xảy ra ở bang Alabama trong kỳ bầu cử năm 1874.

❖ CUỘC KHỦNG HOẢNG NĂM 1875

Lúc Quốc hội khóa 43 nhóm họp lại vào tháng 12, khung cảnh chính trị đã thay đổi. Vì đảng Dân chủ thắng lợi lớn trong các kỳ bầu cử nên đây là phiên họp lần cuối của đảng Cộng hòa còn nắm ưu thế sau hơn một thập kỷ thống trị ở cả Nhà Trắng lẫn Quốc hội. Bạo lực chính trị đang diễn ra ở nhiều nơi tại miền Nam, và sự bá quyền của đảng Cộng hòa ở Washington sắp chấm dứt, Benjamin Butler và những đảng viên tích cực khác đưa ra một đề án hòng cứu vãn chương trình tái thiết. Đề án bao gồm Dự luật dân quyền, một Đạo luật thi hành mới nới rộng quyền của Tổng thống để dẹp tan các âm mưu dọa nạt khủng bố cử tri, chương trình phân bổ quân đội trong thời hạn hai năm (nhằm ngăn cản đảng Dân chủ thắng thế sẽ hạn chế nhiệm vụ của quân đội ở miền Nam), một dự luật nới rộng quyền lực pháp lý của tòa án liên bang, và trợ cấp cho công ty hỏa xa Texas & Pacific Railroad. Trong đề án, Dự luật dân quyền quan trọng nhất. Để dự luật được dễ dàng thông qua, Butler bỏ phần gây nhiều tranh cãi là hệ thống giáo dục hỗn hợp.

Biến cố tại bang Louisiana cộng với sự đoàn kết quá lỏng lẻo trong đảng Cộng hòa dẫn tới việc khó thực thi đề án. Sau khi đập tan cuộc bạo loạn ở New Orleans tháng 9 năm 1874, Tổng thống Grant lệnh cho tướng Philip Sheridan dùng quân đội Liên bang chống lại bạo lực và duy trì chính phủ của Thống đốc William Kellogg. Ngày 4 tháng 1 năm 1875, đảng Dân chủ tìm cách áp đặt năm đại biểu của đảng vào những chỗ đang tranh cãi tại Hội đồng Tiểu bang, Sheridan gửi một cánh quân xông vào tòa nhà Hội đồng và đuổi cả năm đại biểu của đảng Dân chủ.

Nếu bang Nam Carolina tượng trưng cho tham nhũng và “luật lệ người da đen” ở thời kỳ tái thiết thì nay bang Louisiana là nơi quyền lực trung ương can thiệp công việc của địa phương. Hình ảnh binh lính Liên bang áp giải các đại biểu Dân chủ ra khỏi tòa nhà Hội đồng bằng cách gí lưỡi lê vào lưng họ gây phẫn nộ to lớn ở miền Bắc. Tại Boston, một cuộc mít tinh của nhiều nhân vật quan trọng đòi cách chức Sheridan và gọi nhóm Dân chủ trong Hội đoàn da trắng là những anh hùng bảo vệ sự tự do cộng hòa. Biến cố Louisiana khiến đảng Cộng hòa rất cảnh giác, không còn dùng quân đội để can thiệp vào miền Nam.

Dự luật dân quyền và dự luật nới rộng quyền pháp lý trở thành đạo luật trước ngày Quốc hội nghỉ họp; ba dự luật còn lại bị bác bỏ cùng với sự chấm dứt khóa họp của Quốc hội khóa 43. Tuy đã thành luật, luật dân quyền không được thực thi như mong muốn vì không người da đen nào dám khiếu nại và đưa ra tòa những vụ vi phạm quyền công dân. Nó đã trở thành mớ giấy lộn trước khi bị Tòa án Tối cao phán quyết là vi hiến vào năm 1883.

Trước khi kết thúc nhiệm kỳ, Quốc hội khóa 43 cho thu hồi luật giảm thuế 10% có từ năm 1872. Lúc này những người Cộng hòa phương Bắc tỏ ra đoàn kết về các chính sách tài chính và thuế; còn người đảng Dân chủ thì chuẩn bị nắm quyền ở Hạ viện.

Chính sách “để các bang tự lo liệu” dẫn tới nhiều hậu quả tai hại. Tại bang Mississippi người da trắng cho rằng cuộc tái thiết đã chấm dứt sau kỳ bầu cử năm 1874. Mặc dù tại đại hội của đảng Dân chủ, các quyền dân sự và chính trị của người da đen được công nhận, người da trắng ở bang này tiến hành một loạt hành động thanh trừng đảng Cộng hòa và không cho người da đen đi bầu. Khác với cách thức khủng bố của

bọn Ku Klux Klan, những cuộc khủng bố của người da trắng nay diễn ra công khai giữa ban ngày, và những tên khủng bố không cần bịt mặt, chứng tỏ sự bất lực của chính quyền địa phương. Khởi đầu là hai vụ khủng bố quy mô lớn xảy ra vào cuối mùa hè năm 1875. Ngày 1 tháng 9, một đại đội dân quân da trắng tấn công, dẹp đuổi một phiên họp của đảng Cộng hòa gồm cảnh sát trưởng Albert Morgan và nhiều viên chức chính quyền địa phương. Một số viên chức da đen trong đó có một đại biểu Hội đồng Tiểu bang bị giết chết. Vài ngày sau, dân quân da trắng lại tấn công người Cộng hòa tại một bữa tiệc ngoài trời ở Clinton cách xa Thành phố Jackson thủ phủ tiểu bang 15 dặm. Mỗi bên có vài người chết. Sau đó những người da trắng trang bị súng ống đi lùng diệt người da đen trên những cánh đồng, bắn hạ tựa như “bắn chim trời”. Khoảng 30 người da đen bị giết trong đó có nhiều giáo viên, thầy giảng và mục sư cùng một số đảng viên Cộng hòa.

Nhiều lời kêu gọi chính quyền tiểu bang can thiệp được gửi tới Thống đốc Ames. Thư của cư dân da đen ở Vicksburg có đoạn viết: “Người da trắng dọa giết chúng tôi. Ban đêm họ mặc quân phục và đi lùng sục khắp phố phường để tìm bắt chúng tôi… Chúng tôi sẽ không đi bầu nữa nếu không được quân đội bảo vệ”. Ames gửi thư cầu cứu với Tổng thống Grant, xin gửi quân đội Liên bang đến dẹp loạn. Grant chỉ thị cho Bộ trưởng Tư pháp Edward Pierrepont tìm cách can thiệp nhưng ông này trả lời: “Toàn thể dân chúng đã quá mệt mỏi với những vụ lộn xộn xảy ra vào mùa thu ở miền Nam…và họ sẵn sàng lên án mọi sự can thiệp của Chính phủ”. Đây cũng chính là dấu hiệu báo trước miền Bắc sẽ rút khỏi chương trình tái thiết. Cuối cùng Pierrepont chỉ gửi người phụ tá đến Mississippi để “giảng hòa”, hai đại đội dân quân bị giải tán và lời

hứa không tấn công người da đen. Đêm trước ngày bầu cử, những người da trắng vũ trang lùa người da đen ra khỏi nhà và dọa sẽ giết nếu họ đến phòng bầu phiếu, và ngày bầu cử các thùng phiếu bị nhiều toán người da trắng đập phá. Ames viết thư kể cho bà vợ: "Chính quyền Liên bang chẳng chịu can thiệp…". Kết quả là đảng Dân chủ thắng lớn ở Mississippi.

Ngày lễ Giáng Sinh năm 1875, Charles Caldwell, nghị viên da đen ở Thượng viện tiểu bang Mississippi bị bắn chết ở Clinton. Khi Hội đồng Lập pháp Mississippi nhóm họp, Phó Thống đốc Alexander Davis, một người da đen, bị kết tội và cách chức; Thống đốc Ames buộc phải từ chức.

Bất chấp luật lệ Liên bang và Hiến pháp Hoa Kỳ, những người Dân chủ đã nắm quyền kiểm soát ở bang Mississippi. Trong khi đó, Tổng thống Grant vẫn "án binh bất động", không can thiệp vào nội bộ tiểu bang kể từ sau vụ gửi quân bảo vệ chính quyền Cộng hòa thối nát ở bang Louisiana. John Lynch, dân biểu Cộng hòa da đen duy nhất của Mississippi tại Quốc hội, đã thốt lên: "Như vậy là cuộc nội chiến đã trở thành vô ích!" Lynch đã hơn một lần hỏi Tổng thống Grant lý do không gửi quân đội dẹp loạn ở Mississippi. Câu trả lời: "Các lãnh tụ đảng (Cộng hòa) ở phương Bắc đã ngăn cấm tôi".

Năm 1875 đánh dấu một bước ngoặt trong chương trình tái thiết. Và một kỳ bầu cử Tổng thống mới đang đến gần, cho dù đảng nào thắng thì cuộc tái thiết cũng đến hồi tàn lụi.



THỜI KỲ “CỨU CHUỘC” VÀ SAU ĐÓ

❖ KỲ BẦU CỬ 100 NĂM SAU NGÀY ĐỘC LẬP

Ăn mừng lễ kỷ niệm 100 năm ngày Độc lập, 1776 - 1876, người Mỹ từ các nơi đổ về Thành phố Philadelphia để xem cuộc triển lãm một trăm năm, công trình đánh dấu ‘Tiến bộ của kỷ nguyên”. Khoảng 10 triệu lượt người, đại diện cho một phần năm dân số toàn nước Mỹ tới chiêm ngưỡng mấy ngàn đồ vật trưng bày từ ngà voi Xiêm La (Thái Lan) đến pho tượng bằng sáp của Nữ hoàng Ai Cập Cleopatra. Vô số hiện vật kể các phát minh báo hiệu những đổi thay to lớn trong đời sống người dân Mỹ được trình bày: điện thoại, máy đánh chữ, đèn điện, men đóng gói, động cơ đốt trong. Nhưng công chúng thích nhất là chiếc động cơ hơi nước Corliss. Cân nặng 700 tấn và cao sừng sững 40 bộ (13 mét), cái máy tượng trưng chủ đề cuộc triển lãm: Máy móc tạo dựng xã hội, dẫn dắt vào một kỷ nguyên tiến bộ kỹ thuật và của cải vật chất dồi dào mà mọi người dân Mỹ đều được hưởng.

Đối mặt với suy thoái kinh tế tiếp diễn với hằng triệu công nhân thất nghiệp và lao động đình công liên miên, tâm trạng tự mãn có vẻ không thích hợp. Cuộc triển lãm ở Philadelphia không che dấu nổi cuộc đình

công dài ngày năm 1875, và vụ công nhân dệt ở Fall River, bang Massachusetts bãi công, cho dù 27 xưởng dệt của Philadelphia có đồ vật trưng bày. Phụ nữ cũng không có dịp nói lên những đóng góp của họ cho xã hội Hoa Kỳ ngoại trừ một gian hàng triển lãm những tấm thảm do phụ nữ đan bằng tay.

Cuộc Triển lãm 100 Năm không dính dáng đến người da màu chút nào vì người da đen như bị gạt hẳn sang một bên: không một thợ xây dựng da đen nào có trong các toán xây dựng các sảnh, gian hàng, và cũng không sản phẩm nào do người da đen làm ra được trình bày. Ngoại trừ người da đỏ, vì chủng tộc này được xem là "sơ khai" so với văn minh người da trắng. Tuy nhiên những người da đỏ thật sự đã làm hỏng lễ kỷ niệm khi tin tức về cuộc thảm sát tướng George Custer và bộ chỉ huy của ông bởi các chiến sĩ bộ lạc Sioux dưới quyền chỉ huy của Sitting Bull (Con Bò Ngồi) và Crazy Horse (Ngựa Điên) về đến Philadelphia. Người da đỏ đòi lại phần đất dành cho họ theo một thỏa ước năm 1868. Mặc dù người Sioux thắng trận chỉ tạm thời chặn đứng bước tiến của binh sĩ, người định cư và kẻ thăm dò da trắng, sự kiện nói lên hai điều: Chính phủ không tôn trọng những cam kết của mình, và sự kiên trì của người da đỏ, hoàn toàn khác với những gì trưng bày tại Philadelphia.

Khi các công nhân đang hoàn tất công việc xây dựng hội chợ triển lãm thì nhiều biến cố xảy tới với chính quyền của Tổng thống Grant. Bộ trưởng Bộ Chiến tranh William Belknap từ chức vì bị cáo buộc đã nhận tiền hối lộ của một thương lái do chính phủ chỉ định để làm ăn với người da đỏ. Một cuộc điều tra phát hiện băng nhóm Whiskey Rings đã chiếm đoạt nhiều triệu đô la thuế liên bang với sự tiếp tay của Orville Babcock, thư ký riêng của Tổng thống Grant.

Vụ bê bối khiến các lãnh tụ đảng Cộng hòa bối rối khi họp đại hội để chọn ứng viên Tổng thống. Cho tới lúc khai mạc Triển lãm 100 Năm, ứng viên sáng giá nhất của Đảng là James Blaine, nguyên Chủ tịch Hạ nghị viện Hoa Kỳ. Tuy nhiên, một tờ báo phanh phui việc Blaine khi còn là Chủ tịch Hạ viện đã can thiệp cho một công ty hỏa xa ở Arkansas được cấp đất. Blaine có cổ phần trong công ty này; ông đã thế chấp cổ phần này để vay một số tiền lớn từ công ty Union Pacific nhưng không hề trả lại số tiền đã vay. Do vậy, đại hội đã chọn Rutherford Hayes, thống đốc bang Ohio làm ứng viên Tổng thống của đảng Cộng hòa. Ông này không có thành tích đáng kể gì ngoại trừ được lòng mọi thành phần trong đảng. Tại Quốc hội những năm 1860 Hayes ủng hộ chương trình tái thiết. Đối thủ của ông từ đảng Dân chủ là Samuel Tilden, thống đốc bang New York.

Năm 1876, cả nước chú ý đến một biến cố trọng đại xảy ra tại miền Nam: Vụ thảm sát ở Hamburg, một thị trấn nhỏ ở bang Nam Carolina.

Ngày 4 tháng 7, một toán dân quân da đen tổ chức mừng lễ Độc lập trên đường phố. Con trai và con rể một trại chủ da trắng chạy xe ngựa đến, yêu cầu toán lính nhường đường. Hai bên cãi lộn nhau một lúc nhưng cuối cùng viên sĩ quan chỉ huy Dock Adams cũng ra lệnh cho toán dân quân nhường lối cho xe hai người da trắng qua. Bốn ngày sau, toán dân quân da đen đi tuần gặp một đám người da trắng có vũ trang dưới sự chỉ huy của tướng Matthew Butler, một đảng viên Dân chủ có tiếng tăm trong vùng. Butler ra lệnh giải giới toán dân quân nhưng Adams không nghe lời. Hai bên nổ súng qua lại nhưng không có thương vong. Sau đó toán dân quân da đen khoảng 40 người rút về doanh trại của mình còn Butler thì kéo quân đến Augusta. Ít lúc sau ông trở lại Hamburg cùng với

vài trăm người da trắng có vũ trang và một cỗ đại bác. Vì quá thua kém về quân số, toán dân quân da đen lợi dụng đêm tối bỏ trại chạy trốn nhưng 25 người bị bắt, có năm người bị những kẻ tấn công hành quyết ngay tại chỗ. Viên cảnh sát Liên bang da đen cũng trúng đạn và tử thương. Bọn người da trắng sau đó cướp bóc và đập phá nhà cửa của người da đen trong thị trấn.

Vụ thảm sát ở Hamburg là một phần trách nhiệm của tướng Butler, người được xem là một thành phần ưu tú của miền Nam đã dung túng bạo lực và có hành động côn đồ. Vậy mà Butler được bang Nam Carolina bầu vào Thượng nghị viện Hoa Kỳ năm 1877.

Trong lịch sử tiểu bang Nam Carolina, cuộc vận động tranh cử năm 1876 được xem là gây náo động nhiều nhất, người da đen vẫn là nạn nhân và người da trắng là kẻ gây rối, bạo động. Nhiều toán người da trắng có vũ trang tìm đến các cuộc họp của đảng Cộng hòa và bắn xối xả vào đám đông đang dự hội nghị. Các toán Ku Klux Klan được dịp tung hoành, reo rắc tai ương cho người da đen khắp tiểu bang. Các đảng viên Dân chủ tỏ ra không sợ chính phủ Liên bang sẽ can thiệp nên đã không ngừng tấn công những người Cộng hòa. Jerry Moore, một nô lệ cũ đang là chủ tịch chi hội đảng Cộng hòa tại hạt Aiken cho biết những người chống đối tái thiết đang chuẩn bị phá rối cuộc bầu cử. Người chủ đất da trắng nói với ông: “Sẽ có cuộc tắm máu nếu chúng tôi không thắng lần này. Anh nên coi chừng”. Khi Moore cãi lại: “Chính phủ Liên bang sẽ can thiệp. Họ mạnh lắm”, thì được trả lời: “Dân chúng miền Bắc về phe chúng tôi, anh quên à?”.

Kết quả bầu cử Tổng thống ban đầu cho thấy đảng Dân chủ có lẽ thắng. Tilden được đa số phiếu ở New York, New Jersey, Connecticut, và

Indiana là những bang ở miền Bắc, còn miền Nam thì chắc chắn bỏ phiếu cho ông rồi. Ngay đêm bầu cử chủ bút tờ *New York Times* là George Jones đã vội gửi điện báo tin thất cử cho Haynes. Nhưng rạng sáng ngày hôm sau một nhân viên ở sở chỉ huy đảng Cộng hòa nhận xét nếu Hayes thắng cử ở các bang Nam Carolina, Florida, và Louisiana là các bang nghiêng về phía Cộng hòa thì ông sẽ thắng với một phiếu cử tri đoàn nhiều hơn Tilden. Sau đó, Zachariah Chandler, Chủ tịch đảng Cộng hòa, thông báo công khai: "Hayes được 185 phiếu cử tri đoàn và là người thắng cử".

❖ KHỦNG HOẢNG BẦU CỬ VÀ KẾT THÚC CÔNG CUỘC TÁI THIẾT

Mười sáu năm sau khủng hoảng ly khai, nhân dân Mỹ lại bước vào một mùa đông đầy hỗn loạn chính trị, tình trạng hiến pháp bấp bênh, và nguy cơ nội chiến. Các ban bầu cử ở Florida, Nam Carolina, và Louisiana tuyên bố vô hiệu hóa kết quả bầu cử ở những nơi bạo lực xảy ra, và như thế đã đem lại chiến thắng cho Hayes và ứng viên Cộng hòa tranh chức thống đốc. Đảng Dân chủ phản đối, gửi kết quả của họ về Washington.

Manton Marble, chủ bút một tờ báo Dân chủ, viết thư cho Tilden: "Giờ đây, mọi việc đều tùy thuộc ý chí và sự lãnh đạo của ông". Thế nhưng Tilden lại là người e ngại những xáo trộn, bất ổn nên đã tỏ ra chấp nhận thất bại ngay từ khi khủng hoảng bắt đầu. Ông về ẩn cư để nghiên cứu thể thức và kết quả những kỳ bầu cử Tổng thống trước đó. Trong khi đó Hayes tỏ ra khuyến khích những cuộc dàn xếp với phe Dân chủ, hứa hẹn sẽ "đối xử tử tế" với một miền Nam mới và đã lôi kéo được một số nghị sĩ Dân chủ ở Hạ viện. Nhưng nhiều đảng viên Cộng hòa phương Bắc lại muốn lợi dụng khủng hoảng này để triệt hạ ảnh hưởng của những carpetbaggers và người da đen và lôi kéo được những

người da trắng "ưu tú" ở phía Nam về với đảng. Gặp mặt chủ bút một tờ báo Dân chủ ở New Orleans phản ánh tâm tư nguyện vọng những người Dân chủ bang Louisiana - họ chỉ quan tâm đến tiểu bang hơn là với Nhà Trắng - Hayes nói: "Tôi tin và luôn tin rằng mỗi quốc gia (tiểu bang) phải do trí thông minh (chất xám) của họ cai trị".

Trong khi đó, nhiều cuộc dàn xếp diễn ra giữa những cá nhân trong đảng Cộng hòa về việc xây dựng một đảng "Cộng hòa bảo thủ" ở miền Nam. Theo họ, những cam kết của đảng Cộng hòa về khoản trợ cấp phát triển miền Nam sẽ giúp giải quyết khủng hoảng chính trị và mở ra kỷ nguyên mới cho chính trị trong khu vực. Họ cũng đòi Hayes hứa giúp đỡ công ty Texas & Pacific Railroad. Các báo không đăng tải tin tức về những cuộc "đi đêm" của giới thân cận với Hayes và dự đoán sẽ có sự chuyển hướng đường lối chính sách của đảng Cộng hòa sau khi Hayes nhận chức Tổng thống. Có tin đồn một số đảng viên Dân chủ ở miền Nam sẽ thoát ly để "nhập bọn" cùng những người "Cộng hòa mới".

Tuy nhiên, sự việc không diễn ra như mọi người dự đoán, đảng Cộng hòa thực sự bị phân hóa trong kỳ bầu cử; một số lãnh tụ kiên quyết không chấp nhận thỏa hiệp và e ngại Hayes ngả về phía cải cách. Với tình trạng cả hai đảng mất đi tính thống nhất và không còn lãnh tụ kiên cường, Quốc hội buộc phải lập ra một ủy ban độc lập để cứu xét những khiếu nại (về kỳ bầu cử Tổng thống) của các bên.

Ủy ban Bầu cử được thành lập tháng 1 năm 1877 gồm 15 thành viên: 10 dân biểu Hạ viện chia đều cho hai đảng, và năm vị thẩm phán Tòa án Tối cao, mỗi đảng có hai và vị thứ năm là một người "độc lập". Thẩm phán Joseph Bradley được chọn. Cuối cùng, với tỷ lệ 8/7, Hayes giành

được thắng lợi. Một đảng viên Dân chủ tức giận la lớn: “Họ đã lừa bịp chúng ta một cách bỉ ổi!”.

Còn nhiều xáo trộn xảy ra trước khi Hayes bước vào Nhà Trắng. Những người ủng hộ Tilden dọa sẽ đòi Hạ viện kiểm lại phiếu cử tri đoàn. Lễ tuyên thệ nhận chức của Hayes có thể sẽ không diễn ra đúng ngày 4 tháng 3 như đã dự kiến. Lại một loạt cuộc thương lượng diễn ra. Ngày 26 tháng 2, bốn đảng viên Dân chủ phương Nam gặp gỡ năm đảng viên Cộng hòa bang Ohio tại khách sạn Wormley House ở Washington. Tại cuộc họp, một người thân cận với Hayes tuyên bố vị Tổng thống đắc cử sẽ công nhận Francis Nicholls, đảng viên Dân chủ, là thống đốc bang Louisiana và theo đuổi đường lối không can thiệp vào nội tình miền Nam. Ngược lại, phái viên của Nicholls là cựu đại tá Edward Burke cũng cam kết sẽ không tấn công người Cộng hòa và tôn trọng các quyền lợi của người da đen. Hai bên cũng thỏa thuận về việc Wade Hamilton làm thống đốc bang Nam Carolina. Nhưng cuộc tái thiết vẫn là trọng tâm của mọi cuộc “đi đêm” trên. Một tờ báo ở Abbeville viết hồi cuối tháng 2: “Chúng tôi ít quan tâm ai sẽ vào Nhà Trắng chừng nào Nam Carolina có được Hampton (làm thống đốc) và quyền tự trị”.

Tuy vậy, kết quả cuộc “đi đêm” ở khách sạn Wormley House cũng khá khiêm nhường. Hayes trở thành Tổng thống, các bang Louisiana và Nam Carolina được quyền tự trị nhưng công ty Texas & Pacific Railroad chẳng bao giờ nhận được trợ cấp của chính phủ Liên bang. Hayes cũng ra lệnh cho quân đội Liên bang đang vây quanh tòa nhà lập pháp của bang Louisiana và Nam Carolina rút về doanh trại. Nicholls và Hampton trở thành thống đốc. Henry Adams, đại biểu da đen bang Louisiana than:

“Toàn miền Nam - tất cả các bang miền Nam - đều nằm trong tay những người đã bắt chúng tôi làm nô lệ”.

Việc từ bỏ chương trình tái thiết là nguyên nhân và cũng là hậu quả của những khủng hoảng xảy ra trong các năm 1876-1877 ở miền Nam. Và cuộc rút quân Liên bang khỏi miền Nam đánh dấu sự thay đổi chính sách của chính quyền trung ương. Tờ *The Nation* nhận định: “người da đen sẽ không còn chỗ đứng trong lĩnh vực chính trị cả nước. Vì vậy, đất nước này trên cương vị là một quốc gia, sẽ chẳng còn gì phải lo về người da đen”.

Năm 1877 cũng đánh dấu sự kết thúc ý tưởng có từ thời nội chiến: bảo vệ các quyền cơ bản của mọi công dân Hoa Kỳ. Nhưng đây chỉ là những công dân da đen vì chỉ ba tháng sau ngày chương trình tái thiết chấm dứt, chính phủ của Hayes phải đối mặt một cuộc chiến tranh giai cấp dữ dội nhất trong lịch sử Hoa Kỳ: cuộc Tổng đình công năm 1877.

Khởi đầu là việc các công nhân công ty hỏa xa Baltimore & Ohio Railroad ngày 16 tháng 7, 1877 ở Martinsburg, Tây Virginia lãn công chống lại quyết định giảm lương. Cuộc đình công nhanh chóng lan ra các ngành công nghiệp khác trên các tuyến đường xe lửa chạy qua ngoại trừ miền New England và miền Nam. Ở Pittsburgh, đường xe lửa Pennsylvania Railroad gián đoạn, với công nhân mỏ và sắt thép cùng đình công để yểm trợ công nhân hỏa xa. Dân quân từ Philadelphia được gửi tới để thay thế những đơn vị quân đội không chịu đàn áp những công nhân đình công. Đám dân quân này nổ súng vào đám đông đang chiếm đóng các điểm chuyển đường tàu; 20 người chết, gây phẫn nộ cho các công nhân và họ đã nổi lửa thiêu rụi nhà ga Pittsburgh. Trên 100 đầu máy và 2.000 toa xe bị cháy rụi. Tổng đình công nổ ra, làm tê liệt các thành

phố Chicago và St. Louis; các công nhân chuyên nghiệp và phổ thông cùng nhau đòi có chế độ làm việc tám giờ/ngày, mức lương như trước thời kỳ suy thoái, quốc hữu hóa ngành đường sắt, và bỏ những nghị định về "kẻ lang thang" cho phép bắt giữ những công nhân thất nghiệp.

Cuộc tổng đình công nói lên sự thù nghịch của mọi cộng đồng dân Mỹ đối với ngành hỏa xa - tượng trưng cho một ngành công nghiệp mới. Đồng thời nó cũng nói lên sức mạnh chính trị và ý thức tập thể của các giai cấp trung lưu và thượng lưu thành thị kết hợp với chính quyền và các tổ chức cựu chiến binh chống lại công nhân bãi công. Tại Thành phố St. Louis, Ủy ban An toàn Công cộng lập hẳn một đạo quân riêng do một tướng lãnh Liên bang và một cựu sĩ quan cấp tướng của Liên minh miền Nam cũ chỉ huy; họ dẹp tan cuộc đình công của các công nhân.

Phản ứng với sự biến động của lực lượng lao động làm nảy sinh liên minh giữa giai cấp tư sản công nghiệp với đảng Cộng hòa và chính quyền. Nơi nào họ không dẹp nổi cuộc đình công thì quân đội Liên bang được gọi đến. Nội các của Tổng thống Hayes có nhiều bộ trưởng và quan chức cao cấp là lãnh tụ đảng, luật sư công ty và giám đốc ngành hỏa xa. Hayes sẵn sàng gửi quân đội đến nơi nào yêu cầu. Vì thế các binh sĩ đã hành động một cách thiếu vô tư. Ngày 29 tháng 7, cuộc tổng đình công chấm dứt. Nó cho thấy có sự thay đổi hình thức chính trị ở Hoa Kỳ, từ việc giải phóng nô lệ và quyền công dân của người da đen chuyển qua vấn đề lao động, vốn kinh doanh, công việc và lương bổng.

Được nghe báo cáo về cuộc tổng đình công năm 1877 khi đang ở thăm châu Âu, cựu Tổng thống Ulysses Grant bình phẩm: "Chuyện kỳ quặc!" Thời ông còn làm Tổng thống, đảng Dân chủ và một số đảng viên Cộng hòa phản đối dữ dội việc dùng quân đội để "bảo vệ người da đen", vậy

mà giờ đây họ sẵn sàng sử dụng chính phủ để dẹp bất cứ cuộc đình công nào của công nhân. Năm 1877 cũng đánh dấu chủ nghĩa bảo thủ đang lớn mạnh của đảng Cộng hòa và sẽ ảnh hưởng lớn đến quốc gia trong những năm sau tái thiết. Ví dụ các Tòa án Liên bang triệt để dùng quyền pháp lý có được từ thời tái thiết để bảo vệ các doanh nghiệp khỏi các quy định của tiểu bang. Năm 1883, Tòa án Tối cao phán quyết Đạo luật dân quyền là bất hợp hiến. Joseph Bradley, thành viên ủy ban bầu cử đã giúp Hayes thắng cử, phản ánh quan điểm chung của phe đa số: người da đen không còn là đối tượng được ưu ái của luật pháp. Chỉ riêng John Harlan, nghị sĩ bang Kentucky phản đối: Hoa Kỳ đang bước vào kỷ nguyên luật hiến pháp, khi mà đất nước không còn bảo đảm bảo vệ hữu hiệu quyền tự do và quyền công dân cho mọi người Mỹ.

❖ MIỀN NAM MỚI CỦA NGƯỜI "CỨU CHUỘC"

Suốt thời kỳ tái thiết đảng Cộng hòa chi phối chính trị ở miền Nam, người da đen có được quyền chính trị tới một mức độ nhất định và được chính phủ Liên bang bảo vệ. Thời kỳ tái thiết chấm dứt khi Hayes bắt đầu nhiệm kỳ Tổng thống. Chế độ tiểu bang "tự chủ" không chấm dứt quá trình đổi thay của xã hội hoặc giải quyết những xung đột xã hội cuộc nội chiến để lại. Tuy nhiên, những người cai trị miền Nam được rộng tay sắp xếp công việc nội bộ. E ngại chính quyền trung ương có thể can thiệp và sự rạn nứt trong nội bộ đảng Dân chủ giờ đây có ưu thế tuyệt đối, những người "cứu chuộc" - tên gọi những người Dân chủ giành lại quyền cai trị ở những bang nằm trong tay đảng Cộng hòa thời kỳ tái thiết - tiến hành một cuộc cải cách với những hệ thống chính trị, quan hệ giai cấp và chủng tộc mới. Họ tiết giảm quyền lực của người da đen, định dạng hệ thống luật pháp ở miền Nam có lợi cho việc kiểm soát lao động

và phục tùng chủng tộc. Trong phần đông các tiểu bang, phe “cứu chuộc” nắm chính quyền, thay thế hiến pháp thời tái thiết bằng những ván bản pháp quy hạn chế chi tiêu của chính phủ, cắt giảm lương các viên chức tiểu bang, thuế tài sản và tước bỏ quyền áp đặt nghĩa vụ về tài chính của chính quyền.

Xét về khía cạnh cắt giảm chi tiêu của Nhà nước, những người “cứu chuộc” đã thành công nhưng người lao động, tá điền và nông dân phải nộp thuế bất kỳ vật dụng gì họ có như máy móc nông nghiệp và dụng cụ canh tác. Trong khi đó những chủ đồn điền giàu có thì được miễn hàng ngàn đô la thuế đất.

Thống đốc bang Florida, George Drew, khuyến cáo các viên chức trong chính phủ tiểu bang: “Chỉ nên chi tiêu khi thật sự cần thiết”. Và họ xóa bỏ nhà tù, ngưng xây dựng trường đại học nông nghiệp gần hoàn tất. Tại bang Alabama, những người “cứu chuộc” đóng cửa các bệnh viện công ở Montgomery và Talladega. Bang Louisiana không còn dịch vụ công cộng. Giáo dục công lập được xem như một sự “xa xỉ” - nhiều tiểu bang bãi bỏ hệ thống giáo dục công lập có từ thời tái thiết.

Phe “cứu chuộc” ngày càng thắt chặt quyền kiểm soát guồng máy chính quyền tiểu bang và địa phương, ở những bang tiếp giáp với miền Bắc, đảng Cộng hòa còn có chút quyền hành và người da đen còn quyền bầu cử nhưng ở các bang tận cùng phía Nam thì hoàn toàn không. Tới thập kỷ 1890, phân biệt chủng tộc trở thành một điều luật ở phương Nam.

Luật pháp của các bang miền Nam trở nên hà khắc hơn thời kỳ tái thiết. Đảng Dân chủ sửa lại các quy định về lao động có lợi cho giới chủ điền. Bất cứ lao động nào không có việc làm đều có thể bị bắt giam; sử

dụng lao động đã có hợp đồng làm việc với một chủ khác hoặc bỏ việc khi hợp đồng chưa hết hạn là một tội hình sự. Luật hình sự cũng trừng phạt tội ăn cắp vặt. Tại bang Nam Carolina, trộm cắp có thể bị phạt tù chung thân. Mississippi phạt tù 5 năm tội trộm gia súc như heo, bò… Một công dân da đen than: "người da trắng có vẻ như muốn bắt tất cả chúng tôi vào tù". Hậu quả từ sự bắt bớ tràn lan này là khối lượng lao động tù nhân tăng nhanh trên các công nông trường, đường sắt, hầm mỏ, lâm trường khai thác gỗ,… nhiều nhất là tại bang Florida không còn trại giam và bang Nam Carolina là nơi khuyến khích sử dụng tù làm công nhân.

Chính sách của chính quyền "cứu chuộc" chẳng những định dạng lại quan hệ giai cấp ở miền Nam mà còn ảnh hưởng tới sự phát triển kinh tế của mỗi địa phương. Đây là kiểu hình kinh tế "thuộc địa đói nghèo" hội nhập với thị trường tư bản quốc gia với một chế độ lao động hà khắc. Thêm nữa, do lao động dồi dào nên vấn đề cơ giới hóa cũng bị hạn chế. Tính đến năm 1900, chỉ có sáu phần trăm lao động ở miền Nam làm việc trong các nhà máy. Trong khi giới chủ điền, nhà buôn và công kỹ nghệ gia giàu có thì phần đông dân lao động ngày càng nghèo. Thu nhập cá nhân toàn vùng hầu như không tăng. Người da đen miền Nam là nạn nhân của sự đổi thay chính trị từ sau tái thiết: thất học, suy dinh dưỡng, nhà ổ chuột, bệnh tật,… Nhưng đáng kể nhất là việc từ bỏ mọi tham vọng chính trị. Người da đen có học thức, có tài đều xoay qua giáo dục, tôn giáo, kinh doanh hay làm nghề chuyên môn.

Tuy nhiên nhiều người da đen cũng tự tìm cho mình một lối thoát khỏi các bế tắc ở miền Nam: di cư sang châu Phi hay miền Tây Hoa Kỳ. Bang Kansas (tiểu bang thứ 34 gia nhập Liên bang, ngày 29 tháng 1 năm 1861) là nơi đông đảo người da đen định cư để tránh áp bức, tù đày ở miền

Nam. Cuộc di dân khổng lồ này được mệnh danh là một Exodus - cuộc di cư của người Do Thái rời bỏ Ai Cập của các vua Pharaoh. Đối với người da đen, Kansas cho họ triển vọng bình đẳng chính trị xã hội, thoát khỏi khủng bố", cơ hội học hành, làm ăn, và không còn bóng dáng giai cấp chủ nô, nói chung là được "độc lập thực tế" mà chương trình tái thiết đã không đem lại cho họ.

Tương tự như thời kỳ nô lệ, miền Nam dưới quyền cai trị của những kẻ "cứu rỗi" đã không đem công lý cho người da đen và buộc họ phải sống dưới một chế độ hà khắc.

PHẦN KẾT

“SÔNG CÓ KHÚC”

Như lời của W.E.B. Du Bois, “Người nô lệ được tự do, đứng dưới ánh nắng mặt trời trong giây lát, rồi lại ẩn vào bóng tối của nô lệ”. Cuộc phản cách mạng của những người “cứu rỗi” cho thấy mục tiêu biến đổi chương trình tái thiết và hậu quả của sự thất bại. Thật ra mà nói thời kỳ giải phóng nô lệ và đảng Cộng hòa cai trị cũng có những thành tựu. Nhưng rồi làn sóng đổi thay nổi lên để rồi lắng xuống, để lại một cảnh quan khác trước. Sự bình đẳng về chính trị và dân sự chỉ là tạm bợ, còn lại cơ cấu gia đình người da đen tự chủ và cả hệ thống định chế tôn giáo và xã hội vẫn tồn tại khi thời kỳ tái thiết kết thúc. Hạt giống gieo mầm cho sự tiến bộ về giáo dục cũng chẳng hoàn toàn mất đi.

Nếu từ sau cuộc nội chiến người da đen thất bại trong việc giành độc lập kinh tế thì tái thiết đã ngăn chặn được những biện pháp áp chế mạnh hơn thời miền Nam dưới sự kiểm soát của phe “cứu chuộc”. Hệ thống lao động hậu tái thiết không thể hiện lao động theo nhóm và cũng không tước được quyền lao động hoặc cố định lực lượng lao động da đen, hoặc bắt ép tập việc như người da trắng phương Nam từng mong muốn vào những năm 1865 và 1866. Không giống như ở Nam Phi của thế kỷ 20, ở đây người da đen không bị từ chối quyền công dân, không bị đẩy vào các trại lao động và cũng không bị cấm đoán đi lại trong nước. Không có tái

thiết, ta khó hình dung được khung pháp lý bị vi phạm sau năm 1877, dẫn tới sự can thiệp của chính phủ Liên bang vào nội bộ miền Nam.

Thất bại của chương trình tái thiết là hiện thực. Đối với quốc gia, thất bại này là một thảm họa ảnh hưởng tới phát triển. Cho tới thế kỷ XX, miền Nam là vùng cai trị bởi một đảng duy nhất gồm những phần tử phản động quen dùng bạo lực để đàn áp những người khác chính kiến.

Nhiều người da đen đấu tranh cho tái thiết sống sót qua thời kỳ "các bang tự trị" nhờ sự bảo trợ của chính phủ liên bang. P.B.S. Pinchback (nguyên phó thống đốc bang Louisiana) và Blanche Bruce (nguyên ủy viên giáo dục bang Mississippi) về Washington làm ăn. Những lãnh tụ da đen khác thì từ bỏ chính trị, lo việc tôn giáo hoặc đi dạy học. Robert Fitzgerald tiếp tục nghề dạy dọc ở Nam Carolina cho đến khi chết năm 1919. Có người kém may mắn hơn, như trường hợp Alonzo Ransier, một thời là dân biểu Quốc hội và phó thống đốc bang Nam Carolina sau này phải làm bảo vệ ở Cục Hải quan Charleston và quét đường; ông chết trong cảnh nghèo khó.

Ít có lời diễn tả nào mãnh liệt bằng những lời trên đây về hình ảnh cuộc tái thiết. Francis Simkins, một sử gia sinh ra ở Nam Carolina, viết: "Nỗi kinh hoàng do tái thiết gây ra như làm tê liệt đầu óc người da trắng phương Nam khiến họ chống đối không khoan nhượng bất kể sự thay đổi xã hội nào hoặc những ý tưởng cản trở sự nắm quyền của đảng Dân chủ, loại bỏ phân biệt chủng tộc và trao quyền bầu cử cho người da đen. Nó biện minh cho sự lãnh đạm của người phương Bắc đối với các Tu chính án 14 và 15".

Hai mươi năm trôi đi khi thế hệ mới những người da đen thách thức lần cuối hệ thống phân biệt chủng tộc ở miền Nam mới. Lúc này, thế hệ

của thời tái thiết đã qua đi, và ngay cả những cộng đồng người da đen cũng ít ai còn nhớ lại thời kỳ đen tối này. Chỉ còn lại các định chế đặt ra và được củng cố sau nội chiến - gia đình, trường học, nhà thờ - làm cơ sở cho bộ luật dân quyền mới.

Năm 1893 khi miền Nam còn chìm ngập trong sự bất công, Mục sư Peter Randolp, một nô lệ cũ, đã viết: "Con sông có khúc quanh của nó, và đường dài đi mãi cũng sẽ hết". Gần một thế kỷ đã qua đi trước khi đất nước một lần nữa tìm cách giải quyết những khúc mắc của việc giải phóng nô lệ và công cuộc tái thiết. Đó là những việc chưa làm.